

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

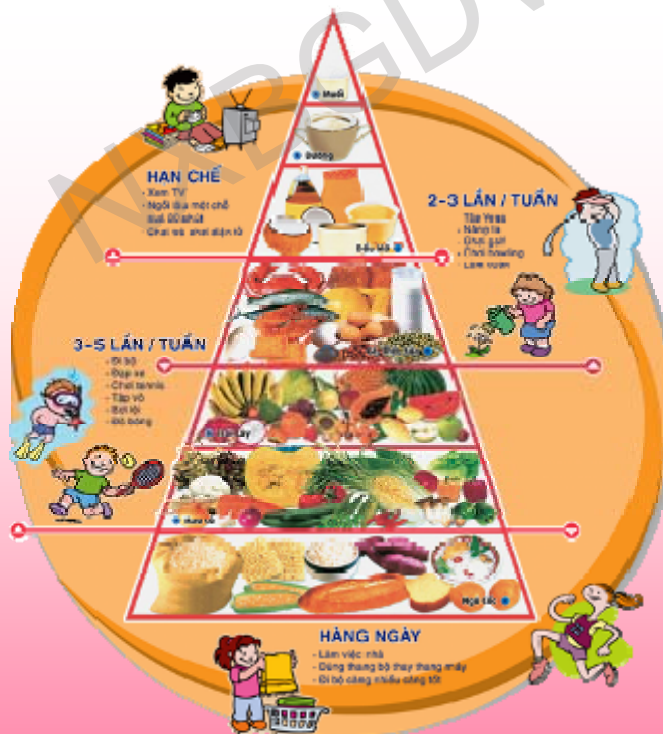
VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

DỰ ÁN MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN

MÔN CÔNG NGHỆ

LỚP 6



HÀ NỘI - 2015

Phần thứ nhất.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TẠI VIỆT NAM

A. KHÁI QUÁT VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. Quá trình nghiên cứu và thực nghiệm mô hình trường học mới ở Việt Nam

Từ năm học 2011-2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai mô hình trường học mới (THM) cho cấp tiểu học với mục tiêu là đổi mới đồng bộ các hoạt động sư phạm trong nhà trường; bảo đảm cho học sinh (HS) được tự quản, tự tin trong học tập, chiếm lĩnh được kiến thức, kỹ năng qua tự học và hoạt động tập thể; phù hợp với điều kiện về năng lực đội ngũ giáo viên (GV), thiết bị giáo dục của hầu hết các trường học Việt Nam, đồng thời có giải pháp thu hút các gia đình và cộng đồng tích cực tham gia cùng nhà trường thực hiện chức năng giáo dục. Qua ba năm triển khai ở cấp tiểu học đã khẳng định trường học mới là một kiểu mô hình nhà trường hiện đại, tiên tiến, phù hợp với mục tiêu đổi mới và đặc điểm của giáo dục Việt Nam. Đến năm học 2014-2015 đã có 1447 trường tiểu học trên phạm vi toàn quốc có HS học hết lớp 5 theo mô hình này. Từ 1447 trường được hỗ trợ qua dự án, đã có nhiều trường tự đảm bảo các điều kiện để triển khai áp dụng mô hình trường học mới. Năm học 2015-2016, cả nước có trên 3700 trường triển khai áp dụng mô hình này.

Nhằm tạo điều kiện cho HS Trung học cơ sở (THCS) học theo mô hình trường học mới, nhất là những HS đã học theo mô hình trường học mới ở cấp tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo 6 tỉnh (Lào Cai, Hà Giang, Hoà Bình, Khánh Hoà, Đắk Lắk, Kon Tum) triển khai thực nghiệm thành công mô hình ở 48 lớp 6 của 24 trường THCS.

Từ năm học 2015-2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai thí điểm mô hình THM ở lớp 7 tại 6 tỉnh nói trên với các HS đã hoàn thành chương trình lớp 6; đồng thời nhân rộng chương trình lớp 6 ra 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Hiện nay đã có hơn 1600 trường THCS đăng kí tham gia triển khai mô hình THM đối với lớp 6 năm học 2015-2016.

II. Đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới trung học cơ sở

Mô hình THM THCS được triển khai dựa trên sự phối hợp giữa hoạt động học tập cá thể với sự tương tác HS-HS và HS-GV; hướng HS đến sự phát triển toàn diện, không chỉ hoạt động lĩnh hội kiến thức mà còn rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế sinh động, năng lực tự học, kĩ năng sống, tự phục vụ bản thân, tự quản tập thể, bồi dưỡng hứng thú học tập để học tập suốt đời. Mô hình THM THCS chú trọng phát huy năng lực riêng của từng HS, không ứng xử một cách đồng loạt bằng cách quan tâm đến từng HS ngay trong quá trình học, kịp thời động viên kết quả đạt được, phát hiện những điểm mạnh để khuyến khích, những khó khăn để hướng dẫn, trợ giúp; đánh giá sự tiến bộ của từng HS theo yêu cầu giáo dục, không so sánh HS này với HS khác. Những đặc điểm nổi bật của mô hình THM THCS so với mô hình trường học hiện nay là:

1. Hoạt động học của HS được coi là trung tâm của quá trình dạy học. HS tự thiết lập tiến độ và các bước đi cho quá trình học tập, với một chương trình tự học theo từng bước và tăng cường sự ưu việt của hoạt động nhóm. HS được khuyến khích, tạo cơ hội tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, đặc biệt là hoạt động theo nhóm và tự học. Từ đó, các em có thể khám phá và chiếm lĩnh kiến thức, kĩ năng mới; đồng thời phát triển nhiều phẩm chất và năng lực quan trọng như: tính chủ động, tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập, năng lực tư duy phê phán và tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác. GV tận dụng khả năng tổ chức các hoạt động để giúp HS vận dụng kiến thức, kĩ năng vào cuộc sống.
2. Tài liệu Hướng dẫn học (HDH) được thiết kế cho HS hoạt động, học nhóm, tự học; dùng chung cho GV, HS và cha mẹ học sinh (CMHS). Trong tài liệu, cấu trúc các hoạt động học tập theo các chủ đề; cung cấp kiến thức học kết hợp hướng dẫn phương pháp, hình thức học và phương pháp tư duy; nội dung học lồng ghép với các bước của các hoạt động học tập.
3. GV duy trì một môi trường học tập cởi mở, thân thiện, hiệu quả và đóng vai trò là người HDH, quan tâm đến sự khác biệt trong việc tiếp thu kiến thức của HS. Thông qua tổ chức các hoạt động của HĐTQ HS, góc học tập, góc cộng đồng... và hoạt động nhóm để hỗ trợ tích cực cho học tập và giáo dục HS. Từ đó HS được tự chủ, có trách nhiệm với hoạt động học tập của mình; rèn luyện, phát triển khả năng giao tiếp và lãnh đạo; nâng cao các phẩm chất và phong cách con người.

4. Nhà trường thiết lập mối liên hệ chặt chẽ với CMHS và cộng đồng, trong đó các thành viên của gia đình được tham gia vào quá trình giáo dục và các dự án học tập tại cộng đồng.
5. Đánh giá HS thường xuyên theo quá trình học tập nhằm kiểm tra và hướng dẫn phương pháp học tập có hiệu quả cho HS. Coi trọng việc HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và đánh giá của CMHS, cộng đồng. Kết hợp đánh giá kiến thức, kĩ năng với đánh giá năng lực và phẩm chất của HS.
6. GV có vị trí mới, được bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao trình độ và năng lực nghề nghiệp, đáp ứng vai trò quan trọng là người hướng dẫn, tổ chức và quyết định trong các hoạt động học tập, giáo dục, đánh giá HS đồng thời phối hợp với CMHS và cộng đồng để giúp HS tiến bộ.

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC LỚP 6 TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. Khung kế hoạch chung đối với các môn học/Hoạt động giáo dục lớp 6

Trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng và thái độ của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, các sở/phòng giáo dục và đào tạo giao quyền chủ động cho các trường thực hiện mô hình THM xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực HS với khung thời gian 37 tuần (học kì I: 19 tuần, học kì II: 18 tuần), đảm bảo thời gian kết thúc năm học thống nhất cả nước, có đủ thời lượng dành cho ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kì. Thời lượng thực hiện chương trình giáo dục cả năm học (được tính bằng 35 tuần) đối với từng môn và hoạt động giáo dục (HĐGD) lớp 6 như sau:

| TT | Môn học/HĐGD | Số tiết trung bình/tuần | Tổng số tiết/năm |
|-----------|--|--------------------------------|-------------------------|
| 1 | Toán | 4 | 140 |
| 2 | Ngữ văn | 4 | 140 |
| 3 | Khoa học tự nhiên (Vật lí, Hoá học, Sinh học) | 3 | 105 |
| 4 | Khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lí) | 2 | 70 |

| | | | |
|----|---|---|-----|
| 5 | Giáo dục công dân | 1 | 35 |
| 6 | Công nghệ | 2 | 70 |
| 7 | Tin học | 2 | 70 |
| 8 | Ngoại ngữ | 3 | 105 |
| 9 | HĐGD (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục) | 4 | 140 |
| 10 | Giáo dục tập thể | 2 | 70 |
| 11 | Tự chọn (Ngoại ngữ 2; Kỹ năng sống; Nghề phổ thông; Hoạt động tập thể, giáo dục địa phương) | 2 | 70 |

Sách HDH các môn học/HĐGD được biên soạn với thời lượng 35 tuần (bao gồm cả ôn tập, kiểm tra). Các trường có thể sử dụng 2 tuần còn lại để GV xây dựng kế hoạch giáo dục học kì I và cả năm học; tổ chức một số hoạt động đầu năm học gồm: Tổ chức tuần sinh hoạt đầu năm học; Hướng dẫn tham gia một số hoạt động trong và ngoài nhà trường;... và dự phòng.

II. Yêu cầu chung về kế hoạch bài học

Để đảm bảo các nguyên tắc tổ chức hoạt động học trong mô hình THM, mỗi bài học thường được xây dựng dựa trên một chủ đề dạy học, nhằm giải quyết một vấn đề/nhiệm vụ học tập tương đối hoàn chỉnh, từ việc hình thành kiến thức, kĩ năng mới đến vận dụng chúng vào giải quyết những vấn đề gắn với thực tiễn. Kế hoạch tổ chức hoạt động học của HS trong mỗi bài học cần đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Chuỗi hoạt động học của HS thể hiện rõ tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học (PPDH) tích cực được áp dụng trong toàn bộ bài học. Nhìn chung, tiến trình hoạt động học của HS theo các PPDH tích cực đều phù hợp với tiến trình nhận thức chung: huy động những kiến thức, kĩ năng của mình để giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập; nhận thức được sự chưa đầy đủ về kiến thức, kĩ năng của mình; xuất hiện nhu cầu và học tập để bổ sung, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng mới; vận dụng kiến thức, kĩ năng mới để tiếp tục giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập ban đầu và các tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập mới...

Ví dụ: Trong dạy học ở trường THCS, để xây dựng một kiến thức cụ thể cho HS, tiến trình hoạt động giải quyết vấn đề được mô tả như sau: đề xuất vấn đề - suy đoán giải pháp - khảo sát lí thuyết và/hoặc thực nghiệm - kiểm tra, vận dụng kết quả. Theo đó, chuỗi hoạt động học của HS phù hợp với tiến trình sư phạm của PPDH giải quyết vấn đề sẽ bao gồm:

- a) Hoạt động khởi động: Từ nhiệm vụ cần giải quyết, HS huy động kiến thức, kĩ năng đã biết và nảy sinh nhu cầu về kiến thức, kĩ năng còn chưa biết, nhưng hi vọng có thể tìm tòi, xây dựng được; diễn đạt nhu cầu đó thành câu hỏi.
 - b) Hoạt động hình thành kiến thức và Hoạt động luyện tập: Để giải quyết vấn đề đặt ra, HS cần phải học lí thuyết hoặc/và thiết kế phương án thực nghiệm, tiến hành thực nghiệm, thu lượm các dữ liệu cần thiết và xem xét, rút ra kết luận. Kiến thức, kĩ năng mới được hình thành giúp giải quyết được câu hỏi/vấn đề đặt ra.
 - c) Hoạt động vận dụng: Trên cơ sở kiến thức, kĩ năng mới được hình thành, HS vận dụng chúng để giải quyết các tình huống có liên quan trong học tập và cuộc sống hằng ngày.
 - d) Hoạt động tìm tòi, mở rộng: HS tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức thông qua các nguồn tư liệu, học liệu, khác nhau; tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.
2. Mỗi hoạt động học tương ứng với một nhiệm vụ học tập giao cho HS, thể hiện rõ: mục đích, nội dung, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành. Quá trình tổ chức mỗi hoạt động học của HS được thực hiện theo các bước như sau:
- a) Chuyển giao nhiệm vụ: Việc chuyển giao nhiệm vụ có thể được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau: lời nói trực tiếp của GV; tài liệu, học liệu,..., đảm bảo tất cả HS quan tâm đến nhiệm vụ đặt ra, sẵn sàng nhận và tự nguyện thực hiện nhiệm vụ học tập.
 - b) Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động độc lập, tự chủ, trao đổi, tìm tòi cách thức để vượt qua khó khăn giải quyết nhiệm vụ. Trong quá trình đó, khi cần phải có sự định hướng của GV.
 - c) Tranh luận, khái quát hoá, vận dụng tri thức mới: Dưới sự hướng dẫn của GV, HS trình bày, tranh luận, bảo vệ sản phẩm học tập đã hoàn thành. GV bổ sung, chính xác hoá và khái quát hoá kiến thức cho HS.

3. Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài học phải đảm bảo sự phù hợp với từng hoạt động học đã thiết kế. Việc sử dụng các thiết bị dạy học và học liệu đó được thể hiện rõ trong phương thức hoạt động học và sản phẩm học tập tương ứng mà HS phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học.
4. Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học phải đảm bảo sự đồng bộ với phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng. Cần tăng cường đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS thông qua quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập, thông qua các sản phẩm học tập mà HS đã hoàn thành; tăng cường hoạt động tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS.

C. CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. Tài liệu hướng dẫn học và phương thức dạy học

1. Các loại tài liệu trong mô hình trường học mới

1.1. Tài liệu hướng dẫn học

Các môn học trong chương trình lớp 6 theo mô hình THM được thiết kế từ các môn học hiện hành trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành với việc tích hợp một số môn học theo định hướng mới: các môn Vật lí, Hoá học, Sinh học tích hợp thành môn Khoa học tự nhiên; các môn Lịch sử, Địa lí tích hợp thành môn Khoa học xã hội; các môn Thể dục, Âm nhạc, Mĩ thuật tích hợp thành HĐGD. Ngoài các môn ngoại ngữ được thực hiện theo Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020", sách HDH các môn học theo mô hình THM được thiết kế, biên soạn lại trên cơ sở đảm bảo mục tiêu và nội dung của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, bao gồm:

- HDH Toán 6;
- HDH Ngữ văn 6;
- HDH Khoa học tự nhiên 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Vật lí, Hoá học và Sinh học lớp 6;
- HDH Khoa học xã hội 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Địa lí và Lịch sử lớp 6;
- HDH Công nghệ 6;
- HDH Tin học 6;

- HDH Giáo dục công dân 6;
- Hướng dẫn HĐGD 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục lớp 6.

Như vậy, so với quy định hiện hành, số lượng các môn học trong mô hình THM giảm đi nhưng vẫn đảm bảo chuẩn kiến thức, kĩ năng của từng môn học trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS hiện hành, đồng thời khắc phục được sự trùng lặp về nội dung trong từng bộ môn học cũng như trùng lặp giữa các môn học như hiện nay, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động học theo các PPDH tích cực nhằm phát triển năng lực và phẩm chất HS.

1.2. Tài liệu hướng dẫn giáo viên

Tài liệu hướng dẫn GV được biên soạn nhằm giúp GV hiểu rõ hơn về việc tích hợp các nội dung dạy học để xây dựng các chủ đề, phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của HS trong mỗi chủ đề theo sách HDH. Tài liệu hướng dẫn GV gồm có:

- Hướng dẫn GV môn Toán lớp 6;
- Hướng dẫn GV môn Ngữ văn lớp 6;
- Hướng dẫn GV môn Khoa học tự nhiên lớp 6;
- Hướng dẫn GV môn Khoa học xã hội lớp 6;
- Hướng dẫn GV môn Công nghệ 6;
- Hướng dẫn GV môn Tin học lớp 6;
- Hướng dẫn GV môn Giáo dục công dân lớp 6;
- Hướng dẫn GV tổ chức các HĐGD lớp 6;
- Hướng dẫn phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

2. Cấu trúc tài liệu hướng dẫn học và phương thức dạy học

2.1. Nguyên tắc xây dựng tài liệu hướng dẫn học

Theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS, quá trình dạy học theo mô hình THM, HS được phát huy tối đa vai trò dân chủ trong học tập và thi đua lành mạnh. Theo đó, việc xây dựng sách HDH được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

- Về nội dung, sách HDH các môn học được biên soạn theo các chủ đề tích hợp để có thể tổ chức hoạt động học tích cực và tự học của HS. Hoạt động học mỗi chủ đề có thể và

cần phải được thực hiện một cách linh hoạt ở trong lớp, ngoài lớp, trong trường, ở nhà và cộng đồng. Số tiết phân phối cho mỗi chủ đề là số tiết dành để tổ chức các hoạt động trên lớp, cùng với các hoạt động học ở ngoài lớp học tạo thành chuỗi hoạt động học theo tiến trình tư phạm của PPDH tích cực được sử dụng.

Đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và HĐGD, ngoài các chủ đề tích hợp trong các phân môn, có một số chủ đề tích hợp liên môn được xây dựng từ các nội dung dạy học trùng nhau hoặc có liên quan chặt chẽ với nhau trong các phân môn.

- Về PPDH, sách HDH được biên soạn theo các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, thể hiện ở các hoạt động học tích cực, tự lực và sáng tạo của HS. Trong mỗi chủ đề, các hoạt động học được thiết kế theo tiến trình tư phạm của PPDH được sử dụng, phù hợp với đặc thù môn học và nội dung học tập. Tuy có những điểm khác nhau nhưng nhìn chung chuỗi hoạt động học của mỗi chủ đề đều phải tuân theo con đường nhận thức chung là: từ một vấn đề mới đòi hỏi phải học thêm kiến thức, kỹ năng mới để giải quyết; có thêm kiến thức, kỹ năng mới cần tiếp tục tìm tòi, mở rộng và vận dụng vào thực tiễn; khi vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn lại nảy sinh vấn đề mới,... Theo tiến trình đó, mỗi hoạt động học, HS được giao một nhiệm vụ học tập cụ thể để có thể tự học một cách tích cực, tự lực và sáng tạo, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp.
- Về đánh giá, mỗi hoạt động học của HS được biên soạn trong sách HDH đều phải thể hiện rõ sản phẩm học tập mà HS phải hoàn thành. Trong quá trình tổ chức hoạt động học của HS, GV quan sát, phát hiện những khó khăn mà HS gặp phải để có biện pháp hỗ trợ phù hợp; hướng dẫn HS hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập; nhận xét, đánh giá quá trình và sản phẩm học tập của HS, qua đó đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực của HS.

2.2. Mô hình cấu trúc bài học

Trong mỗi bài học của sách HDH của môn học/HĐGD luôn đảm bảo năm hoạt động cơ bản sau:

a) Hoạt động khởi động

Mục đích của hoạt động này là tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong sách HDH; làm bộc lộ

"cái" HS đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp HS suy nghĩ và xuất hiện những quan niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập.

Lưu ý: Nhiệm vụ học tập được giao cho HS trong hoạt động "Khởi động" cần đảm bảo rằng HS không thể giải quyết trọn vẹn với kiến thức, kỹ năng cũ mà cần phải học thêm kiến thức, kỹ năng mới trong các hoạt động "Hình thành kiến thức" và "Luyện tập" để hoàn thiện. Có thể hình dung ba hoạt động này đã đáp ứng đầy đủ mục tiêu dạy học theo chương trình, sách giáo khoa (SGK) hiện hành, cần đảm bảo cho tất cả HS đều thực hiện được.

b) Hoạt động hình thành kiến thức

Mục đích của hoạt động này là giúp HS lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng mới và đưa các kiến thức, kỹ năng mới vào hệ thống kiến thức, kỹ năng đã có của bản thân. GV sẽ giúp HS xây dựng kiến thức, kỹ năng mới của bản thân trên cơ sở đối chiếu kiến thức, kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới; kết nối/sắp xếp kiến thức, kỹ năng cũ và mới dựa trên việc phát biểu, viết ra các kết luận/khái niệm/công thức mới/...

c) Hoạt động luyện tập

Mục đích của hoạt động này là giúp HS củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội được. GV sẽ yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ, làm các bài tập cụ thể giống như các nhiệm vụ, bài tập trong bước hình thành kiến thức, để diễn đạt được đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, từ đó áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

d) Hoạt động vận dụng

Mục đích của hoạt động này là giúp HS vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống/vấn đề mới, không giống với những tình huống/vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống/vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống. GV sẽ hướng dẫn HS kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết thành công tình huống/vấn đề tương tự tình huống/vấn đề đã học. Đây có thể là những hoạt động mang tính nghiên cứu, sáng tạo, vì thế cần hướng dẫn HS tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình, địa phương để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Trước một vấn đề, HS có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau.

e) Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Mục đích của hoạt động này là giúp HS không bao giờ bằng lòng, thoả mãn với những gì đã học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục học tập, học tập suốt đời. GV cần khuyến khích HS tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức ngoài lớp học. HS tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

Lưu ý:

- Hoạt động "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng" là các hoạt động giao cho HS thực hiện ở ngoài lớp học, GV không tổ chức dạy học hoàn toàn trên lớp. Vì vậy nội dung các hoạt động này trong sách HDH chỉ là những yêu cầu, định hướng và gợi ý về phương pháp thực hiện, mô tả sản phẩm học tập phải hoàn thành,... để HS tự phát hiện, lựa chọn tình huống thực tiễn nhằm vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được trong bài học; tìm tòi mở rộng thêm theo sở thích, sở trường, hứng thú của mình. Các hoạt động này hết sức cần thiết và quan trọng, giúp cho việc phát triển năng lực và phẩm chất của HS, cần phải tổ chức thực hiện đầy đủ và hiệu quả. Tuy nhiên, GV cần hiểu rõ rằng không được/không nên yêu cầu tất cả HS phải thực hiện giống nhau đối với các hoạt động này; sản phẩm học tập của mỗi HS/nhóm HS trong các hoạt động này có thể không giống nhau.
- Hoạt động "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng" có bản chất là hoạt động trải nghiệm của HS, có thể được thực hiện trong phòng thí nghiệm ở trường, tại viện bảo tàng, các địa danh lịch sử văn hoá hoặc tìm hiểu và giải quyết các tình huống thường gặp trong cuộc sống hằng ngày, ở nhà và cộng đồng. Trong mỗi bài học, tùy vào nội dung kiến thức, cần gợi ý cho HS quan sát, phát hiện những hiện tượng, sự kiện, tình huống, vấn đề có liên quan trong cuộc sống hằng ngày để vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết. Những hoạt động đó bắt đầu từ các nhiệm vụ học tập như:
 - o Thực hiện thí nghiệm trong phòng thí nghiệm của nhà trường để chứng minh cho kiến thức đã học;
 - o Tìm kiếm tư liệu và minh chứng để chứng minh cho một kiến thức đã học hoặc làm rõ về một sự kiện, một di tích hay một di sản;...
 - o Xác định một vấn đề để báo cáo sau một chuyến tham quan thực tế, đọc một bài văn hay xem một bộ phim khoa học;

- Sáng tác một điệu nhảy, một bài hát, một điệu nhạc; viết và thể hiện một bài thuyết trình; sáng tác và thể hiện một tiểu phẩm;...
- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích các tình huống thực tiễn.

2.3. Tổ chức dạy học theo dự án

2.3.1. Quan niệm dạy học dự án

Dạy học theo dự án là một hình thức dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, báo cáo. Nhiệm vụ này được HS thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện. Làm việc nhóm là hình thức cơ bản của dạy học theo dự án.

2.3.2. Đặc điểm của dạy học dự án

Trong các tài liệu về dạy học dự án có rất nhiều đặc điểm được đưa ra. Các nhà sư phạm khi xác lập cơ sở lí thuyết cho dạy học dự án này đã nêu ra ba đặc điểm cốt lõi của dạy học dự án: định hướng HS, định hướng thực tiễn và định hướng sản phẩm. Có thể cụ thể hoá các đặc điểm của dạy học dự án như sau:

- a) Định hướng thực tiễn:** Chủ đề của dự án xuất phát từ những tình huống của thực tiễn xã hội và đời sống. Nhiệm vụ dự án cần chứa đựng những vấn đề phù hợp với trình độ và khả năng của HS.
- b) Có ý nghĩa thực tiễn xã hội:** Các dự án học tập góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống, xã hội. Trong những trường hợp lí tưởng, việc thực hiện các dự án có thể mang lại những tác động xã hội tích cực.
- c) Định hướng hứng thú HS:** HS được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân. Ngoài ra, hứng thú của HS cần được tiếp tục phát triển trong quá trình thực hiện dự án.
- d) Tính phức hợp:** Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp.
- e) Định hướng hành động:** Trong quá trình thực hiện dự án có sự kết hợp giữa nghiên cứu lí thuyết và vận dụng lí thuyết vào trong hoạt động thực tiễn, thực hành. Thông qua đó, kiểm tra, củng cố, mở rộng hiểu biết lí thuyết cũng như rèn luyện kĩ năng hành động, kinh nghiệm thực tiễn của HS.

- f) **Tính tự lực cao của HS:** Trong dạy học dự án, HS cần tham gia tích cực và tự lực vào các giai đoạn của quá trình dạy học. Điều đó cũng đòi hỏi và khuyến khích tính trách nhiệm, sự sáng tạo của HS. GV chủ yếu đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ. Tuy nhiên mức độ tự lực cần phù hợp với kinh nghiệm, khả năng của HS và mức độ khó khăn của nhiệm vụ.
- g) **Cộng tác làm việc:** Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm. Dạy học dự án đòi hỏi đồng thời rèn luyện tính sẵn sàng và kỹ năng cộng tác làm việc giữa các thành viên tham gia, giữa HS và GV cũng như với các lực lượng xã hội khác tham gia trong dự án. Đặc điểm này còn được gọi là học tập mang tính xã hội.
- h) **Định hướng sản phẩm:** Trong quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm được tạo ra. Sản phẩm của dự án không giới hạn trong những thu hoạch lí thuyết, mà trong đa số trường hợp các dự án học tập tạo ra những sản phẩm vật chất của hoạt động thực tiễn, thực hành. Những sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu.

2.3.3. Các dạng của dạy học theo dự án

Dạy học theo dự án có thể được phân loại theo nhiều phương diện khác nhau. Sau đây là một số cách phân loại dạy học theo dự án:

- a) **Phân loại theo chuyên môn**
 - Dự án trong một môn học: trọng tâm nội dung nằm trong một môn học.
 - Dự án liên môn: trọng tâm nội dung nằm ở nhiều môn khác nhau.
 - Dự án ngoài môn học: Là các dự án không phụ thuộc trực tiếp vào các môn học, ví dụ dự án chuẩn bị cho các lễ hội trong trường.
- b) **Phân loại theo sự tham gia của HS:** Dự án cho nhóm HS, dự án cá nhân. Dự án dành cho nhóm HS là hình thức dự án dạy học chủ yếu.
- c) **Phân loại theo sự tham gia của GV:** dự án dưới sự hướng dẫn của một GV, dự án với sự cộng tác hướng dẫn của nhiều GV.
- d) **Phân loại theo quỹ thời gian:** Có thể phân chia như sau:
 - Dự án nhỏ: thực hiện trong một số giờ học, có thể từ 2-6 giờ học.
 - Dự án trung bình: dự án trong một hoặc một số ngày, nhưng giới hạn là một tuần hoặc 40 giờ học.

- Dự án lớn: dự án thực hiện với quỹ thời gian lớn, tối thiểu là một tuần (hay 40 giờ học), có thể kéo dài nhiều tuần.

e) Phân loại theo nhiệm vụ

Dựa theo nhiệm vụ trọng tâm của dự án, có thể phân loại các dự án theo các dạng sau:

- Dự án tìm hiểu: là dự án khảo sát thực trạng đối tượng.
- Dự án nghiên cứu: nhằm giải quyết các vấn đề, giải thích các hiện tượng, quá trình.
- Dự án thực hành: có thể gọi là dự án kiến tạo sản phẩm, trọng tâm là việc tạo ra các sản phẩm vật chất hoặc thực hiện một kế hoạch hành động thực tiễn, nhằm thực hiện những nhiệm vụ như trang trí, trưng bày, biểu diễn, sáng tác.
- Dự án hỗn hợp: là các dự án có nội dung kết hợp các dạng nêu trên.

Các loại dự án trên không hoàn toàn tách biệt với nhau. Trong từng lĩnh vực chuyên môn có thể phân loại các dạng dự án theo đặc thù riêng.

2.3.4. Tiến trình thực hiện dạy học theo dự án

Dựa trên cấu trúc của tiến trình phương pháp, người ta có thể chia cấu trúc của dạy học theo dự án làm nhiều giai đoạn nhỏ hơn. Sau đây trình bày một cách phân chia các giai đoạn của dạy học dự án theo năm giai đoạn.

- a) Chọn đề tài và xác định mục đích của dự án: GV và HS cùng nhau đề xuất, xác định đề tài và mục đích của dự án. Cần tạo ra một tình huống xuất phát, chứa đựng một vấn đề, hoặc đặt một nhiệm vụ cần giải quyết, trong đó chú ý đến việc liên hệ với hoàn cảnh thực tiễn xã hội và đời sống. Cần chú ý đến hứng thú của HS cũng như ý nghĩa xã hội của đề tài. GV có thể giới thiệu một số hướng đề tài để HS lựa chọn và cụ thể hoá. Trong trường hợp thích hợp, sáng kiến về việc xác định đề tài có thể xuất phát từ phía HS. Giai đoạn này được mô tả thành hai giai đoạn là đề xuất sáng kiến và thảo luận sáng kiến.
- b) Xây dựng kế hoạch thực hiện: Trong giai đoạn này HS với sự hướng dẫn của GV xây dựng đề cương cũng như kế hoạch cho việc thực hiện dự án. Trong việc xây dựng kế hoạch cần xác định những công việc cần làm, thời gian dự kiến, vật liệu, kinh phí, phương pháp tiến hành và phân công công việc trong nhóm.
- c) Thực hiện dự án: Các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho nhóm và cá nhân. Trong giai đoạn này HS thực hiện các hoạt động trí tuệ và hoạt động thực tiễn, thực hành, những hoạt động này xen kẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Kiến thức lí

thuyết, các phương án giải quyết vấn đề được thử nghiệm qua thực tiễn. Trong quá trình đó sản phẩm của dự án và thông tin mới được tạo ra.

- d) Thu thập kết quả và công bố sản phẩm: Kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng thu hoạch, báo cáo,... Trong nhiều dự án, các sản phẩm vật chất được tạo ra qua hoạt động thực hành. Sản phẩm của dự án cũng có thể là những hành động phi vật chất, chẳng hạn việc biểu diễn một vở kịch, việc tổ chức một sinh hoạt nhằm tạo ra các tác động xã hội. Sản phẩm của dự án có thể được trình bày giữa các nhóm HS, có thể được giới thiệu trong nhà trường hay ngoài xã hội.
- e) Đánh giá dự án: GV và HS đánh giá quá trình thực hiện và kết quả cũng như kinh nghiệm đạt được. Từ đó rút ra những kinh nghiệm cho việc thực hiện các dự án tiếp theo. Kết quả của dự án cũng có thể được đánh giá từ bên ngoài. Hai giai đoạn cuối này cũng có thể được mô tả chung thành giai đoạn kết thúc dự án.

Việc phân chia các giai đoạn trên đây chỉ mang tính chất tương đối. Trong thực tế chúng có thể xen kẽ và thâm nhập lẫn nhau. Việc tự kiểm tra, điều chỉnh cần được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của dự án. Với những dạng dự án khác nhau có thể xây dựng cấu trúc chi tiết riêng phù hợp với nhiệm vụ dự án. Giai đoạn 4 và 5 cũng thường được mô tả chung thành một giai đoạn (giai đoạn kết thúc dự án).

Như vậy, dạy học dự án là một hình thức dạy học quan trọng để thực hiện quan điểm dạy học định hướng vào người học, quan điểm dạy học định hướng hoạt động và quan điểm dạy học tích hợp. Dạy học dự án góp phần gắn lí thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội, tham gia tích cực vào việc phát triển năng lực làm việc tự lực, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp, tinh thần trách nhiệm và khả năng cộng tác làm việc của HS. Những đặc trưng và ưu điểm của dạy học dự án rất phù hợp với đặc trưng của mô hình THM THCS.

Để tận dụng những ưu điểm của dạy học dự án vào mô hình THM THCS, đồng thời giúp HS làm quen dần với hoạt động nghiên cứu khoa học dành cho HS trung học, GV bộ môn cần xây dựng một số dự án học tập (tối thiểu hai dự án/phân môn/lớp), tập trung vào các chủ đề liên môn với nội dung giáo dục liên quan đến các vấn đề thời sự của địa phương, đất nước, ví dụ: Giáo dục đạo đức, pháp luật; Bảo vệ và sử dụng hiệu quả các nguồn nước; Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai; Bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sống; Giới và bình đẳng giới; An toàn giao thông; Sử dụng năng lượng hiệu quả; Ứng dụng kiến thức, kĩ năng trong chương

trình học vào thực tiễn;... Trong tài liệu hướng dẫn GV có gợi ý một số dự án dạy học để GV tham khảo xây dựng các dự án dạy học của môn học/HĐGD. Tùy điều kiện thực tế, các bài học theo dự án này được bổ sung vào kế hoạch dạy học và HĐGD của nhà trường.

2.4. Đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học

Trong quá trình tổ chức hoạt động học của HS, các sản phẩm học tập được nhận xét, đánh giá, chia sẻ dưới nhiều hình thức. Sau mỗi hoạt động học, HS cần phải hoàn thành một sản phẩm học tập, báo cáo với GV để được nhận xét, đánh giá.

- Hình thức đánh giá trong quá trình hoạt động học trên lớp chủ yếu là nhận xét bằng lời, đồng thời gợi ý, hướng dẫn để HS tiếp tục hoàn thiện sản phẩm học tập và học tiếp. Khi GV nhận xét bằng lời, cần lưu ý rèn luyện cho HS thói quen ghi chép lại những lời nhận xét đó vào vở để hoàn thiện sản phẩm học tập, đồng thời để sử dụng trong quá trình ôn tập về sau.
- Đối với một số HS đặc biệt (HS có quá trình hoạt động học chưa đạt được kết quả tốt hoặc HS còn yếu, kém) thì GV có thể ghi trực tiếp những lời nhận xét, đánh giá và vở của HS, để vừa động viên, nhắc nhở HS, vừa phối hợp với gia đình trong việc động viên, giúp đỡ HS tiến bộ.
- Trong các hoạt động học, nhất là hoạt động "Luyện tập", sản phẩm học tập của HS có thể là kết quả thí nghiệm; câu trả lời cho các câu hỏi định tính; lời giải cho các bài tập định lượng; lời lập luận, giải thích cho các ứng dụng thực tiễn;..., GV có thể nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành đồng thời gợi ý, định hướng để HS tiếp tục hoàn thiện. Trong giai đoạn đầu, khi HS chưa quen với việc chỉ được đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, GV cũng có thể cho điểm kèm theo để HS biết được mức độ hoàn thành bài luyện tập của mình. Tuy nhiên, cần thông báo cho HS biết điểm này sẽ không sử dụng khi đánh giá kết quả học tập của HS trong môn học. Kết quả học tập môn học được ghi nhận theo hướng dẫn trong mục E.
- Ngoài việc được đánh giá, nhận xét, các sản phẩm học tập của HS, bao gồm sản phẩm hoạt động học trên lớp và nhất là các sản phẩm học tập ở nhà và cộng đồng (Hoạt động vận dụng và Hoạt động tìm tòi, mở rộng), các dự án học tập,... cần được chia sẻ cho đông đảo HS trong lớp bằng nhiều hình thức như: tổ chức báo cáo và thảo luận trên lớp; đưa vào góc học tập, góc thư viện; giao nhiệm vụ cho HS trong lớp tìm đọc, lựa chọn và nhận xét các sản phẩm học tập của bạn,...

Với việc tổ chức như trên, ngoài việc thực hiện được mục tiêu tăng cường hoạt động tự chủ, tự lực, sáng tạo của HS trong học tập trong lớp, trong trường, ngoài trường; tạo không khí thi đua học tập giữa các HS với nhau; đồng thời tạo được mối quan hệ chặt chẽ giữa GV - HS, HS - HS, gia đình - nhà trường - xã hội như chúng ta hằng mong muốn.

II. Tổ chức lớp học

1. Số lượng học sinh/lớp và số buổi học/tuần

1.1. Số lượng HS/lớp thực hiện theo quy định tại Điều lệ Trường THCS, trường trung học phổ thông (THPT) và trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tối đa là 45 HS/lớp. Khuyến khích các trường tùy theo điều kiện thực tế giảm sĩ số HS/lớp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức dạy học theo mô hình THM.

1.2. Chương trình dạy học theo mô hình THM THCS được thiết kế cho đối tượng HS học 1 buổi/ngày. Khuyến khích các trường dạy hơn 6 buổi/tuần bằng các biện pháp tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo ngoài lớp học. Việc tổ chức dạy học hơn 6 buổi/tuần cho các lớp học mô hình THM (nếu có) được vận dụng theo hướng dẫn tại Công văn số 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo một cách phù hợp.

2. Bố trí giáo viên giảng dạy

Việc phân công giáo viên chủ nhiệm (GVCN) lớp và GV bộ môn về cơ bản được thực hiện theo quy định hiện hành. Trong thời gian trước mắt, việc dạy học các chủ đề thuộc phân môn trong các môn học tích hợp (Vật lí, Hoá học, Sinh học trong môn Khoa học Tự nhiên; Lịch sử, Địa lí trong môn Khoa học Xã hội; Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục trong môn HĐGD) do GV bộ môn hiện nay đảm nhận. Đối với các chủ đề tích hợp, các tổ/nhóm chuyên môn thảo luận, tham mưu để Hiệu trưởng lựa chọn phân công GV thực hiện, nếu có chủ đề chung của các phân môn thì phân công GV có điều kiện thuận lợi nhất giảng dạy. Thông qua việc triển khai thí điểm mô hình THM và qua sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, GV được bồi dưỡng để tiến tới mỗi GV có thể đảm nhận nhiều phân môn trong một môn học.

3. Về bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị

Các lớp học theo mô hình THM cần được ưu tiên sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm, học liệu, thư viện, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ,... để tổ chức các hoạt động học tập. Cần

cứ vào tiến trình dạy học của từng chủ đề cụ thể theo sách HDH của môn học/HĐGD, GV đăng kí sử dụng thiết bị dạy học, học liệu, các phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ,..., đồng thời động viên GV, HS tự làm đồ dùng dạy học để tổ chức các hoạt động học tương ứng cho HS.

4. Tổ chức các hoạt động học của học sinh

4.1. Các hình thức hoạt động học của học sinh

- a) Hoạt động cá nhân: Loại hoạt động này yêu cầu HS thực hiện các bài tập/nhiệm vụ một cách độc lập nhằm tăng cường khả năng làm việc độc lập của HS. Nó diễn ra khá phổ biến, đặc biệt là với các bài tập/nhiệm vụ có yêu cầu khám phá, sáng tạo hoặc rèn luyện đặc thù. GV cần đặc biệt coi trọng hoạt động cá nhân vì nếu thiếu nó, nhận thức của HS sẽ không đạt tới mức độ sâu sắc và chắc chắn cần thiết, cũng như các kĩ năng sẽ không được rèn luyện một cách tập trung.
- b) Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm: Loại hoạt động này nhằm giúp HS phát triển năng lực hợp tác, tăng cường sự chia sẻ và tính cộng đồng. Thông thường, hình thức hoạt động cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập/nhiệm vụ cần sự chia sẻ, hợp tác trong nhóm nhỏ gồm hai em. Ví dụ: kể cho nhau nghe, trao đổi với nhau một nội dung nào đó, đổi bài cho nhau để đánh giá chéo,...; còn hình thức hoạt động nhóm (từ ba em trở lên) được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng nghiêng về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.
- c) Hoạt động chung cả lớp: Hình thức hoạt động này phù hợp với số đông HS, nhằm tăng cường tính cộng đồng, giáo dục tinh thần đoàn kết, sự chia sẻ, tinh thần chung sống hài hoà. Hoạt động chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống sau: nghe GV hướng dẫn chung; nghe GV nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm; HS luyện tập trình bày miệng trước tập thể lớp,... Khi tổ chức hoạt động chung cả lớp, GV tránh biến giờ học thành giờ nghe thuyết giảng hoặc vấn đáp vì như vậy sẽ làm giảm hiệu quả và sai mục đích của hình thức hoạt động này.
- d) Hoạt động với cộng đồng: Là hình thức hoạt động của HS trong mối tương tác với xã hội, bao gồm các hình thức, từ đơn giản như: nói chuyện với bạn bè, hỏi người thân trong gia đình,... đến những hình thức phức tạp hơn như: tham gia bảo vệ môi trường, tìm hiểu các di tích văn hoá, lịch sử ở địa phương, tham gia các dự án cộng đồng,...

4.2. Tiến trình hoạt động nhóm

Ở các lớp học theo mô hình THM, HS ngồi học theo nhóm. Tuy nhiên, không phải lúc nào HS cũng hoạt động theo nhóm. HS vẫn phải làm việc cá nhân, theo cặp trong nhóm. Các hình thức làm việc trong nhóm được thay đổi thường xuyên căn cứ vào yêu cầu của sách HDH và của thiết kế hoạt động của GV.

- a) Làm việc cá nhân: Trước khi tham gia phối hợp với bạn học trong các nhóm nhỏ, cá nhân luôn có một khoảng thời gian với các hoạt động để tự lĩnh hội kiến thức, chuẩn bị cho các hoạt động đóng vai hay thảo luận trong nhóm. Phổ biến nhất có thể kể đến các hoạt động như đọc mục tiêu bài học, đọc văn bản, giải bài toán để tìm kết quả,...

Cá nhân làm việc độc lập nhưng vẫn có thể tranh thủ hỏi hay trả lời bạn trong nhóm, vẫn thực hiện các yêu cầu của nhóm trưởng (nếu có) để phục vụ cho các hoạt động cá nhân.

Tần suất của các hoạt động cá nhân trong nhóm rất lớn và chiếm ưu thế hơn so với các hoạt động khác. Làm việc cá nhân giúp HS có thời gian tập trung tự nghiên cứu, tự khám phá kiến thức, tự chuẩn bị những gì cần thiết trước khi sử dụng nó để có những hoạt động khác cùng cả nhóm. Trong quá trình làm việc cá nhân, gặp những gì không hiểu, HS có thể hỏi bạn ngồi cạnh hoặc nêu ra trong nhóm để các thành viên khác cùng trao đổi và nếu nhóm không giải quyết được vấn đề thì nhóm trưởng có thể nhờ GV hỗ trợ.

- b) Làm việc theo cặp (hai HS): Tùy theo hoạt động học tập, có lúc HS sẽ làm việc theo cặp. GV lưu ý cách chia cặp sao cho không HS nào bị lẻ. Nếu không, GV phải cho đan chéo giữa các nhóm để đảm bảo tất cả HS đều được làm việc. Làm việc theo cặp rất phù hợp với các công việc như: kiểm tra dữ liệu, giải thích, chia sẻ thông tin; thực hành kỹ năng giao tiếp cơ bản (ví dụ như nghe, đặt câu hỏi, làm rõ một vấn đề), đóng vai.

Làm việc theo cặp sẽ giúp HS tự tin và tập trung tốt vào công việc nhóm. Quy mô nhỏ này cũng là nền tảng cho sự chia sẻ và hợp tác trong nhóm lớn hơn sau này.

- c) Làm việc nhóm: Trong các giờ học của THM luôn có các hoạt động cả nhóm cùng hợp tác. Ví dụ, sau khi HS tự đọc một câu chuyện, trưởng nhóm sẽ dẫn dắt các bạn trao đổi về một số vấn đề của câu chuyện đó; hoặc sau khi một cá nhân trong nhóm đã đưa ra kết quả của một bài toán, nhóm sẽ cùng trao đổi nhận xét, bổ sung về cách giải bài toán đó; hoặc là HS trong nhóm sẽ cùng thực hiện một dự án nhỏ với sự chuẩn bị và phân chia công việc rõ ràng;... Nhóm là hình thức học tập phát huy rất tốt khả năng sáng tạo nên hình thức này để

phù hợp với các hoạt động cần thu thập ý kiến và phát huy sự sáng tạo. Điều quan trọng là phải giúp HS cần phải biết mình làm gì và làm như thế nào khi tham gia làm việc nhóm.

- d)** Làm việc chung cả lớp: Khi HS có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh một vấn đề hoặc có những khó khăn mà nhiều HS không thể vượt qua, GV có thể dừng công việc của các nhóm lại để tập trung cả lớp làm sáng tỏ các vấn đề còn băn khoăn hoặc bàn cãi. Lưu ý rằng những tình huống như vậy không xuất hiện thường xuyên trong lớp học.

Như vậy, việc lựa chọn hình thức làm việc nào: cá nhân, cặp đôi, nhóm hay cả lớp đều phụ thuộc vào yêu cầu của các loại hình hoạt động và luyện tập. Sách HDH chỉ là một gợi ý cho việc tổ chức các hình thức hợp tác này, GV cần lưu ý là không phải luôn tuân theo một cách máy móc thiết kế có sẵn của tài liệu. Tùy vào tình hình chung của cả lớp và thiết kế của cá nhân, GV có sự thay đổi, ứng dụng linh hoạt và phù hợp, đảm bảo tính hiệu quả cho bài học và sự hứng thú cho HS.

Cần tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian, bắt HS theo kịp tiến độ một cách khiên cưỡng, thông báo chung hoặc ghi các nội dung trên bảng trong khi hầu hết HS đã hiểu và làm được; chốt kiến thức trong từng phần nhỏ; cho HS giơ tay phát biểu quá nhiều gây mất thời gian; thay vì dạy cả lớp như hiện hành thì lại dạy cho nhiều nhóm nên việc giảng giải lặp đi lặp lại ở các nhóm khác nhau; sử dụng câu hỏi phát vấn nhiều và vụn vặt...

4.3. Vai trò của các thành viên trong hoạt động nhóm

Để tránh việc tổ chức hoạt động nhóm mang tính hình thức. Trong khi thảo luận nhóm, cần phân rõ vai trò của cá nhân, nhóm trưởng, GV. Cụ thể là:

- a)** Cá nhân: tự đọc, suy nghĩ, giải quyết nhiệm vụ, có thể hỏi các bạn trong nhóm về những điều mình chưa hiểu; khi các bạn cũng gặp khó khăn như mình thì yêu cầu sự trợ giúp của GV; thực hiện các yêu cầu của nhóm trưởng và yêu cầu của GV.
- b)** Nhóm trưởng: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như những bạn khác; bao quát nhóm xem các bạn có khó khăn gì không; phân công các bạn giúp đỡ nhau; tổ chức cho cả nhóm thảo luận những vấn đề khó khăn; thay mặt nhóm để liên hệ với GV và xin trợ giúp; báo cáo tiến trình học tập nhóm; điều hành chốt kiến thức trong nhóm. Nhóm trưởng tạo cơ hội để mọi thành viên tự giác trong tự học, tích cực tham gia các hoạt động nhóm. Đối với các bạn nhút nhát thiếu tự tin, cần được khuyến khích nói nhiều, trao đổi nhiều, thể hiện nhiều trong hoạt động nhóm. Không để tình trạng một số

thành viên làm thay, làm hộ các thành viên khác trong nhóm. GV lưu ý phân công HS luân phiên nhau làm nhóm trưởng.

- c) Thư kí nhóm: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như các bạn khác; là người ghi chép hoặc vẽ lại những nội dung trao đổi hoặc kết quả công việc của nhóm. Việc ghi chép này giúp nhóm tổng hợp công việc mình đã thực hiện, trao đổi với các nhóm khác hoặc chia sẻ trước cả lớp. Để việc tổng hợp ý kiến, công việc của nhóm được thú vị và hấp dẫn, GV có thể cùng các em sáng tạo ra nhiều hình thức trình bày như tranh hoá hoặc sơ đồ hoá với các hình ảnh ngộ nghĩnh. Thư kí nhóm còn là người đánh dấu vào bảng tiến độ công việc để giúp nhóm trưởng báo cáo GV. GV lưu ý phân công HS luân phiên nhau làm thư kí.

4.4. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động nhóm

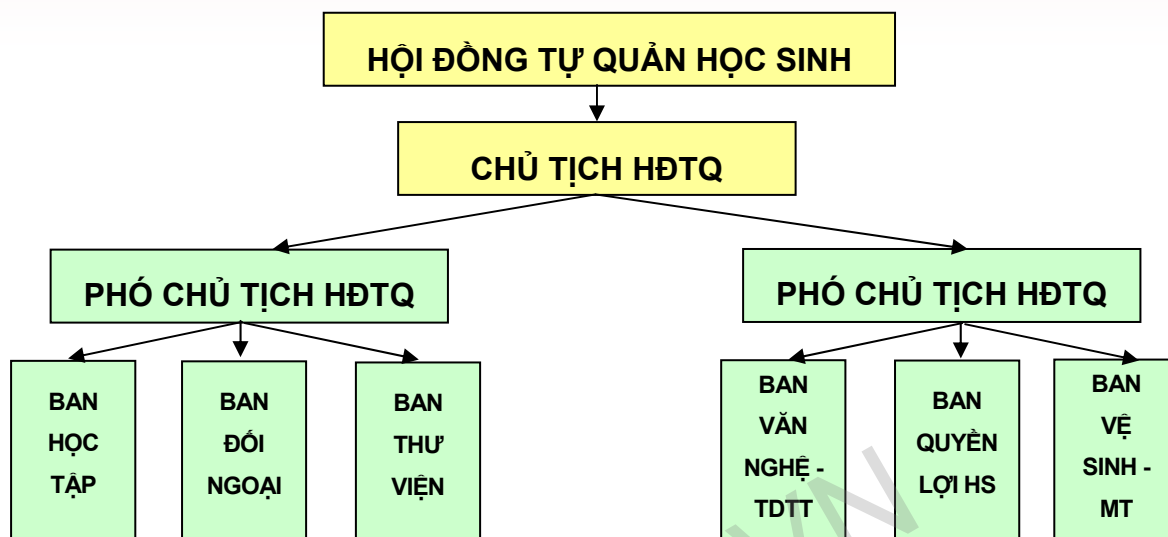
- Chọn luân phiên các nhóm trưởng, thư kí nhóm để giúp GV triển khai các hoạt động học tập.
- Xác định và phân công nhiệm vụ cho các nhóm một cách cụ thể và rõ ràng.
- Đứng ở vị trí thuận lợi để dễ dàng quan sát các nhóm HS làm việc và có thể hỗ trợ kịp thời cho các nhóm. Không nên dành thời gian làm việc ở một nhóm quá lâu, đứng một chỗ ở khu vực bàn GV.
- Giúp đỡ HS, gợi mở để HS phát huy tìm tòi kiến thức mới, hỗ trợ cho cả lớp, hướng dẫn HS báo cáo sản phẩm. Khi cần tạo tình huống để học tập, GV có thể gọi HS còn yếu; khi cần biểu dương khích lệ học tập, GV có thể gọi HS khá giỏi thay mặt nhóm để báo cáo; giao thêm nhiệm vụ cho những HS hoàn thành trước nhiệm vụ (giao thêm bài tập hoặc yêu cầu hướng dẫn các bạn khác,...).
- Vừa HDH tập cho một nhóm, vừa kết hợp quan sát, đánh giá và thúc đẩy các nhóm khác làm việc. Việc chỉ định HS phát biểu, trình bày báo cáo,... phải được cân nhắc phù hợp với nội dung hoạt động, đối tượng HS, không tập trung vào một số HS trong lớp, trong nhóm.
- Tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian. HS hoặc nhóm HS đã hoàn thành nhiệm vụ của một hoạt động nào đó, trong khi chưa hết giờ GV có thể giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc nhiệm vụ giúp các bạn khác, nhóm bạn khác chưa hoàn thành.

- Việc trợ giúp HS cần có độ sâu, giao nhiệm vụ cần cụ thể chi tiết, phân phối thời gian hợp lý, linh hoạt để trợ giúp cho HS. Cần huy động được sự trợ giúp của HS khá giỏi, các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ trong lớp để trợ giúp HS và các nhóm chậm hơn, yếu hơn.

5. Hội đồng tự quản học sinh

5.1. Giới thiệu về Hội đồng tự quản học sinh

Cơ cấu tổ chức của Hội đồng tự quản (HĐTQ) HS như sau:



HĐTQ HS là một tổ chức của HS, do HS thành lập ở từng lớp dưới sự hướng dẫn của GVCN và CMHS để tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi của chính các em đồng thời quản lý, giám sát, điều chỉnh các hoạt động đó; bảo đảm cho các em tham gia một cách dân chủ và tích cực vào đời sống học đường; khuyến khích các em tham gia một cách toàn diện vào các hoạt động của nhà trường và phát triển lòng khoan dung, sự tôn trọng, bình đẳng, tinh thần hợp tác và đoàn kết cho HS.

Tổ chức HĐTQ HS là một biện pháp giáo dục nhằm thúc đẩy sự phát triển về đạo đức, tình cảm và xã hội của HS thông qua những kinh nghiệm hoạt động thực tế của HS trong nhà trường và mối quan hệ với những người xung quanh.

Tham gia HĐTQ HS, HS sẽ có những tiến bộ rõ rệt về khả năng tự ý thức, lòng tự trọng, tính tự tin, các hành vi cư xử tôn trọng và bình đẳng giữa HS nam và HS nữ; phát triển kỹ năng ra quyết định, kỹ năng hợp tác và kỹ năng lãnh đạo đồng thời cũng chuẩn bị cho các em ý thức trách nhiệm khi thực hiện những quyền và bổn phận của mình.

5.2. Quy trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh

a) Chuẩn bị thành lập Hội đồng tự quản học sinh

Quá trình tiến hành thành lập HĐTQ HS nhất thiết phải có sự tham gia của GVCN và CMHS với vai trò là người cố vấn khích lệ, hỗ trợ, giám sát và cung cấp nguồn lực cho các em. GVCN cần thông báo trước cho CMHS về việc thành lập HĐTQ HS để bất kì mối lo ngại, băn khoăn nào cũng sẽ được nêu lên ngay từ đầu chứ không phải trong một vài tuần đầu khi HĐTQ HS đã đi vào hoạt động, bởi vì những tuần đầu tiên là thời điểm mà hoạt động của HĐTQ HS dễ bị “trục trặc” nhất. GVCN cũng phải chuẩn bị để thích ứng dần với vai trò hỗ trợ, định hướng của mình, khi HS được tin tưởng trao quyền chủ động hơn.

HS nên được tạo cơ hội thảo luận cùng nhau về các vấn đề: Thế nào là HĐTQ HS? Mục đích thành lập HĐTQ HS là gì? Vì sao HS nên tham gia HĐTQ HS? Những lợi ích có thể có của HĐTQ HS tới cuộc sống của chính các em trong nhà trường? Những vai trò, trách nhiệm mà các em sẽ gánh vác?

GVCN cùng HS trao đổi về kế hoạch hoạt động (nội dung, cách thức hoạt động) của HĐTQ HS; các ban chuyên trách có thể thành lập và nhiệm vụ của các ban; tiêu chuẩn HS được tham gia vào các ban; kế hoạch bầu cử,...

b) Tiến hành sinh hoạt tập thể để tổ chức bầu Hội đồng tự quản học sinh

b1) Hoạt động chuẩn bị cho việc bầu cử Hội đồng tự quản học sinh

Sau khi đã hoàn thành bước chuẩn bị về tư tưởng cho HS, GVCN cùng HS thảo luận về cơ cấu của HĐTQ HS. Thông thường là 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch. Tuy nhiên, số lượng phó chủ tịch có thể khác nhau tùy vào đặc điểm của từng lớp. Với sự định hướng của GVCN, HS trao đổi về những phẩm chất, năng lực cần có của các bạn trong HĐTQ HS. GVCN lưu ý sử dụng những ngôn từ đơn giản, dễ hiểu cho HS.

Sau đó, HS lập danh sách ứng cử (những HS tự nguyện đăng kí) và danh sách đề cử (những bạn được các bạn khác tín nhiệm giới thiệu).

HS tiến hành bầu ban kiểm phiếu gồm trưởng ban và một số các thành viên tùy vào số lượng HS của lớp. GVCN lưu ý hướng dẫn kĩ cách làm việc của ban kiểm phiếu: chuẩn bị phiếu bầu (có thể phải có dấu hiệu gì đó để đảm bảo là phiếu của ban kiểm phiếu phát ra như chữ kí của trưởng ban kiểm phiếu hay của GVCN), cách ghi phiếu bầu, kiểm phiếu bầu, công bố kết quả kiểm phiếu.

Các ứng viên sẽ có thời gian để chuẩn bị phần tranh cử của mình. Đây là một hoạt động quan trọng nhằm tạo điều kiện cho HS được cảm thấy sự dân chủ, công bằng, bình đẳng và được học cách thuyết trình trước đám đông. HS có thể nhờ tới sự tư vấn, hỗ trợ của GVCN, CMHS và các bạn học trong việc chuẩn bị tranh cử. Bài tranh cử của HS cần có những nội dung như: Giới thiệu về bản thân, những mong muốn của em về lớp học, những việc em sẽ làm nếu em trở thành Chủ tịch HĐTQ HS,... Những lời hứa này phải khả thi.

Với sự hỗ trợ của GVCN, một HS sẽ được hướng dẫn trước để điều khiển quá trình bầu cử.

b2. Tổ chức bầu cử Hội đồng tự quản học sinh

Việc tổ chức bầu HĐTQ HS cần được tiến hành đúng quy trình, dân chủ, tự nguyện và hấp dẫn như một ngày hội.

- Bầu Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐTQ HS:

HS điều khiển quá trình bầu cử thông qua nội dung hoạt động của HĐTQ HS và tiêu chuẩn nhân sự.

Các ứng viên sẽ lần lượt tranh cử bằng các bài thuyết trình đã được chuẩn bị trước. GVCN lưu ý không để HS cầm giấy đọc mà để các em chủ động thể hiện khả năng thuyết trình của mình.

Sau khi các ứng viên đã thuyết trình xong, ban kiểm phiếu làm việc (phát phiếu bầu, thu phiếu, kiểm phiếu). Các HS có số phiếu cao nhất từ trên xuống sẽ trúng cử vào vị trí Chủ tịch, Phó chủ tịch HĐTQ HS. Chủ tịch, các Phó chủ tịch HĐTQ HS ra mắt cả lớp.

- Thành lập các ban chuyên trách:

Chủ tịch và các Phó chủ tịch HĐTQ HS giới thiệu với cả lớp về mục đích thành lập các ban chuyên trách như: Ban Học tập; Ban Thư viện; Ban Văn nghệ, Thể dục thể thao; Ban Đối ngoại; Ban Vệ sinh; Ban Hoà giải (quyền lợi HS),... và nhiệm vụ của mỗi ban.

Sau khi cả lớp đã thống nhất và quyết định thành lập một số ban nào đó trong lớp, Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch cho các bạn trong lớp tự nguyện đăng kí tham gia vào các ban. Nên khuyến khích mỗi HS trong lớp đều tham gia ít nhất một ban. Với những HS không đăng kí tham gia một ban nào, GVCN có thể dành thời gian để tìm hiểu sở thích, nguyện vọng của các em đó để tư vấn đúng hướng hoặc nhờ tới sự trợ giúp của CMHS và các bạn trong lớp. Trong trường hợp vẫn còn một số HS do nhút nhát không tự đăng kí vào bất cứ ban nào, GVCN có thể thành lập riêng một ban dành cho các em và gọi là Ban hỗ trợ GVCN. GVCN cần trực tiếp hỗ trợ, động

viên và tổ chức cho HS, cho CMHS giúp đỡ từng em trong Ban, tạo điều kiện cho từng em làm giúp thầy cô một số công việc trên lớp để các em mạnh dạn dần, đến khi các em chủ động đăng kí vào một ban nào đó.

Sau khi HS đã đăng kí xong vào các ban, Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐTQ HS cùng GVCN thống nhất danh sách các ban, có thể vận động một số HS chuyển sang ban khác nếu cần thiết để có sự điều chỉnh hợp lí đối với từng ban. Tiếp theo, các ban sẽ tổ chức bầu Trưởng ban. Dưới sự điều khiển của Trưởng ban, các thành viên cùng lập kế hoạch hành động và phân công nhiệm vụ cụ thể theo nguyên tắc tất cả các thành viên trong ban cùng tham gia hoạt động. Để giúp các ban hoạt động hiệu quả, mỗi ban nên có sự hỗ trợ, tư vấn của CMHS và GVCN. Lưu ý là ở mỗi ban, các HS trong ban có nhiệm vụ đề xuất hoạt động và theo dõi việc thực hiện hoạt động để ra. Các hoạt động này không phải chỉ do các bạn trong ban thực hiện mà cần có sự tham gia của HS cả lớp. Do vậy, quá trình thực hiện các hoạt động cũng giúp bản thân HS tự hiểu được mình phù hợp với ban nào và giúp GVCN tư vấn đúng cho HS trong việc chuyển đổi ban. Chủ tịch HĐTQ HS phân công các Phó chủ tịch nhận trách nhiệm phụ trách các ban trong lớp theo khả năng và nguyện vọng của các Phó chủ tịch.

Một số lưu ý:

- HĐTQ HS có thể thay đổi để đảm bảo tất cả HS trong lớp đều có cơ hội được tham gia và trải nghiệm. Thời gian thay một hay toàn bộ các thành viên nòng cốt tùy thuộc vào tình hình mỗi lớp học. GVCN cần nói rõ điều này ngay từ đầu để tránh cho HS khỏi những cảm xúc tiêu cực khi không được tham gia các vai trò quan trọng nữa.
- Nhìn chung, quá trình thành lập HĐTQ HS nên cố gắng bám sát thực tiễn bầu cử của đất nước và địa phương để giúp HS hiểu được quá trình bầu cử tự do, công bằng và dân chủ. Trong quá trình thành lập, GVCN nên khuyến khích HS có những biện pháp, ý tưởng mới của chính các em. HS và GVCN cùng tổ chức quá trình bầu cử. CMHS và đại diện cộng đồng có thể được mời tham gia với tư cách quan sát viên.

5.3. Tăng cường năng lực cho Hội đồng tự quản học sinh

Sau khi HĐTQ HS của lớp được thành lập, GVCN cần bồi dưỡng những kĩ năng hoạt động cần thiết cho HĐTQ HS, các kĩ năng cần có của Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Trưởng ban.

Để HĐTQ HS hoạt động có hiệu quả, GVCN nên vận dụng kinh nghiệm của bản thân, của đồng nghiệp để hướng dẫn tổ chức hoạt động cho HĐTQ HS. GVCN có thể thực hiện những công việc sau:

- Hợp với Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Trưởng ban để giúp các em lập kế hoạch hoạt động cho từng ban một các thực tế và khả thi.
- Thường xuyên rút kinh nghiệm về nội dung hoạt động của HĐTQ HS với sự tham gia của HS và CMHS trong lớp.
- Thường xuyên giám sát, hỗ trợ HĐTQ HS, đồng thời động viên, khuyến khích nhiều HS mạnh dạn tham gia ứng cử vào HĐTQ HS. GVCN nên chủ động thực hiện các hoạt động mẫu để hướng dẫn các em làm quen và dễ dàng thực hiện; cần kiên trì hướng dẫn, trân trọng từng hoạt động của HS.
- Luôn làm mới HĐTQ HS về nội dung và cơ cấu tổ chức nhân sự, mỗi năm học cần kiện toàn tổ chức HĐTQ HS ít nhất 2 lần.
- Theo dõi, đánh giá HS và ghi nhật kí đánh giá. Thực hiện đánh giá và khen thưởng kịp thời cuối học kì, cuối năm học và khen thưởng đột xuất với những cá nhân có đóng góp tích cực, hiệu quả tốt cho HĐTQ HS.

5.4. Một số hoạt động do Hội đồng tự quản học sinh tổ chức

Để HĐTQ HS biết cách chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập, HĐGD và các sinh hoạt vui chơi khác, bên cạnh các công cụ hỗ trợ trong lớp học, GV cần giới thiệu cho HS một số hoạt động và hướng dẫn cách thức tổ chức các hoạt động đó để các em có thể thực hiện tốt vai trò “tự quản” của mình. Căn cứ vào nội dung học tập, vui chơi và tình hình lớp học, HĐTQ HS dưới sự hỗ trợ của GV sẽ lựa chọn các hoạt động phù hợp và tổ chức một cách có hiệu quả các hoạt động học tập, hoạt động hỗ trợ quá trình học tập, hoạt động vui chơi,... tránh hình thức và lặp đi lặp lại quá nhiều.

Một số hoạt động của HĐTQ HS đã được thử nghiệm và khẳng định là hữu ích cho công tác quản lí ở lớp học, trường học bao gồm:

a) Tổ chức cho HS tham gia các hoạt động quản lí lớp học

- *Mục đích:* Hỗ trợ GVCN về quản lí lớp học; quản lí các hoạt động vui chơi; tổ chức các hoạt động nhóm; tự tổ chức các hoạt động giáo dục; truyền đạt ý kiến phản ánh của HS trong lớp. Những hoạt động trên giúp HS phát triển sự tự giác, chủ động khi tham gia các hoạt động của lớp; tạo cơ hội cho HS cảm nhận được mình là một phần của tập thể và có trách nhiệm để tập thể đó hoạt động và phát triển tốt; phát huy sự sáng tạo và để các HS có điều kiện được hỗ trợ lẫn nhau.

- *Cách tiến hành:* GVCN trao đổi với HS trong lớp về việc các em sẽ tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động của lớp. Chủ tịch, Phó chủ tịch với sự hỗ trợ của GVCN và các Trưởng ban xây dựng dự thảo Kế hoạch hoạt động và trao đổi về các hoạt động dự kiến sẽ thực hiện với cả lớp. Khi Kế hoạch hoạt động đã được cả lớp nhất trí thông qua, Chủ tịch HĐTQ HS sẽ họp với Phó chủ tịch và các Trưởng ban để phân công nhiệm vụ cho từng ban theo dõi, quản lý, sử dụng các công cụ hỗ trợ đã được xây dựng và đang có trong lớp. Ví dụ:
 - o Ban Kỉ luật chịu trách nhiệm về bảng theo dõi sĩ số và việc thực hiện nội quy của lớp. Trưởng ban cần tổng hợp tình hình và báo cáo hàng tuần trước lớp.
 - o Ban Học tập chịu trách nhiệm định kì hàng tuần hoặc hàng tháng chia sẻ thông tin trước cả lớp về các lĩnh vực mà các bạn HS trong lớp đạt được thành công hay tiến bộ, những vướng mắc cần sự hỗ trợ của GVCN hoặc CMHS. Trưởng ban sẽ thay mặt cả lớp trình bày về điều này trong cuộc họp CMHS.
 - o Ban Đối ngoại phụ trách việc bảo quản và thống kê cảm tưởng của những người khách đến thăm trường/lớp hoặc cảm xúc của HS khi đi thăm một nơi nào đó. Ban Đối ngoại có thể viết một bản tin định kì để công bố những thông báo hay kết luận quan trọng về các hoạt động được liệt kê trong Sổ ghi chép khách tham quan. Những thông tin này vừa được lưu giữ làm kỉ niệm, vừa là cơ sở cho nhà trường và GVCN có những cân nhắc điều chỉnh cũng như là cơ hội cho HS lưu ý vào những điều hay khi mình đến thăm một nơi nào đó. Đây còn là cơ sở để phục vụ cho các dự án nghiên cứu của HS sau này để huy động cộng đồng tham gia.

Thời gian đầu, GVCN nên hướng dẫn chi tiết và theo dõi cụ thể, thường xuyên các ban hoạt động. Dần dần, GVCN giảm bớt sự kiểm soát và để các nhóm chủ động hoạt động. Thành viên của các ban có thể luân phiên thay đổi để đảm bảo tất cả các HS đều được tham gia vào các hoạt động quản lý lớp học.

b) Tổ chức xây dựng, quản lý sử dụng và phát triển góc học tập, góc thư viện, góc cộng đồng, bản đồ cộng đồng (được thể hiện chi tiết trong mục 6).

c) Công nhận những đức tính tốt

- *Mục đích:* Đây có thể coi là cách “giáo dục đạo đức” một cách tự nhiên và thú vị. Hoạt động này tạo điều kiện cho HS tìm kiếm và nhìn vào những đức tính tốt, những điều hay từ phía bạn học để khích lệ động viên bạn tiếp tục phát huy những điều tốt đẹp đó, đồng

thời cũng là cơ hội để HS cả lớp cùng học tập những đức tính tốt. Đây còn là cơ hội cho HS được chia sẻ, gần gũi nhau hơn, góp phần tạo không khí thân thiện trong lớp.

- *Cách tiến hành:*

Bước 1: Cả lớp hoặc các tổ, nhóm ngồi theo vòng tròn. GV phát cho mỗi HS một tờ bìa. Các em sẽ viết tên của mình lên tờ bìa đó.

Bước 2: HS chuyển tờ bìa cho bạn ngồi bên phải mình. Khi nhận được tờ bìa ghi tên một bạn nào đó, HS ghi một điểm tích cực của bạn đó vào tờ bìa. Cứ như vậy, các tờ bìa sẽ được chuyển hết một vòng. Cần lưu ý đảm bảo rằng, mỗi HS đều nhận được lời nhận xét tích cực của tất cả các bạn trong nhóm. (Lưu ý: Nên tránh những lời nhận xét về hình thức bề ngoài, xã giao hay cách ăn mặc mà nên nhận xét về tính cách, thái độ, khả năng học tập,... của bạn mình).

Khi HS nhận lại được tờ bìa của mình, các em sẽ đọc và nếu được, một số em sẽ chia sẻ những lời ghi trong tờ bìa với cả lớp.

Những tờ bìa này có thể được lưu giữ lại để chia sẻ cùng CMHS vào buổi họp CMHS. CMHS có thể viết thêm vào các đức tính tốt đẹp của con em mình. Điều này sẽ tạo được sự hào hứng của HS cũng như sự phấn khởi của CMHS và tăng thêm sự gắn kết giữa CMHS và lớp học.

Hoạt động này có thể được tổ chức sau mỗi một học kì để HS thấy sự cố gắng được ghi nhận của mình trong một giai đoạn và sẽ tiếp tục phát huy những đức tính tốt ở học kì tiếp theo.

d) Xây dựng nội quy nhà trường

- *Mục đích:* Tạo cho HS cảm giác trách nhiệm khi tự mình xây dựng nội quy của trường mình, qua đó giúp HS có ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy.
- *Cách xây dựng:* Nhà trường cần tổ chức cho HS tham gia xây dựng nội quy của trường mình nhằm giúp HS hiểu rõ và làm theo nội quy một cách tự giác.

Các lớp có thể tổ chức thảo luận trong lớp, sau đó cử đại diện dự buổi họp chung toàn trường để thảo luận, xây dựng nội quy của trường. Nội quy cần ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu để HS dễ nhớ và thực hiện. Có thể bổ sung, điều chỉnh nội quy sau mỗi năm học và nội quy cũng cần được công bố ở các kì họp CMHS và từng lớp học.

- *Cách sử dụng:* Các bản nội quy nên được đặt ở nơi mọi người dễ dàng nhìn thấy, không quá cao để HS không đọc được, cũng không quá thấp để dễ bị hư hỏng do va chạm. Nhà

trường và mỗi lớp cũng nên có một ban lo nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện nội quy của lớp mình.

e) Ngày hội thành tựu

- *Mục đích:* Tạo cơ hội cho GV, HS, CMHS và các tổ chức cộng đồng cùng gặp nhau trong một ngày để công bố các thành tích và sự tiến bộ học tập của HS sau một năm học, đồng thời tham gia vào các hoạt động văn hoá và thực hiện các hoạt động có ý nghĩa đối với nhà trường và cộng đồng. Đây là những cuộc gặp mặt rất quan trọng để tăng cường sự giao tiếp trao đổi giữa những người tham gia, trình bày và đưa ra các dự án, các kết quả và thành tích đạt được, các chương trình hành động tương lai có lợi cho cộng đồng và xây dựng tinh thần tôn trọng giữ gìn bản sắc văn hoá địa phương.
- *Cách tổ chức:* Nhà trường, GV, HS cùng CMHS và đại diện cộng đồng cùng bàn bạc về nội dung và hình thức tổ chức Ngày hội thành tựu. Có thể đan xen vào ngày hội một số hoạt động:
 - Báo cáo các thành tích của HS.
 - Các hoạt động văn hoá đặc sắc của địa phương.
 - Sự giao lưu từ cộng đồng.
 - Những dự án tiếp theo có lợi cho HS và cộng đồng cần sự phối hợp của cộng đồng và CMHS...

Ngày hội thành tựu nên được tổ chức một năm một lần để đảm bảo sự liên kết thường xuyên giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

Những vấn đề cơ bản về quy trình thành lập HĐTQ HS và hướng dẫn được HS thành lập HĐTQ HS của lớp được trình bày trong tài liệu Hướng dẫn tổ chức lớp học của mô hình THM.

6. Không gian lớp học trong mô hình trường học mới

6.1. Khái quát về không gian lớp học mô hình trường học mới

Trong các lớp học theo mô hình THM, cần bố trí một số không gian và tài liệu được GV và HĐTQ HS sử dụng hằng ngày/tuần/tháng để phục vụ quá trình học tập tại lớp và tạo ra các hoạt động hỗ trợ cho việc học tập và các sinh hoạt tập thể khác như: Góc học tập; Góc sáng tạo; Góc thư viện; Góc cộng đồng; Hòm thư “nhịp cầu bè bạn”; Hòm thư “điều em muốn nói”; Sổ đối nội, đối ngoại; Nhật kí CMHS;... (Gọi chung là công cụ hỗ trợ).

HS cần được hướng dẫn sử dụng chúng để tham gia vào các hoạt động của lớp, giúp các em phát triển sự đam mê, sự sáng tạo, hình thành nhân cách và các kĩ năng hợp tác trong học tập; qua đó, GVCN có thể phát hiện và nuôi dưỡng các tiềm năng, giải đáp những băn khoăn, lo lắng.

HS sử dụng các không gian và tài liệu đó dựa trên vốn hiểu biết của mình, có thể có sự hỗ trợ của GVCN, để chúng phát huy tác dụng trong việc quản lí, tổ chức, thúc đẩy quá trình học tập. Đây không phải là những hoạt động mang tính cạnh tranh mà là sự hỗ trợ lẫn nhau học tập trong một môi trường lớp học thân thiện. GVCN nên chú ý động viên các em tham gia và bên cạnh việc hỗ trợ, GVCN nên tạo ra những thách thức mới để gây hứng thú và nâng cao tinh thần trách nhiệm của các em.

GVCN lưu ý trao đổi cùng CMHS và HS để xây dựng và sử dụng các không gian, tài liệu phù hợp nhất với điều kiện của lớp, để phục vụ có hiệu quả cho việc học tập và các hoạt động của lớp, tránh việc xây dựng và sử dụng một cách máy móc, hình thức.

Tuỳ không gian lớp học mà GVCN hướng dẫn Hội đồng tự quản HS lựa chọn và xây dựng số công cụ hỗ trợ phù hợp. Tránh tình trạng làm hình thức hoặc làm phức tạp cho không gian lớp học.

6.2. Một số công cụ hỗ trợ đã được thử nghiệm và có tác dụng tốt cho hoạt động học và công tác quản lí ở lớp học, trường học mới

a) Bảng theo dõi sĩ số

- *Mục đích:* Bảng này được thiết kế để theo dõi sĩ số của các em HS. Công cụ này như một bảng đánh giá cá nhân hoặc cho tập thể theo tuần, tháng hoặc theo kì. Bảng theo dõi sĩ số giúp HS phát triển tính tự giác, đi học đúng giờ và có tinh thần trách nhiệm trong học tập đồng thời xây dựng cho các em ý thức được đi học là một quyền lợi đặc biệt, chứ không phải là nghĩa vụ bắt buộc. HS cần có được cảm giác thoải mái, vui vẻ khi đi học.
- *Cách xây dựng:* Có thể làm bảng chung của cả lớp hoặc theo nhóm. Trên bảng cần có tên của HS, ngày tháng và các ô tương ứng. GVCN cùng bàn bạc với HS hình thức điền vào ô như điền tên, tích, cắm cờ hoặc dán những hình ảnh yêu thích của mình. Bảng nên thay đổi theo tháng để tạo sự hứng thú cho HS.
- *Cách sử dụng:* Mỗi HS khi đến lớp sẽ tự động điền vào phần ô tương ứng với ngày đi học. Để HS chủ động làm việc này, thay vì trưởng nhóm hoặc trưởng ban, sẽ tạo hứng thú cho các em. HS mong đến trường để tự mình ghi thêm thành tích chuyên cần cho mình. Vào cuối tuần, đại diện các nhóm sẽ có một bản báo cáo ngắn gọn gửi GVCN.

b) Sổ nhật kí học tập và tham gia hoạt động của HS

- *Mục đích:* Cuốn sổ này giúp HS có ý thức hơn và cố gắng nhiều hơn trong việc học tập và tham gia tích cực vào các hoạt động của lớp học, trường học. Việc thường xuyên chia sẻ thông tin trong cuốn sổ còn là hình thức khuyến khích và ghi nhận những thành tích của HS. Đây còn là công cụ giúp việc liên lạc, trao đổi với CMHS được thường xuyên và tốt hơn.
- *Cách xây dựng:* GVCN trao đổi với CMHS và HS về mục đích của cuốn sổ. HS sẽ tự chuẩn bị và trang trí cuốn sổ riêng của mình. GVCN chỉ lưu ý nhắc nhở các em về kích thước để không gây khó khăn trong việc bảo quản, cất giữ.
- *Cách sử dụng:* GVCN giải thích rõ cho HS về việc dùng cuốn sổ để ghi lại thành tích học tập (có thể là điểm số, những lời nhận xét tích cực của GVCN và các bạn học về việc học tập, những sản phẩm học tập có thể đính kèm,...) và kết quả hoạt động học tập xuất sắc của mình. Cuốn sổ này cũng mang tính cá nhân và không nhất thiết là phải đem so sánh với bất kì ai.

c) Hộp thư cá nhân

- *Mục đích:* Tạo cơ hội cho GVCN và HS trong lớp trao đổi, tiếp nhận thông tin giữa HS với HS và giữa HS với GV. Hộp thư cá nhân giúp hình thành cho HS thói quen quan tâm, chia sẻ với mọi người; rèn luyện HS biết tôn trọng sự riêng tư của bạn. Công cụ này còn là cách để GVCN động viên, khích lệ HS, hiểu được HS hơn.
- *Cách xây dựng*

Bước 1: GVCN cho mỗi HS tự tạo một hộp thư nhỏ từ các vật dụng như hộp các-tông nhỏ, giấy bìa, tranh ảnh, giấy màu, giấy trắng,... GVCN để HS tự vẽ, cắt dán, trang trí những hình ảnh các em yêu thích, không nên làm đồng loạt giống nhau. Trên mỗi hộp thư cá nhân có tên của HS. Công việc này cũng có thể thực hiện ở nhà. GVCN lưu ý HS về kích cỡ tối đa cho mỗi hộp thư cá nhân.

Bước 2: Cùng gắn những hộp thư cá nhân của cả lớp tại một vị trí, hoặc chia thành các nhóm. Lưu ý gắn ở vị trí thuận tiện, vừa tầm để đảm bảo tất cả các HS dễ tham gia và sử dụng.
- *Cách sử dụng:* GVCN cùng trao đổi với HS về tác dụng của hộp thư cá nhân; giải thích cho HS thấy mỗi cá nhân trong lớp đều nên có một hộp thư riêng. Bất cứ điều gì các em muốn chia sẻ, trao đổi với bạn hoặc thầy/cô giáo, các em có thể viết thư và bỏ vào hộp

thư riêng của bạn/thầy cô giáo. Các em có thể để tên của mình trong thư hoặc không. GVCN nên sử dụng hộp thư cá nhân để khích lệ, động viên, góp ý với HS mà không làm các em xấu hổ trước lớp. GVCN cũng có thể bỏ vào hộp thư cá nhân của các em những bài tập theo đúng trình độ để tăng thêm hứng thú học tập cho các em.

GVCN nên dành thời gian vào các giờ nghỉ giải lao hay các buổi sinh hoạt tập thể để HS viết thư cho nhau. GVCN nên thường xuyên sử dụng hộp thư này để tạo phong trào và hình thành dần thói quen trong lớp. Lưu ý: Hộp thư tuy của cá nhân nhưng không nên dán kín hay "bảo mật" vì các em luôn cần được giáo dục, rèn luyện tính trung thực, lòng tự trọng, không tự ý xem thư của người khác.

d) Hộp thư "Điều em muốn nói"

- *Mục đích:* Đây là công cụ giúp HS được bày tỏ ý kiến của mình. Những ý kiến của HS có thể là những tình cảm, cảm nhận, mong muốn, đề nghị hoặc bất cứ điều gì các em muốn nói về thầy cô, bạn bè, cha mẹ, nhân viên phục vụ, điều kiện học tập – sinh hoạt và các hoạt động vui chơi,... mà các em không thể hoặc chưa dám nói trực tiếp. Qua hộp thư này, người lớn (thầy cô, cha mẹ,...) sẽ có điều kiện hiểu các em nhiều hơn, đồng thời điều chỉnh các HĐGD, sinh hoạt sao cho phù hợp. Bên cạnh đó, công cụ này còn có ý nghĩa giúp các em nhận biết mình là một thành viên của nhà trường, quyền cơ bản của trẻ được tạo điều kiện thể hiện (quyền được học tập – quyền được vui chơi – quyền được tham gia ý kiến,...). Từ đó, các em có ý thức, tự giác và chủ động khi tham gia các hoạt động của chính các em.
- *Cách xây dựng:* Hộp thư có thể được làm bởi CMHS hoặc GVCN cùng HS thực hiện. GVCN và HS trang trí thêm những hình ảnh vui nhộn và được đặt tại các vị trí thuận tiện trong lớp, vừa tầm với của HS. Một số nơi còn có thêm các biện pháp bảo vệ cho hộp thư để chỉ những người có trách nhiệm mở hộp thư mới mở được để đảm bảo giữ kín những thông tin của HS.
- *Cách sử dụng:* GVCN giải thích cho HS về mục đích của hộp thư. Khuyến khích các em sử dụng hộp thư này để giúp cho tình hình và các điều kiện của lớp học, trường học được tốt hơn. GVCN cũng nên nhấn mạnh tới việc HS không cần thiết phải để tên mình trong thư, nếu muốn. Để quản lý Hộp thư "Điều em muốn nói" cần có sự tham gia của Chủ tịch, Phó chủ tịch và Trưởng các ban của HĐTQ HS và GV. Hộp thư cần được mở hằng ngày hoặc hằng tuần để ghi nhận, trả lời những ý kiến của HS cũng như giải quyết

các vấn đề nảy sinh trong lớp, trường. Tuy nhiên, tốt nhất nên mở hộp thư hằng ngày để đảm bảo cập nhật và giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh. GVCN lưu ý, những vấn đề mang tính cá nhân thì cần trao đổi với cá nhân HS, những vấn đề mang tính tập thể thì cần có sự trao đổi, bàn bạc trước cả lớp để tìm ra phương án giải quyết.

e) Sinh nhật hồng

- *Mục đích:* Tạo sự vui tươi trong lớp học; giúp HS biết cách quan tâm đến bạn bè, biết cách tổ chức những buổi kỉ niệm nho nhỏ; tạo sự gắn kết của các thành viên trong lớp.
- *Cách xây dựng:* GVCN có thể trao đổi với một ban trong lớp học về cách xây dựng góc sinh nhật. Có thể là cây với 12 bông hoa tương ứng với 12 tháng trong năm và trên mỗi bông hoa tháng là tên các bạn có ngày sinh trong tháng. Có thể là những hành tinh nhỏ mang tên tháng trong vũ trụ,... HS hoàn toàn có thể thực hiện được công việc này. GVCN hãy để các em tự trao đổi và thống nhất cách thực hiện.

Cũng có cách xây dựng khác nữa là GVCN chia lớp ra thành nhóm phụ trách từng tháng. Nhóm HS của tháng sẽ cùng bàn bạc để tổ chức sinh nhật của tháng mình theo cách mà các em thích nhất.

- *Cách sử dụng:* Góc sinh nhật giúp cả lớp cùng biết được sắp đến sinh nhật của bạn nào. Một ban sẽ phụ trách phần tổ chức sinh nhật cho các bạn trong tháng (hoặc có thể tổ chức đơn lẻ cho từng bạn). Cũng có thể dùng hình thức luân phiên các ban tổ chức hoặc nhóm các bạn có sinh nhật tháng này sẽ tổ chức cho nhóm các bạn có ngày sinh nhật của tháng khác. Việc tổ chức không cần cầu kì, các HS có thể lên kịch bản cho một chương trình văn nghệ, trò chơi,... GVCN hãy để cho các HS trong lớp được chúc mừng bạn mình và nên gợi ý HS sử dụng các công cụ khác (Ví dụ: Hộp thư bè bạn, những lời yêu thương,...) để thể hiện tình cảm với bạn mình trong ngày sinh nhật của các em. GVCN nên tạo điều kiện cho HS được tổ chức sinh nhật nói về bản thân mình, về những thay đổi khi một tuổi mới đã đến với em. Mỗi tháng qua đi, HS có thể gỡ tháng đó xuống để HS cảm nhận được thời gian của năm.

f) Những lời yêu thương

- *Mục đích:* HS được chia sẻ những câu nói, câu thơ hay, có ý nghĩa với mục đích giáo dục HS hướng đến những điều tốt đẹp.
- *Cách xây dựng:* GVCN và HS cùng thảo luận để quyết định chọn một hình thức phù hợp với điều kiện lớp học để làm góc của những lời yêu thương. Có thể làm trên khổ

giấy lớn, trang trí thành cây với những chiếc lá, bông hoa là những lời yêu thương và được dán lên tường. Có thể là cây thông góc lớp với những lời yêu thương được gắn lên cây,... Cũng có thể ghi những lời nói yêu thương, những câu danh ngôn phù hợp, dễ hiểu, dễ nhớ liên quan đến tuổi học trò trên các hành lang, lối đi, thư viện, sân/vườn trường,... nơi HS dễ quan sát và thường xuyên nhắc nhở mình thực hiện.

- *Cách sử dụng:* GVCN hướng dẫn HS sưu tầm những câu nói hay, những lời yêu thương về tình cảm gia đình, thầy trò, bạn bè,... HS cũng có thể nhờ CMHS sưu tầm cùng. GVCN có thể giao cho các ban quản lí góc này xây dựng chủ đề theo từng tháng, từng sự kiện để HS sưu tầm những câu nói, câu thơ hay theo các chủ đề đó. Trong các buổi sinh hoạt lớp, GVCN dành thời gian để cùng HS trò chuyện về những lời yêu thương này để giáo dục HS biết hướng tới những điều tốt đẹp và yêu thương trong cuộc sống.

g) Bảng nội quy lớp học

- *Mục đích:* Giúp các em thấy có trách nhiệm khi tự mình xây dựng nội quy của lớp mình; qua đó, HS có ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy.
- *Cách xây dựng:* GVCN tổ chức cho HS tham gia xây dựng nội quy của lớp nhằm giúp HS hiểu rõ và làm theo nội quy một cách tự giác. Nội quy cần ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu để HS dễ nhớ và thực hiện. Có thể bổ sung, điều chỉnh nội quy sau mỗi năm học và nội quy cũng cần được công bố ở các kì họp CMHS.
- *Cách sử dụng:* Bảng nội quy nên được đặt ở nơi mọi người dễ dàng nhìn thấy, không quá cao để HS không đọc được, cũng không quá thấp để dễ bị hư hỏng do va chạm. Ở một số địa phương tại những lớp rộng rãi và ít HS, bảng nội quy có thể thiết kế thêm các ô để HS dán các bông hoa có tên mình mỗi tháng một lần vào các nội dung mà mình đã thực hiện tốt.

h) Sổ ghi chép đối nội – đối ngoại

- *Mục đích:* Dùng ghi lại cảm tưởng của những người khách đến thăm trường/lớp hoặc cảm xúc của HS khi tham quan một nơi nào đó.
- *Cách xây dựng:* GVCN có thể bàn bạc trước lớp và giao cho một ban thực hiện việc thiết kế và ghi chép sổ. Sổ nên có các thông tin về ngày tháng, tên đoàn khách, HS nhà trường; cảm xúc của khách hoặc của HS, có thể có phần để dán những hình ảnh (nếu có) về những sự kiện đó.
- *Cách sử dụng:* Khách đến từ các tổ chức, hiệp hội hoặc GVCN và các bạn HS đến từ các

trường, lớp khác, đến thăm trường, lớp mình, sẽ ghi lại những cảm xúc, suy nghĩ của họ. Đây là một cơ hội cho khách có những đề xuất, ý kiến hay chỉ ra các quan điểm về một vấn đề cụ thể. Khi HS đi tham quan cũng thực hiện tương tự như vậy.

6.3. Các góc hỗ trợ trong lớp học

a) Góc học tập

- Góc học tập là không gian trong lớp học trang bị những tài liệu, đồ dùng dạy học, các vật dụng,... phục vụ cho việc học tập của HS.
- *Vai trò và ý nghĩa của góc học tập*
 - o Góc học tập làm tăng hứng thú học tập của HS, tăng các nguồn kiến thức trong dạy học của GV. GV sử dụng phương pháp trực quan trong dạy học giúp HS nắm kiến thức một cách chủ động, vững chắc. Góc học tập có một vai trò rất quan trọng đối với việc dạy và học trong trường THCS.
 - o Góc học tập cung cấp sách vở, tài liệu tham khảo, đồ dùng học tập ngay tại lớp học rất thuận lợi cho học tập và tham khảo tài liệu khi cần thiết mà không phải đến thư viện.
 - o GV làm phong phú thêm bài giảng của mình bằng sách và các tư liệu tham khảo trong góc học tập; có thể quan sát được hiệu quả dạy học, biết được hứng thú nghề nghiệp của HS, từ đó có thể hướng nghiệp cho các em.
 - o Giúp HS thu nhận và tổng hợp kiến thức thông qua việc quan sát và thao tác sử dụng các tài liệu, đồ vật ở góc học tập; làm phong phú kiến thức và phát huy trí tưởng tượng của các em.
 - o HS sẽ hứng thú học tập hơn khi sử dụng góc học tập dưới sự hướng dẫn của GV; hoặc tự nghiên cứu theo nhóm hay từng cá nhân, qua đó, hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu của HS.
- *Các tài liệu và đồ dùng ở góc học tập*
 - o Ngay từ đầu năm học, GV căn cứ trên yêu cầu chương trình và nội dung môn học; quan sát tâm lý và sở thích của HS để chuẩn bị kế hoạch xây dựng góc học tập phù hợp. Bằng kinh nghiệm của mình, GV suy nghĩ xem tài liệu nào, dụng cụ học tập nào trong góc học tập có thể giúp HS học tập có kết quả tốt hơn, hiệu quả hơn; đồng thời góp phần phát huy năng khiếu, sở thích và định hướng nghề nghiệp cho các em.

- Trong mỗi môn học, GV cần sưu tầm những loại tài liệu và đồ dùng học tập sau:
 - Tài liệu in ấn phục vụ học tập: Sách tham khảo, các loại SGK, báo, tạp chí,... liên quan đến nội dung môn học; sơ đồ, biểu đồ, bản đồ, tranh ảnh,... tạo hứng thú và mở rộng hiểu biết cho HS.
 - Đồ dùng dạy và học: Đây là những vật dụng mà HS và GV có thể sử dụng trong các giờ thực hành, thí nghiệm như các dụng cụ đo lường (cân, nhiệt kế, ampe kế,...), mô hình trái đất, các mẫu vật,...
 - Vật dụng phục vụ cuộc sống: Những đồ dùng thiết thực phục vụ cuộc sống như các loại công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt hằng ngày, trang phục, nhạc cụ, lương thực, thực phẩm,...
 - Tài liệu sáng tạo nghệ thuật: Các vật dụng có tính nghệ thuật dùng cho học tập, phát huy tính tưởng tượng và sáng tạo nghệ thuật của HS như các con rối, rô bốt,...
 - Đồ dùng do HS tự làm: Các bài làm đạt điểm tốt của HS, các vật dụng do HS sáng chế,...
- Ngoài ra, ở góc học tập còn có sách HDH các môn, hướng dẫn sử dụng các tài liệu, nhất là hướng dẫn sử dụng các tài liệu liên quan đến môn học.
- *Quản lí góc học tập*
 - HĐTQ HS phân công các bạn HS thay phiên nhau chăm sóc góc học tập; dọn dẹp lại cho ngăn nắp sau mỗi buổi học, quét dọn, lau sạch bụi bặm, vết bẩn sau khi sử dụng.
 - HĐTQ HS tổ chức đọc sách, thảo luận theo nhóm cùng sở thích và giúp nhau học tập một cách hiệu quả.

b) Góc thư viện

Góc thư viện là khu vực được bố trí riêng biệt trong lớp, là nơi để các tài liệu tham khảo (từ điển, sách, báo, truyện,...) do thư viện nhà trường hỗ trợ, GV và HS sưu tầm, do CMHS cùng cộng đồng đóng góp.

Góc thư viện trong lớp học là một công cụ quan trọng tạo cơ hội cho HS học tập một cách tích cực, chủ động, đồng thời cung cấp các nguồn tài liệu khác nhau để HS học tập và thư giãn.

Nguồn thông tin trong góc thư viện là một công cụ đặc lực hỗ trợ cho GV và HS trong dạy - học tích cực. GV có thể sử dụng nguồn thông tin ở góc thư viện để giải đáp rõ hơn những nội

dung có trong tài liệu hướng dẫn học hoặc làm giàu thêm vốn kiến thức của mình cũng như HS. Với mỗi chủ đề hay bài học, GV cần tham khảo thêm tư liệu về chủ đề hay bài học đó trong góc thư viện và cung cấp cho HS tên, trang, mục tài liệu cần tham khảo để hoàn thành bài học. Góc thư viện trong lớp học có thể hỗ trợ cho từng đối tượng HS trong quá trình học tập khác nhau. Với HS trung bình, các em có thể tìm thông tin để giải thích rõ hơn cho các khái niệm trong sách HDH. Với các HS khá, giỏi, các em có thể tìm hiểu sâu hơn, mở rộng hơn nội dung bài học qua những tài liệu có trong góc thư viện.

Góc thư viện đóng vai trò hỗ trợ nguồn tài liệu phong phú cho một môn học hay một chủ đề. Mặc dù tài liệu hướng dẫn học đã cung cấp cho HS những nội dung cơ bản cần thiết, nhưng vẫn có lúc HS vướng mắc và không hiểu rõ về một khái niệm hay một thông tin nào đó có liên quan đến bài học. Trong trường hợp này, GV nên hướng dẫn HS đến góc thư viện để tìm những cách giảng giải, chú thích khác phù hợp hơn với trình độ và khả năng nhận thức của HS. Sau khi đọc về một chủ đề tương tự trong góc thư viện, HS có thể tiếp tục học và làm việc với tài liệu hướng dẫn học.

Góc thư viện là nơi rất hữu ích để HS tiến hành các dự án nghiên cứu nhỏ của một số môn học. Tại đây các em có thể thực hiện việc tìm kiếm thông tin cho bài tập trong dự án nghiên cứu của mình. Nhiều khi tài liệu hướng dẫn học không cung cấp đủ nội dung để hoàn thành mục tiêu bài học như đã đề xuất. Vì vậy, việc tìm kiếm các thông tin tham khảo ở góc thư viện sẽ là rất cần thiết. Mô hình THM tăng cường khả năng tự học của HS, vì vậy nguồn thông tin trong góc thư viện sẽ hỗ trợ rất tốt cho các em trong việc tự học.

Góc thư viện trong lớp học đồng thời cũng được sử dụng để giúp HS giải trí và phát triển óc sáng tạo. Sách là nguồn giải trí rất lớn đối với trẻ em cũng như người lớn. Qua việc đọc sách, chúng ta có thể giáo dục chính mình, tích lũy và tăng khả năng tưởng tượng, trải nghiệm một cách gián tiếp. Ví dụ, như thưởng thức một chuyến đi lên mặt trăng hay thám hiểm một địa bàn khảo cổ; hoặc có thể sáng tác những bức tranh dựa trên các câu chuyện đã đọc; đóng vai thể hiện lại các nhân vật, sự kiện trong các câu chuyện,...

Ngoài việc cung cấp thông tin cho HS, góc thư viện còn góp phần hình thành, phát triển thói quen đọc sách cho các em, xây dựng nền tảng văn hoá đọc của mỗi người trong suốt cả cuộc đời.

c) Góc cộng đồng và bản đồ cộng đồng

c1. Góc cộng đồng

Góc cộng đồng là khu vực được bố trí riêng biệt trong lớp học, là nơi để các hiện vật, dụng cụ, tranh ảnh,... thể hiện sinh động đời sống vật chất hay tinh thần của cộng đồng địa phương. Góc cộng đồng được hiểu là sự mô tả một cách đơn giản về mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng địa phương, trong đó bao gồm các thông tin về bản đồ cộng đồng, về mùa vụ, sản xuất, kinh doanh, ngành nghề, phong tục tập quán, văn hoá, lễ hội, trang phục đặc sắc, lịch sử, di sản, địa lí, khí hậu thời tiết,... và một số sản vật đặc trưng của địa phương. Góc cộng đồng là hình ảnh thu nhỏ về những đặc điểm riêng biệt của cộng đồng trong phạm vi hẹp hoặc phạm vi rộng hơn nhưng có cùng những đặc điểm chung.

Góc cộng đồng giúp GV, HS biết rõ về môi trường vật chất và tinh thần của cộng đồng địa phương; thấy được sự gắn gũi, gắn bó giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng; tận dụng những yếu tố tích cực của môi trường địa phương vào nội dung các hoạt động dạy học. Qua đó, giúp các em thuận lợi trong việc áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. GV cần tìm ra những nguồn lực sẵn có về vật chất, con người hoặc ngành nghề thủ công của địa phương để hỗ trợ, liên kết, hợp tác giáo dục với nhà trường. Nhà trường vận động những nghệ nhân, doanh nhân giỏi ở địa phương đến trường để phổ biến cho HS những kiến thức, kinh nghiệm kinh doanh,... Từ đó, HS tăng thêm niềm tự hào về quê hương, đất nước, con người Việt Nam, mong muốn được duy trì và phát triển các tinh hoa văn hoá, truyền thống của các vùng miền và của quê hương.

Cùng tham gia vào quá trình xây dựng "Góc cộng đồng" có các thành viên trong cộng đồng như chính quyền địa phương, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên,... cùng với CMHS, HS, GV chủ nhiệm lớp và các GV bộ môn. Khi thiết lập góc cộng đồng, GVCN cần tổ chức một cuộc họp, gặp gỡ các thành viên trong cộng đồng để cùng nhau xây dựng góc cộng đồng. Tại cuộc họp này các đại biểu có thể vẽ trên giấy khổ to, hoặc trên tấm vải trắng để mô tả thông tin về mùa vụ, ngành nghề, lễ hội, khí hậu thời tiết,... của địa phương bằng các màu sắc sinh động. Mọi người có thể đóng góp hoặc sưu tầm một số sản phẩm đặc trưng của địa phương để trưng bày tại góc cộng đồng.

Tóm lại, góc cộng đồng giúp nhà trường, GV và HS:

- Biết rõ môi trường vật chất và tinh thần của cộng đồng địa phương.
- Sử dụng các yếu tố tích cực của môi trường vật chất và tinh thần ở địa phương vào trong các hoạt động dạy học tại lớp học.
- Giúp HS áp dụng kiến thức học ở lớp vào thực tiễn cuộc sống ở gia đình và cộng đồng.

- Tìm ra những nguồn lực sẵn có trong cộng đồng để hỗ trợ nhà trường trong giáo dục HS, đặc biệt là những người có ảnh hưởng lớn ở cộng đồng như trưởng bản, già làng, trưởng dòng họ, hội trưởng các hội: phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh, cựu giáo chức,... và các nguồn lực tình nguyện khác.
- Là nguồn thông tin để HS giới thiệu về cộng đồng với những người đến thăm và làm việc tại lớp/trường mình.

c2. Bản đồ cộng đồng

Bản đồ cộng đồng là bản đồ của địa phương mà trên đó có sự mô tả một cách đơn giản, bằng hình vẽ trên giấy khổ to hoặc trên một miếng vải, về cộng đồng địa phương. Nổi bật trên bản đồ cộng đồng là vị trí trường học, vị trí nhà ở gia đình của tất cả HS trong lớp. Ngoài ra, bản đồ cộng đồng phải thể hiện được những vị trí, địa điểm nổi bật của cơ quan hành chính, những đặc điểm về tự nhiên, văn hoá, xã hội và kinh tế; những di tích lịch sử, di tích văn hoá, công trình khoa học-kĩ thuật... của địa phương thuộc khu vực trường đóng.

Có thể nói, bản đồ cộng đồng là bản vẽ thu nhỏ những đặc điểm cơ bản của cộng đồng - nơi nhà trường đang tồn tại và phát triển. Nó khẳng định cộng đồng và nhà trường luôn tồn tại, gắn bó, hỗ trợ và không thể tách rời.

Bản đồ cộng đồng giúp nhà trường, GV và HS:

- Biết được khoảng cách mà mỗi HS phải đi học từ nhà đến trường.
- Xác định được những thuận lợi và khó khăn khi HS đi học.
- Biết được những địa điểm mà HS có thể gặp nguy hiểm để hướng dẫn các em phòng tránh rủi ro.
- Biết được những địa điểm cần thiết để chỉ dẫn cho HS đến khi cần sự trợ giúp hoặc vui chơi.
- Biết được những địa điểm và cách đi thăm gia đình HS.
- Là nguồn thông tin giới thiệu về cộng đồng với những người đến thăm và làm việc tại trường.
- Giúp HS biết tìm đường đến thăm nhà bạn để hỏi bài, vui chơi; đường đến trường an toàn, thuận tiện nhất; đường đến hiệu sách, chợ, uỷ ban nhân dân, đồn công an, bưu điện,...

Bản đồ cộng đồng được treo tại góc cộng đồng, nơi dễ quan sát trong lớp học. Mọi HS có thể quan sát và đọc được thông tin trên đó. Khi có khách tham quan lớp học, mỗi bạn đều có thể giới

thiệu được về lớp mình, ngôi trường của mình, về địa điểm nhà các bạn trong lớp, về cộng đồng. Nếu có một bạn mới được chuyển về lớp học, bạn đó sẽ được giới thiệu về bản đồ cộng đồng của lớp, bạn đó và mọi người trong lớp sẽ xác định xem nhà bạn đó sẽ được vẽ ở đâu trong bản đồ cộng đồng. Và tất nhiên sẽ có tên của bạn đó gắn hình vẽ ngôi nhà trên bản đồ cộng đồng của lớp. Bạn đó sẽ rất vui vì sẽ biết ngay đường nào thuận tiện khi đến trường, nhà mình ở gần nhà bạn nào để cùng đi đến trường.

Bản đồ cộng đồng giúp HS ý thức được mình là một thành viên của cộng đồng, từ đó ý thức xây dựng và giữ gìn cộng đồng được nâng cao.

GV có thể sử dụng bản đồ cộng đồng trong các hoạt động giáo dục cho HS về quan hệ gia đình, cộng đồng; tình bạn và mối quan tâm đến nhau; sự đoàn kết, chia sẻ, gắn bó giữa những con người, những gia đình trong cùng một cộng đồng; củng cố niềm tự hào về gia đình, cộng đồng, quê hương mình.

Những vấn đề cơ bản về của công cụ hỗ trợ hoạt động học của HS tại lớp được trình bày trong tài liệu Hướng dẫn tổ chức lớp học của mô hình THM.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo

Có nhiều quan niệm khác nhau về Hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nhưng tựu trung lại Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là HĐGD, trong đó, từng cá nhân HS được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong môi trường nhà trường cũng như môi trường gia đình và xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, phẩm chất nhân cách, các năng lực,..., từ đó tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình.

Theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới, các HĐGD trong trường THCS gồm: Hoạt động tập thể (sinh hoạt lớp, sinh hoạt trường, sinh hoạt Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, sinh hoạt Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh); HĐGD ngoài giờ lên lớp được tổ chức theo các chủ đề giáo dục; HĐGD hướng nghiệp;... được gọi chung là Hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Đối với mô hình THM THCS, vừa chú trọng đến tính trải nghiệm của HS trong các bài học, vừa chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo định hướng chương trình giáo dục phổ

thông mới nhằm giúp HS có cơ hội trải nghiệm nhiều hơn ở ngoài lớp học, chủ động phối hợp cùng CMHS, các doanh nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương như đoàn, hội, đội để xây dựng một số dự án học tập cộng đồng, gắn nội dung giáo dục trong nhà trường với các hoạt động thường xuyên tại địa phương liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; vệ sinh môi trường; hoạt động văn hoá, văn nghệ; thể dục, thể thao;...

II. Sự khác nhau giữa môn học/Hoạt động giáo dục và hoạt động trải nghiệm sáng tạo

| Đặc trưng | Môn học/HĐGD | Hoạt động trải nghiệm sáng tạo |
|-------------------|--|---|
| Mục đích chính | Hình thành và phát triển hệ thống tri thức khoa học, năng lực nhận thức và hành động của HS. | Hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kĩ năng sống và những năng lực chung cần có ở con người trong xã hội hiện đại. |
| Nội dung | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức khoa học, nội dung gắn với các lĩnh vực chuyên môn. - Được thiết kế thành các phần, chương, bài, có mối liên hệ logic chặt chẽ hoặc các mô đun tương đối hoàn chỉnh. | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức thực tiễn gắn bó với đời sống, địa phương, cộng đồng, đất nước, mang tính tổng hợp nhiều lĩnh vực giáo dục, nhiều môn học; để vận dụng vào thực tế. - Được thiết kế thành các chủ điểm mang tính mở, không yêu cầu mối liên hệ chặt chẽ giữa các chủ điểm. |
| Hình thức tổ chức | <ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng, có quy trình chặt chẽ, hạn chế về không gian, thời gian, quy mô và đối tượng tham gia,... - HS ít cơ hội trải nghiệm cá nhân. - Người chỉ đạo, tổ chức hoạt động học tập chủ yếu là GV. | <ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng, phong phú, mềm dẻo, linh hoạt, mở về không gian, thời gian, quy mô, đối tượng và số lượng,... - HS có nhiều cơ hội trải nghiệm cá nhân. - Có nhiều lực lượng tham gia chỉ đạo, tổ chức các hoạt động trải nghiệm với các mức độ khác nhau (GV, CMHS, nhà hoạt động xã hội, chính quyền, doanh nghiệp,...). |

| | | |
|------------------------|---|---|
| Tương tác, phương pháp | <ul style="list-style-type: none"> - Chủ yếu là thầy - trò. - Thầy chỉ đạo, hướng dẫn, trò hoạt động là chính. | <ul style="list-style-type: none"> - Đa chiều. - HS tự hoạt động, trải nghiệm là chính. |
| Kiểm tra, đánh giá | <ul style="list-style-type: none"> - Nhấn mạnh đến năng lực tư duy. - Theo chuẩn chung. - Thường đánh giá kết quả đạt được bằng điểm số. | <ul style="list-style-type: none"> - Nhấn mạnh đến kinh nghiệm, năng lực thực hiện, tính trải nghiệm. - Theo những yêu cầu riêng, mang tính cá biệt hoá, phân hoá. - Thường đánh giá kết quả đạt được bằng nhận xét. |

III. Một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới Trung học cơ sở

Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình THM THCS rất đa dạng như: Tham gia các dự án cộng đồng; Tham quan, dã ngoại; Hội thi/cuộc thi; Câu lạc bộ; Các trò chơi; Tổ chức diễn đàn; Sân khấu tương tác; Hoạt động giao lưu; Hoạt động chiến dịch; Hoạt động nhân đạo; Hoạt động tình nguyện; Lao động công ích; Sinh hoạt tập thể;...

Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có tài liệu hướng dẫn riêng về tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình THM THCS.

E. ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. Mục đích đánh giá

Đánh giá HS trong mô hình THM THCS được hiểu là những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của HS; tư vấn, hướng dẫn, động viên HS; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của HS THCS nhằm mục đích giúp:

1. HS tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát

hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của HS trong quá trình giáo dục.

2. GV rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động dạy học và giáo dục ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học và giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, khích lệ; phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của HS để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi HS để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của HS.
3. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp có căn cứ để kịp thời chỉ đạo các HĐGD, đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.
4. CMHS hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là CMHS), cộng đồng quan tâm và tham gia nhận xét, góp ý quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, phát triển năng lực, phẩm chất của HS; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động dạy học và giáo dục HS.

II. Nguyên tắc đánh giá

1. Đánh giá phải hướng tới sự phát triển phẩm chất và năng lực của HS thông qua mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ và các biểu hiện năng lực, phẩm chất của HS dựa trên mục tiêu giáo dục THCS; coi trọng đánh giá để giúp đỡ HS về phương pháp học tập.
2. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả HS: đánh giá các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc HS báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập (sau đây gọi chung là sản phẩm học tập); kết hợp đánh giá trong quá trình dạy học, giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kì, cuối năm học. Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của HS, đánh giá của CMHS và cộng đồng.
3. Coi trọng đánh giá sự tiến bộ của mỗi HS, không so sánh HS này với HS khác; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự hứng thú, tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của HS; giúp HS phát huy năng khiếu cá nhân; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không tạo áp lực cho HS, GV và CMHS.
4. Việc đánh giá HS khuyết tật học hoà nhập phải bảo đảm quyền được chăm sóc và giáo dục đối với tất cả HS theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của HS là chính.

III. Nội dung đánh giá

1. Đánh giá hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của HS theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục THCS theo từng môn học và HĐGD.
2. Đánh giá sự hình thành và phát triển một số phẩm chất của HS.

Việc đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu về phẩm chất và năng lực chung của HS cấp THCS được thực hiện thông qua nhận xét các biểu hiện chủ yếu của các thành tố trong từng phẩm chất và năng lực. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ hướng dẫn cụ thể về các biểu hiện chủ yếu của các thành tố trong từng phẩm chất và năng lực của HS.

IV. Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì

1. Đánh giá thường xuyên

- 1.1. Đánh giá thường xuyên là đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện, của HS, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và HĐGD, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kỹ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.
- 1.2. Tham gia đánh giá thường xuyên gồm có: GV, HS (tự rút kinh nghiệm và nhận xét, góp ý bạn qua hoạt động của nhóm, lớp); khuyến khích CMHS và cộng đồng tham gia nhận xét, góp ý cho HS, GV, các HĐGD của nhà trường.

1.2.1. Giáo viên đánh giá

a) Đánh giá quá trình học tập của học sinh

Trong quá trình dạy học, căn cứ vào đặc điểm và mục tiêu của bài học, của mỗi hoạt động trong bài học, GV tiến hành một số việc như sau:

- Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS/nhóm HS theo tiến trình dạy học; quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của HS để áp dụng biện pháp cụ thể, kịp thời giúp đỡ HS vượt qua khó khăn. Chấp nhận sự khác nhau về thời gian và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các HS; những HS hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn tiến độ chung thì được giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc giúp đỡ bạn. Hằng tuần, GV lưu ý đến những HS có nhiệm vụ chưa hoàn thành, giúp đỡ kịp thời để HS biết cách hoàn thành nhiệm vụ.

- Nếu có nhận xét đặc biệt, GV ghi vào phiếu, vở, sản phẩm học tập,... của HS về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được, mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức, mức độ thành thạo các thao tác, kĩ năng cần thiết,...

b) Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh

GV quan sát các biểu hiện trong quá trình học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động tập thể để nhận xét sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của HS; từ đó động viên, khích lệ, giúp HS khắc phục khó khăn; phát huy ưu điểm và các phẩm chất, năng lực riêng; điều chỉnh hoạt động, ứng xử để tiến bộ.

c) Lưu ý

GV không đánh giá bằng điểm mà đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả học tập của HS; chủ yếu dùng lời nói để động viên, góp ý, hướng dẫn HS, đồng thời ghi lại những nhận xét đáng chú ý nhất vào "Sổ tay lên lớp" như: những kết quả HS đã đạt được hoặc chưa đạt được; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS; những biện pháp đã áp dụng và những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân hoặc nhóm HS trong học tập, rèn luyện.

Để đạt hiệu quả cao trong việc động viên, khích lệ HS, GV cần đặc biệt quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lí, hoàn cảnh riêng,... của từng HS để có những nhận xét thoả đáng; biểu dương, khen ngợi kịp thời đối với từng thành tích, tiến bộ giúp HS tự tin vươn lên; tuyệt đối tránh những nhận xét có tính xúc phạm, làm tổn thương tâm lí HS.

GV kịp thời trao đổi với CMHS và những người có trách nhiệm để có thêm thông tin và phối hợp giúp cho sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

Hàng tháng, đối với những HS cần được quan tâm, GV ghi nhận xét vào "Sổ tay lên lớp" của GV về thành tích hoặc hạn chế nổi bật trong học tập và rèn luyện; các biểu hiện của phẩm chất, năng lực; dự kiến áp dụng biện pháp cụ thể, riêng biệt nhằm bồi dưỡng HS có năng khiếu, giúp đỡ kịp thời những HS chưa hoàn thành nội dung học tập môn học và HĐGD trong tháng.

1.2.2. Học sinh tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn

- HS tự rút kinh nghiệm ngay trong quá trình hoặc sau khi thực hiện từng nhiệm vụ học tập, HĐGD khác; trao đổi với GV để được góp ý, hướng dẫn.
- HS tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập môn học và HĐGD; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ.

1.2.3. Cha mẹ học sinh tham gia đánh giá

CMHS được khuyến khích phối hợp với GV và nhà trường động viên, giúp đỡ HS học tập, rèn luyện; được GV hướng dẫn tham dự, quan sát, hỗ trợ các hoạt động của HS; trao đổi với GV bằng các hình thức phù hợp như lời nói, viết thư... về các nhận xét, các biện pháp giúp đỡ HS.

2. Đánh giá định kì kết quả học tập cuối học kì I và cuối năm học

2.1. Các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, Công nghệ, Tin học được đánh giá qua bài kiểm tra định kì với thời lượng 90 phút. Để kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc/và trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu:

- *Nhận biết*: HS nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học khi được yêu cầu.
- *Thông hiểu*: HS diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, có thể thêm các hoạt động phân tích, giải thích, so sánh; áp dụng trực tiếp (làm theo mẫu) kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập.
- *Vận dụng*: HS kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học.
- *Vận dụng cao*: HS vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

Tỉ lệ số câu hỏi, bài tập thuộc các phân môn trong bài kiểm tra đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Công nghệ, Tin học phù hợp với nội dung phân môn đã học tính đến thời điểm kiểm tra.

Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của HS ở từng học kì và từng khối lớp, GV và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng HS và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

Đánh giá qua bài kiểm tra định kì được lượng hoá bằng điểm số theo thang điểm 10 hoặc quy đổi về thang điểm 10, kết hợp với nhận xét những ưu điểm, hạn chế và sửa lỗi, góp ý cho HS. Nội dung nhận xét phải thoả đáng, phù hợp với điều kiện học tập, sự tiến bộ, đặc điểm tâm lí HS;

tránh những nhận xét chung chung, theo mẫu hay những nhận xét mang tính xúc phạm làm tổn thương tâm lí HS.

Đối với HS có kết quả bài kiểm tra định kì không phù hợp với những nhận xét trong quá trình học tập (quá trình học tập tốt nhưng kết quả kiểm tra quá kém hoặc ngược lại), GV cần tìm hiểu rõ nguyên nhân, nếu thấy cần thiết và hợp lí thì có thể cho HS kiểm tra lại.

2.2. Đối với môn Tiếng Anh: ngoài những quy định trên, thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục)

Căn cứ chuẩn kiến thức, kĩ năng của môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của HS để nhận xét kết quả bài kiểm tra định kì theo hai mức:

a) Đạt yêu cầu: Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau:

- Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kĩ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra;
- Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kĩ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.

b) Chưa đạt yêu cầu: Các trường hợp còn lại.

V. Tổng hợp đánh giá định kì và xét khen thưởng

1. Vào cuối học kì I và cuối năm học, hiệu trưởng chỉ đạo GVCN phối hợp với các GV bộ môn để đánh giá tổng hợp từng HS:

1.1. Nhận xét quá trình và kết quả học tập từng môn học/HĐGD: những đặc điểm nổi bật, sự tiến bộ, hạn chế, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập theo chuẩn kiến thức, kĩ năng; năng khiếu, hứng thú về từng môn học/HĐGD; những nội dung học tập chưa hoàn thành (nếu có). Đánh giá từng HS thuộc một trong hai mức: "Hoàn thành" hoặc "Có nội dung chưa hoàn thành".

1.2. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của năng lực để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm năng lực của HS; góp ý với HS, khuyến nghị với nhà trường, CMHS. Đánh giá từng HS thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Còn hạn chế".

1.3. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của phẩm chất để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm phẩm chất của HS; góp ý với HS, khuyến nghị với

nhà trường, CMHS. Đánh giá từng HS thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Cần rèn luyện thêm".

1.4. Xét khen thưởng HS:

GVCN hướng dẫn tập thể HS bình bầu những HS đạt thành tích nổi bật hay có tiến bộ vượt bậc trong các nội dung đánh giá, đạt thành tích nổi bật trong các phong trào thi đua và các cuộc thi; tham khảo ý kiến của GV bộ môn và CMHS; tổng hợp và lập danh sách đề nghị hiệu trưởng tặng giấy khen hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

HS có thành tích đột xuất có thể được xét khen thưởng đột xuất hoặc khen thưởng cuối học kì, cuối năm học.

Nội dung, số lượng HS được khen thưởng, tuyên dương do hiệu trưởng quyết định.

1.5. *Lưu ý:* Đối với HS khuyết tật học theo phương thức giáo dục hoà nhập, nếu khả năng của HS có thể đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung thì được đánh giá như đối với HS bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc HĐGD mà HS không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung thì được đánh giá theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc đánh giá HS khuyết tật phải dựa trên sự nỗ lực và tiến bộ của HS.

2. GVCN ghi nhận xét, kết quả tổng hợp đánh giá vào học bạ, phản ánh được mức độ hoàn thành chương trình và xác định những nhiệm vụ, những điều cần khắc phục, giúp đỡ đối với từng HS khi bắt đầu vào học kì II hoặc bắt đầu năm học mới.

VI. Hồ sơ đánh giá

1. Hồ sơ đánh giá được coi là minh chứng cho quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của HS; là phương tiện giúp cho việc thông tin nhằm tăng cường sự phối hợp giáo dục HS giữa GV, nhà trường với CMHS.
2. Hồ sơ đánh giá theo năm học của mỗi HS gồm:
 - a) Học bạ (hoặc Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với HS khuyết tật);
 - b) Bài kiểm tra định kì cuối học kì I và cuối năm học;
 - c) Các nhận xét về thành tích nổi bật hoặc những điều cần lưu ý trong học tập và rèn luyện của HS (trích từ "Sổ tay lên lớp" của GV);

- d) Các sản phẩm học tập khác như: Bài dự thi, Dự án dự thi khoa học, kĩ thuật đã đoạt giải,... (nếu có);
 - e) Phiếu hoặc sổ liên lạc trao đổi ý kiến của CMHS (nếu có);
 - f) Giấy chứng nhận, giấy khen, huy chương,... xác nhận thành tích của HS trong năm học (nếu có).
3. Khuyến khích GV, nhà trường sử dụng máy tính (với phần mềm chuyên dụng hoặc các phần mềm thông dụng như word, excel,...) để ghi chép và lưu trữ hồ sơ đánh giá HS. Cuối mỗi năm học hoặc khi cần thiết, hồ sơ đánh giá HS được in ra để GV và lãnh đạo nhà trường kí tên, đóng dấu và lưu giữ tại nhà trường.
 4. Đối với HS chuyển đi khỏi lớp học theo mô hình THM, hồ sơ đánh giá HS hoàn thiện theo hướng dẫn này được nộp vào cơ sở giáo dục mới và kết hợp với hồ sơ ở trường mới. Đối với HS chuyển đến lớp học theo mô hình THM, hồ sơ đánh giá HS gồm hồ sơ học tại trường cũ (cập nhật đến thời điểm chuyển đến) và hồ sơ đánh giá thực hiện theo hướng dẫn này.

VII. Sử dụng kết quả đánh giá

1. Xét hoàn thành chương trình lớp học: HS được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - Điểm các bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, Công nghệ, Tin học; điểm trung bình cả năm môn Tiếng Anh: Đạt 5 điểm trở lên. Kết quả đánh giá định kì HĐGD (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục): Đạt yêu cầu.
 - Tổng hợp đánh giá cuối năm học đối với tất cả các môn học, HĐGD: Hoàn thành; Mức độ hình thành và phát triển năng lực: Đạt; Mức độ hình thành và phát triển phẩm chất: Đạt.
2. Đối với HS chưa hoàn thành chương trình lớp học, hiệu trưởng phân công GV lập kế hoạch, trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ từng HS; đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học vào đầu năm học mới.
3. Đối với những HS đã được GV trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ mà vẫn chưa đạt một trong các điều kiện quy định tại điểm 1 mục này, tùy theo mức độ chưa hoàn thành ở các môn học, HĐGD, bài kiểm tra định kì, mức độ hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất, GV lập danh sách báo cáo hiệu trưởng xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp.

Đối với những HS có nội dung chưa hoàn thành trong kết quả học tập, cần rèn luyện thêm về phẩm chất hoặc còn hạn chế về năng lực thì vào đầu năm học mới được bàn giao cho GV lớp mới để được tiếp tục giúp đỡ tiến bộ.

4. Kết quả xét hoàn thành chương trình lớp học được ghi vào học bạ.

VIII. Tổ chức thực hiện việc đánh giá học sinh

1. Trách nhiệm của hiệu trưởng

- 1.1. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá HS; khen thưởng HS; báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Giáo dục và Đào tạo.
- 1.2. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ HS; xét hoàn thành chương trình lớp học, cấp học; xét lên lớp; duyệt kết quả đánh giá HS cuối năm học; quản lí học bạ trong thời gian HS học ở trường.
- 1.3. Tiếp nhận, giải quyết ý kiến thắc mắc, đề nghị của HS, CMHS về nhận xét, đánh giá, khen thưởng theo phạm vi và quyền hạn của hiệu trưởng.
- 1.4. Hướng dẫn GV sử dụng mẫu học bạ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trách nhiệm của giáo viên

2.1. Giáo viên chủ nhiệm

- a) Chịu trách nhiệm chính, phối hợp với GV bộ môn trong việc đánh giá kết quả học tập, phẩm chất, năng lực của HS; hoàn thành hồ sơ đánh giá HS theo quy định; tổng hợp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HS;
- b) Có trách nhiệm thông báo đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của HS cho CMHS cuối học kì I, cuối năm học hoặc khi được yêu cầu; không thông báo trước lớp và trong cuộc họp CMHS những điểm còn hạn chế của HS; duy trì mối liên hệ với CMHS để phối hợp giáo dục HS.

2.2. Giáo viên bộ môn

- a) Chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của HS đối với môn học/HĐGD theo quy định;
- b) Phối hợp với GVCN, GV dạy cùng lớp, CMHS lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ HS học tập, rèn luyện đối với môn học và HĐGD;
- c) Phối hợp với GVCN lớp đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của HS, hoàn thành hồ sơ đánh giá HS.

Phần thứ hai.

TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 6 THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

A. VỊ TRÍ, ĐẶC ĐIỂM MÔN CÔNG NGHỆ

I. Vị trí

- Môn học thuộc lĩnh vực Công nghệ, một trong các lĩnh vực học tập chủ chốt của chương trình giáo dục phổ thông giúp chuẩn bị cho HS sống và làm việc trong thế giới công nghệ;
- Môn học được dạy ở cả ba cấp học. Ở Tiểu học là môn thủ công, kĩ thuật; ở THCS và THPT là môn Công nghệ, đề cập tới các lĩnh vực về nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp, kinh tế gia đình và giáo dục kinh doanh;
- Môn học có mối liên hệ chặt chẽ với một số môn thuộc khoa học tự nhiên, theo nghĩa khoa học tự nhiên là cơ sở của môn học. Vì vậy, môn Công nghệ giúp HS có cơ hội kiểm nghiệm các tri thức và kinh nghiệm học tập để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống và sản xuất, làm cho các tri thức học tập được trong nhà trường phổ thông gắn liền với thực tiễn và trở nên hữu ích với cuộc sống;
- Môn Công nghệ giúp HS tiếp cận, làm quen với một số quy trình công nghệ chủ yếu, một số ngành nghề phổ biến của đất nước; nhận thức được giá trị của công nghệ và kĩ thuật, trau dồi tri thức, khả năng nghiên cứu công nghệ và tìm ra được định hướng nghề nghiệp tương lai phù hợp với hứng thú, năng lực của bản thân, đồng thời phù hợp với nhu cầu lao động của xã hội;
- Môn Công nghệ góp phần hình thành và phát triển các năng lực, phẩm chất cần thiết của người lao động mới cho HS và chuẩn bị cho các em tiếp tục học lên hoặc bước vào cuộc sống lao động;
- Môn Công nghệ góp phần quan trọng vào việc rèn luyện phương pháp tư duy, giải quyết vấn đề, phát triển tư duy kĩ thuật, cách suy nghĩ độc lập, sáng tạo cho HS.

II. Đặc điểm

- Công nghệ là môn học mang tính thực tiễn và tính thời sự cao. Vì vậy, mục tiêu, nội dung môn học phải xuất phát từ thực tiễn, phản ánh thực tiễn và được vận dụng, thực hành, kiểm nghiệm trong thực tiễn, đồng thời phải đảm bảo đáp ứng được những đòi hỏi, yêu cầu của thực tiễn sản xuất và đời sống. Trong quá trình dạy học, phải luôn gắn lí thuyết với thực hành, gắn hoạt động học tập ở lớp với hoạt động trải nghiệm, vận dụng ở gia đình và cộng đồng, thường xuyên cập nhật những thành tựu mới của khoa học ứng dụng.
- Công nghệ là môn học mang tính tổng hợp và tích hợp. Vì vậy, nội dung môn học phải được xây dựng theo nguyên tắc kĩ thuật tổng hợp và hàm chứa, liên kết được với kiến thức của các môn học khác như Toán, Khoa học tự nhiên, Kinh tế...
- Công nghệ là môn học vừa mang tính cụ thể, vừa mang tính trừu tượng được thể hiện thông qua việc đề cập tới các đối tượng, hệ thống kĩ thuật cụ thể cũng như các nguyên lí hoạt động trừu tượng của chúng.

III. Định hướng phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá

- Dạy học môn Công nghệ cần phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; hình thành và phát triển năng lực tự học cho HS thông qua các hoạt động học tập, các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực và các hình thức tổ chức dạy học thích hợp như: dạy học giải quyết vấn đề; dạy học theo dự án; Hoạt động trải nghiệm sáng tạo; kĩ thuật mảnh ghép, khăn trải bàn, ổ bi,... Tùy theo mục tiêu, nội dung, đối tượng HS và điều kiện cụ thể mà sử dụng các hình thức tổ chức dạy học thích hợp như học cá nhân, học nhóm, học trong lớp, học ngoài lớp.
- Phương tiện và đồ dùng dạy học là công cụ không thể thiếu để tiến hành các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Công nghệ. Do vậy, khi tổ chức dạy học, cần chuẩn bị đầy đủ và sử dụng, khai thác hợp lí các phương tiện, đồ dùng dạy học nhằm giúp HS lĩnh hội các kiến thức một cách hứng thú, thuận lợi và hiệu quả.
- Tăng cường hoạt động thực hành, trải nghiệm, vận dụng kiến thức công nghệ vào thực tiễn ở gia đình, địa phương. Quan tâm tới các chủ đề dạy học tích hợp thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học kĩ thuật nhằm khơi dậy tính sáng tạo của HS khi giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Chú trọng đánh giá năng lực người học. Điều này có nghĩa là không tập trung vào đánh giá kiến thức, kỹ năng đơn lẻ như trước đây mà chuyển sang đánh giá năng lực vận dụng, năng lực giải quyết vấn đề, giải quyết tình huống thực tế từ những kiến thức, kỹ năng đã thu nhận được. Kết quả đánh giá phản ánh đúng chuẩn đầu ra của môn Công nghệ ở từng cấp, lớp.
- Coi trọng đánh giá thường xuyên, đánh giá theo quá trình giúp HS tiến bộ trong quá trình học tập, đánh giá bằng quan sát, nhận xét, đánh giá thông qua sản phẩm học tập của HS.
- Kết hợp sử dụng nhiều phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá như trắc nghiệm khách quan, tự luận, đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì, đánh giá của GV và tự đánh giá của HS, đánh giá của nhà trường và đánh giá của gia đình, cộng đồng.

B. CHƯƠNG TRÌNH HỌC MÔN CÔNG NGHỆ

I. Hướng dẫn chung

Nội dung chương trình mô hình THM môn Công nghệ 6 được lựa chọn và xây dựng dựa trên một số căn cứ sau:

- Kế thừa những ưu điểm của chương trình hiện hành;
- Quán triệt tư tưởng tích hợp trong giáo dục công nghệ: tích hợp giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kinh doanh;
- Đảm bảo tính phân hoá, phù hợp với đối tượng, năng khiếu, sở thích, đặc điểm tâm sinh lý, yếu tố vùng miền và địa phương;
- Hướng đến hình thành và phát triển năng lực chung đặc biệt là năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; hình thành và phát triển các phẩm chất về ý thức tổ chức lao động, tác phong công nghiệp;
- Đảm bảo cơ bản, hiện đại và phù hợp với thực tiễn Việt Nam;
- Thiết thực, hữu ích, liên quan và định hướng nghề nghiệp;
- Kế thừa xu hướng Quốc tế về giáo dục công nghệ phổ thông;
- Xem xét mối liên hệ giữa Công nghệ với các lĩnh vực học tập khác.

Nội dung chương trình môn Công nghệ 6 được biên soạn theo tinh thần tự chọn bắt buộc theo mô đun (tương đương với tự chọn 3 trong dự thảo chương trình giáo dục phổ thông mới). Theo đó, nội dung chương trình môn Công nghệ 6 được chia làm hai khối kiến thức:

- Khối kiến thức bắt buộc (32 tiết): Cốt lõi, cơ bản của tất cả các nội dung và tất cả HS đều phải học (dự kiến học trong học kì I), bao gồm: NHÀ Ở, MAY MẶC VÀ ĂN UỐNG, THU CHI TRONG GIA ĐÌNH;
- Khối kiến thức tự chọn (32 tiết): Định hướng lứa tuổi, giới tính, vùng miền để tự chọn bắt buộc (dự kiến học trong học kì II) HS sẽ chọn 2 trong 3 mô đun, mỗi mô đun có thời lượng 16 tiết, bao gồm: TRANG TRÍ NHÀ Ở, NẤU ĂN, TÌM HIỂU KINH DOANH.

Việc lựa chọn của HS cần căn cứ vào điều kiện thực tiễn của nhà trường. Bên cạnh đó, nhà trường có thể chủ động biên soạn thêm các mô đun khác phù hợp với đặc thù của địa phương, vùng miền.

II. Chương trình chi tiết

| TT | Tên bài | Thời lượng (tiết) | Mức độ cần đạt | Ghi chú |
|---|---------------------------|-------------------|--|---------|
| HỌC KÌ I - KHỐI KIẾN THỨC BẮT BUỘC (32 tiết) | | | | |
| PHẦN I. NHÀ Ở (10 tiết) | | | | |
| 1 | Nhà ở đối với con người | 3 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vai trò của nhà ở đối với con người; – Mô tả được các khu vực của nhà ở và trình bày được các yêu cầu đối với các khu vực trong nhà ở; – Nhận ra được các khu vực trong nhà ở đối với các kiểu nhà khác nhau; phát hiện được những yếu tố hợp lí, chưa hợp lí trong các khu vực đó. | |
| 2 | Bố trí đồ đạc trong nhà ở | 4 | <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được cách sắp xếp đồ đạc trong nhà một cách hợp lí và có tính thẩm mỹ; – Đề xuất được phương án sắp xếp, bố trí đồ đạc trong nhà hợp lí, có tính thẩm mỹ; sắp xếp được nơi học tập của bản thân ở nhà gọn gàng, ngăn nắp. | |

| | | | |
|--|--|---|---|
| 3 | Giữ gìn vệ sinh nhà ở | 3 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được ý nghĩa về sự sạch sẽ, ngăn nắp của nhà ở; các phương pháp giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp; – Đề xuất và thực hiện được những công việc cần phải làm để giữ gìn nhà ở của gia đình luôn sạch sẽ, ngăn nắp. |
| PHẦN II. MAY MẶC VÀ ĂN UỐNG (14 tiết) | | | |
| 1 | Các loại vải thường dùng trong may mặc | 2 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được tính chất chủ yếu và nhận biết được một số loại vải thường dùng trong may mặc; – Lựa chọn được loại vải phù hợp với nhu cầu, sở thích của bản thân; – Bảo quản và giặt giữ được một số loại vải thường dùng trong may mặc; – Ứng dụng được những hiểu biết về các loại vải thường dùng trong may mặc vào thực tiễn. |
| 2 | Trang phục và thời trang | 3 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm, chức năng của trang phục. Phân biệt được trang phục và thời trang; – Mô tả được một số kiểu trang phục và thời trang phù hợp với lứa tuổi học trò; – Bước đầu lựa chọn được loại vải, kiểu may trang phục và thời trang phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi bản thân và điều kiện của gia đình; – Vận dụng được những hiểu biết về trang phục và thời trang vào cách ăn mặc của bản thân sao cho phù hợp. |

| | | | | |
|---|--------------------------------|---|---|--|
| 3 | Sử dụng và bảo quản trang phục | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cách sử dụng trang phục phù hợp với các hoạt động hằng ngày của bản thân và cách bảo quản trang phục để giữ được vẻ đẹp, độ bền của trang phục. - Vận dụng được cách sử dụng, bảo quản trang phục hợp lí vào việc sử dụng, bảo quản trang phục của bản thân và mọi người trong gia đình. Có khả năng phát hiện, xử lí, giải quyết một số vấn đề đơn giản gặp phải khi sử dụng, bảo quản trang phục trong thực tế. - Rèn luyện thói quen sử dụng, bảo quản trang phục thân thiện với môi trường | |
| 4 | Ăn uống hợp lí | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nhu cầu của cơ thể về các chất dinh dưỡng; - Trình bày được thế nào là ăn uống hợp lí, vì sao phải ăn uống hợp lí; - Nêu được cách ăn uống để đảm bảo hợp lí, khoa học và vận dụng được vào thực tế cuộc sống. | |
| 5 | Vệ sinh an toàn thực phẩm | 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò và tầm quan trọng của việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP); - Nguyên nhân gây mất VSATTP; - Mô tả được các biểu hiện của ngộ độc thực phẩm; - Nhận biết và thực hiện được những việc đúng, nên làm và những việc sai cần tránh để bảo đảm VSATTP. | |

PHẦN III. THU CHI TRONG GIA ĐÌNH (8 tiết)

| | | | |
|---|-------------------------|---|--|
| 1 | Thu nhập của gia đình | 3 | <ul style="list-style-type: none"> – Kể tên được các nguồn thu nhập của gia đình; – Xác định được các nguồn thu nhập của gia đình; đề xuất được các biện pháp tăng thu nhập cho gia đình; tham gia các công việc, hoạt động vừa sức để tăng thu nhập cho gia đình; vận dụng các biện pháp tăng thu nhập gia đình của mình. |
| 2 | Chi tiêu trong gia đình | 3 | <ul style="list-style-type: none"> – Kể tên được các khoản chi tiêu trong gia đình; – Xác định được các khoản chi tiêu của gia đình; đề xuất được các việc làm nhằm tiết kiệm chi tiêu trong gia đình; xác định được các công việc cần làm để cân đối thu, chi trong gia đình. |
| 3 | Lập kế hoạch chi tiêu | 2 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được mục đích, lợi ích, trình tự lập kế hoạch chi tiêu cho bản thân và gia đình; – Lập được các kế hoạch chi tiêu trong một tuần, một tháng cho bản thân và gia đình. |

HỌC KÌ II - KHỐI KIẾN THỨC TỰ CHỌN BẮT BUỘC (Chọn 2 trong 3 mô đun)

MÔ ĐUN I. TRANG TRÍ NHÀ Ở (16 tiết)

| | | | |
|---|-----------------------------|---|--|
| 1 | Trang trí nhà ở bằng đồ vật | 2 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vai trò của một số đồ vật trong trang trí nhà ở, một số điểm cần lưu ý khi trang trí đồ vật trong nhà ở; – Nhận biết được các đồ vật sử dụng và trang trí trong nhà ở; lựa chọn được một số đồ vật thông thường để trang trí nhà ở của gia đình và nơi học tập ở nhà của bản thân. |
|---|-----------------------------|---|--|

| | | | | |
|---|--------------------------------------|---|---|--|
| 2 | Trang trí nhà ở bằng hoa và cây cảnh | 2 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được ý nghĩa của hoa và cây cảnh trong trang trí nhà ở; – Đề xuất được phương án sử dụng hoa và cây cảnh để trang trí nhà ở của gia đình mình. | |
| 3 | Cắm hoa trang trí | 4 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được một số dụng cụ, vật liệu cắm hoa, một số nguyên tắc cơ bản và quy trình cắm hoa trang trí; – Nhận biết được một số loài hoa, cây cảnh thường có ở khu vực đang sinh sống; – Cắm được bình hoa ở một số dạng cơ bản, phù hợp với góc học tập và một số vị trí trong nhà. | |
| 4 | Ngôi nhà của em | 2 | <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được các khu vực sinh hoạt trong nhà ở mà em biết trong thực tế. Từ đó nêu được những điểm hợp lí và chưa hợp lí của việc bố trí các khu vực đó; – Đề xuất được phương án thiết kế hình dáng ngôi nhà, bố trí các khu vực sinh hoạt chính hợp lí, có tính thẩm mỹ; thiết kế sơ bộ cổng, lối đi, vườn, ao,... tùy theo địa phương nơi em ở. | |
| 5 | Góc học tập của em | 2 | <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được cách sắp xếp, bố trí góc học tập đảm bảo tính khoa học và tính thẩm mỹ; – Đề xuất được phương án sắp xếp, bố trí đồ đạc nơi học tập của bản thân ở nhà gọn gàng, ngăn nắp, khoa học và thẩm mỹ. | |
| 6 | Ngôi nhà thông minh | 4 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được các đặc điểm và chức năng của ngôi nhà thông minh; – Đề xuất những ý tưởng áp dụng cho ngôi nhà của mình theo hướng ngôi nhà thông minh. | |

MÔ ĐUN II. NẤU ĂN (16 tiết)

| | | | |
|---|--------------------------------------|---|---|
| 1 | Dụng cụ nấu ăn và ăn, uống | 2 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được tác dụng, cách sử dụng, bảo quản các dụng cụ, đồ dùng nấu ăn trong gia đình; – Vận dụng được những hiểu biết về dụng cụ nấu ăn vào việc sử dụng, bảo quản dụng cụ nấu ăn của gia đình. |
| 2 | Bảo quản thực phẩm | 2 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được cách lựa chọn và bảo quản một số loại thực phẩm thông thường; – Vận dụng được vào việc lựa chọn và bảo quản thực phẩm trong gia đình. |
| 3 | Lựa chọn và sơ chế thực phẩm | 2 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được mục đích, tác dụng, cách lựa chọn và sơ chế một số loại thực phẩm thông dụng trước khi chế biến; – Ứng dụng được những hiểu biết về việc lựa chọn và sơ chế thực phẩm khi tham gia nấu ăn ở gia đình. |
| 4 | Chế biến thức ăn không sử dụng nhiệt | 3 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được mục đích của việc chế biến thức ăn; – Nêu được cách chế biến và chế biến được một số món ăn đơn giản bằng phương pháp không sử dụng nhiệt; – Vận dụng chế biến một số món ăn đơn giản, thông dụng ở gia đình bằng phương pháp không sử dụng nhiệt. |
| 5 | Chế biến thức ăn có sử dụng nhiệt | 2 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được cách chế biến và chế biến được một số món ăn có sử dụng nhiệt; – Vận dụng chế biến một số món ăn có sử dụng nhiệt đơn giản, thông dụng ở gia đình. |

| | | | | |
|--|---------------------------------------|---|---|--|
| 6 | Sắp xếp trang trí bàn ăn | 2 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được cách bày dọn bữa ăn và sắp xếp, trang trí các món ăn, bàn ăn; – Vận dụng được để trang trí, sắp xếp món ăn, bàn ăn ở gia đình. | |
| 7 | Tổ chức bữa ăn hợp lí trong gia đình | 3 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm và cách tổ chức bữa ăn hợp lí trong gia đình; – Vận dụng được để tham gia tổ chức bữa ăn hợp lí. | |
| MÔ ĐUN III. TÌM HIỂU KINH DOANH (16 tiết) | | | | |
| 1 | Khái niệm, vai trò của kinh doanh | 4 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm, vai trò, các lĩnh vực kinh doanh và những yếu tố cần thiết để kinh doanh thành công; – Nhận biết được các lĩnh vực kinh doanh hộ gia đình; – Có hứng thú tìm hiểu hoạt động kinh doanh. | |
| 2 | Tạo lập ý tưởng kinh doanh | 3 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày khái niệm, tầm quan trọng và cách thức tạo lập ý tưởng kinh doanh. Vận dụng để tạo ý tưởng kinh doanh phù hợp; – Có ý thức xây dựng ý tưởng sáng tạo trong học tập và công việc. | |
| 3 | Xây dựng kế hoạch kinh doanh | 3 | <ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được lợi ích, nội dung, các bước lập kế hoạch kinh doanh; – Vận dụng hiểu biết về lập kế hoạch để xây dựng kế hoạch hoạt động cho bản thân. | |
| 4 | Chi phí và lợi nhuận trong kinh doanh | 2 | <ul style="list-style-type: none"> – Liệt kê được các loại chi phí, tính được các khoản thu và lợi nhuận khi tiến hành kinh doanh; – Có ý thức tiết kiệm trong kinh doanh và cuộc sống. | |

| | | | | |
|---|-----------------------|---|---|--|
| 5 | Em tập làm kinh doanh | 4 | <ul style="list-style-type: none"> – Vận dụng kiến thức về kinh doanh đã học để xác định được ý tưởng kinh doanh, xây dựng được một bản kế hoạch kinh doanh theo ý tưởng kinh doanh và tính toán được chi phí, lợi nhuận trong kinh doanh; – Có ý thức vận dụng kiến thức kinh doanh trong cuộc sống. | |
|---|-----------------------|---|---|--|

C. GIỚI THIỆU CÁC PHẦN VÀ MÔ ĐUN

PHẦN I. NHÀ Ở

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được vai trò của nhà ở với con người.
- Kể tên được các khu vực của nhà ở và trình bày được các yêu cầu đối với các khu vực trong nhà ở.
- Phân biệt được các khu vực trong nhà ở đối với các kiểu nhà khác nhau.
- Biết được cách sắp xếp đồ đạc trong nhà ở một cách hợp lí và có tính thẩm mỹ.
- Đề xuất được phương án sắp xếp, bố trí đồ đạc trong nhà ở hợp lí, có tính thẩm mỹ.
- Trình bày được ý nghĩa về sự sạch sẽ, ngăn nắp của nhà ở; biết được thế nào là nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp.
- Đề xuất và thực hiện được những công việc cần phải làm để giữ gìn nhà ở của gia đình và trường, lớp luôn sạch sẽ, ngăn nắp.

2. NỘI DUNG CHÍNH

Phần Nhà ở được cấu trúc thành ba bài với những nội dung chính sau:

Bài 1. Nhà ở đối với con người (3 tiết)

- Vai trò của nhà ở đối với con người.
- Một số kiểu nhà ở.
- Các khu vực trong nhà ở và yêu cầu đối với từng khu vực.

Bài 2. Bố trí đồ đạc trong nhà ở (4 tiết)

- Những đồ đạc chủ yếu thường sử dụng trong nhà ở và sự bố trí đồ đạc đó trong các khu vực của nhà ở.
- Sự sắp xếp, bố trí đồ đạc trong nhà ở đảm bảo được tính hợp lí, thẩm mỹ, thuận tiện cho việc sử dụng, bảo quản và vệ sinh.

Bài 3. Giữ gìn vệ sinh nhà ở (3 tiết)

- Ý nghĩa của việc giữ gìn vệ sinh nhà ở.
- Những công việc cần phải làm để giữ gìn nhà ở của gia đình, của trường, lớp luôn sạch sẽ, ngăn nắp.

3. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Với nội dung sách HDH, GV sẽ thuận lợi trong việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức dạy học, có thể sẽ gặp một số khó khăn sau:

- Nội dung kiến thức chính (còn gọi là nội dung chính) của bài không được trình bày gọn như SGK hiện hành mà thường được thể hiện rải rác trong nội dung các hoạt động;
- Năng lực nhận thức của mỗi HS, của các nhóm HS không đồng đều;
- Phong tục tập quán về nhà ở của mỗi địa phương cũng có những điểm khác nhau; quan niệm về sự bố trí khu vực sinh hoạt, về trang trí nhà ở cũng khác nhau;... Sự phong phú, đa dạng về phong tục và sự khác nhau về quan niệm đó có thể sẽ dẫn đến những tranh luận về nội dung chính của bài học và các đáp án của bài tập.

Do vậy, để hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy các bài học này, ngoài các hoạt động giảng dạy bình thường, GV nên lưu ý một số công việc sau:

- Trong khâu chuẩn bị bài lên lớp, GV cần nghiên cứu, xác định nội dung chính của bài học mà HS cần đạt được. Nội dung này được xác định hoặc xây dựng căn cứ theo mục tiêu và nội dung kiến thức nêu trong bài học. Nếu nội dung chính của bài học không được trình bày gọn, tường minh thì GV cần biên soạn nội dung này một cách ngắn gọn, đầy đủ. Việc thứ hai là GV cần nghiên cứu các bài tập, tìm hiểu phong tục, tập quán địa phương để xác định cách giải và đáp án các bài tập được trình bày trong nội dung các hoạt động của bài học;
- Trong giờ lên lớp, khi kết thúc bài học, GV cần chỉ cho HS nội dung chính trình bày trong tài liệu hoặc cho HS ghi những nội dung chính mà mình đã biên soạn khi chuẩn bị.

4. MỘT SỐ TÀI LIỆU THAM KHẢO

Để dạy học các bài học về nhà ở, GV nên tham khảo SGK và sách giáo viên (SGV) Công nghệ 6 hiện hành; tham khảo các sách báo, tài liệu về nhà ở nông thôn, trang trí nhà ở, trang website về không gian xanh,... Ngoài ra, GV nên tham quan, tìm hiểu thêm phong tục, tập quán, quan niệm về nhà ở tại địa phương.

5. HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI, BÀI TẬP

Bài 1. NHÀ Ở ĐỐI VỚI CON NGƯỜI

Hoạt động khởi động

1. Trong cuộc sống, con người thường phải chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thiên nhiên như: mưa, nắng, giông, bão, lốc xoáy, lũ lụt, gió rét, tuyết, mưa đá, thủy triều, núi lửa,... Theo em, nhà ở giúp con người tránh được những ảnh hưởng nào trong những hiện tượng thiên nhiên nêu trên?

Gợi ý. Trong cuộc sống, con người nói chung đều chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thiên nhiên nêu trên. Tuy nhiên, tùy từng vị trí địa lí mà có vùng không phải chịu một số hiện tượng như: tuyết, thủy triều, núi lửa,... Nhìn chung, nhà ở giúp con người tránh được ảnh hưởng của một số hiện tượng bình thường như mưa, nắng, còn các hiện tượng khác thì tùy từng mức độ và tùy theo cấu tạo của ngôi nhà.

2. Kể tên các hoạt động chính diễn ra thường ngày trong gia đình em.

Gợi ý. Đây là câu hỏi mở, GV có thể gợi ý một số hoạt động chính của con người như: ăn uống, tắm giặt, ngủ nghỉ, học tập, xem ti vi, tiếp khách,...

3. Kể tên các khu vực trong nhà ở của gia đình em.

Gợi ý. Đây là câu hỏi mang tính “khởi động”, HS có thể trả lời không đầy đủ hoặc sai. GV có thể dựa vào đó để tạo tâm thế cho HS nghiên cứu nội dung trong Hoạt động hình thành kiến thức.

4. Điền tên các khu vực chính trong nhà ở tương ứng với hoạt động cho trong bảng sau (theo mẫu).

Gợi ý đáp án:

| STT | Hoạt động | Khu vực trong nhà ở |
|-----|------------|---------------------------------|
| 1 | Tiếp khách | Phòng khách hoặc nơi tiếp khách |

| | | |
|----|----------------------------|--|
| 2 | Thờ cúng | <i>Phòng thờ hoặc nơi thờ cúng</i> |
| 3 | Ngủ, nghỉ | <i>Phòng ngủ</i> |
| 4 | Ăn uống | <i>Phòng ăn</i> |
| 5 | Nấu ăn | <i>Bếp hoặc nơi nấu ăn</i> |
| 6 | Tắm, giặt | <i>Phòng tắm hoặc nhà tắm</i> |
| 7 | Vệ sinh | <i>Phòng vệ sinh hoặc nhà vệ sinh</i> |
| 8 | Đề xe | <i>Nơi để xe hoặc ga-ra</i> |
| 9 | Chứa đồ đạc | <i>Kho</i> |
| 10 | Nuôi gà, vịt, trâu, bò,... | <i>Nơi chăn nuôi hoặc chuồng gà, vịt,...</i> |

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Vai trò của nhà ở đối với con người

1. Nhà ở giúp con người tránh được những ảnh hưởng xấu nào của thiên nhiên?

Gợi ý. Lưu ý rằng đối với con người thì các hiện tượng mưa, nắng, giông, bão, lốc xoáy, lũ lụt, gió rét, tuyết, mưa đá, thủy triều, núi lửa,... đều gây ảnh hưởng xấu. Còn trong sản xuất chẳng hạn thì mưa, nắng, gió lại là sự cần thiết.

2. Hình ảnh nào nói về con người phải chịu cảnh “màn trời, chiếu đất”?

Gợi ý. Hai hình A và B.

3. Hình ảnh nào nói về việc nhà ở đáp ứng nhu cầu về tinh thần của con người?

Gợi ý. Hai hình J và K.

2. Một số kiểu nhà ở

1. Gọi tên các kiểu nhà ở được nêu trong hình 2.

Gợi ý. Tên gọi của 8 kiểu nhà trên hình 2 được nêu trong cột “Kiểu nhà ở” của câu 2. Gọi được đúng tên kiểu nhà sẽ làm đúng được câu hỏi 2 dưới đây.

2. Ghép mỗi chữ cái trong cột Hình ảnh với một tên gọi kiểu nhà ở trong cột Kiểu nhà ở thành từng cặp cho phù hợp.

Đáp án:

| Hình ảnh | Kiểu nhà ở |
|----------|---------------------------|
| A | Nhà mái tranh ở nông thôn |
| B | Nhà mái ngói ở nông thôn |
| C | Nhà sàn ở vùng cao |
| D | Nhà ở thành thị |
| E | Nhà ở ven sông |
| F | Nhà biệt thự ở thành thị |
| G | Nhà trên ao, đầm |
| H | Nhà chung cư |

3. Các khu vực của nhà ở

1. Trong nhà ở thông thường phải có ít nhất những khu vực nào?

Gợi ý. Theo nhu cầu sinh hoạt tối thiểu thì trong nhà ở ít nhất phải có các khu vực như: nơi thờ cúng, nơi ngủ, nơi nấu – ăn, nơi tắm giặt, nơi vệ sinh. Câu này còn tùy thuộc vào từng địa phương.

2. Ngoài các khu vực nêu trên, nhà em còn có thêm khu vực khác nào nữa (ví dụ khu tập thể dục, khu sản xuất, vườn cây,...)?

Gợi ý. Câu này tùy thuộc vào đặc điểm nhà ở của từng địa phương.

3. Ở nhà em, các khu vực được bố trí như thế nào?

Gợi ý. Câu này tùy thuộc vào cấu trúc nhà ở của từng HS. Sau khi HS trả lời xong, GV có thể hỏi tiếp HS là em có nhận xét gì về cách bố trí các khu vực đó của gia đình mình.

4. Tên gọi và vai trò của khu vực trong mỗi hình ảnh đó là gì?

Gợi ý. Trên hình 3, các hình ảnh lần lượt từ trái qua phải, từ trên xuống dưới là: phòng khách hoặc nơi tiếp khách; phòng thờ hoặc nơi thờ cúng; phòng ngủ hoặc nơi ngủ; phòng ăn hoặc nơi ăn uống; phòng tắm hoặc nơi tắm giặt và vệ sinh; ga-ra hoặc nơi để xe. Vai trò của chúng được thể hiện ngay ở tên gọi của chúng.

5. Kể tên những đồ vật chủ yếu trong các khu vực đó.

Gợi ý. Quan sát các hình ảnh và có thể tham khảo thêm bảng sau:

| Khu vực | Một số đồ vật chủ yếu |
|--------------------------------|---|
| 1) Nơi thờ cúng | Bàn thờ, bát hương, lọ hoa, bình gốm sứ,... |
| 2) Nơi tiếp khách | Bàn, ghế, ấm chén, đèn,... |
| 3) Nơi ngủ, nghỉ | Giường, đệm, chăn, gối,... |
| 5) Nơi ăn uống | Bàn, ghế, tủ bếp (chạn bát),... |
| 7) Nơi tắm giặt và nơi vệ sinh | Bồn tắm, vòi nước, chậu rửa,... |
| 9) Nơi để xe | Đèn, giá treo mũ,... |

6. Ghép mỗi mục ở cột Khu vực với một mục trong cột Yêu cầu chủ yếu trong bảng sau thành từng cặp cho phù hợp.

Đáp án: 1 - i; 2 - f; 3 - e; 4 - g; 5 - a; 6 - c; 7 - b; 8 - d; 9 - j; 10 - h.

Hoạt động luyện tập

1. Trong nhà ở, một vài khu vực chính có thể được bố trí chung trong cùng một khu vực. Hãy ghép các khu vực trong nhà ở cho dưới đây thành từng nhóm sao cho phù hợp nhất. Ví dụ: Nơi thờ cúng (A) ghép với nơi tiếp khách (B).

Đáp án: A – B; C – F; D – E; G – I; riêng kho và nơi chăn nuôi không thể ghép với nhau được (xem thêm trả lời câu 2).

2. Nếu cần ghép ba khu vực trong nhà ở với nhau thì đó là những khu vực nào và có khu vực nào không thể ghép chung được với các khu vực khác.

Gợi ý. Có thể ghép ba khu vực với nhau như: Nơi thờ cúng ghép với nơi tiếp khách và nơi ngủ, nghỉ chung trong cùng một phòng. Nơi làm kho và nơi chăn nuôi thường không ghép chung được với nhau (chỉ có thể bố trí sát cạnh nhau). Tuy nhiên, việc ghép nơi làm kho và chăn nuôi ở câu này và câu 1 còn tùy thuộc vào đặc điểm của từng địa phương.

3. Biện pháp phân chia khu vực trong điều kiện nhà ở chỉ có một hoặc hai phòng. Khi đó, có những khu vực nào không thể bố trí trong nhà ở được.

Gợi ý. Ví dụ không thể ghép nơi chăn nuôi vào được.

Hoạt động vận dụng

1. *Hãy quan sát những khu vực trong nhà ở của gia đình em và một số gia đình xung quanh nơi em ở. Từ đó rút ra nhận xét về việc bố trí các khu vực đó.*

Gợi ý. GV có thể gợi ý HS lưu ý tới yêu cầu chủ yếu của các khu vực trong nhà ở khi nhận xét, đánh giá về việc bố trí các khu vực trong nhà ở của gia đình mình và một số gia đình xung quanh.

2. *Đề xuất ý tưởng bố trí lại một vài khu vực trong nhà ở của gia đình em sao cho khoa học và hợp lí hơn. Trao đổi, bàn bạc với gia đình về ý tưởng của em và cách thực hiện.*

Gợi ý. GV động viên, khuyến khích, gợi ý cho HS cách thực hiện.

Hoạt động tìm tòi, mở rộng

1. *Vì sao người dân ở vùng cao thường làm nhà ở kiểu nhà sàn?*

Gợi ý. Trước đây, xung quanh khu vực nhà ở của người ở vùng cao thường có nhiều thú dữ nên làm nhà sàn sẽ đảm bảo an toàn. Mặt khác, địa hình ở vùng cao thường không bằng phẳng, xung quanh lại thường có nhiều gỗ nên việc làm nhà sàn sẽ thuận lợi hơn.

2. *Em hiểu câu: “An cư, lạc nghiệp” như thế nào?*

Gợi ý. “An cư, lạc nghiệp” nghĩa gốc là “sống yên ổn và làm ăn vui vẻ” nhưng thường được dùng theo ý là phải có nơi ở ổn định rồi, tốt rồi thì công việc làm ăn và cuộc sống mới tốt, mới phát triển được.

Bài 2. BỐ TRÍ ĐỒ ĐẠC TRONG NHÀ Ở

Hoạt động khởi động

3. *Gia đình em phân chia ngôi nhà thành các khu vực nào? Kể tên một số đồ đạc chủ yếu thường được sử dụng trong từng khu vực đó.*

Gợi ý. Với ý thứ hai, HS sẽ kể tên rất nhiều đồ đạc khác nhau, GV chỉ cần ghi nhận mà chưa cần nhận xét gì.

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Đồ đạc trong nhà ở

Điền tên các loại đồ đạc chủ yếu thường sử dụng của gia đình vào chỗ chấm theo từng khu vực của nhà ở cho trong các sơ đồ sau (số lượng đồ đạc trong từng khu vực có thể không cần phải đủ 8).

Gợi ý. Tuỳ HS thực hiện. GV lưu ý khi HS diễn loại đồ đạc không hoặc chưa phù hợp với khu vực. Ví dụ HS diễn xoong, nồi vào khu vực phòng khách chẳng hạn. Tuy nhiên, khi chữa bài tập cho HS, GV cũng cần lưu ý đến đặc điểm, điều kiện của địa phương.

2. Sắp xếp đồ đạc trong nhà ở hợp lí

1. *Trình bày sự khác biệt về việc bố trí, sắp xếp đồ đạc trong các kiểu nhà: nhà ở thành phố, nhà ở nông thôn, nhà ở vùng cao.*

Gợi ý. Tuỳ thuộc vào kiểu nhà phổ biến ở địa phương mà HS đã biết, GV nên gợi ý bằng việc mô tả đặc điểm chính của các kiểu nhà khác để HS so sánh. Ví dụ kiểu nhà ở nông thôn thường chia ra hai khu: khu chính và khu phụ; có diện tích mặt bằng khá rộng,...

2. *Việc sắp xếp đồ đạc phụ thuộc vào các yếu tố nào?*

Gợi ý. Ngoài phụ thuộc vào quan điểm, sở thích của chủ nhân, việc bố trí đồ đạc trong nhà ở còn phụ thuộc vào vị trí, diện tích, không gian của khu vực, vào hướng gió,... Ngoài ra, cần xem thêm đáp án của câu 5 dưới đây.

3. *Việc sắp xếp đồ đạc cần thoả mãn các yêu cầu nào? Đưa ra các yêu cầu đối với việc sắp xếp đồ đạc trong từng khu vực sinh hoạt.*

Gợi ý. Lưu ý một số yêu cầu như: giúp cho việc sử dụng và vệ sinh chúng được thuận tiện, tạo cảm giác thoải mái cho mọi thành viên trong gia đình. Đồng thời, sắp xếp đồ đạc phải cân đối, hài hoà để tạo ra thẩm mỹ chung cho căn nhà,...

4. *Em hãy nêu ưu điểm của những đồ vật có nhiều công dụng trong đoạn văn ở phần b.*

Gợi ý. Ưu điểm nổi bật của những đồ vật có nhiều công dụng là không chiếm nhiều diện tích và không gian trong khu vực mà lại đảm bảo thực hiện được nhiều chức năng, phù hợp với diện tích và không gian chật hẹp của khu vực.

5. *Chọn một trong các từ/cụm từ cấu trúc, thuận tiện, sử dụng, vùng miền, quét dọn, nhu cầu, diện tích, sở thích, hợp lí, thoải mái để điền vào chỗ chấm (...) cho thích hợp.*

Gợi ý đáp án:

- Việc sắp xếp đồ đạc trong gia đình phụ thuộc vào: đặc điểm của từng vùng miền; cấu trúc và diện tích của ngôi nhà; nhu cầu và sở thích của mỗi gia đình.
- Đồ đạc trong gia đình cần được sắp xếp một cách hợp lí để tạo sự thuận tiện, thoải mái trong sinh hoạt hằng ngày, giúp cho việc sử dụng, quét dọn được dễ dàng.

Hoạt động luyện tập

- Đánh dấu (×) vào cột *Nên/Không nên* trong bảng sau về việc để sắp xếp hợp lí đồ đạc trong nhà ở.

Gợi ý đáp án: GV lưu ý đáp án của câu này có thể gây tranh luận.

| Sắp xếp đồ đạc trong nhà ở | | Nên | Không nên |
|----------------------------|------------------------------|-----|-----------|
| 1 | Kê giường gần cửa ra vào | | × |
| 2 | Kê giường gần cửa sổ | × | |
| 3 | Kê tủ chắn cửa sổ | | × |
| 4 | Kê ti vi đối diện với cửa | | × |
| 5 | Kê ti vi trong phòng khách | × | |
| 6 | Đặt bàn thờ trong phòng bếp | | × |
| 7 | Kê bàn học trong phòng khách | | × |
| 8 | Kê bàn học gần cửa sổ | × | |

- Đúng ghi Đ, sai ghi S tương ứng với mỗi câu mô tả về bố trí khu vực của nhà ở trong bảng sau.

Gợi ý đáp án: GV lưu ý đáp án của câu này có thể gây tranh luận.

| Nội dung | | Đúng/Sai |
|----------|--|----------|
| 1 | Ở nước ta, trong nhà ở thường có bố trí nơi thờ cúng. | Đ |
| 2 | Phòng ngủ nên bố trí ở nơi riêng biệt và yên tĩnh. | Đ |
| 3 | Khu vệ sinh bố trí trước nhà và đầu hướng gió. | S |
| 4 | Nhà chật chội thì không thể sắp xếp đồ đạc hợp lí. | S |
| 5 | Chỗ ngủ, nghỉ cần bố trí gần bếp hoặc kết hợp trong bếp. | S |
| 6 | Nhà càng chật chội càng phải bố trí các khu vực thật hợp lí. | Đ |
| 7 | Nhà tắm có thể kết hợp với nhà vệ sinh. | Đ |
| 8 | Bàn học có thể bố trí trong phòng ngủ. | Đ |

3. a) Sắp xếp 6 đồ đạc trong phòng sao cho đảm bảo được sự hợp lí, thoáng mát và tiện lợi trong sinh hoạt và học tập.

Gợi ý. GV gợi ý HS dựa vào kiến thức trong bài và vốn hiểu biết trong thực tế, dựa vào phong tục của địa phương để sắp xếp, bố trí đồ đạc trong phòng. GV cũng cần lưu ý câu này để gây tranh luận về kết quả.

4. Mỗi nhóm chuẩn bị một tờ giấy khổ lớn tượng trưng cho mặt bằng của phòng khách, phòng ngủ, phòng bếp, phòng tắm, phòng vệ sinh và một số miếng bìa nhỏ tượng trưng cho những đồ dùng chủ yếu thường được sử dụng ở những nơi đó.

Các nhóm thảo luận, bố trí các miếng bìa tượng trưng cho đồ dùng chủ yếu trong nhà ở một cách hợp lí.

Gợi ý. GV lưu ý HS về sự bố trí, sắp xếp đảm bảo được các yêu cầu chính. Ngoài ra cũng lưu ý tôn trọng nhu cầu, quan điểm và sở thích của HS.

Hoạt động vận dụng

1. Liên hệ từ cuộc sống gia đình và với những hiểu biết trong thực tiễn, hãy điền tên các loại đồ đạc chủ yếu trong các khu vực của nhà em ở cho trong bảng dưới đây (theo mẫu).

Gợi ý đáp án:

| STT | Khu vực chính | Đồ đạc chủ yếu |
|-----|----------------|---------------------------------------|
| 1 | Nơi tiếp khách | Bàn, ghế, tủ, ti vi |
| 2 | Nơi thờ cúng | Bàn thờ hoặc tủ thờ |
| 3 | Nơi ngủ, nghỉ | Giường, tủ, bàn trang điểm hoặc gương |
| 4 | Nơi học tập | Bàn, ghế, bút, sách, vở |
| 5 | Nơi nấu ăn | Bếp, xoong, chảo |
| 6 | Nơi ăn uống | Bàn, ghế, bát, đĩa |
| 7 | Nơi tắm giặt | Chậu rửa, khăn tắm |
| 8 | Nơi làm kho | Kệ để đồ |

2. Xem xét về sự hợp lí trong việc bố trí, sắp xếp đồ đạc trong nhà ở của mình. Nếu thấy chưa hợp lí thì em hãy đề xuất phương án điều chỉnh, sắp xếp lại.

Gợi ý. GV lưu ý HS căn cứ theo một số tiêu chí: quan điểm, sở thích của chủ nhân; vị trí, diện tích, không gian của khu vực; hướng gió; hợp lí, thuận tiện, thoải mái,...

Hoạt động tìm tòi, mở rộng

1. Tham khảo trên sách báo, các phương tiện thông tin đại chúng về cách sắp xếp, bố trí đồ đạc trong nhà ở.

Gợi ý. Tùy điều kiện thực tế, GV nên có hướng cho HS một số địa chỉ phù hợp.

2. Trao đổi với bạn bè để:

a) Xác định kiểu nhà đặc thù ở địa phương em.

b) Đề xuất một số ý kiến về việc sắp xếp đồ đạc hợp lí trong kiểu nhà ở đó.

Gợi ý. GV đóng vai trò tổ chức, gợi ý, trọng tài, giám khảo. Lưu ý một số tiêu chí như câu 16 để định hướng cho HS thảo luận.

Bài 3. GIỮ GÌN VỆ SINH NHÀ Ở

Hoạt động khởi động

Các câu hỏi trong hoạt động này GV để HS tự trả lời rồi từ những khó khăn, sai sót mà HS vấp phải sẽ khéo léo chuyển sang Hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp

1. Em có nhận xét gì về sự đảm bảo vệ sinh, ngăn nắp của nhà ở trong các hình ảnh này?

Gợi ý. GV có thể gợi ý một số tiêu chí: gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ, vệ sinh. Lưu ý là có thể không gọn gàng, ngăn nắp nhưng vẫn có thể sạch sẽ, vệ sinh và ngược lại.

2. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự lộn xộn, thiếu vệ sinh của nhà ở là do thiên nhiên, con người hay điều kiện kinh phí?

Gợi ý. Tất nhiên là do con người. Sự xáo trộn, không sạch sẽ,... do thiên nhiên chỉ là nhất thời khi nhà ở chịu ảnh hưởng của giông bão, lũ lụt.

3. Ghép mỗi Đặc điểm với một nội dung Kết quả ở bảng sau thành từng cặp cho phù hợp.

Gợi ý đáp án: 1) – c); 2) – f); 3) – d); 4) – e); 5) – b); 6) – a).

4. Chọn một trong các từ/cụm từ sức khoẻ, chăm sóc, sạch đẹp, tiết kiệm, vẻ đẹp, môi trường để điền vào chỗ chấm (...) cho thích hợp:

Gợi ý đáp án:

- Nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp là ngôi nhà có *môi trường* sống luôn luôn *sạch đẹp*, thuận tiện và khẳng định có sự *chăm sóc*, giữ gìn bởi con người.
- Giữ cho nhà cửa sạch sẽ, ngăn nắp để: đảm bảo *sức khỏe* cho các thành viên trong gia đình, *tiết kiệm* thời gian khi tìm vật dụng và làm tăng *vẻ đẹp* của nhà ở.

5. *Quan điểm của Nam về việc dọn dẹp nhà ở ngăn nắp là gì? Quan điểm này đúng hay sai?*

Gợi ý. Quan điểm của Nam là chỉ khi nào cần thiết như có khách thì mới dọn dẹp nhà ở. Quan điểm này sai.

6. *Nhà ở bừa bộn, mất vệ sinh có những nhược điểm, tác hại gì?*

Gợi ý. GV có thể gợi ý HS một số ý như: không đảm bảo sức khỏe, mất thời gian tìm kiếm đồ đạc, không tạo nên sự mát mẻ, dễ chịu,...

7. *Thế nào là nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp?*

Gợi ý. Một số tiêu chí: sắp xếp đồ đạc gọn gàng, hợp lí, phù hợp với điều kiện của nhà ở; luôn đảm bảo sự sạch sẽ, thoáng mát,...

8. *Tại sao cần phải giữ cho nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp?*

Gợi ý. Để đảm bảo sức khỏe cho các thành viên trong gia đình, tiết kiệm thời gian khi tìm vật dụng và làm tăng vẻ đẹp của nhà ở,...

2. Giữ gìn trường, lớp sạch đẹp

1. *Hãy kể những việc mà HS nên làm để góp phần giữ gìn trường, lớp sạch sẽ, ngăn nắp.*

Gợi ý. GV gợi ý cho HS một số việc phù hợp với điều kiện của trường lớp như: không xả rác bừa bãi; quét lớp, quét sân trường đúng lúc (nếu trường không có lao công, HS tự quét dọn phòng học của lớp mình và một khu vực trong trường mà lớp được phân công); chăm sóc cây, hoa trong trường; không viết, vẽ bậy lên tường, lên bàn, ghế;...

2. *HS nên làm những việc gì để trường, lớp luôn sạch đẹp?*

Gợi ý. GV có thể gợi ý thêm một số công việc khác như làm việc có kế hoạch, có phân công cụ thể; có thể phát động phong trào thi đua xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp,...

Hoạt động luyện tập

Trong góc học tập có các bộ 10 thẻ chữ có nội dung.

- a) Mỗi nhóm lấy một bộ gồm 10 thẻ, thảo luận rồi đặt các thẻ chữ vào ô Nên làm hoặc Không nên làm trong bảng sau cho phù hợp với việc giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp.

Gợi ý đáp án:

| NÊN LÀM | KHÔNG NÊN LÀM |
|---------|---------------|
| A | F |
| B | H |
| C | I |
| D | J |
| E | |
| G | |

- b) Trao đổi với nhau về những việc “nên làm” và “không nên làm” để giữ gìn nhà ở, trường lớp ngăn nắp, sạch đẹp.

Gợi ý. GV chỉ đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn, trọng tài và giám khảo.

Hoạt động vận dụng

- Em hãy quan sát nhà ở của mình và suy nghĩ tìm cách thực hiện để giữ gìn nhà ở sạch sẽ và ngăn nắp.

Gợi ý. GV nên gợi ý cho HS một số tiêu chí về giữ gìn nhà ở gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ và vệ sinh.

Hoạt động tìm tòi, mở rộng

- Em hiểu thế nào về câu: “Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm”?

Gợi ý. Đây là câu nói về sự sạch sẽ tạo nên tâm lí thoải mái, dễ chịu. GV có thể gợi ý HS về nhà hỏi người thân, cộng đồng.

- Ngoài câu trên, em hãy tìm các câu ca dao, tục ngữ khác nói về lợi ích khi giữ gìn nhà ở sạch sẽ, ngăn nắp.

Gợi ý. GV có thể gợi ý HS về hỏi người thân, cộng đồng; tra cứu trong sách tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam và các phương tiện thông tin khác. Số lượng không hạn chế. Khi HS báo cáo kết quả, GV nên phân tích để HS hiểu rõ hơn ý nghĩa của các câu đó.

PHẦN II. MAY MẶC VÀ ĂN UỐNG

1. MỤC TIÊU

- Nêu được tính chất chủ yếu và nhận biết được một số loại vải thường dùng trong may mặc; trình bày được khái niệm, chức năng của trang phục, cách sử dụng và bảo quản trang phục.
- Nêu được khái niệm, vai trò của ăn uống hợp lý và biết cách ăn uống hợp lý, khoa học, đảm bảo đủ nhu cầu dinh dưỡng; trình bày được khái niệm, tầm quan trọng của việc đảm bảo VSATTP. Nhận biết được những việc đúng nên làm và những việc sai cần tránh để bảo đảm VSATTP.
- Vận dụng được kiến thức đã học để lựa chọn được loại vải may mặc phù hợp với nhu cầu, sở thích, vóc dáng, lứa tuổi, hoạt động hằng ngày của bản thân; thực hiện được một số công việc sử dụng, bảo quản trang phục ở gia đình phù hợp với khả năng của bản thân.
- Vận dụng được kiến thức đã học để thực hiện việc ăn uống hợp lý, đảm bảo VSATTP.
- Rèn luyện, hình thành thói quen lựa chọn, sử dụng, bảo quản trang phục và ăn uống hợp lý; Tích cực tham gia các công việc bảo quản trang phục cho bản thân, gia đình; Ứng xử đúng trước những việc nên làm và không nên làm trong sử dụng trang phục và ăn uống hằng ngày.

2. NỘI DUNG CHÍNH

Phần này được chia thành 5 bài học với các nội dung chính như sau:

Bài 1. Các loại vải thường dùng trong may mặc (2 tiết)

- Các loại vải thường được dùng trong may mặc;
- Cách phân biệt các loại vải.

Bài 2. Trang phục và thời trang (3 tiết)

- Trang phục và chức năng của trang phục. Phân biệt trang phục, thời trang và mốt;
- Lựa chọn trang phục đẹp và phù hợp với bản thân.

Bài 3. Sử dụng và bảo quản trang phục (3 tiết)

- Sử dụng trang phục hợp lý;
- Bảo quản trang phục.

Bài 4. Ăn uống hợp lý (3 tiết)

- Nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể;
- Cách ăn uống hợp lý, khoa học.

Bài 5. Vệ sinh an toàn thực phẩm (3 tiết)

- Khái niệm, vai trò của VSATTP;
- Nguyên nhân, các biểu hiện, biện pháp phòng tránh ngộ độc thực phẩm.

Trong các bài học của phần II, bài 1, 2 và 3 thể hiện các kiến thức về may mặc, bài 4 và 5 thể hiện các kiến thức về ăn uống.

3. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Những nội dung về may mặc và ăn uống được được lựa chọn để đưa vào chương trình Công nghệ lớp 6 là những kiến thức cần thiết, phù hợp với trình độ, khả năng nhận thức của HS, đồng thời có tính ứng dụng cao nhằm giúp HS biết cách may mặc và ăn uống sao cho hợp lí, khoa học, đồng thời biết ứng xử đúng trước các tình huống về may mặc và ăn uống trong thực tế. Để đảm bảo thực hiện được mục đích, mục tiêu của phần này và các yêu cầu chung về tổ chức dạy học môn Công nghệ lớp 6 theo mô hình THM, khi tổ chức dạy học các bài học về may mặc và ăn uống, GV lưu ý một số điểm sau:

- May mặc và ăn uống là những kiến thức rất gần gũi, đời thường. HS nào cũng có trải nghiệm về may mặc và ăn uống. Vì vậy, trước khi tổ chức Hoạt động hình thành kiến thức, GV cần khích lệ HS dựa vào những câu hỏi gợi ý trong Hoạt động khởi động để nêu những hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân. Làm được điều này sẽ giúp GV có cơ sở để tổ chức Hoạt động hình thành kiến thức một cách hợp lí, không dạy lại những gì HS đã biết, đã hiểu, tránh được sự nhàm chán.
- Trong mỗi bài học của phần II đều có những hình ảnh được đưa vào nhằm cung cấp thông tin và hỗ trợ việc lĩnh hội kiến thức cho HS. Khi tổ chức dạy học, GV chú ý tổ chức, hướng dẫn cho HS quan sát các hình ảnh trong mỗi bài học để HS có biểu tượng đúng về các nguyên liệu và phương pháp sản xuất vải; về các loại trang phục và cách lựa chọn, sử dụng trang phục hợp lí; về ảnh hưởng của chế độ dinh dưỡng đối với cơ thể và sự cần thiết phải ăn uống hợp lí; về nguyên nhân, biểu hiện và biện pháp phòng tránh ngộ độc thực phẩm.
- Luôn liên hệ các kiến thức về may mặc hoặc ăn uống trong bài học với cách lựa chọn, sử dụng trang phục hoặc cách ăn uống của HS trong thực tế nhằm giúp HS thấy rõ những việc làm đúng và những việc làm chưa đúng trong may mặc, ăn uống hằng ngày, từ đó có hành vi, cách ứng xử đúng.

- Khi bắt đầu tổ chức mỗi hoạt động trong bài học này, GV cần chuyển giao nhiệm vụ một cách cụ thể để HS theo đó thực hiện đạt kết quả. Luôn đến bên các nhóm để quan sát tiến độ hoàn thành nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm. Có thể giải thích, hướng dẫn hoặc hỗ trợ cho những HS, nhóm HS có khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ. Kết thúc hoạt động, GV cần có nhận xét, kết luận (chốt) các kiến thức cơ bản HS cần ghi nhớ và đánh giá chung kết quả hoạt động của HS.
- Khi tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ được giao, GV nên tăng cường sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực nhằm tích cực hoá hoạt động của HS. Căn cứ vào mục tiêu, nội dung bài học và điều kiện cụ thể, GV lựa chọn, sử dụng phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực sao cho phù hợp, hiệu quả.
- Trong mô hình THM, HS được học theo tiến độ và khả năng với hình thức dạy học chủ yếu là hoạt động nhóm, trong đó việc học tập tích cực, tự giác của mỗi cá nhân HS phải luôn được coi trọng. Vì vậy, với mỗi nhiệm vụ học tập, HS cần được hoạt động theo trình tự: 1. HS làm việc cá nhân để tự tìm hiểu kiến thức, trả lời câu hỏi hoặc thực hiện các nhiệm vụ học tập; 2. HS hoạt động cặp đôi hoặc nhóm để trình bày, thảo luận và thống nhất kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập; 3. Báo với thầy/cô giáo nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ để GV đến vị trí của nhóm nghe đại diện nhóm trình bày kết quả của nhóm, đồng thời kiểm tra mức độ hiểu biết của các thành viên trong nhóm. Tuy nhiên, trong thực tế, tiến độ học tập của HS diễn ra rất khác nhau. Điều này đòi hỏi GV phải rất linh hoạt khi sử dụng các phương pháp, hình thức dạy học trên cơ sở thường xuyên quan sát, theo dõi hoạt động của các nhóm. Nếu phát hiện trong lớp có nhiều HS, nhiều nhóm cùng mắc lỗi ở một nội dung hoặc không hiểu một nội dung nào đó trong tài liệu, GV có thể yêu cầu các nhóm ngừng hoạt động để nghe GV giải thích, hướng dẫn nội dung còn vướng mắc. Hoặc, nếu thấy các nhóm HS trong lớp đều đã hoàn thành nhiệm vụ học tập trong cùng một thời điểm thì GV không cần thiết phải đến vị trí từng nhóm nghe HS báo cáo mà chuyển sang tổ chức hoạt động chung cả lớp để đại diện một nhóm HS báo cáo trước lớp với sự nhận xét, bổ sung của các nhóm khác.
- Chú ý tổ chức đánh giá thường xuyên kết quả học tập của HS. Hướng dẫn HS dựa vào yêu cầu cần đạt của hoạt động và kết luận, đáp án của các nhiệm vụ học tập để đối chiếu, đánh giá kết quả hoạt động của cá nhân, nhóm.
- Chú ý hướng dẫn HS vận dụng kiến thức đã lĩnh hội được vào những việc làm cụ thể liên quan đến may mặc và ăn uống ở gia đình. Chỉ khi HS vận dụng những điều đã học

được vào thực tiễn may mặc và ăn uống, các em mới kiểm nghiệm được những kiến thức đã học và làm cho các kiến thức đó trở nên hữu ích.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- SGK, SGV Công nghệ 6 hiện hành.
- Ngoài ra, GV có thể đọc các nội dung về thiết kế thời trang, dinh dưỡng, VSATTP,... trên mạng Internet, sách, báo, tạp chí thời trang.

5. HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI, BÀI TẬP

Bài 1. CÁC LOẠI VẢI THƯỜNG DÙNG TRONG MAY MẶC

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Các loại vải thường dùng trong may mặc

Câu 1. Dựa vào nội dung vừa đọc kết hợp với quan sát hình ảnh A, B, C, D (ở hình 8), em hãy cho biết: Vải sợi thiên nhiên được sản xuất bằng những loại sợi thiên nhiên và phương pháp nào?

Vải sợi thiên nhiên được sản xuất từ các loại sợi thiên nhiên như sợi tơ tằm, sợi bông,...
Phương pháp sản xuất: dệt thủ công và dệt công nghiệp (dệt bằng máy).

Câu 2. Quan sát hình ảnh E, F (ở hình 8), kết hợp với quan sát thực tế, em hãy nêu nhận xét của em về các loại vải thường được dùng trong may mặc hiện nay.

Các loại vải may mặc rất phong phú và đa dạng, có nhiều màu sắc, hoa văn khác nhau.

Câu 3. Nối tên loại vải ở cột A với tính chất chung của loại vải đó ở cột B sao cho phù hợp:

Nối 1-d; 2-c; 3-a; 4-b.

2. Phân biệt các loại vải

Câu 1. Nêu tác dụng của việc biết cách phân biệt một số loại vải.

Biết cách phân biệt một số loại vải sẽ giúp cho việc lựa chọn, sử dụng, bảo quản, giữ gìn các sản phẩm may bằng vải phù hợp (với tính chất của vải), giữ được vẻ đẹp, độ bền của vải.

Câu 2. Trình bày cách phân biệt một số loại vải thông thường.

Phân biệt một số loại vải bằng cách vò vải và đốt sợi vải (rút từ mảnh vải ra). Căn cứ vào độ nhàu của vải sau khi vò và độ vụn của tro sau khi đốt để xác định đó là vải sợi thiên nhiên hay vải sợi hoá học hay vải sợi pha.

Hoạt động luyện tập

Bài tập 1:

Không có đáp án chung vì HS có thể chọn loại vải nào mà HS thấy thích và phù hợp. Điều quan trọng là HS giải thích được vì sao em chọn loại vải đó dựa vào hiểu biết về tính chất của các loại vải đã học. Ví dụ: HS chọn vải sợi pha để may trang phục mặc đi học vì loại vải này mặc thoáng mát, dễ giặt sạch và ít bị nhàu; Chọn vải sợi bông hoặc vải lanh may trang phục lao động vì loại vải này thấm hút mồ hôi tốt, mặc thoáng mát...

Bài tập 2: Nối 1-d; 2-c; 3-a; 4-b.

Thực hành phân biệt các loại vải:

Mẫu 1 là vải sợi tự nhiên (vải sợi bông hoặc vải lanh, lụa tơ tằm); Mẫu 2 là vải sợi hoá học; Mẫu 3 là vải sợi pha. Có thể giải thích kết quả thử nghiệm.

Bài 2. TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Trang phục và chức năng của trang phục. Phân biệt trang phục, thời trang và mốt.

Câu 1. Trang phục là gì? Nêu các chức năng chính của trang phục.

Trang phục là những đồ để mặc như áo, quần, váy,... và một số vật dụng có thể khoác, đeo, gắn lên người như mũ, giày, tất, khăn quàng, dây thắt lưng, túi xách, đồ trang sức,...

Trang phục có hai chức năng chính là bảo vệ cơ thể và làm đẹp cho con người.

Câu 2. Theo em, HS mặc đồng phục có những lợi ích gì? Em hãy nêu một vài nhận xét của em về đồng phục của trường mình?

Mặc đồng phục có lợi ích: không mất công lựa chọn trang phục hằng ngày khi đi học. Nhìn vào đồng phục, mọi người biết được em đang học ở trường nào. Mặc đồng phục còn đem lại sự tự tin, bình đẳng cho mọi HS, không phân biệt giàu nghèo khi đến trường.

Câu 3. Thế nào là thời trang? Phân biệt trang phục và thời trang.

Thời trang chính là trang phục nhưng có sự thay đổi theo thời gian, không gian. Thời trang là cách mặc phổ biến trong xã hội ở thời gian nào đó, trong một không gian nhất định.

Câu 4. Ghép tên cho mỗi hình ảnh A, B, C, D, E, F với một tiêu đề sao cho phù hợp

Đáp án: A-6; B-3; C-5; D-2; E-1; F-4.

2. Lựa chọn trang phục đẹp và phù hợp với bản thân

Thế nào là trang phục đẹp ?

Trang phục đẹp là trang phục phù hợp với vóc dáng cơ thể, lứa tuổi, hoạt động hằng ngày, đồng thời phù hợp với điều kiện gia đình và hoàn cảnh xung quanh.

Hoạt động luyện tập

Bài tập tình huống

Bạn Mai nên chọn trang phục may bằng loại vải mềm như lụa, lanh..., hoa văn nhỏ hoặc kẻ sọc, nền vải màu tối hoặc sẫm. Kiểu may có đường may dọc theo thân áo, rộng vừa phải, không may bó vào người.

Bài 3. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN TRANG PHỤC

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Sử dụng trang phục hợp lí

Câu 1. Hãy chọn và đặt tiêu đề cho các hình ảnh A, B, C, D, E, F sao cho phù hợp.

A. Trang phục dân tộc; B. Trang phục thể thao; C. Đồng phục; D. Trang phục biểu diễn;
E. Trang phục lao động; F. Trang phục đi chơi.

Câu 2. Thế nào là sử dụng trang phục hợp lí? Tại sao phải sử dụng trang phục hợp lí?

Sử dụng trang phục hợp lí là sử dụng trang phục phù hợp với hoạt động, môi trường và công việc mình tham gia, đồng thời biết cách phối hợp trang phục sao cho hài hoà, đẹp.

Sử dụng trang phục hợp lí để tạo cho ta cảm giác tự tin, thoải mái, đồng thời gây được thiện cảm với người xung quanh. Không những vậy, sử dụng trang phục hợp lí còn giúp ta tôn được vẻ đẹp cơ thể.

Câu 3. Theo em, HS phổ thông thường có những loại trang phục nào?

Trang phục đi học, trang phục ở nhà, trang phục lao động, trang phục mặc vào những dịp đi chơi, lễ hội. Ngoài ra, có thể có trang phục thể thao.

2. Bảo quản trang phục

Câu 1. Bảo quản trang phục có ý nghĩa như thế nào?

Bảo quản trang phục giữ cho trang phục luôn sạch sẽ, đẹp, bền, lâu hỏng, tiết kiệm được chi tiêu cho may mặc. Bảo quản trang phục còn là cách làm cho mọi người xung quanh thấy mình là người sạch sẽ, cẩn thận, chăm chỉ.

Câu 3. *Giả sử không có bàn là (bàn ủi), em sẽ làm thế nào để trang phục được phẳng phiu?*

Em giặt quần áo bằng tay nhiều lần cho sạch, Trước khi phơi, em giữ mạnh, nhiều lần cho quần áo phẳng phiu rồi treo vào mắc áo để phơi. Khi quần áo khô, em treo vào mắc ở tủ hoặc nơi cất giữ quần áo.

Hoạt động luyện tập

Bài tập 1. *Sử dụng trang phục khi tham gia lao động.*

Đáp án: C.

Bài tập 3

Việc Bình cho luôn quần áo bị lấm lem, ướt đẫm mồ hôi vào máy giặt để giặt cùng với quần áo của cả nhà là không đúng vì máy giặt khó có thể giặt sạch vết lấm lem. Lần sau, Bình nên giặt qua quần áo một lượt bằng nước sạch rồi dùng xà phòng sát vào những chỗ bị lấm lem trên quần áo để vò cho sạch vết bẩn. Sau đó mới cho quần áo vào máy giặt để giặt cùng với quần áo của mọi người.

Bài tập 4

Khi phơi trang phục, Hà không giữ phẳng và không lộn mặt trái của trang phục ra ngoài là chưa đúng vì với cách làm như vậy, các trang phục của nhà Hà sẽ bị nhàu, mất nhiều công là ủi. Những trang phục màu còn bị phai màu ở mặt phải, chóng cũ khi phơi dưới nắng to.

Bài 4. ĂN UỐNG HỢP LÝ

Hoạt động hình thành kiến thức và luyện tập

1. Tìm hiểu nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể

Câu 1: C.

Câu 2: D.

Câu 3: Chất đạm (protein), chất béo, chất bột đường, chất khoáng và vitamin.

Câu 4: Gầy yếu, chân khảng khiu, bụng to, tóc mọc thưa thưa, sức đề kháng giảm, dễ bị các bệnh nhiễm khuẩn và trí tuệ kém phát triển.

Câu 5: Vận động khó khăn, mệt mỏi và dễ mắc các bệnh: cao huyết áp, tim mạch, tiểu đường... rất khó chữa trị.

Người béo phì muốn giảm cân cần ăn uống hợp lí: giảm lượng ăn, hạn chế ăn chất béo và những chất nhiều năng lượng như chất bột, đường và tích cực vận động, tập thể dục, chơi thể thao.

Câu 6:

| Hình ảnh | Thể trạng | Nguyên nhân |
|----------|-----------|--|
| A | Cân đối | Ăn uống hợp lí, vừa đủ nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể. |
| B | Quá béo | Ăn nhiều quá so với nhu cầu, ăn nhiều chất béo, chất bột đường và ít vận động. |
| C | Quá gầy | Thiếu dinh dưỡng, thiếu chất đạm và năng lượng. |

Câu 7: Để ăn uống cân bằng chất dinh dưỡng cho nhu cầu cơ thể, cần ăn phối hợp nhiều loại thức ăn để cung cấp cho cơ thể đủ các chất dinh dưỡng: Chất đạm (protein), chất béo, chất bột đường, chất khoáng và vitamin với tỉ lệ cân đối, đủ đáp ứng cho cơ thể về nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng.

2. Ăn uống thế nào cho hợp lí?

a. Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí

Câu 1: Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí cần cung cấp đủ các chất dinh dưỡng: Chất đạm (protein), chất béo, chất bột đường, chất khoáng và vitamin, ngoài ra còn cần cung cấp cả chất xơ và nước. Tuy chúng không phải chất dinh dưỡng nhưng cũng rất cần cho cơ thể.

Câu 2: Quan sát hình ảnh ba bữa ăn, nhận xét về mức độ cung cấp các chất dinh dưỡng trong mỗi bữa ăn rồi đánh dấu vào bảng sau theo kí hiệu: (+: vừa đủ; ++: thừa; -: thiếu).

| Bữa ăn cung cấp | Bữa ăn số 1 | Bữa ăn số 2 | Bữa ăn số 3 |
|-----------------|-------------|-------------|-------------|
| Chất bột đường | + | + | + |
| Chất đạm | - | ++ | + |
| Chất béo | + | + | + |
| Vitamin | + | - | + |

| | | | |
|---|--------------------------------|--|--|
| Chất khoáng | + | + | + |
| Nước | + | + | + |
| Chất xơ | + | - | + |
| Kết luận: bữa ăn có hợp lí không? Vì sao? | Không hợp lí vì thiếu chất đạm | Không hợp lí vì thiếu rau nên thiếu vitamin và chất xơ | Bữa ăn cân đối vì có đủ các chất với tỉ lệ cân đối |

b. Ăn đúng bữa, đúng cách và hợp vệ sinh

Câu 1: Phân chia số bữa ăn trong ngày hợp lí sẽ thuận lợi cho việc tiêu hoá thức ăn và cung cấp năng lượng cho cơ thể, giúp cơ thể có sức khoẻ tốt.

Câu 2: Mỗi ngày cần ăn ba bữa chính: bữa sáng, bữa trưa và bữa tối. Vì: Khi dạ dày hoạt động bình thường, thức ăn được tiêu hoá hết trong 4 giờ. Vì vậy, các bữa ăn cách nhau khoảng 4 - 5 giờ là hợp lí.

Câu 3: D.

Câu 4: Quan sát bảng sau và nhận xét xem bạn nào biết cách bố trí thời gian bữa ăn trong ngày hợp lí nhất và giải thích sự lựa chọn của mình:

| Thời gian bữa ăn | Bạn Lan | Bạn Hoa | Bạn Long |
|------------------|----------------|-------------------------------------|--|
| Bữa sáng | 6 giờ 30 phút | 8 giờ | 9 giờ |
| Bữa trưa | 11 giờ 30 phút | 11 giờ | 12 giờ |
| Bữa tối | 18 giờ | 19 giờ | 20 giờ |
| Kết luận | Hợp lí nhất | Bữa sáng hơi muộn, gần với bữa trưa | Bữa sáng muộn, gần bữa trưa. Bữa tối muộn. |

Câu 5: D

Hoạt động vận dụng

Câu hỏi tình huống:

Ăn xúc xích trừ bữa không có lợi cho sức khoẻ vì: Bữa ăn không cân đối, không hợp lí. Nếu chỉ ăn xúc xích, bữa ăn chỉ có protein và chất béo, thiếu nhiều chất dinh dưỡng khác như:

chất bột đường, vitamin, chất khoáng, chất xơ và nước. Ăn như vậy nhiều và lâu dài sẽ phát sinh các bệnh do dinh dưỡng.

Bài 5. VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Tìm hiểu về vệ sinh an toàn thực phẩm

Câu 1. Vì sao cần đảm bảo VSATTP?

- Thực phẩm là nguồn cung cấp các chất dinh dưỡng cần thiết cho con người.
- Thực phẩm rất giàu chất dinh dưỡng nên dễ bị vi khuẩn xâm nhập, phá huỷ.
- Khi không bảo đảm vệ sinh, thực phẩm không những không giữ được giá trị dinh dưỡng vốn có, mà còn là nguồn gây bệnh, độc hại, ảnh hưởng đến sức khoẻ và tính mạng của con người.

Câu 2. Ghép mỗi nội dung trong bảng sau với hình ảnh A, B, C, D cho phù hợp.

Ghép: 1 - B ; 2 - D ; 3 - C ; 4 - A.

2. Nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm

Xếp tình huống theo nhóm nguyên nhân.

| Nhóm nguyên nhân | Các tình huống |
|--------------------------------|---------------------------|
| A. Nhiễm vi sinh vật | 2; 4; 6; 7; 8; 9; 10; 11. |
| B. Nhiễm hoá chất độc hại | 1; 3; 5; 6 |
| C. Thực phẩm biến chất ôi hỏng | 2; 7; 8; 9; 10. |
| D. Thực phẩm có sẵn chất độc | 12 |

3. Các biểu hiện khi ngộ độc thực phẩm

Câu 1. Có hai dạng ngộ độc thực phẩm là: ngộ độc cấp tính và nhiễm độc tiềm ẩn.

Câu 2. Phân biệt các dạng ngộ độc thực phẩm, điền thông tin vào bảng sau cho phù hợp:

| | Ngộ độc cấp tính | Nhiễm độc tiềm ẩn |
|-----------|---|--|
| Thời gian | Xảy ra ngay sau khi ăn (từ vài giờ đến vài ngày). | Xảy ra từ từ, do sự nhiễm độc tích lũy dần trong thời gian dài |

| | | |
|--------------------------------|--|--|
| Biểu hiện triệu chứng/ hậu quả | Nôn mửa, đau bụng, tiêu chảy, khát nước, mạch nhanh, yếu, chóng mặt, nhức đầu,... Nếu nặng, không cấp cứu kịp thời có thể tử vong. | Không có biểu hiện ngay nhưng diễn ra âm thầm, chậm chạp trong cơ thể. Hậu quả gây ra những bệnh nguy hiểm như vô sinh, quái thai, ung thư và rối loạn nhiều chức năng của cơ thể. |
|--------------------------------|--|--|

4. Các biện pháp phòng tránh ngộ độc thực phẩm

Cho HS chơi trò chơi với những nội dung như trong sách HDH để HS ghi nhớ những việc cần phải làm để đảm bảo VSATTP, phòng tránh ngộ độc.

Hoạt động luyện tập

Em hãy xác định những việc “nên” hay “không nên” làm để phòng tránh ngộ độc thực phẩm. Đánh dấu (x) vào cột tương ứng trong bảng sau:

Đáp án: Nên: 2; 4; 8. Không nên: 1; 3; 5; 6; 7.

Hoạt động vận dụng

Câu 1. Rửa táo bằng nước sạch, ngâm nước muối trước khi ăn để phòng ngộ độc. Giải thích cho bé Hoa về tác hại của ngộ độc thực phẩm để lần sau em không ăn táo hay trái cây khi chưa được rửa sạch.

Câu 2. Thức ăn ăn dở thường đã bị nhiễm khuẩn. Muốn thực phẩm không bị vi khuẩn phá hủy, sau khi ăn xong, bạn Mai cần dọn phần thức ăn còn lại vào hộp hay chén/bát sạch đậy lại và cất vào tủ lạnh. Nhiệt độ trong tủ lạnh giúp hạn chế sự phát triển của vi khuẩn. Tuy nhiên, trước khi ăn bữa sau cần đun lại cho sôi kỹ. Nếu không có tủ lạnh thì phần thức ăn còn dư cần được đun lại để diệt khuẩn trước khi bảo quản (trong nhiệt độ thường), chống ôi thiu để sử dụng ở bữa sau.

Nếu thức ăn không đun lại, không để tủ lạnh, đến bữa chiều đã có mùi ôi thiu thì không được đun lại để tiếp tục ăn vì khi vi khuẩn hoạt động, không những phá hủy chất dinh dưỡng của thức ăn mà còn sinh ra các chất độc có hại cho cơ thể.

PHẦN III. THU CHI TRONG GIA ĐÌNH

1. MỤC TIÊU

- Hiểu khái niệm thu nhập, chi tiêu, nguồn thu nhập, các khoản chi tiêu của gia đình.
- Các biện pháp tăng thu nhập gia đình, các khoản chi tiêu trong gia đình.

- Vận dụng các biện pháp tăng thu nhập gia đình trong đời sống, sinh hoạt.
- Xác định được vai trò, nhiệm vụ của bản thân góp phần tăng thu nhập gia đình, tiết kiệm trong chi tiêu và làm các công việc vừa sức giúp đỡ gia đình.
- Vận dụng hiểu biết về chi tiêu để xác định được việc cân đối thu, chi trong gia đình; quan tâm tới việc chi tiêu và tiết kiệm chi tiêu.
- Có định hướng trong việc lập kế hoạch, lập được kế hoạch chi tiêu cho gia đình.
- Vận dụng kiến thức được học và vốn sống thực tiễn để xác định được mục đích, trình tự lập kế hoạch chi tiêu cho gia đình.
- Có ý thức xây dựng kế hoạch chi tiêu cho gia đình.

2. NỘI DUNG CHÍNH

- Khái niệm thu nhập, các nguồn thu nhập của gia đình, của các loại hộ gia đình;
- Các biện pháp tăng thu nhập của gia đình;
- Khái niệm chi tiêu và các khoản chi tiêu của gia đình và các loại hộ gia đình;
- Các biện pháp cân đối thu, chi trong gia đình; tiết kiệm trong chi tiêu;
- Khái niệm lập kế hoạch chi tiêu; mục đích, trình tự lập kế hoạch chi tiêu; lập kế hoạch chi tiêu cho gia đình.

3. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Để tổ chức dạy học hiệu quả, GV cần chú ý một số điểm sau:

- Nắm vững cấu trúc của bài dạy trong sách HDH;
- Hiểu được nội dung của bài dạy và ý đồ của tác giả trong việc lựa chọn các kiến thức;
- Định hướng cho HS các hoạt động để phát huy tính tích cực, chủ động khi học tập;
- Tổ chức các hoạt động linh hoạt, sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế của lớp học, trường học và địa phương. GV không nên can thiệp sâu vào quá trình trao đổi thảo luận của HS khi xây dựng bài học. GV chỉ giúp đỡ các nhóm HS và cá nhân khi gặp khó khăn do kiến thức quá khó hoặc các em chưa được tiếp cận, chưa có hiểu biết thực tế.

Cấu trúc của sách HDH có khác so với SGK Công nghệ 6 hiện hành, vì vậy GV cần chú ý hiểu được nội dung các hoạt động mới:

- Hoạt động khởi động: là hoạt động để HS liên hệ với kiến thức đã được học trong môn Công nghệ và các môn học khác và kiến thức trải nghiệm trong thực tế cuộc sống để tiếp cận với nội dung bài học mới. Qua hoạt động này, GV nắm bắt được mức độ hiểu biết của HS để có điều chỉnh khi giảng dạy.
- Hoạt động hình thành kiến thức: Là hoạt động hình thành kiến thức mới cho HS, đây là hoạt động trọng tâm trong năm hoạt động. Khi tổ chức hoạt động này GV cần chú ý một số điểm sau:
 - o Thông tin là những kiến thức có liên quan đến nội dung học tập có thể là kênh chữ hoặc kênh hình, HS phải quan sát đối với các hình, đọc kĩ nội dung chữ để hiểu và vận dụng trả lời được các câu hỏi thảo luận.
 - o Trong nội dung sách HDH có nhiều loại câu hỏi khác nhau, GV chủ động giúp các em tháo gỡ khó khăn khi thực hiện các câu hỏi.
- Hoạt động luyện tập: Mục đích để HS vận dụng kiến thức vừa học để giải quyết một số vấn đề nhằm củng cố kiến thức vừa học.
- Hoạt động vận dụng: Mục đích để HS vận dụng kiến thức vừa học để giải quyết một số vấn đề thực tế liên quan đến nội dung bài học.
- Hoạt động tìm tòi, mở rộng: Mục đích nhằm mở rộng những hiểu biết trên cơ sở những kiến thức được học trong bài học và những kiến thức đã trải nghiệm.

4. MỘT SỐ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ tài liệu Giáo dục kinh doanh trong nhà trường, các cơ sở đào tạo nghề và kỹ thuật, tài liệu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO).
- SGK Công nghệ 6, Tổng chủ biên Nguyễn Minh Đường, chủ biên Nguyễn Thị Hạnh, Tác giả Triệu Thị Chơi, Vũ Thuỳ Dương.
- SGV Công nghệ 6, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Giáo trình kinh tế và quản trị doanh nghiệp, tác giả TS. Ngô Xuân Bình, TS. Hoàng Văn Hải, Nhà xuất bản Giáo dục năm 2006.

5. HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI, BÀI TẬP

Bài 1. THU NHẬP CỦA GIA ĐÌNH

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Thu nhập của gia đình

a) Thu nhập bằng tiền

Dựa vào “Thông tin thu nhập gia đình” điền vào các ô trống các từ và cụm từ: tiền lương, tiền thưởng của Bố; tiền lãi xuất gửi tiết kiệm của gia đình; tiền làm thêm giờ của bố Hà, tiền học bổng của chị Hà, tiền bán các sản phẩm lao động như gà, vịt, cá do mẹ Hà chăn nuôi, trồng trọt...

b) Thu nhập bằng hiện vật

Câu 1. Dựa vào “Thông tin thu nhập gia đình” điền vào các ô trống (hình 18) các hình vẽ hoặc bằng các từ và cụm từ về sản phẩm nông nghiệp như quả nhãn, quả vải, chuối hoặc trứng gà, vịt và các sản phẩm thêu, ren, tranh sơn mài,...

Chú ý: Tùy theo mỗi địa phương, vùng miền và điều kiện của mỗi từng gia đình HS có các em thể diễn các thu nhập khác nhau.

Câu 2. Đúng điền Đ, sai điền S. Sản phẩm nào là nguồn thu nhập bằng hiện vật của các gia đình?

| STT | Tên sản phẩm | Đúng/Sai |
|-----|--|----------|
| 1 | Hạt điều thu hoạch trên đồi của các gia đình ở Tây Nguyên. | Đ |
| 2 | Các loại hoa quả trong các sạp kinh doanh ở các chợ. | S |
| 3 | Gà nuôi của gia đình ở nông thôn. | Đ |
| 4 | Tranh thêu của các gia đình làng nghề. | Đ |
| 5 | Cà phê hạt ở trong quán cà phê. | S |
| 6 | Các hải sản tự đánh bắt của các gia đình vùng biển. | Đ |
| 7 | Quần áo ở cửa hàng các gia đình kinh doanh. | S |

2. Thu nhập của các loại hộ gia đình

Khi hướng dẫn HS đọc thông tin, cần cho các em hiểu khái niệm Hộ gia đình được hiểu là các hộ gia đình có các thành viên trong gia đình làm các công việc khác nhau như: công chức, viên chức; gia đình tham gia lao động, sản xuất; gia đình kinh doanh, buôn bán.

Tìm các từ/cụm từ để điền vào chỗ chấm (...) trong các câu sau để được câu đúng.

- Thu nhập của người làm việc ở cơ quan, xí nghiệp: Tiền lương, tiền thưởng, tiền làm thêm giờ.
- Thu nhập của người sản xuất nông nghiệp: sản phẩm nông nghiệp (lúa gạo, hoa quả,...).
- Thu nhập của người làm nghề đánh bắt cá: Tiền bán các loại thủy sản (cá, tôm...).
- Thu nhập của người thợ cắt tóc: tiền công cắt tóc.
- Thu nhập của người làm muối: Tiền bán muối.
- Thu nhập của sinh viên: Tiền học bổng, tiền làm gia sư.
- Thu nhập của người làm nghề thủ công mỹ nghệ: Tiền bán sản phẩm mỹ nghệ.
- Thu nhập của người đã nghỉ hưu: Tiền lương hưu, tiền đi làm thêm.
- Thu nhập của người trồng cây ăn quả, làm vườn: Tiền bán các loại rau, hoa quả.
- Thu nhập của người sửa chữa đồ điện tử, xe máy, xe đạp: tiền công sửa chữa.
- Thu nhập của người bán hàng: tiền lãi do bán các mặt hàng kinh doanh.
- Thu nhập của thương binh và gia đình liệt sĩ: tiền trợ cấp, thu nhập từ các khoản thu khác của các thành viên trong gia đình.

3. Các biện pháp tăng thu nhập của gia đình

a) Phát triển kinh tế gia đình bằng các làm thêm nghề phụ

Câu 1. Thảo luận với bạn để điền tên Tỉnh/Thành phố tương ứng với Tên nghề phụ trong bảng sau:

Với bài tập này, tùy theo mức độ hiểu biết của các em không yêu cầu điền tất cả các ô trong bảng.

| Tên nghề phụ | Tỉnh/Thành phố |
|--------------------------|-------------------------|
| 1) Nghề làm bánh đa canh | Thái Bình, Hưng Yên,... |

| | |
|------------------------------|-------------------------------|
| 2) Nghề dệt chiếu cói | Thái Bình, Thanh Hoá |
| 3) Nghề đúc đồng | Nam Định, Hà Nội |
| 4) Nghề dệt lụa tơ tằm | Hà Đông (Hà Nội) |
| 5) Nghề làm nón bài thơ | Hà Nội, Thừa Thiên Huế |
| 6) Nghề làm bánh đậu xanh | Hải Dương |
| 7) Nghề làm mứt hoa quả | Đà Lạt (Lâm Đồng) |
| 8) Nghề sản xuất rượu vang | Đà Lạt, Ninh Thuận |
| 9) Nghề sản xuất vải thổ cẩm | Lào Cai, Điện Biên, Sơn La... |

Câu 2. Thảo luận để điền vào chỗ chấm (...) những từ/cụm từ cho thích hợp.

- Người lao động tăng thu nhập bằng cách làm thêm giờ.
- Người đã nghỉ hưu có thể làm thêm nghề phụ để tăng thu nhập.
- Sinh viên có thể làm gia sư để tăng thu nhập.
- HS lớp 6 có thể làm nghề phụ phù hợp, phụ giúp gia đình để góp phần tăng thu nhập cho gia đình.
- Người làm vườn có thể áp dụng biện pháp khoa học kỹ thuật tiên tiến để tăng thu nhập.

b) Những việc học sinh có thể làm để góp phần tăng thu nhập gia đình

Khi dạy học nội dung này, cần hiểu những việc HS có thể làm là công việc trực tiếp như phụ giúp nghề phụ của gia đình, làm sản phẩm thủ công mỹ nghệ,..., gián tiếp như làm vườn, trồng rau, dọn nhà cửa, chăm chỉ học tập... (tham khảo thêm SGK Công nghệ 6, trang 127).

Điền tên các hình tương ứng với Hành động mà HS có thể tham gia để tăng thu nhập gia đình và đánh dấu (×) Nên hoặc Không nên cho thích hợp.

| Hành động | Hình ảnh | Nên | Không nên |
|---------------------------------------|----------|-----|-----------|
| Thức ăn không hợp khẩu vị nên đồ đi | G | | × |
| Học tập chăm chỉ | A | × | |
| Đam mê chơi điện tử | F | | × |
| Thấy đồ chơi đẹp xin tiền mẹ mua ngay | B | | × |

| | | | |
|---------------------------------|---|---|---|
| Ngủ sớm, dậy muộn, lười học bài | D | | × |
| Chăm sóc ao cá giúp bố mẹ | C | × | |
| Chăm sóc vườn rau giúp bố mẹ | H | × | |
| Dọn nhà cửa sạch sẽ | E | × | |

Hoạt động luyện tập

Em hãy liên hệ, tìm hiểu, điền vào bảng năm việc làm trong gia đình và ba việc làm của các gia đình khác ở xung quanh để tăng thu nhập cho gia đình.

Đây là bài tập cần vận dụng kiến thức được học và liên hệ với thực tiễn ở gia đình HS và nơi ở, tùy theo điều kiện hoàn cảnh cụ thể các em có thể điền như sau:

| Việc làm của gia đình em | Việc làm của gia đình khác |
|--|----------------------------|
| - Bố làm thêm giờ | - Làm nghề phụ |
| - Mẹ chăn nuôi lợn, gà, trồng rau sạch | - Mở cửa hàng kinh doanh |
| - Gửi tiết kiệm | - Sửa chữa đồ điện |
| - Học bổng của chị | |
| - Em phụ giúp mẹ trồng rau sạch | |

Hoạt động vận dụng

Em hãy tìm hiểu về các thu nhập, mức độ thu nhập của gia đình và điền vào bảng:

1. Tìm hiểu các thu nhập bằng tiền (nếu có) và bằng sản phẩm (nếu có) quy đổi ra tiền của các thành viên trong gia đình (bố, mẹ, anh, chị).

Là bài tập vận dụng, vì vậy GV hướng dẫn HS về gia đình hỏi về các thu nhập của các thành viên trong gia đình và điền vào bảng. Cộng thu nhập để có tổng thu nhập của gia đình.

Chú ý: Ngoài tiền lương, tiền thưởng và tiền lãi xuất tiết kiệm các thu nhập khác điền vào cột “Tiền thu nhập từ công việc khác”.

2. Em hãy tìm hiểu những việc làm của các thành viên trong gia đình để tăng thu nhập.

Là bài tập vận dụng, vì vậy GV hướng dẫn HS về gia đình tìm hiểu qua việc hỏi các thành viên trong gia đình để biết các công việc làm thêm để điền vào bảng. Ví dụ: Bố

làm thêm giờ, làm nghề phụ lúc rỗi, trồng cây cảnh để bán; Mẹ làm thêm nghề phụ như thêu, làm đậu phụ, làm bánh,...

Bài 2. CHI TIÊU TRONG GIA ĐÌNH

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Chi tiêu trong gia đình

Hãy đánh dấu (x) vào cột “Chính đáng” hoặc “Không chính đáng” tương ứng với mỗi mục chi tiêu cho các nhu cầu của con người trong bảng dưới đây.

| Chi tiêu cho các nhu cầu | | Chính đáng | Không chính đáng |
|--------------------------|---|------------|------------------|
| 1 | Ăn (ăn sáng, trưa, tối,...) | x | |
| 2 | Chơi điện tử | | x |
| 3 | Thuốc lá để hút | | x |
| 4 | Vật dụng phục vụ cho việc sinh hoạt, học tập, làm việc,.... | x | |
| 5 | Ma túy để tiêm chích | | x |
| 6 | Nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí | x | |
| 7 | Rượu, bia để uống | | x |
| 8 | Mặc (các loại trang phục) | x | |

3. Chi tiêu của các loại hộ gia đình ở Việt Nam

Hãy đánh dấu (x) vào các cột ở bảng sau đây cho thích hợp và rút ra kết luận về sự khác nhau giữa chi tiêu chủ yếu của các loại hộ gia đình.

Trong bảng này “Hộ gia đình” được hiểu là các các hộ gia đình sống ở miền núi, nông thôn và thành phố, “Đi lại” hiểu là phương tiện phục vụ việc đi lại (xe đạp, xe máy, nhiên liệu...).
Căn cứ vào nội dung trong thông tin để đánh dấu vào các ô trống, cụ thể:

| Hộ gia đình | Miền núi | | Nông thôn | | Thành phố | |
|-------------|----------|-------------------|-----------|-------------------|-----------|-------------------|
| | Tự cấp | Mua hoặc trao đổi | Tự cấp | Mua hoặc trao đổi | Tự cấp | Mua hoặc trao đổi |
| 1) Ăn uống | x | x | x | x | x | x |
| 2) May mặc | x | x | x | x | x | x |

| | | | | | | |
|------------------------|---|---|---|---|---|---|
| 3) Đi lại | | x | | x | | x |
| 4) Ở (nhà, điện, | x | x | x | x | | x |
| 5) Bảo vệ sức khoẻ | | x | | x | | x |
| 6) Học tập | | x | | x | | x |
| 7) Nghỉ ngơi, giải trí | x | x | x | x | x | x |

Hoạt động luyện tập

Xác định các chỉ tiêu cho nhu cầu vật chất của các thành viên trong gia đình (ăn, mặc, ở, điện nước, phương tiện đi lại,...; nhu cầu tinh thần (du lịch, giải trí, luyện tập thể dục thể thao, học tập...)). Ghi vào ô trống trong bảng đồng thời các biện pháp tiết kiệm các khoản chi tiêu, ví dụ: xây dựng kế hoạch giải trí phù hợp với điều kiện thu nhập của gia đình, hạn chế mua sắm các đồ dùng chưa cần thiết,...

Tuỳ theo địa bàn GV hướng dẫn HS tập trung làm các bài tập 1 hoặc bài tập 2 hoặc bài tập 3.

Hoạt động vận dụng

Các khoản chi tiêu trong gia đình và mức độ chi tiêu ở gia đình em trong một tháng.

Xác định các khoản chi tiêu theo các mục chi của các thành viên, điền vào chỗ chấm (...), cộng tổng số tiền đã chi tiêu và so sánh với thu nhập của gia đình để đánh giá đã cân đối chưa.

Bài 3. LẬP KẾ HOẠCH CHI TIÊU

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Lập kế hoạch chi tiêu cho gia đình

Bài tập tình huống:

| Các khoản chi tiêu | Cố định hoặc biến động | Khoản tiết kiệm (giải thích) |
|--|---|--|
| Hai cái áo giống nhau cho con gái của cô | Biến động, mua các vật dụng. | Không mua 2 cái giống nhau, mua 1 cái để tiết kiệm chi tiêu. |
| Thức ăn | Cố định, bảo đảm cho nhu cầu ăn để duy trì sự sống. | Mua đủ để phục vụ nhu cầu ăn, không mua nhiều thứ, số lượng nhiều để tiết kiệm chi tiêu. |

| | | |
|---|--|--|
| Hai đôi giày giống nhau cho con trai của cô | Biến động, mua trang bị phục vụ cho cuộc sống. | Không mua 2 đôi giống nhau, mua 1 đôi để tiết kiệm chi tiêu. |
| Rau, củ, quả | Cố định, đảm bảo nhu cầu về vật chất, đủ chất cho thành viên trong gia đình. | Mua đủ phục vụ cho nhu cầu ăn của gia đình, không mua nhiều để tiết kiệm tiền hoặc có thể tự trồng. |
| Mua thêm máy ảnh mới | Biến động, không phải khoản chi tiêu thường xuyên, phát sinh do nhu cầu sinh hoạt. | Không mua máy ảnh mới nếu máy cũ còn dùng được. |
| Hoa quả | Cố định, phục vụ cho nhu cầu vật chất cho sinh hoạt trong gia đình. | Mua các loại hoa quả phù hợp nhu cầu của cơ thể, không mua nhiều, dùng không hết, lãng phí; mua sản phẩm trong nước cùng loại. |

2. Lợi ích của việc lập kế hoạch chi tiêu

Dưới đây là những nội dung về lợi ích của việc lập kế hoạch chi tiêu. Hãy đánh dấu (x) vào ô Đúng hoặc Sai tương ứng.

| Lợi ích của việc lập kế hoạch chi tiêu | Đúng | Sai |
|---|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 1) Cân đối được các khoản thu, chi của bản thân và gia đình. | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 2) Chủ động trong các khoản vay nợ ngoài kế hoạch. | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 3) Đảm bảo cho việc chi tiêu có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu cuộc sống. | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 4) Làm chủ được tài chính của bản thân và gia đình. | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 5) Không có tiền tiết kiệm. | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 6) Ngăn chặn được việc chi tiêu ngoài kế hoạch. | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| 7) Thiếu tiền sinh hoạt hằng ngày. | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 8) Đi vay khi có việc phát sinh như: ốm phải đi viện, đi xa, sửa nhà,... | <input type="checkbox"/> | <input checked="" type="checkbox"/> |
| 9) Tạo khả năng chi tiêu hợp lý cho bản thân và gia đình. | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

Hoạt động luyện tập

- Đây là bài tập luyện tập, GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập sao cho phù hợp với điều kiện vùng, miền và sống ở gia đình các em và thực hiện theo các bước:
 - o Xác định được tổng thu nhập của gia đình trong 1 tháng;
 - o Xác định tổng các khoản chi tiêu cho các nhu cầu của các thành viên trong gia đình;
 - o So sánh chi tiêu với thu nhập để xác định khoản tiền tích lũy.
- GV hướng dẫn HS tự đánh giá hoặc GV đánh giá căn cứ vào:
 - o Mức độ hợp lý trong thu nhập của bản kế hoạch với thực tế vùng, miền và gia đình;
 - o Mức độ hợp lý trong chi tiêu của bản kế hoạch với thực tế vùng, miền và gia đình;

MÔ ĐUN I. TRANG TRÍ NHÀ Ở

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được vai trò của một số đồ vật trong trang trí nhà ở, một số điểm cần lưu ý khi trang trí đồ vật trong nhà ở. Trình bày được ý nghĩa của hoa và cây cảnh trong trang trí nhà ở.
- Nhận biết được các đồ vật sử dụng và trang trí trong nhà ở; lựa chọn được một số đồ vật thông thường để trang trí nhà ở của gia đình và nơi học tập ở nhà của bản thân. Nhận biết được một số loài hoa, cây cảnh thường có ở khu vực đang sinh sống.
- Trình bày được dụng cụ, vật liệu cắm hoa; một số nguyên tắc cắm hoa cơ bản và quy trình cắm hoa trang trí.
- Trình bày được một số yếu tố thiết kế ngôi nhà có ảnh hưởng tới năng lượng và môi trường.
- Đề xuất được phương án sử dụng hoa và cây cảnh để trang trí nhà ở của gia đình mình.
- Cắm được bình hoa ở một số dạng cơ bản, phù hợp với góc học tập và một số vị trí trong nhà.
- Biết cách bố trí các khu vực trong nhà ở một cách hợp lý; cách sắp xếp, bố trí góc học tập đảm bảo tính khoa học và tính thẩm mỹ.
- Đề xuất được phương án bố trí các khu vực hợp lý, có tính thẩm mỹ; thiết kế sơ bộ nhà ở của mình tùy theo địa phương nơi em ở. Đề xuất được phương án sắp xếp, bố trí đồ đạc nơi học tập của bản thân ở nhà gọn gàng, ngăn nắp, khoa học và thẩm mỹ.
- Đề xuất được phương án thiết kế ngôi nhà, bố trí các khu vực phù hợp về hướng gió, ánh sáng, ánh nắng mặt trời; đảm bảo mát mẻ, ấm áp, sáng sủa và thân thiện với môi trường.

2. NỘI DUNG CHÍNH

Mô đun trang trí nhà ở được cấu trúc thành 6 bài học với những nội dung chính sau:

Bài 1: Trang trí nhà ở bằng đồ vật (2 tiết)

- Phân loại các đồ vật thường được sử dụng trong gia đình.
- Trang trí nhà ở bằng đồ vật.
- Một số điều lưu ý khi trang trí nhà ở bằng đồ vật.

Bài 2: Trang trí nhà ở bằng hoa và cây cảnh (2 tiết)

- Ý nghĩa của hoa và cây cảnh trong trang trí nhà ở.
- Một số loại cây cảnh thường dùng trong trang trí nhà ở.
- Một số loại hoa thường dùng trong trang trí nhà ở.

Bài 3: Cắm hoa trang trí (4 tiết)

- Dụng cụ và vật liệu cắm hoa trang trí.
- Nguyên tắc cắm hoa cơ bản.
- Quy trình cắm hoa.
- Thực hành cắm hoa.

Bài 4: Ngôi nhà của em (2 tiết)

- Sự bố trí các khu vực trong nhà ở một cách hợp lí.
- Bố trí các khu vực hợp lí, có tính thẩm mỹ, phù hợp với địa phương.

Bài 5: Góc học tập của em (2 tiết)

- Vị trí đặt góc học tập.
- Thiết kế góc học tập.

Bài 6: Ngôi nhà thông minh (4 tiết)

- Một số yếu tố khi thiết kế ngôi nhà thông minh.
- Thiết kế ngôi nhà thông minh.

3. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy các bài học của mô đun này, GV cần chú trọng thực hiện thêm một số công việc như: xác định hoặc biên soạn nội dung chính của bài học mà HS cần

đạt được; nghiên cứu các bài tập, tìm hiểu phong tục, tập quán địa phương để xác định cách giải và đáp án các bài tập được trình bày trong các hoạt động của bài học. Trong giờ lên lớp, khi kết thúc bài học, GV cũng cần chỉ cho HS nội dung chính trình bày trong tài liệu hoặc cho HS ghi những nội dung chính mà mình đã biên soạn khi chuẩn bị.

4. MỘT SỐ TÀI LIỆU THAM KHẢO

Để dạy học các bài học về nhà ở, GV nên tham khảo SGK và SGV Công nghệ 6 hiện hành; tham khảo các sách báo, tài liệu về nhà ở nông thôn, trang trí nhà ở, trang website về không gian xanh, chương trình dạy cắm hoa trên truyền hình,... Ngoài ra, GV nên tham quan, tìm hiểu thêm phong tục, tập quán, quan niệm, kể cả tìm hiểu về phong thủy về nhà ở tại địa phương.

5. HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI, BÀI TẬP

Bài 1. TRANG TRÍ NHÀ Ở BẰNG ĐỒ VẬT

Hoạt động khởi động

GV gợi ý để HS tự do trả lời các câu hỏi. Kết quả HS báo cáo có thể đúng hoặc sai, thừa hoặc thiếu. GV có thể chỉ nhận xét, đánh giá sơ bộ, khái quát rồi hướng HS vào Hoạt động hình thành kiến thức. Sau khi kết thúc Hoạt động hình thành kiến thức hoặc sang Hoạt động luyện tập, GV mới đề nghị HS rà soát lại kết quả ban đầu của mình.

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Những đồ vật thường được sử dụng và trang trí trong nhà ở

Quan sát ảnh của các đồ vật trong hình 22 và chia các đồ vật đó thành ba nhóm theo mục đích sử dụng.

Gợi ý. Trước hết, GV đề nghị HS liệt kê tên gọi các đồ vật có trong các ảnh trên hình 22. Ví dụ như: bàn, ghế, lọ hoa, giường, giá sách, tủ tường, rèm, gương, đồng hồ treo tường, đèn bàn, tranh, tượng gỗ, sáo gió, nồi cơm điện, chảo, tủ lạnh, bàn là, ấm đun nước, bếp điện. Sau đó mới xếp những đồ vật này vào các nhóm. Có đồ vật sẽ chỉ được xếp ở một nhóm như chảo chỉ được xếp vào nhóm 1, tranh chỉ được xếp vào nhóm 2; nhưng có đồ vật có thể được xếp vào cả hai nhóm như đồng hồ treo tường sẽ được xếp vào nhóm 1 và nhóm 3.

2. Trang trí một số khu vực trong nhà ở

Câu 1. *Những đồ vật nào trong các ảnh ở hình 23 dùng để trang trí?*

Gợi ý. GV đề nghị HS liệt kê đồ vật trước rồi mới xác định các đồ vật dùng để trang trí.

Câu 2. Chọn các từ sau điền vào chỗ chấm (...) cho phù hợp: tranh, ảnh, gương, rèm cửa, màn.

Gợi ý đáp án: GV lưu ý đáp án này có thể vẫn gây tranh luận tùy theo quan niệm. Chẳng hạn có thể coi rèm cửa cũng là loại đồ vật dùng để trang trí, treo trên tường nhà.

- (1)- tranh, ảnh;
- (2)- tranh, ảnh, gương, rèm cửa, màn;
- (3)- gương;
- (4)- gương;
- (5)- rèm cửa, màn;
- (6)- rèm cửa, màn;
- (7)- gương, rèm cửa, màn;
- (8)- ảnh;

Câu 3. Sắp xếp các đồ vật trên theo ba nhóm: đồ vật để sử dụng phục vụ sinh hoạt, đồ vật dùng để trang trí, đồ vật vừa dùng để sử dụng vừa dùng để trang trí.

Gợi ý. GV lưu ý ảnh lãnh tụ và ảnh danh nhân không xếp vào ba nhóm này.

Câu 4. Bổ sung thêm các đồ vật thường dùng trong gia đình mình mà chưa được nêu ở trên.

Gợi ý. Câu hỏi này thuộc loại câu mở, GV gợi ý HS tìm những đồ vật có trong gia đình mình nhưng không được nêu ở đây.

Hoạt động luyện tập

Câu 1. B.

Câu 2. B. Lưu ý đáp án này cũng có thể gây tranh luận. Bởi đáp án D có thể cũng hợp lí nếu phòng hẹp.

Câu 3. C.

Câu 4. D.

Câu 5. Khi trang trí đồ vật trong nhà ở, cần lưu ý những gì? Hãy ghép mỗi mục trong cột A với một mục trong cột B trong bảng sau thành từng cặp để có câu trả lời phù hợp.

Gợi ý đáp án: 1) - b; 2) - c; 3) - e; 4) - d; 5) - a.

Lưu ý đáp án có thể gây tranh luận giữa hai đồ vật là rèm, màn và đồ vật làm bằng gỗ.

Hoạt động vận dụng

Một số điểm cần lưu ý khi trang trí đồ vật trong nhà ở.

Gợi ý. GV lưu ý HS khi sử dụng đồ vật để trang trí cần đảm bảo tính hợp lý, tính thẩm mỹ, sự an toàn và phù hợp với đặc điểm của khu vực trong nhà ở.

Bài 2. TRANG TRÍ NHÀ Ở BẰNG HOA VÀ CÂY CẢNH

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Ý nghĩa của hoa và cây cảnh trong trang trí nhà ở

Hoạt động này có thể cho HS đọc câu chuyện và trả lời các câu hỏi như trong sách HDH; có thể chơi trò chơi đóng vai hoặc tiểu phẩm có chuẩn bị trước với một nhóm HS theo nội dung câu chuyện.

a) HS trả lời được các ý sau:

- Trang trí hoa và cây cảnh làm tăng vẻ đẹp cho căn phòng hay ngôi nhà.
- Làm cho con người cảm thấy gần gũi với thiên nhiên, đem lại niềm vui, thư giãn cho con người sau những giờ lao động, học tập mệt mỏi.
- Làm trong lành không khí
- Ngoài ra, nghề trồng hoa và cây cảnh còn góp phần tăng thu nhập cho gia đình.

b) HS trả lời và giải thích tùy theo suy nghĩ và điều kiện thực tế của các em.

2. Một số loại cây cảnh thường dùng trong trang trí nhà ở

a) *Đọc nội dung và trả lời câu hỏi:*

- HS có thể kể tên các loại cây cảnh có trong nội dung bài đọc hoặc có thể kể thêm những cây cảnh thực tế có ở địa phương.
- Để vừa làm đẹp cho ngôi nhà, vừa đảm bảo cho cây xanh tốt cần lưu ý vị trí đặt của cây sao cho phù hợp và có đủ ánh sáng tự nhiên, chú ý chăm sóc cây, thỉnh thoảng nên đưa cây ra ngoài trời.
- Không nên trồng quá nhiều cây trong phòng ở vì khi cây hô hấp sẽ hút oxi và thải ra nhiều khí cacbonic, nhất là vào ban đêm không tốt cho sức khỏe con người.

b) Điền tên hình ảnh và tên cây vào bảng

| Loại cây cảnh | Tên hình và Tên cây cảnh |
|-----------------------|--|
| Cây có hoa | B. Cây lộc vừng; D. Cây ti-gôn; F. Cây mai |
| Cây thường chỉ có lá | A. Cây cọ cảnh; C. Cây vạn niên thanh; E. Cây tùng |
| Cây leo, cho bóng mát | C. Cây vạn niên thanh; D. Cây ti-gôn |
| Cây thế | E. Cây tùng |

3. Một số loại hoa thường dùng trong trang trí nhà ở

b) Điền thông tin để hoàn thành nội dung trong bảng

| Các loại hoa | Hoa tươi | Hoa khô | Hoa giả |
|--------------|-------------------------|-------------------|--|
| Ưu điểm | Đẹp, đa dạng, phong phú | Đẹp, giữ được lâu | Đẹp, đa dạng, phong phú, bền, có thể làm sạch khi bị bẩn |
| Nhược điểm | Không giữ được lâu | Giá thành cao | Không có mùi thơm như hoa thật |

c) HS lựa chọn theo sở thích của các em, và giải thích hợp lí cách chọn của mình. GV có thể chuẩn bị trước các hình ảnh khác để thay thế hoặc cho HS chuẩn bị trước ở nhà một số hình ảnh các em sẽ chọn.

Hoạt động luyện tập

1. Hãy đánh dấu vào cột Đúng/Sai tương ứng với nội dung các câu trong bảng sau:

| Nội dung | Đúng | Sai |
|---|------|-----|
| 1. Cây có hình dáng thanh, cao phù hợp với chậu thấp, miệng rộng. | | × |
| 2. Cây có hình dáng thanh, cao phù hợp với chậu có dáng cao, miệng rộng vừa phải. | × | |
| 3. Cây có thân thấp và tán rộng phù hợp với chậu có dáng cao, miệng nhỏ. | | × |
| 4. Cây có thân thấp và tán rộng phù hợp với chậu có dáng thấp, miệng rộng. | × | |

2. Khoanh vào chữ cái đứng đầu câu trả lời đúng nhất trong các câu sau:

a) (D)

b) (D)

3. Thảo luận, lựa chọn các loại hoa hoặc cây cảnh cho các vị trí khác nhau của ngôi nhà: Nên để HS chọn theo thực tế và giải thích hợp lí.

4. Nối mỗi cụm từ ở cột A với một mô tả ở cột B để được câu đúng:

1 – b; 2 – a; 3 – c.

Hoạt động vận dụng và tìm tòi, mở rộng

GV giao nhiệm vụ và tạo cơ hội cho HS báo cáo kết quả vận dụng, tìm tòi mở rộng của mình và động viên, khuyến khích những HS thực hiện tốt. Việc này có thể thực hiện trước khi bắt đầu buổi học tiếp theo hoặc cho HS trưng bày những sản phẩm của mình ở góc học tập của lớp, dưới dạng tranh vẽ, ảnh chụp, hoặc viết thành một đoạn văn ngắn để chia sẻ trong góc học tập của lớp. Mỗi em có thể chọn một nhiệm vụ khác nhau theo gợi ý trong sách HDH hoặc có thể chọn một hoạt động khác phù hợp với bản thân và gia đình. Với những HS không có sản phẩm, GV có thể giao cho các em đọc và viết nhận xét một sản phẩm bất kì mà em thích của các bạn khác trong lớp.

Bài này GV có thể tổ chức dạy học theo hai cách:

Cách 1: Tổ chức thực hiện các hoạt động khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập trên lớp, sau đó chuyển giao nhiệm vụ của hoạt động vận dụng và hoạt động tìm tòi, mở rộng ở gia đình, cộng đồng để HS thực hiện các nội dung, câu hỏi, nhiệm vụ đã trình bày trong sách HDH.

Cách 2: Tiết 1 tổ chức thực hiện hoạt động khởi động và hoạt động hình thành kiến thức ở trên lớp, sau đó hướng dẫn HS thực hiện dự án theo PPDH dự án để HS thực hiện ở gia đình, cộng đồng. Tiết 2, HS báo cáo và đánh giá kết quả sản phẩm dự án. GV có thể chia nội dung kiến thức thành các tiểu chủ đề về hoa và cây cảnh để giao cho các nhóm, mỗi nhóm thực hiện một tiểu chủ đề.

GV có thể đọc tham khảo ở các bài hướng dẫn cách 1 và cách 2 đã có trong tài liệu HDGV Công nghệ 6.

Bài 3. CẮM HOA TRANG TRÍ

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Dụng cụ và vật liệu cắm hoa trang trí

b) Để cắm một bình hoa đẹp, có thể sử dụng những nguyên liệu và dụng cụ cắm hoa nào? Hãy điền vào bảng sau:

| Dụng cụ và nguyên liệu cắm hoa | Kể tên một số loại |
|--------------------------------|--|
| 1. Bình cắm hoa | Bát thuỷ tinh, chậu, giỏ, li, cốc, vỏ chai, vỏ lon nước ngọt,... |
| 2. Dụng cụ để cắt | Dao, kéo,... |
| 3. Dụng cụ giữ hoa | Mút xốp, bàn chông,... |
| 4. Dụng cụ phụ trợ | Dây kẽm, băng dính,... |

HS có thể kể thêm những loại có sẵn tại địa phương.

c) Quan sát và chọn tên cành lá thích hợp điền vào chỗ chấm (...) phía dưới mỗi hình cho phù hợp.

- A. Cành lá thông
- B. Lá lưỡi hổ
- C. Cành tre
- D. Vạn tuế
- E. Lá dương xỉ
- F. Cành thuỷ trúc

2. Nguyên tắc cắm hoa cơ bản

b) Quan sát các hình ảnh dưới đây kết hợp với thông tin vừa đọc để thực hiện các nhiệm vụ sau:

Ý 1: GV có thể chuẩn bị trước các hình ảnh khác với hình ảnh trong sách HDH. Nhìn chung các hình ảnh trong tài liệu đều đảm bảo các yếu tố phù hợp về hình dáng, màu sắc, kích thước. Tuy nhiên mỗi hình ảnh sự phù hợp theo một tiêu chí khác nhau, GV nên hướng dẫn HS cách phân tích sự phù hợp theo các tiêu chí khác nhau này. Ví dụ hình A: kích thước cành hoa phù hợp với chiều cao của bình, màu sắc của hoa hồng đỏ trên nền trắng của bình cắm tạo sự nổi bật của bình hoa. Hoặc ở hình C màu cam của hoa rất hài hoà với màu gỗ của bình cắm...

Ý 2: Nhận xét vị trí các bông hoa phụ thuộc vào độ nở của hoa như thế nào: Hoa nụ thường cắm cao hơn hoa nở.

Ý 3: HS trả lời và giải thích theo sự lựa chọn của mình

Ý 4: Nối mỗi mục ở cột A với một mục ở cột B để được câu đúng:

1 – b; 2 – c; 3 – a.

3. Tìm hiểu quy trình cắm hoa

b) Hãy nối mỗi bước ở cột A với nội dung tương ứng ở cột B sao cho đúng với quy trình cắm hoa:

Bước 1: Lựa chọn hoa, lá, bình cắm hoa, dụng cụ cắm hoa.

Bước 2: Cắt cành và cắm các cành chính, cắt các cành phụ có độ dài khác nhau, cắm cành, lá phụ.

Bước 3: Đặt bình hoa vào vị trí cần trang trí.

c) Trong quy trình cắm hoa, theo em, bước nào là quan trọng nhất? Vì sao?

Cả ba bước.

4. Các dạng cắm hoa cơ bản

b) Quan sát và sắp xếp những hình ảnh sao cho phù hợp với các dạng cắm hoa trong bảng phía dưới.

1. A, F (C và D là dạng vận dụng của dạng thẳng đứng)

2. B

3. E

Hoạt động luyện tập, vận dụng và tìm tòi mở rộng

Đối với bài học này GV có thể tiến hành theo nhiều cách:

Cách 1: như trong sách HDH.

Cách 2: dạy học theo dự án.

Cách 3: liên hệ để tổ chức cho HS học và thực hành tại một cơ sở dạy cắm hoa hoặc tại một cửa hàng bán hoa (nếu có).

Bài 4. NGÔI NHÀ CỦA EM

Hoạt động khởi động

Em hãy cho biết nhà của em thuộc loại nào trong số các loại nhà sau đây?

Gợi ý. GV lưu ý có thể có tranh luận khi HS không biết nhà ở của mình thuộc vào kiểu nhà nào trong số các loại kể trên. Ví dụ nhà sàn lợp ngói, nhà xây cao tầng lợp ngói, nhà chung cư có phải là nhà khu tập thể hay không,...

GV lưu ý khéo léo chuyển những vướng mắc, khó khăn, sai sót của HS khi trả lời các câu trên để tạo tâm thế cho các em tích cực nghiên cứu trong Hoạt động hình thành kiến thức sau đó.

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Bố trí khu vực trong nhà ở

Quan sát ảnh một số mặt bằng của nhà ở trong hình 28 và làm bài tập sau:

a) Từ hình vẽ mặt bằng của nhà ở, em có thể nêu tên kiểu nhà ở đó.

Gợi ý. Theo bản vẽ mặt bằng, có thể phán đoán:

- Hình A là mặt bằng nhà sàn, vì bếp đặt khu trung tâm và có vẽ cầu thang ngắn.
- Hình B là mặt bằng nhà mái bằng, nhà ngói hoặc nhà sàn.
- Hình C là mặt bằng nhà ngói, nhà mái bằng hoặc nhà tranh vì kiểu nhà một tầng, có khu chăn nuôi riêng, có chia hai khu là nhà chính và nhà ngang (bếp), có sân chung của nhà chính và bếp.
- Hình D là mặt bằng nhà cao tầng vì mới chỉ vẽ phòng ngủ 1, có vẽ cầu thang.

b) Liệt kê tên các khu vực trong mỗi nhà.

Gợi ý. Nhìn chung, các khu vực đã được viết cụ thể. Tuy nhiên, vẫn có một số khu vực của hình A và B chưa được viết rõ như sân ngoài trời ở hình A hoặc hành lang ở hình B. GV nên phân tích gợi ý cho HS tự xác định.

c) Chỉ ra những điểm hợp lí và không hợp lí trong từng cách bố trí nhà ở đó.

Gợi ý. Các mặt bằng trên hình 28 thuộc loại khá điển hình, vì vậy sự hợp lí hay không hợp lí có thể còn do quan niệm, sở thích và điều kiện sinh sống của gia đình khác nhau.

2. Bố trí hợp lí một số khu vực trong nhà ở

Trên cơ sở những gì em biết được trong thực tế từ những nhà ở của gia đình em, của bạn bè, họ hàng, khu vực em ở,... em hãy cho biết những điểm hợp lí và chưa hợp lí của việc bố trí các khu vực trong nhà ở bằng cách đánh dấu (×) vào các ô tương ứng trong bảng dưới đây.

Gợi ý. Lưu ý đây chỉ hỏi về sự hợp lí hay chưa hợp lí chứ không phải là đúng hay sai. Vì thế có thể có phương án gây tranh luận thì tùy tình hình cụ thể mà GV có sự lí giải phù hợp.

| Bố trí các khu vực | Hợp lí | Chưa hợp lí |
|--|--------|-------------|
| Nơi thờ cúng và nơi tiếp khách trong cùng một phòng. | × | |
| Nơi nấu ăn và nơi ăn uống trong cùng một phòng. | × | |

| | | |
|---|---|---|
| Nơi tắm giặt và nơi vệ sinh trong cùng một phòng. | × | |
| Nơi học tập và nơi tiếp khách trong cùng một phòng. | | × |
| Nơi học tập và nơi ngủ, nghỉ trong cùng một phòng. | × | |
| Nơi tiếp khách và nơi sinh hoạt chung trong cùng một phòng. | × | |
| Nơi tiếp khách và nơi ăn uống trong cùng một phòng. | | × |
| Nơi chăn nuôi cạnh nơi làm kho. | × | |
| Bố trí chuồng lợn, gà, trâu, bò,... dưới sàn nhà. | | × |
| Bố trí chuồng lợn, gà, trâu, bò,... cuối hướng gió. | × | |

Bài 5. GÓC HỌC TẬP CỦA EM

Hoạt động khởi động

Lựa chọn và xếp các đồ vật được liệt kê dưới đây vào bảng theo từng cột: đồ dùng của góc học tập, dụng cụ học tập và đồ vật trang trí góc học tập.

Gợi ý đáp án:

| Đồ dùng của góc học tập | Dụng cụ học tập | Đồ vật trang trí |
|--|---|-----------------------------------|
| bàn, ghế, bản đồ, bảng ghi công thức đáng nhớ, cặp sách, đèn bàn, đồng hồ, giá sách, hộp bút, sọt đựng giấy loại, gọt bút chì. | bút, tẩy, compa, êke, máy tính, thước kẻ. | búp bê, gương, lọ hoa, tranh ảnh. |

Có thể HS liệt kê lẫn lộn giữa đồ dùng trong góc học tập và dụng cụ học tập. Điều đó không quan trọng, GV có thể lấy đó làm cơ sở để tạo tâm thế cho các em bước vào Hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Đồ dùng của góc học tập và dụng cụ học tập

a) Hãy liệt kê các đồ dùng góc học tập và dụng cụ học tập có trong mỗi ảnh.

Gợi ý. GV gợi ý HS quan sát thật kỹ các ảnh để liệt kê. Lưu ý HS những đồ vật thuộc loại để trang trí thì không kê vào.

b) So sánh và nhận xét về cách sắp xếp đồ dùng, dụng cụ học tập trong các ảnh.

Gợi ý. GV gợi ý HS nhận xét và có thể đề xuất việc bố trí, sắp xếp lại nếu thấy cần thiết.

2. Bố trí góc học tập

a) Mô tả vị trí góc học tập của em tại nhà.

Gợi ý. Câu trả lời tùy thuộc vào sự mô tả của HS. GV có thể gợi ý một số điểm chính cần mô tả như vị trí, sự thoáng mát, yên tĩnh, sự đủ ánh sáng,...

d) So với những nội dung chỉ dẫn nêu trên, em thấy sự sắp xếp, bố trí góc học tập của mình còn có những hạn chế gì?

Gợi ý. Câu trả lời tùy thuộc vào sự mô tả của HS. GV có thể gợi ý một số tiêu chí như vị trí, sự thoáng mát, yên tĩnh, sự đủ ánh sáng,...

Hoạt động luyện tập

Câu 1: A.

Câu 2: B.

Câu 3: A. Lưu ý đáp án này có thể vẫn gây tranh luận vì các phương án còn lại không sai.

Bài 6. NGÔI NHÀ THÔNG MINH

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Đặc điểm của ngôi nhà thông minh

b) Những dấu hiệu về ngôi nhà thông minh: bộ điều khiển trung tâm cho nhiều thiết bị trong ngôi nhà, hệ thống kiểm soát cửa ra vào, các thiết bị bảo vệ, các thiết bị trợ giúp con người di chuyển,...

c) Những thứ gì chưa có trong đặc điểm của ngôi nhà thông minh: chưa thể hiện tối đa tận dụng năng lượng mặt trời và gió tự nhiên.

2. Các yếu tố kỹ thuật trong ngôi nhà thông minh

Hệ thống các tiêu đề theo thứ tự dưới đây:

1. Trực quan với màn hình cảm ứng 3D;
2. Kết nối không giới hạn;
3. Hệ thống ánh sáng thông minh;
4. Hệ thống kiểm soát môi trường;
5. An toàn với hệ thống an ninh;

6. Hệ thống giải trí đa phương tiện;

7. Kịch bản ngữ cảnh thông minh.

Hoạt động luyện tập

Đánh dấu (×) vào đặc điểm tương ứng cho từng chức năng.

| Chức năng | Đặc điểm | | | | |
|---|----------|---|---|---|---|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| Ở một vài nơi, ánh sáng tự bật lên khi trời tối, tắt đi khi trời sáng | | × | | | |
| Có tấm pin mặt trời ở mái nhà | × | | | | |
| Cửa sổ thiết kế rộng, có gió lùa vào phòng trong nhà | × | | | | |
| Khi nằm vào giường ngủ, sau 15 phút đèn sẽ giảm ánh sáng | | × | | | |
| Có màn hình cho biết hình ảnh của người khách đang đứng ở cửa ra vào | | | | | × |
| Người đi tới đâu, hệ thống đèn tương ứng tự động bật để chiếu sáng | | × | | | |
| Ánh sáng bật lên và chuông kêu khi có người lạ di chuyển trong nhà | | | | | × |
| Hệ thống âm thanh tự giảm độ lớn khi đêm về khuya | | | | × | |
| Ti vi có thể dùng để truy cập Internet | | | | × | |
| Tại vị trí phòng ngủ, có hệ thống bật, tắt ánh sáng cho tất cả các vị trí trong nhà | | × | | | |
| Trước khi có người về, nhiệt độ trong phòng tăng lên cho đủ ấm | | | × | | |
| Có nút bấm để mở cửa cho khách vào mà không cần ra tận nơi để mở | | | | | × |

Hoạt động tìm tòi, mở rộng

| TT | Thuật ngữ Tiếng Anh | Thuật ngữ Tiếng Việt |
|----|---------------------|----------------------|
| 1 | Smart House | Ngôi nhà thông minh |
| 2 | Appliance | Dụng cụ |
| 3 | Security | An ninh |
| 4 | Entertainment | Giải trí |
| 5 | Lighting | Ánh sáng |
| 6 | Heating | Sưởi |
| 7 | Solar Energy | Năng lượng mặt trời |

MÔ ĐUN II. NẤU ĂN

1. MỤC TIÊU

- Nêu được tính năng, tác dụng và cách sử dụng, bảo quản các loại dụng cụ thường dùng trong nấu ăn ở gia đình.
- Nêu được mục đích, cách lựa chọn, sơ chế, bảo quản các loại thực phẩm thông thường.
- Ở gia đình, đảm bảo vệ sinh, an toàn và giữ được chất dinh dưỡng của thực phẩm. Trình bày được các phương pháp chế biến một số món ăn thông thường trong bữa ăn hằng ngày và yêu cầu kỹ thuật cần đạt của món ăn; Nêu được cách sắp xếp trang trí các món ăn, bàn ăn cho thuận lợi và đẹp mắt; Trình bày được khái niệm và cách tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình.
- Vận dụng được kiến thức đã học để tham gia sử dụng, bảo quản các dụng cụ nấu ăn ở gia đình đúng cách, hợp vệ sinh; Làm được một số công việc lựa chọn, sơ chế, bảo quản thực phẩm; chế biến được một số món ăn thông thường, đơn giản ở gia đình, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; tham gia sắp xếp, bày dọn, tổ chức bữa ăn ở gia đình đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, hợp lý, đẹp mắt và thuận tiện.
- Có ý thức thực hiện vệ sinh, tiết kiệm trong nấu ăn và tổ chức bữa ăn. Quan tâm đến nhu cầu dinh dưỡng, sở thích ăn uống của người thân trong gia đình. Ham thích học hỏi và tích cực tham gia các công việc chuẩn bị, chế biến món ăn để góp phần cải thiện bữa ăn ở gia đình.

2. NỘI DUNG CHÍNH

Mô đun Nấu ăn được cấu trúc thành 7 bài học với các nội dung chính như sau:

Bài 1. Dụng cụ và đồ dùng nấu ăn (2 tiết)

- Sử dụng bảo quản các dụng cụ nấu ăn và ăn, uống;
- Những điểm cần chú ý để đảm bảo an toàn khi nấu ăn.

Bài 2. Bảo quản thực phẩm (2 tiết)

- Bảo quản thực phẩm trước khi chế biến;
- Bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn.

Bài 3. Lựa chọn và sơ chế thực phẩm (2 tiết)

- Khái niệm, mục đích, ý nghĩa của việc lựa chọn và sơ chế thực phẩm;
- Cách lựa chọn thực phẩm;
- Sơ chế thực phẩm.

Bài 4. Chế biến thức ăn không sử dụng nhiệt (3 tiết)

- Mục đích, ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm;
- Phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt.

Bài 5. Chế biến thức ăn có sử dụng nhiệt (3 tiết)

- Tìm hiểu phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt.

Bài 6. Sắp xếp, trang trí bàn ăn (2 tiết)

- Bày dọn bàn ăn và trang trí món ăn;
- Phục vụ và thu dọn bàn ăn.

Bài 7. Tổ chức bữa ăn hợp lí trong gia đình (2 tiết)

- Tìm hiểu đặc điểm và nguyên tắc tổ chức bữa ăn hợp lí trong gia đình;
- Phân chia bữa ăn hợp lí;
- Các bước tổ chức bữa ăn.

3. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Mô đun Nấu ăn là một trong ba mô đun được đưa vào chương trình Công nghệ lớp 6 để HS được tự chọn học trong học kì II. Mục đích chủ yếu của việc đưa mô đun tự chọn này vào chương trình là giúp các em có được những kiến thức, kĩ năng cơ bản, cần thiết về nấu ăn và có khả năng vận dụng được những điều đã học để tham gia thực hiện các công việc nấu ăn ở gia đình cũng như những buổi liên hoan nhỏ do các em tổ chức. Không những vậy, qua việc tự chọn và tham gia học mô đun Nấu ăn còn giúp các em rèn luyện đôi tay khéo léo, tính cẩn thận, ham học hỏi và hứng thú thực hành ứng dụng để trở thành người nội trợ giỏi trong gia đình. Để đạt được mục đích và mục tiêu như đã xác định, khi tổ chức dạy học bài học này, GV lưu ý một số điểm sau:

- Nấu ăn là công việc hằng ngày của mọi gia đình. Nhiều HS lớp 6 đã sử dụng các dụng cụ nấu ăn và tham gia thực hiện một số công việc nấu ăn ở gia đình. Do vậy, trước khi kết thúc mỗi bài học, GV nên hướng dẫn, động viên HS tìm hiểu cách thực hiện công việc nấu ăn liên quan với nội dung của bài học kế tiếp. Làm được điều này sẽ giúp HS có cơ sở để đối chiếu những kinh nghiệm, hiểu biết đã có của bản thân với kiến thức cơ bản trong bài học mới. Qua đó có nhận thức đầy đủ, thực tế hơn đối với mỗi công việc nấu

ăn ở gia đình và có cách ứng xử phù hợp đối với những việc làm đúng cũng như việc làm chưa đúng trong nấu ăn.

- Luôn tạo hứng thú cho HS trong quá trình tham gia học tập các bài học trong mô đun bằng cách lựa chọn và kết hợp sử dụng nhiều phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung của bài học như phương pháp trò chơi, phương pháp thực hành kĩ thuật, phương pháp trực quan bằng phim ảnh, PPDH dự án, kĩ thuật tia chớp, kĩ thuật động não, kĩ thuật khăn trải bàn, kĩ thuật mảnh ghép... Nên tăng cường đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình tổ chức dạy học để giúp HS hiểu rõ hơn về cách tiến hành các công việc nấu ăn.
- Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động tự học của HS với hướng dẫn mang tính định hướng của GV. Cuối mỗi hoạt động, GV cần tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận với GV hoặc cả lớp, sau đó nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động trước khi chuyển sang hoạt động tiếp theo.
- Dành nhiều thời gian cho hoạt động thực hành trong mỗi bài học để HS vận dụng các kiến thức được hình thành qua hoạt động cơ bản vào việc làm bài tập thực hành, giải quyết tình huống có thể xảy ra trong thực tiễn nấu ăn. Nếu có điều kiện, nên tổ chức cho HS thực hành một số công việc nấu ăn như lựa chọn thực phẩm, chế biến món ăn không sử dụng nhiệt tại lớp.
- Chú trọng hướng dẫn HS thực hành vận dụng các công việc nấu ăn ở gia đình do các trường không có đủ điều kiện tổ chức cho HS thực hành nấu ăn tại lớp.
- Kết thúc mô đun Nấu ăn, GV có thể tổ chức cho HS làm một bữa liên hoan nhỏ, coi như là bài thực hành tổng hợp để các em vận dụng tất cả những kiến thức của các bài học, từ việc lựa chọn, chuẩn bị dụng cụ nấu ăn và thực phẩm để chế biến món ăn cho đến việc sắp xếp, trang trí món ăn và thu dọn sau bữa ăn. Làm được điều này không những giúp HS củng cố kiến thức, kĩ năng đã học mà làm cho HS có ấn tượng sâu sắc và hứng thú đối với công việc nấu ăn.

4. MỘT SỐ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- SGK Công nghệ 6 hiện hành.
- Sách hướng dẫn nấu ăn có bán tại các hiệu sách
- Giáo trình Thủ công- Kĩ thuật và PPDH Thủ công- Kĩ thuật, Tài liệu đào tạo GV của Dự án phát triển GV tiểu học, NXB giáo dục, 2006.

5. HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI, BÀI TẬP

Bài 1. DỤNG CỤ NẤU ĂN VÀ ĂN, UỐNG

Hoạt động luyện tập

Tổ chức buổi liên hoan

Để chế biến và bày các món ăn là gà luộc, nem rán, lòng gà xào súp lơ, canh bí, lạc rang, cơm, cần có:

Dụng cụ chung cần có khi chế biến các món ăn: Bếp đun, đĩa nấu.

Xoong, nồi (có kích thước lớn đủ để ngập con gà trong nước luộc) để luộc gà và nấu canh bí; dao, thớt để chặt thịt gà; Chảo rán, tốt nhất là chảo chống dính; chảo chuyên dùng để xào nấu; nồi cơm điện hoặc nồi chuyên dùng để nấu cơm; đĩa to để bày thịt gà luộc, món xào, nem rán, đĩa nhỏ để đựng lạc rang, bát to để đựng canh bí đao, bát nhỏ để đựng nước chấm nem, muối chấm thịt gà.

Bài tập giải quyết tình huống

Việc Lan cất trữ thức ăn trong nồi để vào tủ lạnh là chưa đúng vì nếu để lâu, vị mặn (muối) của thức ăn sẽ ăn mòn, làm hỏng nồi.

Cách sử dụng bếp gas của Nam là không đúng và không an toàn vì khi sử dụng bếp gas, phải đặt nồi lên bếp trước rồi mới bật bếp. Nấu xong, phải tắt bếp rồi mới nhấc nồi ra khỏi bếp.

Việc Mai cho tất cả dụng cụ ăn và dao, thớt vào chậu rửa cùng nhau là chưa đúng vì không đảm bảo an toàn, dễ gây đứt tay nếu sơ ý chạm tay vào lưỡi dao khi rửa bát.

Việc Mai úp các dụng cụ vào rổ đem hong khô ngoài nắng là đúng vì sẽ làm cho dụng cụ ăn uống khô ráo, vệ sinh.

Bài 2. BẢO QUẢN THỰC PHẨM

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Bảo quản thực phẩm trước khi chế biến

Câu 1. Vì sao cần bảo quản thực phẩm?

Thực phẩm chứa nhiều chất dinh dưỡng và những chất có cấu trúc không bền, dễ hư hỏng như chất thơm, sắc tố, vitamin... Nếu không được bảo quản cẩn thận, thực phẩm dễ bị phá huỷ, không chỉ mất chất dinh dưỡng mà còn trở nên độc hại, ảnh hưởng đến sức khoẻ người sử dụng.

Câu 2. Thực phẩm thường bị hỏng do những nguyên nhân nào?

Thực phẩm thường bị hư hỏng do những nguyên nhân sau:

- Do tiếp xúc với môi trường: nhiệt độ, ẩm độ cao, tiếp xúc với không khí... làm cho các chất trong thực phẩm bị biến đổi.
- Do vi sinh vật xâm nhập, làm tiêu hao chất dinh dưỡng và sản sinh ra độc tố.

Câu 3. Kể tên những phương pháp bảo quản thực phẩm.

Nguyên tắc bảo quản thực phẩm là: giảm sự xâm nhập và phát triển của vi sinh vật, giảm nhiệt độ, độ ẩm và sự tiếp xúc với không khí của thực phẩm. Vì vậy, các phương pháp bảo quản thường dùng là:

Phơi hoặc sấy khô, ướp lạnh, hút chân không, muối chua, bảo quản ngọt, ướp muối,...

Câu 4. Điền phương pháp bảo quản cho phù hợp với hình:

| Hình | Phương pháp bảo quản | Hình | Phương pháp bảo quản |
|------|----------------------|------|-------------------------|
| A | Phơi khô | F | Muối chua |
| B | Phơi/ sấy khô | G | Sấy khô |
| C | Giữ trong tủ lạnh | H | Hút chân không |
| D | Ngâm dấm | I | Đông đá |
| E | Làm mắm | K | Bảo quản ngọt (làm mứt) |

2. Bảo quản chất dinh dưỡng trong chế biến món ăn

Câu 1. Vì sao cần chú ý bảo quản thực phẩm trong quá trình chế biến?

Trong quá trình sơ chế và chế biến thức ăn, nếu xử lý không đúng cách sẽ làm ảnh hưởng đến hương vị món ăn và làm mất chất dinh dưỡng của thức ăn. Đặc biệt các loại vitamin tan trong nước rất dễ bị mất mát trong quá trình rửa và chế biến.

Câu 2. Kể tên các loại vitamin tan trong nước và vitamin tan trong chất béo.

- Các vitamin tan trong chất béo gồm: vitamin A, vitamin D, vitamin E, vitamin K.
- Các vitamin tan trong nước gồm: vitamin C, các vitamin nhóm B, vitamin PP,...

Câu 3. Những việc cần làm để hạn chế mất vitamin nhóm B.

- Chỉ cắt, thái thực phẩm sau khi đã rửa sạch. Không ngâm rửa lại sau khi cắt, thái.

- Không sát gạo trắng quá và không vo gạo quá kĩ khi nấu cơm.
- Cho gạo nào nấu cơm khi nước đã sôi. Tính lượng nước vừa đủ, không chắt bỏ nước cơm, để hạn chế mất vitamin B1.
- Đậy vung khi đun nấu, không nên quấy đảo nhiều.
- Nấu xong nên ăn ngay. Không hâm lại thức ăn nhiều lần.

Câu 4. Để hạn chế mất các loại vitamin tan trong chất béo, khi chế biến cần chú ý: các món rán không nên rán lâu, không để lửa to, còn làm thức ăn cháy và sinh ra chất độc.

Câu 5. Cần bảo quản thực phẩm thế nào để tránh thức ăn bị nhiễm khuẩn?

- Không để chuột, gián, ruồi, nhặng,... tiếp xúc để tránh nhiễm khuẩn.
- Bảo quản thực phẩm ở nhiệt độ thích hợp để tránh ôi hỏng.
- Rửa thực phẩm bằng nước sạch.

Hoạt động luyện tập

Đáp án: 1 – S; 2 – Đ; 3 – S; 4 – S; 5 – Đ; 6 – S; 7 – S; 8 – Đ.

Bài 3. LỰA CHỌN VÀ SƠ CHẾ THỰC PHẨM

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Mục đích, ý nghĩa của việc lựa chọn và sơ chế thực phẩm

Câu 1. Tác dụng của việc lựa chọn thực phẩm? Điều gì sẽ xảy ra nếu không tiến hành lựa chọn thực phẩm để nấu ăn?

Tác dụng của việc lựa chọn thực phẩm là giúp ta chọn ra được những thực phẩm đảm bảo tươi, ngon, sạch sẽ, hợp vệ sinh, an toàn và phù hợp với yêu cầu chế biến món ăn của gia đình.

Nếu không tiến hành lựa chọn thực phẩm sẽ dễ bị ăn phải những thực phẩm ôi thiu, mất phẩm chất, không đảm bảo VSATTP, gây hại cho sức khoẻ con người.

Câu 2. Khi sơ chế thực phẩm cần làm những công việc gì? Tác dụng của việc sơ chế thực phẩm? Điều gì sẽ xảy ra nếu không sơ chế thực phẩm?

Khi sơ chế thực phẩm cần thực hiện các công việc: loại bỏ những phần không ăn được của thực phẩm; làm sạch thực phẩm; cắt, thái, tạo hình thực phẩm, tẩm ướp gia vị vào thực phẩm trước khi chế biến.

Tác dụng của việc sơ chế thực phẩm: làm cho thực phẩm trở nên sạch sẽ, có kích thước phù hợp với yêu cầu chế biến, giữ được chất dinh dưỡng trong nguyên liệu thực phẩm, khi nấu sẽ chóng chín, tăng mùi vị thơm ngon và tạo sự hấp dẫn cho món ăn.

Nếu không sơ chế thực phẩm thì thực phẩm bẩn, không đảm bảo vệ sinh, không loại bỏ được những phần không ăn được của thực phẩm; kích thước của thực phẩm không đảm bảo cho việc chế biến và gây khó khăn cho người ăn.

2. Cách lựa chọn thực phẩm

Câu 1. *Nêu yêu cầu của việc chọn thực phẩm có nguồn gốc thực vật. Gia đình em thường chọn rau, củ, quả để làm thức ăn như thế nào?*

Yêu cầu chung của việc chọn thực phẩm có nguồn gốc thực vật là rau, củ, quả mới hái, còn tươi, non, không bị úa héo lá, không có mùi lạ.

Câu 2. *Nêu yêu cầu chung của việc chọn thực phẩm có nguồn gốc động vật. Nếu em được giao nhiệm vụ đi chợ mua thịt lợn để làm món ăn, em sẽ chọn thịt lợn bằng cách nào?*

Yêu cầu chung của việc chọn thực phẩm có nguồn gốc động vật là thực phẩm còn tươi, không bị chết (tôm, cá) hoặc không có mùi ôi, không bị nhớt.

Nếu em được giao nhiệm vụ đi chợ mua thịt lợn để làm món ăn, em sẽ chọn thịt lợn bằng cách quan sát, ngửi và cầm vào tay. Em sẽ chọn mua thịt mới mổ, phần nạc có màu hồng tươi, cầm tay vào thấy thịt chắc, ráo và phần thịt nạc hơi dính.

Câu 3. *Nếu không may mua phải thực phẩm bị nhiễm chất độc hại, em sẽ xử lý như thế nào?*

Nếu không may mua phải thực phẩm bị nhiễm chất độc hại, em sẽ không sử dụng thực phẩm này để nấu ăn nữa vì ăn vào sẽ dễ bị ngộ độc hoặc gây hại cho sức khỏe.

3. Cách sơ chế thực phẩm

a) Nêu những phần không ăn được, cần loại bỏ khi sơ chế những thực phẩm sau: rau muống, rau dền, rau ngót, quả bí, quả mướp, củ khoai tây, cá, tôm.

Những phần không ăn được, cần loại bỏ khi sơ chế:

- Rau muống: lá già, úa, sâu và phần cuống già;
- Rau dền: Gốc rễ và cuống già, lá già, úa;
- Rau ngót: phần cuống của rau ngót (tuốt lấy lá, bỏ cuống);
- Quả bí: vỏ và ruột bí;

- Quả mướp, củ khoai tây: phần vỏ;
- Cá: Mang, vây, ruột;
- Tôm: Râu và đuôi.

c) Theo em, điều gì sẽ xảy ra nếu không thực hiện đầy đủ các bước sơ chế thực phẩm? Nêu ví dụ minh họa.

Khi sơ chế thực phẩm phải thực hiện đầy đủ ba bước, không được bỏ qua bước nào. Nếu không thực hiện bước 1 sẽ không loại bỏ được những phần không ăn được, vừa mất công chế biến, vừa không thể ăn được. Ví dụ như đối với quả bí, nếu không gọt vỏ, không bỏ ruột thì vừa mất công chế biến, vừa không thể ăn được phần cái (miếng bí nấu) vì có vỏ và nước canh (vì nước canh bị chua do nấu cả ruột bí). Nếu không thực hiện bước 2, thực phẩm bẩn, không ăn được. Ví dụ như rau muống, rau dền, rau cải mà không rửa thì không thể ăn được. Nếu không thực hiện bước 3 thì thực phẩm lâu chín, không đảm bảo cho việc chế biến và gây khó khăn cho người ăn. Ví dụ: các loại quả như bí, mướp phải được cắt thành miếng nhỏ thì mới ăn được; thịt bò, thịt lợn nếu không thái thành miếng nhỏ hoặc thái mỏng thì không kho, rang hoặc xào nấu được và rất khó ăn.

Hoạt động luyện tập

2. Em hãy điền tên loại thực phẩm vào các ô ở cột A sao cho phù hợp với cách lựa chọn, sơ chế thực phẩm tương ứng ở ở cột B

| A. Tên thực phẩm | B. Cách lựa chọn, sơ chế |
|------------------|--|
| Thịt lợn | a) Chọn thịt mới mổ, màu hồng tươi, cầm chắc, ráo tay và hơi dính ở phần thịt nạc. Khi sơ chế cần rửa sạch, thái theo yêu cầu chế biến, có thể tẩm ướp gia vị cho thơm trước khi chế biến. |
| Thịt gà | b) Chọn mua những con còn sống, khoẻ mạnh, mào đỏ tươi, lông mượt. Khi sơ chế cần chà muối toàn thân, rửa sạch rồi chặt hoặc để nguyên con tùy theo cách chế biến. |
| Rau muống | c) Chọn mua loại mới hái, còn tươi, non, không bị úa lá. Nên chọn mua rau màu hơi xanh, tươi sáng. Khi sơ chế, cần nhặt bỏ phần già, lá úa, rửa bằng nước sạch 4-5 lần. |
| Cá | d) Chọn mua những con còn bơi. Khi sơ chế cần loại bỏ mang, vây, ruột,... rồi rửa sạch. Có thể cắt khúc hoặc để nguyên cả con tùy theo cách chế biến. |

Bài 4. CHẾ BIẾN MÓN ĂN KHÔNG SỬ DỤNG NHIỆT

Hoạt động hình thành kiến thức

Câu 1. C.

Câu 2. A.

Câu 3. a) C; b) A;

c) *Nêu quy trình thực hiện các phương pháp trộn dầu giấm và trộn hỗn hợp. Sau đó phân biệt:*

- *Giống nhau:* Về cơ bản, đều được chế biến bằng phương pháp không sử dụng nhiệt. Thành phẩm có đủ vị chua, cay, mặn, ngọt, giữ được độ tươi và hương vị ban đầu của các nguyên liệu thực phẩm từ thực vật (rau, củ, quả).

- *Khác nhau:* Nguyên liệu của món trộn dầu giấm chỉ gồm các loại rau, củ, quả.

Món trộn hỗn hợp còn có thêm thực phẩm nguồn gốc động vật đã được làm chín bằng các phương pháp khác.

d) Những thực phẩm thường dùng để muối chua gồm: một số loại rau, củ quả như: rau cải bẹ, cải bắp, rau cần, cải củ,... các loại củ, quả: cà, dưa chuột (dưa leo), củ cải, su hào,...

Phân biệt sự khác nhau giữa muối xối và muối nén:

Muối xối là cách làm thực phẩm lên men vi sinh trong thời gian ngắn. Ngâm thực phẩm trong dung dịch muối vừa ăn, cho thêm chút đường để dễ lên men.

Muối nén là cách làm thực phẩm lên men vi sinh trong thời gian dài. Muối được rải đều xen kẽ với thực phẩm và nén chặt.

Hoạt động luyện tập

Bảng yêu cầu kỹ thuật của các món ăn chế biến không sử dụng nhiệt

| Yêu cầu kỹ thuật | Món trộn dầu giấm | Món trộn hỗn hợp | Món muối chua |
|----------------------|---|---------------------------------------|--|
| Trạng thái thực phẩm | - Rau, củ, quả giữ độ tươi, giòn láng và không bị nát. | - Giòn, ráo nước. | - Thực phẩm giòn. |
| Mùi vị | - Vị vừa ăn: chua dịu, hơi mặn ngọt, béo. - Thơm mùi gia vị, không còn mùi hăng ban đầu. | - Vừa ăn, đủ vị chua, cay, mặn, ngọt. | - Vị chua dịu, vừa ăn. - Mùi thơm đặc biệt của thực phẩm lên men. |

| | | | |
|---------|-----------------------------------|--|--------------------|
| Màu sắc | - Màu sắc tươi, đẹp mắt, hấp dẫn. | - Màu sắc của thực phẩm động vật và thực vật trông đẹp, hấp dẫn. | - Màu sắc hấp dẫn. |
|---------|-----------------------------------|--|--------------------|

- Phân biệt những điểm giống và khác nhau về yêu cầu đối với mỗi món ăn

+ Giống nhau: yêu cầu sản phẩm đều tươi, giòn, có vị thơm đặc trưng và màu sắc đẹp, hấp dẫn.

+ Khác: Mỗi món ăn có vị đặc trưng: Các món trộn có vị chua cay ngọt của gia vị. Món muối chua có vị chua do lên men vi sinh vật. Món trộn dầu giấm ngon, mềm, béo của dầu. Món trộn hỗn hợp giòn, ráo và đủ vị chua, cay, ngọt, mặn của cả thực phẩm động vật và rau củ quả ngâm các loại gia vị.

Bài 5. CHẾ BIẾN MÓN ĂN CÓ SỬ DỤNG NHIỆT

Hoạt động hình thành kiến thức

3a) Ghép hình ảnh với tên phương pháp chế biến:

A: Rang; B: Luộc; C: Nấu; D: Nướng; E: Xào; G: Hấp; H: Kho; K: Rán.

3b) Các món ăn có sử dụng nhiệt gồm ba nhóm:

- Làm chín thực phẩm trong nước gồm: luộc, nấu, kho;
- Làm chín thực phẩm bằng hơi nước: hấp (đồ);
- Làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của lửa: nướng;
- Làm chín thực phẩm trong chất béo gồm: rán, rang, xào.

3c) Nối từ ở cột A với cụm từ ở cột B: 1: b; 2: d; 3: a; 4: c.

3d) Món ăn nào sau đây được làm chín trong nước: B.

3e) Cho ví dụ về món xào và món rán. Điểm khác nhau khi thực hiện món xào và món rán:

- Xào: dùng lượng chất béo vừa phải, đun lửa to trong thời gian ngắn.
- Rán (chiên): là làm chín thực phẩm trong một lượng chất béo khá nhiều, đun với lửa vừa, trong khoảng thời gian đủ làm chín thực phẩm.

3f) Cho ví dụ về món rang và món nướng. Điểm khác nhau khi thực hiện món rang và món nướng:

- Rang là phương pháp làm chín thực phẩm với một lượng rất ít chất béo, đảo đều trong chảo, lửa vừa đủ để thực phẩm chín từ ngoài vào trong.

- Nướng là làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của lửa.

Hoạt động luyện tập

Câu 1. B.

Câu 3. Điền vào bảng yêu cầu kỹ thuật của món rán và món rang.

| Yêu cầu kỹ thuật | Món rán | Món rang |
|----------------------|--|----------------------------------|
| Trạng thái thực phẩm | Thực phẩm chín kỹ, ráo mỡ | Thực phẩm khô, săn chắc |
| Mùi vị | thơm ngon, giòn xốp | mùi thơm, giòn |
| Màu sắc | màu vàng non hay vàng nâu, không cháy xém. | màu sắc hấp dẫn, không cháy đen. |

Món rán và món rang khác nhau là: rang làm chín thực phẩm với lượng ít chất béo hơn rán rất nhiều.

Câu 6. Quy trình xào đậu cô ve với thịt bò và hành:

- Thịt bò thái mỏng, ngang thớ.
- Hành: thái riêng phần củ và phần dọc.
- Đậu cô ve: tước bỏ xơ, rửa sạch, thái vát hoặc bẻ thành đoạn vừa ăn.
- Phi thơm phần hành củ, xào thịt bò gần chín, nêm vừa ăn, xúc ra đĩa.
- Xào đậu cô ve, nêm vừa ăn. Khi chín tới thì cho thịt bò vào trộn đều, cho nốt phần hành lá vào là được.

Sản phẩm: thịt bò chín mềm, ngọt, đậu cô ve chín tới, giòn, vừa ăn, có mùi thơm của hành và các nguyên liệu, ăn ngon, màu sắc hấp dẫn.

Hoạt động vận dụng

Khi luộc hoặc nấu rau, đôi khi ta thấy lá rau không xanh mà ngả vàng. Nguyên nhân khiến rau không được xanh có thể là do: rau bị già do quá lứa. Khi luộc, nước chưa sôi đã cho rau vào, đun nhỏ lửa, thời gian rau chín lâu nên rau thường bị vàng, nhìn kém hấp dẫn và giảm chất lượng món ăn.

Để rau luộc được xanh, ngon, đẹp mắt và giữ được chất dinh dưỡng cần chú ý: Bỏ chút muối vào nước luộc rau. Nước thật sôi mới cho rau vào và đun to lửa để rau nhanh chín sẽ được món rau luộc xanh, ngon hấp dẫn.

Bài 6. SẮP XẾP, TRANG TRÍ BÀN ĂN

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Bày dọn bàn ăn và trang trí món ăn

Câu 1. Những việc cần làm khi bày dọn bữa ăn:

- Chuẩn bị dụng cụ theo số lượng người ăn và các món ăn trong bữa ăn cho phù hợp và đủ dùng.
- Dùng khăn sạch, lau khô từng dụng cụ rồi đặt vào mâm.
- Bày thức ăn ra các dụng cụ chứa, đựng phù hợp và sắp xếp lên bàn ăn cho đẹp và hợp lí, thuận tiện cho người ăn.

Câu 2. Nêu điểm giống và khác nhau khi bày dọn một bữa ăn bình thường hằng ngày với một bữa tiệc/cỗ.

- Với bữa ăn hằng ngày: món ăn chỉ cần được bày gọn ghẽ, dụng cụ sạch sẽ và phù hợp, sắp xếp các món ăn trên mâm hoặc bàn hợp lí, thuận tiện cho người ăn và tạo được cảm giác ngon lành.
- Với các bữa tiệc, lễ, tết, liên hoan,..., ngoài những yêu cầu trên, cần trang trí bàn ăn, món ăn sao cho đẹp mắt.

Câu 3. Ghép hình ảnh với chú thích: A: 6; B: 1; C: 5; D: 2; E: 4; F: 3.

Câu 4. Trang trí món ăn nhằm mục đích gì? Người ta thường trang trí món ăn khi nào?

- Việc trang trí làm tăng tính thẩm mỹ của món ăn, làm cho bữa ăn trở nên hấp dẫn, sinh động hơn.
- Các món ăn trong các bữa tiệc, lễ, tết, liên hoan,... thường được trang trí sao cho đẹp mắt và sắp đặt hài hoà cả về màu sắc và hương vị để tạo được cảm giác ngon miệng cho người ăn và sự trang trọng cho bữa tiệc.

Câu 5. Quan sát hình 36 và cho biết: những món ăn trong hình được trang trí bằng gì?

Các món ăn thường được trang trí bằng các loại rau, củ quả có màu sắc được cắt tỉa thành hoa hay xếp thành đường viền xung quanh đĩa thức ăn.

2. Phục vụ và thu dọn bàn ăn

Câu 1. Nêu một số việc nên làm để thể hiện sự ân cần, chu đáo với khách.

GV tìm hiểu phong tục, tập quán của địa phương, nêu một số hành động, cử chỉ quan tâm, thể hiện sự hiếu khách trong bữa ăn để chốt cho phù hợp với vùng miền.

Câu 2. Việc thu dọn bàn ăn thực hiện khi mọi người đều đã ăn xong. Không thu dọn dụng cụ ăn uống khi còn người đang ăn.

Câu 3. Những việc cần làm khi thu dọn sau bữa ăn:

- Dồn thức ăn thừa không dùng được nữa vào một chỗ để bỏ đi. Thức ăn còn có thể dùng tiếp cần đun lại, để nguội và cất vào chạn hoặc tủ lạnh.
- Xếp dụng cụ ăn uống theo từng loại, mang đi rửa.
- Lau bàn, quét nhà, vệ sinh nơi ăn uống sạch sẽ.

Hoạt động luyện tập

Câu 1. a: Đ ; b: S; c: Đ; d: S; e: Đ

Câu 2. Điền vào chỗ chấm (...) theo thứ tự sau:

1: lau khô; 2: vị trí ngồi; 3: món ăn; 4: màu sắc và hương vị; 5: trang trọng.

Câu 3. C.

Câu 4. Nối: a – 3; b – 1; c – 2.

Bài 7. TỔ CHỨC BỮA ĂN HỢP LÝ TRONG GIA ĐÌNH

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Tìm hiểu đặc điểm và nguyên tắc tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình

Câu 1. Bữa ăn hợp lý trong gia đình là bữa ăn có những đặc điểm sau đây:

- Bữa ăn cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng cần thiết, đáp ứng nhu cầu của các thành viên trong gia đình.
- Bữa ăn phải phù hợp về khẩu vị, ngon, tiết kiệm.
- Thường xuyên thay đổi cách chế biến để tạo ra các bữa ăn ngon miệng, hấp dẫn và đủ chất.
- Số bữa ăn và thời gian ăn trong ngày hợp lý, bầu không khí bữa ăn vui vẻ, thân mật.
- Bảo đảm VSATTP.

Câu 2. Để tổ chức bữa ăn hợp lý trong gia đình, cần đảm bảo 4 nguyên tắc sau:

a. Nhu cầu của các thành viên trong gia đình

Tuỳ thuộc vào lứa tuổi, giới tính và công việc mà mỗi người có những nhu cầu dinh dưỡng khác nhau. Từ đó định chuẩn cho việc chọn mua thực phẩm thích hợp. Ví dụ:

- Trẻ em đang lớn, cần ăn nhiều loại thực phẩm để phát triển cơ thể;
- Người lớn đang làm việc, đặc biệt lao động chân tay, cần ăn các thực phẩm cung cấp nhiều năng lượng;
- Phụ nữ có thai cần ăn những thực phẩm giàu chất đạm, chất can xi và chất sắt.

b. Điều kiện tài chính

Cần nhắc về số tiền hiện có để đi chợ mua được các thực phẩm đủ chất dinh dưỡng phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.

c. Sự cân bằng chất dinh dưỡng

Cần chọn thực phẩm đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng để tạo thành một bữa ăn hoàn chỉnh, cân bằng dinh dưỡng.

d. Thay đổi món ăn

Thay đổi loại thực phẩm, cách chế biến, cách trình bày các món ăn để mỗi ngày đều có món ăn ngon miệng, hấp dẫn cho gia đình, tránh nhàm chán.

Câu 3. Ghép hình ảnh với nội dung: A: 3; B: 2; C: 1; D: 4.

Câu 4. Sự cân bằng chất dinh dưỡng trong bữa ăn

Để chuẩn bị bữa ăn cân bằng chất dinh dưỡng khi chọn mua thực phẩm phù hợp cần chú ý: chọn mua thực phẩm của đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng để tạo thành một bữa ăn hoàn chỉnh, cân bằng.

Câu 5. Thay đổi món ăn:

Cần thay đổi món ăn cho gia đình mỗi ngày để tránh nhàm chán.

Có thể thay đổi món ăn bằng cách:

- Thay đổi các phương pháp chế biến để có món ăn ngon miệng,
- Thay đổi hình thức trình bày và màu sắc của món ăn để bữa ăn thêm hấp dẫn,
- Trong bữa ăn không nên có thêm món ăn cùng loại thực phẩm hoặc cùng phương pháp chế biến với các món chính đã có sẵn.

2. Các bước tổ chức bữa ăn

Câu 1. Muốn tổ chức bữa ăn hợp lí, chu đáo cần phải:

- Xây dựng thực đơn;
- Chế biến món ăn;
- Trình bày bàn ăn và thu dọn sau khi ăn.

Câu 2. Ghép hình với nội dung: A - 2; B - 3; C - 4; D - 1.

Câu 3. Khi xây dựng thực đơn cần chú ý thực hiện các nguyên tắc sau:

- Số lượng và chất lượng các món ăn trong thực đơn phù hợp tính chất của bữa ăn:
 - + Bữa ăn hằng ngày thường có 3 - 4 món ăn, chế biến đơn giản bằng các loại thực phẩm thông dụng.
 - + Bữa cỗ hoặc liên hoan, chiêu đãi có từ 5 món trở lên với các loại thực phẩm cao cấp, được chế biến công phu, trình bày đẹp.
- Thực đơn phải đảm bảo yêu cầu về mặt dinh dưỡng của bữa ăn và hiệu quả kinh tế
 - + Có thể thay đổi món ăn bằng cách sử dụng những loại thực phẩm khác nhau trong cùng một nhóm để đảm bảo sự cân bằng và giá trị dinh dưỡng của khẩu phần không thay đổi.
 - + Cần lựa chọn thức ăn phù hợp với điều kiện kinh tế của gia đình.

Câu 4. Khi chọn thực phẩm cho thực đơn, cần chú ý:

- Mua thực phẩm phải tươi ngon, đảm bảo vệ sinh.
- Số thực phẩm vừa đủ dùng (kể cả gia vị).

a. Đối với thực đơn dùng cho các bữa ăn thường ngày

- Chọn thực phẩm gồm đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng. Chú ý phối hợp hợp lí giữa thức ăn có nguồn gốc động vật và thực vật: thịt, tôm, cua, cá... với đậu đỗ, vừng, lạc..., dầu thực vật và mỡ động vật.
- Mua thực phẩm đủ dùng theo số người và lượng ăn trong ngày, không lãng phí, không vượt quá khả năng ngân quỹ gia đình. Chú ý đến đặc điểm của từng thành viên trong gia đình: tuổi tác, công việc, tình trạng sức khỏe, sở thích ăn uống...

b. Đối với thực đơn dùng trong các bữa liên hoan, chiêu đãi

Tuỳ theo tính chất của bữa ăn, số người tham dự, nguồn kinh phí và điều kiện cụ thể để xây dựng thực đơn và chuẩn bị thực phẩm cho phù hợp. Không nên quá cầu kì, tiêu xài hoang phí cho các bữa tiệc để thiếu hụt ngân quỹ gia đình.

Câu 5. Kỹ thuật chế biến món ăn được tiến hành qua các khâu sau:

- a. Sơ chế thực phẩm
- b. Chế biến món ăn
- c. Trình bày món ăn

Chú ý: Món ăn phải được trình bày có tính thẩm mỹ, sáng tạo, kết hợp với các mẫu rau, củ, quả tía hoa trang trí.

Hoạt động luyện tập

Câu 1. Thực đơn dùng cho bữa ăn hằng ngày thường có 3 - 4 món ăn, gồm có: món ăn mặn (thịt, cá, trứng, tôm,...), món rau và món canh, được chế biến đơn giản bằng các loại thực phẩm thông dụng.

Câu 2. Xây dựng thực đơn cho bữa ăn gia đình với các món ăn cho sẵn:

Cho HS lựa chọn theo sở thích và phân tích các chất dinh dưỡng trong bữa ăn sao cho đầy đủ và cân đối. Ví dụ:

1. Thịt luộc, rau muống xào, cà muối, nước luộc rau;
2. Tôm rang, đậu cô ve xào thịt, canh cá;
3. Cá rán, dưa muối, canh cua nấu rau, cà muối.

Câu 3. Bữa ăn trong hình gồm các món:

Thịt luộc ăn với các loại gia vị (rau thơm, khế chua, chuối xanh, lạc rang), tôm rang, rau muống xào và nước luộc rau.

Bữa ăn như vậy là bữa ăn hợp lý vì có đủ các nhóm thực phẩm: có protein của tôm, và thịt. Có chất béo của thịt và lạc. Có rau chín (rau muống xào) và rau sống (rau thơm các loại) nên đủ vitamin và chất xơ. Có nước luộc rau để cung cấp nước và vitamin. Nếu các loại thức ăn này ăn cùng với cơm thì sẽ là bữa ăn đầy đủ chất dinh dưỡng. Tuy nhiên, trong hình chưa thấy có cơm. Vì vậy bữa ăn này còn thiếu cơm để cung cấp chất bột đường cho cơ thể.

Câu 4. Thực đơn cho bữa cỗ hoặc liên hoan, chiều dài có từ 5 món trở lên với các loại thực phẩm cao cấp, được chế biến công phu, trình bày đẹp. Ví dụ: Bữa liên hoan, chiều dài, thực đơn thường được kê theo loại:

- Món khai vị (súp, nộm...);
- Món ăn sau khai vị: (món nguội hoặc xào, rán...);
- Món ăn chính (món mặn, thường là món nấu hoặc hấp, nướng,... giàu chất đạm);
- Món ăn thêm (rau, canh...);
- Món tráng miệng;
- Đồ uống.

Câu 5. Chọn thực đơn cho bữa liên hoan của lớp:

Tuỳ theo lựa chọn của HS để GV phân tích

MÔ ĐUN III. TÌM HIỂU KINH DOANH

1. MỤC TIÊU

- Trình bày được khái niệm, vai trò, các lĩnh vực kinh doanh và những yếu tố cần thiết để kinh doanh thành công. Nhận biết được các lĩnh vực kinh doanh hộ gia đình.
- Trình bày khái niệm, tầm quan trọng và cách thức tạo lập ý tưởng kinh doanh. Vận dụng để tạo ý tưởng kinh doanh phù hợp. Có ý thức xây dựng ý tưởng sáng tạo trong học tập và công việc.
- Trình bày được lợi ích, nội dung, các bước lập kế hoạch kinh doanh. Vận dụng hiểu biết về lập kế hoạch để xây dựng kế hoạch hoạt động cho bản thân.
- Liệt kê được các loại chi phí, tính được các khoản thu và lợi nhuận khi tiến hành kinh doanh. Có ý thức tiết kiệm trong kinh doanh và cuộc sống.
- Vận dụng kiến thức về kinh doanh đã học để xác định được ý tưởng kinh doanh, xây dựng được một bản kế hoạch kinh doanh theo ý tưởng kinh doanh và tính toán được chi phí, lợi nhuận trong kinh doanh. Có ý thức vận dụng kiến thức kinh doanh trong cuộc sống.

2. NỘI DUNG CHÍNH

Mô đun III tìm hiểu về kinh doanh được chia thành 5 bài với các nội dung chính như sau:

Bài 1. Khái niệm, vai trò của kinh doanh (4 tiết)

- Khái niệm, vai trò của hoạt động kinh doanh;

- Các yếu tố cần thiết để kinh doanh thành công.

Bài 2. Tạo lập ý tưởng kinh doanh (3 tiết)

- Khái niệm và tầm quan trọng của ý tưởng kinh doanh;
- Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh;
- Làm thế nào để tạo lập ý tưởng kinh doanh.

Bài 3. Xây dựng kế hoạch kinh doanh (3 tiết)

- Khái niệm và lợi ích của lập kế hoạch kinh doanh;
- Lập kế hoạch kinh doanh như thế nào?

Bài 4. Chi phí và lợi nhuận trong kinh doanh (2 tiết)

- Các khoản thu, khoản chi;
- Tính toán doanh thu và lợi nhuận.

Bài 5. Em tập làm kinh doanh (4 tiết)

- Xác định ý tưởng kinh doanh;
- Lập kế hoạch kinh doanh;
- Tính toán chi phí, lợi nhuận kinh doanh.

3. NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI TỔ CHỨC DẠY HỌC

Những nội dung về kinh doanh được lựa chọn đưa vào chương trình Công nghệ lớp 6 là những kiến thức cần thiết, phù hợp đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi, phù hợp với trình độ và khả năng nhận thức của HS. Nội dung tìm hiểu về kinh doanh giúp cho HS hiểu biết ban đầu về kinh doanh, tạo lập ý tưởng và lập kế hoạch kinh doanh, phát triển thái độ tích cực đối với kinh doanh, đồng thời giúp các em biết cách xây dựng được kế hoạch hoạt động cho bản thân và có ý thức tiết kiệm trong cuộc sống và sinh hoạt hằng ngày. Giáo dục kinh doanh là nội dung mới được đưa vào chương trình, trong quá trình tổ chức dạy học GV có thể gặp một số khó khăn về kiến thức và kinh nghiệm kinh doanh. Để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục của mô đun này, khi tổ chức dạy học các bài học về tìm hiểu kinh doanh, GV lưu ý một số điểm sau:

- Kinh doanh là kiến thức gần gũi với các em, các em có thể quan sát thấy được trong cuộc sống hằng ngày. Vì vậy trong Hoạt động khởi động, dựa vào các tình huống, các câu hỏi, GV cần khích lệ để bằng kinh nghiệm của mình HS trả lời các câu hỏi trong các tình huống đó, từ đó dẫn dắt các em sang Hoạt động hình thành kiến thức. Hoạt động hình

thành kiến thức cung cấp các thông tin và các hình ảnh hỗ trợ việc lĩnh hội kiến thức cho HS. Khi tổ chức dạy học, GV chú ý tổ chức, hướng dẫn cho HS đọc kỹ thông tin, quan sát các hình ảnh trong mỗi bài để hiểu rõ được các loại hình kinh doanh, những yếu tố kinh doanh thành công,... Trong Hoạt động luyện tập, thường cung cấp các tình huống kinh doanh thực tế để giúp các em hiểu rõ về hoạt động kinh doanh đang diễn ra và liên hệ với cuộc sống thường ngày để hiểu thêm về kinh doanh.

- Tìm hiểu kinh doanh là nội dung mới vì vậy GV cần chủ động tìm hiểu kiến thức về kinh doanh trong sách và qua tài liệu, báo chí, phương tiện truyền thông, cần xác định rõ mục tiêu bài học, chuẩn bị kỹ giáo án. Mỗi khi tổ chức hoạt động, GV cần giúp cho HS hiểu rõ nhiệm vụ của mình, GV luôn quan sát và hỗ trợ HS trong khi thực hiện nhiệm vụ. Sau khi HS báo cáo kết quả nhiệm vụ của nhóm GV cần có nhận xét, lưu ý các kiến thức cơ bản nhất của từng hoạt động đối với HS.
- Cũng như các mô đun khác, để dạy tìm hiểu kinh doanh có hiệu quả đòi hỏi ứng dụng kiến thức và củng cố khái niệm. Trong quá trình dạy tìm hiểu kinh doanh, GV cần có khả năng liên hệ hoạt động với nhu cầu và hoàn cảnh của địa phương sao cho càng thực tế càng tốt, chú ý hướng dẫn HS vận dụng kiến thức đã học trong kinh doanh vào cuộc sống và vào trong học tập như lập kế hoạch hoạt động cho bản thân...
- Giáo dục tìm hiểu về kinh doanh lấy phát triển thái độ kinh doanh trong HS làm chính. Điều này đòi hỏi GV khuyến khích và động viên HS hướng tới thành công và thành tích. Sự say mê, tự tin vào mình, lắng nghe, kịp thời khen thưởng, quan tâm, tôn trọng, thân thiện vui vẻ với HS sẽ giúp GV khơi dậy sự thành công cũng như khuyến khích HS học tập tốt.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- SGK, SGV Công nghệ 6 hiện hành.
- Bộ tài liệu hiểu biết về kinh doanh (KAB) của tổ chức Lao động quốc tế (ILO).
- Ngoài ra, GV có thể đọc các nội dung về kinh doanh trên mạng Internet, sách, báo, tạp chí, phương tiện thông tin, truyền thông.

5. HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI, BÀI TẬP

Bài 1. KHÁI NIỆM, VAI TRÒ CỦA KINH DOANH

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Khái niệm, vai trò của hoạt động kinh doanh

b) Em hãy điền tên lĩnh vực kinh doanh vào chỗ chấm (...) dưới các hình sau cho phù hợp.

Hình A, hình F: Kinh doanh sản xuất;

Hình B, hình E: Kinh doanh thương mại;

Hình C, hình D: Kinh doanh dịch vụ.

c) Đánh dấu (x) vào ô chỉ lĩnh vực kinh doanh cho phù hợp với từng hoạt động kinh doanh ở cột bên trái.

Kinh doanh sản xuất: hoạt động 5, 10, 12

Kinh doanh thương mại: hoạt động 1, 3, 6, 11

Kinh doanh dịch vụ: hoạt động 2, 4, 7, 8, 9

d) Kinh doanh có lợi ích, vai trò như thế nào?

A, B, C, D, E, F, G, I, J.

2. Các yếu tố cần thiết để kinh doanh thành công

Muốn hoạt động kinh doanh thành công, cần phải có những yếu tố nào? Vì sao?

Ba yếu tố cần thiết để kinh doanh thành công:

- Ý tưởng kinh doanh và sự quyết tâm, kiên trì thực hiện ý tưởng kinh doanh.

- Kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm để thực hiện ý tưởng kinh doanh.

- Nguồn lực để thực hiện ý tưởng kinh doanh, gồm nguồn lực về tài chính (tiền) và con người.

Vì: Có ý tưởng kinh doanh tốt là điều kiện đầu tiên để thành công trong kinh doanh. Có ý tưởng kinh doanh tốt nhưng không quyết tâm, kiên trì thực hiện ý tưởng kinh doanh thì sẽ rất khó để thành công. Kiến thức, kĩ năng về nghề nghiệp, kinh doanh, đặc biệt kinh nghiệm nghề nghiệp là yếu tố quan trọng giúp kinh doanh thành công. Có ý tưởng kinh doanh, có kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm nhưng thiếu nguồn lực là tiền và con người để thực hiện thì khó có thể kinh doanh thành công được. Ba yếu tố này liên quan chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau để tạo nên sự thành công trong kinh doanh.

Hoạt động luyện tập

2a) Nghề truyền thống làm bánh tẻ của bà con thôn Phú Nhi thuộc lĩnh vực kinh doanh nào?

Kinh doanh sản xuất.

2b) Những yếu tố nào giúp bà Bình và những người dân ở Phú Nhi kinh doanh bánh tẻ thành công?

A, B, D, E, F, H, I.

Bài 2. TẠO LẬP Ý TƯỞNG KINH DOANH

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Khái niệm và tầm quan trọng của ý tưởng kinh doanh

b) Thế nào là ý tưởng kinh doanh?

Ý tưởng kinh doanh là ý nghĩ chợt hiện lên trong suy nghĩ và được cân nhắc, suy tính để khởi đầu cho một dự định kinh doanh.

c) Thế nào là ý tưởng kinh doanh tốt? Vì sao phải có ý tưởng kinh doanh tốt?

Ý tưởng kinh doanh tốt phải đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng, hình thức kinh doanh độc đáo, thực hiện ngay khi có cơ hội, phù hợp với khả năng của người kinh doanh. Ý tưởng kinh doanh tốt là điều kiện đầu tiên để kinh doanh thành công.

d1) Đúng ghi Đ, sai ghi S cho mỗi ý tưởng kinh doanh dưới đây:

| Ý tưởng kinh doanh | Đúng/Sai |
|---|----------|
| 1) Mở cửa hàng bán rau sạch trong khu chung cư | Đ |
| 2) Muốn mở xưởng sản xuất đồ gỗ khi chưa có nguồn vốn và nguồn lao động có tay nghề | S |
| 3) Sản xuất rượu bia giả | S |
| 4) Mở dịch vụ cho thuê truyện | Đ |
| 5) Dịch vụ trông giữ xe trên đường cao tốc | S |
| 6) Mở cửa hàng phân bón, thuốc trừ sâu trong khu chung cư | S |
| 7) Bà Mai là hộ lí ở bệnh viện, về hưu muốn mở cửa hàng thuốc bán ở gia đình | S |
| 8) Bán quần áo, giày dép đang là mốt thời trang qua mạng | Đ |

d2) Một ý tưởng kinh doanh tốt: C.

2. Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh

Bài tập tình huống:

GV để các em tự đưa ra ý tưởng và giải thích lí do. Trong tình huống này, GV có thể gợi ý tưởng kinh doanh là mở cửa hàng kinh doanh tạp hoá: kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng hằng ngày, văn phòng phẩm, đồ dùng học tập vì nơi Hà và cô Hồng ở cách xa chợ không thuận tiện đi lại mua bán các đồ tiêu dùng hằng ngày.

3. Làm thế nào để tạo lập ý tưởng kinh doanh

Câu 1. *Khi xác định ý tưởng kinh doanh cần thực hiện những việc gì?*

Để xác định ý tưởng kinh doanh cần thực hiện các bước sau đây:

- + Bước 1: Tìm hiểu môi trường xung quanh và xác định nhu cầu của người tiêu dùng.
- + Bước 2: Suy nghĩ và xác định ý tưởng kinh doanh.
- + Bước 3: Lựa chọn ý tưởng kinh doanh tốt nhất.

Câu 2. *Làm thế nào để xác định được ý tưởng kinh doanh tốt?*

Để chọn được ý tưởng kinh doanh tốt nhất, cần căn cứ vào ba tiêu chí sau:

- + Kỹ năng, tay nghề hoặc nghề gia truyền.
- + Nguồn lực sẵn có.
- + Nhu cầu và khả năng chi trả của người tiêu dùng.

Hoạt động luyện tập

2a) *Ý tưởng kinh doanh của bạn Ánh Dương là gì?*

Kinh doanh cà phê và các sản phẩm thủ công tái chế từ những phế liệu.

2b) *Vì sao công việc kinh doanh của bạn Ánh Dương lại thành công?*

- + Có ý tưởng kinh doanh độc đáo, quyết tâm, kiên trì thực hiện ý tưởng kinh doanh.
- + Yêu thích và biết cách làm các sản phẩm độc đáo từ những phế liệu.
- + Giá cả phù hợp với người tiêu dùng.
- + Biết cách quảng cáo, khuyến mại cho các sản phẩm.

Bài 3. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH DOANH

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Khái niệm và lợi ích của lập kế hoạch kinh doanh

Câu 1. Thế nào là kế hoạch kinh doanh?

Kế hoạch kinh doanh là bản mô tả cách tiến hành kinh doanh: làm những việc gì? cần phương tiện thiết bị gì? nguồn vốn? ai sẽ thực hiện? thực hiện như thế nào? thời gian bắt đầu, thời hạn hoàn thành?

Câu 2. Lập kế hoạch kinh doanh có tác dụng gì đối với công việc kinh doanh?

- + Biết trước và chủ động thực hiện các công việc phải làm khi kinh doanh.
- + Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện để kinh doanh: vốn, nhân lực,...
- + Xác định được những khó khăn cần giải quyết.
- + Tính toán được thu chi và đánh giá được kết quả kinh doanh.

2. Lập kế hoạch kinh doanh như thế nào?

Câu 1. Vì sao bà Hoà lại mở cửa hàng kinh doanh bán bánh mì?

- + Gần nhà bà Hoà có xí nghiệp may, có nhiều công nhân có nhu cầu về các mặt hàng ăn uống.
- + Bà Hoà có kinh nghiệm nấu ăn.
- + Nguồn vốn cho mở cửa hàng bán bánh mì không nhiều.
- ...

Câu 2. Cần chuẩn bị những gì trước khi thực hiện kinh doanh?

- + Mua thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu hàng hoá.
- + Tìm hiểu nhu cầu thị trường.
- + Quảng cáo sản phẩm.

Câu 3. Một bản kế hoạch kinh doanh thường có những nội dung gì?

- + Kế hoạch bán hàng.
- + Kế hoạch mua hàng.
- + Kế hoạch lao động.
- + Kế hoạch tài chính.

Câu 4. Kế hoạch bán hàng, kế hoạch mua hàng, kế hoạch lao động, kế hoạch tài chính gồm những thông tin gì?

+ Kế hoạch bán hàng gồm các thông tin về mặt hàng phục vụ, giá bán, số lượng sản phẩm dự kiến bán và doanh thu dự kiến.

+ Kế hoạch mua hàng gồm các thông tin về các nguyên liệu cần mua, số lượng, đơn giá, thành tiền và tổng chi phí mua nguyên liệu.

+ Kế hoạch lao động gồm các thông tin về người lao động, phân công các công việc cho từng người và lương cho từng vị trí công việc.

+ Kế hoạch tài chính gồm các thông tin về chi phí đầu tư ban đầu, chi phí thường xuyên và cân đối thu chi.

Hoạt động luyện tập

2a) Vì sao chị Lan kinh doanh cà phê không thành công?

Chị Lan chưa tìm hiểu kỹ thông tin về thị trường nơi chị mở cửa hàng bán cà phê về nhu cầu người tiêu dùng, các cửa hàng kinh doanh sản phẩm cà phê tương tự.

2b) Nếu vẫn mong muốn mở cửa hàng kinh doanh, chị Lan nên mở cửa hàng kinh doanh mặt hàng gì? Hãy giúp chị lập bản kế hoạch kinh doanh theo mẫu em đã học.

GV có thể gợi ý kinh doanh các mặt hàng ăn uống như cơm bình dân, bánh mì,... Vì chị Lan đã học qua lớp nấu ăn và là học viên giỏi trong việc chế biến các món ăn gia đình và nơi chị ở có nhiều công nhân và chưa có cửa hàng kinh doanh nào. Trên cơ sở đó lập kế hoạch kinh doanh các mặt hàng này.

Bài 4. CHI PHÍ VÀ LỢI NHUẬN TRONG KINH DOANH

Hoạt động hình thành kiến thức

1. Các khoản thu, khoản chi

a) Vẽ các khoản chi:

Câu 1. Chi phí ban đầu gồm những khoản chi nào?

Tùy theo lĩnh vực kinh doanh mà chi phí ban đầu có thể khác nhau, ví dụ kinh doanh sản xuất và kinh doanh dịch vụ thì chi phí ban đầu cho mua thiết bị, máy móc, dụng cụ,...; Kinh doanh thương mại, chi phí ban đầu có thể là mua giá, tủ để đựng hàng hoá,...

Câu 2. Chi phí thường xuyên là chi những gì?

Lĩnh vực kinh doanh khác nhau thì chi phí thường xuyên cũng khác nhau. Ví dụ lĩnh vực kinh doanh sản xuất, chi phí thường xuyên dùng cho mua nguyên liệu, chi trả tiền nhân công, điện nước, vận chuyển,...

Câu 3. Có sự khác nhau như thế nào về các khoản chi: giữa kinh doanh sản xuất với kinh doanh thương mại; giữa kinh doanh dịch vụ và kinh doanh thương mại.

+ Giữa kinh doanh sản xuất và kinh doanh thương mại:

Về chi phí ban đầu: Kinh doanh sản xuất mua thiết bị, máy móc, dụng cụ... còn kinh doanh thương mại mua các giá, tủ để đựng hàng hoá.

Về chi thường xuyên: Kinh doanh sản xuất mua nguyên liệu để sản xuất còn kinh doanh thương mại mua hàng hoá để bán.

+ Giữa kinh doanh dịch vụ và kinh doanh thương mại:

Về chi phí ban đầu: Kinh doanh dịch vụ mua thiết bị, máy móc, dụng cụ... còn kinh doanh thương mại mua các giá, tủ để đựng hàng hoá.

Về chi thường xuyên: Kinh doanh dịch vụ mua vật liệu tiêu hao còn kinh doanh thương mại mua hàng hoá để bán.

b) Về các khoản thu

Câu 1. Khoản thu của từng lĩnh vực kinh doanh là gì?

Thu từ bán sản phẩm hàng hoá, dịch vụ.

Câu 2. Có sự khác nhau như thế nào về khoản thu của ba lĩnh vực kinh doanh sản xuất, kinh doanh thương mại và kinh doanh dịch vụ?

Kinh doanh sản xuất nguồn thu từ bán sản phẩm và phụ phẩm, kinh doanh thương mại thu từ bán hàng hoá, kinh doanh dịch vụ thu từ công dịch vụ.

2. Tính toán doanh thu và lợi nhuận

Làm thế nào để biết được doanh nghiệp/ hộ gia đình có lợi nhuận trong kinh doanh?

Để biết được doanh nghiệp/ hộ gia đình có lợi nhuận trong kinh doanh cần phải tính được tổng các nguồn thu và tổng các chi phí. Nếu tổng nguồn thu lớn hơn tổng các chi phí thì doanh nghiệp/hộ gia đình kinh doanh có lãi. Ngược lại thì kinh doanh thua lỗ.

Hoạt động luyện tập và vận dụng

Tình huống 1. Trồng rau sạch để bán

1. Liệt kê các khoản chi phí và khoản thu:

+ Các khoản chi phí:

Chi đầu tư: Mua dụng cụ như cuốc, xẻng, bình tưới nước, lưới che,...

Chi thường xuyên: Mua hạt cải giống, phân bón, túi ni lông để bảo quản rau sau khi thu và các chi phí khác.

+ Các khoản thu: thu từ bán rau cải.

2. Chi phí và doanh thu trong 1 năm:

+ Các khoản chi phí:

Chi phí đầu tư ban đầu: Mua dụng cụ như cuốc, xẻng, bình tưới nước, lưới che:

800.000 đồng.

Chi phí thường xuyên: Mua hạt cải giống, phân bón, túi ni lông để bảo quản rau sau khi thu và các chi phí khác: 1.000.000 đồng/năm.

+ Các khoản thu: thu từ bán rau cải.

Doanh thu bán 2,6 tấn cải/năm với giá tiền 10.000 đồng/kg là 26.000.000 đồng/năm.

3. Lợi nhuận trong 1 năm:

$26.000.000 - 1.000.000 = 25.000.000$ đồng/năm.

Tình huống 2: Cửa hàng ăn uống bình dân

1. Liệt kê các khoản chi phí và khoản thu:

+ Các khoản chi phí:

Chi đầu tư: chi mua dụng cụ, đồ dùng bát đĩa, thìa, nồi nấu phở, rổ rá, chậu rửa bát đĩa,...; chi mua quạt; mua bếp, xây và lắp đặt bếp than; mua bàn ghế.

Chi thường xuyên: Bún phở; thịt và hành, rau thơm các loại; Chi phí khác.

+ Các khoản thu: thu từ bán phở, bún.

2. Chi phí và doanh thu trong 1 năm:

+ Các khoản chi phí:

Chi phí đầu tư ban đầu:

| TT | Các khoản chi đầu tư | Số tiền |
|----|--|----------------|
| 1 | Các dụng cụ và đồ dùng bát đũa, thìa, nồi nấu phở, rổ rá, chậu rửa bát đũa,... | 2.000.000 đồng |
| 2 | 4 cái quạt | 1.200.000 đồng |
| 3 | mua bếp, xây và lắp đặt bếp than | 200.000 đồng |
| 4 | Mua bàn ghế | 500.000 đồng |
| | Tổng số | 3.900.000 đồng |

Chi phí thường xuyên:

| TT | Các khoản chi thường xuyên trong 1 ngày | Số tiền |
|----|---|----------------|
| 1 | Bún phở | 200.000 đồng |
| 2 | thịt và hành, rau thơm các loại | 1.000.000 đồng |
| 3 | Chi phí khác | 100.000 đồng |
| 4 | Tổng số | 1.300.000 đồng |

Tổng chi thường xuyên trong 1 tháng (30 ngày) là 39.000.000 đồng.

Tổng chi thường xuyên trong 1 năm (12 tháng) là:

$$39.000.000 \times 12 \text{ tháng} = 468.000.000 \text{ đồng.}$$

+ Các khoản thu: bán phở, bún.

Doanh thu một ngày: 100 bát, mỗi bát 20.000 đồng = 2.000.000 đồng.

Doanh thu một tháng (30 ngày) = 2.000.000 đồng \times 30 ngày = 60.000.000 đồng.

Doanh thu một năm là 60.000.000 đồng \times 12 tháng = 720.000.000 đồng.

+ Khấu hao tài sản là 2%: $2\% \times 3.900.000 \text{ đồng} = 78.000 \text{ đồng.}$

3. Lợi nhuận trong 1 năm:

Doanh thu – chi phí – khấu hao tài sản:

$$720.000.000 \text{ đồng} - 468.000.000 \text{ đồng} - 78.000 \text{ đồng} = 251.922.000 \text{ đồng.}$$

Tình huống 3: Cửa hàng kinh doanh quạt điện

1. Liệt kê các khoản chi phí và khoản thu:

+ Các khoản chi phí: chi đầu tư mua giá để quạt, chi thường xuyên mua quạt và chi phí thuê nhà.

+ Các khoản thu: thu từ bán quạt.

2. Chi phí và doanh thu trong 1 năm:

+ Các khoản chi phí:

o Chi phí đầu tư ban đầu: giá để quạt 1.500.000 đồng.

o Chi phí thường xuyên trong 1 năm:

Mua quạt: $300 \text{ cái} \times 500.000 \text{ đồng} = 150.000.000 \text{ đồng}$.

Chi phí trả tiền điện nước trong 1 năm: $300.000 \times 12 \text{ tháng} = 3.600.000 \text{ đồng}$.

o Chi phí khấu hao tài sản 1 năm: $1\% \times 1.500.000 \text{ đồng} = 15.000 \text{ đồng}$.

+ Các khoản thu: bán quạt.

Doanh thu bán 1 năm: $300 \text{ quạt} \times 600.000 \text{ đồng} = 180.000.000 \text{ đồng}$.

3. Lợi nhuận trong 1 năm:

Doanh thu - chi phí - khấu hao tài sản:

$180.000.000 \text{ đồng} - 150.000.000 \text{ đồng} - 15.000 \text{ đồng} = 26.385.000 \text{ đồng}$.

D. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC THEO CHỦ ĐỀ

PHẦN I. Bài 1. NHÀ Ở ĐỐI VỚI CON NGƯỜI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức, kĩ năng, thái độ

- Trình bày được vai trò của nhà ở đối với con người.
- Phân biệt được một số kiểu nhà ở thông thường ở nước ta.
- Kể tên được một số khu vực của nhà ở và trình bày được các yêu cầu đối với các khu vực trong nhà ở.

- Yêu quý ngôi nhà của mình và có ý thức giữ gìn nhà ở sạch đẹp.

2. Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

Ngoài một số năng lực chung như tự học, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ICT, bài học này còn nhằm hình thành và phát triển một số năng lực chuyên biệt cho HS như:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ kĩ thuật: biết được một số thuật ngữ về kiểu nhà ở và các khu vực trong nhà ở.
- Năng lực hình thành ý tưởng và thiết kế công nghệ: bước đầu để xuất ý tưởng bố trí, sắp xếp các khu vực trong nhà ở.
- Năng lực lựa chọn và đánh giá công nghệ: bước đầu nhận xét, đánh giá về sự gọn gàng, vệ sinh của nhà ở; về bố trí sắp xếp nhà ở hợp lí.

II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH

1. Hướng dẫn chung

a) Nội dung chính của bài học

- Vai trò của nhà ở đối với con người.
- Một số kiểu nhà ở phổ biến ở Việt Nam hiện nay.
- Các khu vực trong nhà ở và yêu cầu chung của từng khu vực đó.

b) Công việc cần chuẩn bị của giáo viên

- Đọc kĩ bài trong sách HDH.
- Sưu tầm thêm hình ảnh về các kiểu nhà ở khác. Quan sát một số kiểu nhà ở tại địa phương.
- Tóm tắt những nội dung chính của bài. Chuẩn bị đáp án các câu hỏi, bài tập có trong bài.
- Nếu có máy chiếu projector (máy chiếu đa phương tiện) hoặc máy chiếu overhead (máy chiếu qua đầu) thì soạn giáo án điện tử hoặc bản trong, trong đó chủ yếu là các hình ảnh trong bài và hình ảnh về nhà ở được GV sưu tầm bổ sung; đáp án các câu hỏi, bài tập; một số nội dung tổ chức hoạt động học tập, kiểm tra, trò chơi,...
- Chuẩn bị sổ nhật kí dạy học để ghi chép.

c) Một số lưu ý

Với nội dung sách HDH, GV sẽ thuận lợi trong việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức dạy học, có thể sẽ gặp một số khó khăn. Những khó khăn này

tương tự như những khó khăn trong dạy học Phần I. NHÀ Ở nói chung đã được nêu ở phần đầu của tài liệu.

2. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động học của học sinh

a) Hoạt động khởi động

Mục tiêu chính của hoạt động này là giúp HS bắt đầu làm quen với cách tự đọc, tự liên hệ thực tiễn, bước đầu hình dung được những vai trò của nhà ở đối với con người và cấu trúc chung của một kiểu nhà ở; bước đầu làm quen với thuật ngữ kiểu nhà ở, khu vực trong nhà ở...

Nhiệm vụ trong hoạt động khởi động của HS là làm việc cá nhân. Đây là tiết học đầu tiên của bài học đầu tiên của môn học và cũng là tuần học đầu tiên của năm học ở cấp THCS. Do vậy GV cần có sự hướng dẫn cách HS thực hiện nhiệm vụ, cách trình bày kết quả và cách báo cáo kết quả.

Kết thúc hoạt động, GV đề nghị HS công bố kết quả làm bài tập, nhận xét, đánh giá và cho HS thấy rõ là chưa có hiểu biết đầy đủ về vai trò của nhà ở, tên gọi của một số kiểu nhà ở thông thường và sự bố trí các khu vực trong nhà ở. Sự nhận xét, đánh giá của GV không nhằm phê phán mà chủ yếu tạo tâm thế để HS có ham muốn tìm tòi, khám phá kiến thức trong hoạt động hình thành kiến thức tiếp theo.

b) Hoạt động hình thành kiến thức

Mục tiêu chính của hoạt động này là hình thành khái niệm cơ bản về cấu trúc của nhà ở.

Đây là hoạt động hình thành kiến thức chủ yếu của bài học, huy động khá đầy đủ các hoạt động của HS theo cá nhân, nhóm và cả lớp. Theo nội dung bài, hoạt động hình thành kiến thức có ba nội dung chính.

Nội dung 1: Vai trò của nhà ở đối với con người.

- Về PPDH, trước hết GV tổ chức, hướng dẫn HS làm việc cá nhân: đọc nội dung thông tin, quan sát hình ảnh, liên hệ thực tiễn và phát triển kết quả trong hoạt động trước để trả lời ba câu hỏi. Sau đó hướng dẫn HS làm việc theo nhóm, vận dụng các kỹ thuật dạy học tích cực như “khăn trải bàn”, “các mảnh ghép”, “thảo luận nhóm”,...). Mỗi nhóm sẽ có kết quả trả lời ba câu hỏi ghi trên giấy để báo cáo trước lớp khi được yêu cầu.
- Trong quá trình HS làm việc theo cá nhân, GV quan sát và có những can thiệp kịp thời cho HS nào có yêu cầu trợ giúp như gợi ý, góp ý, giải thích,... Khi HS làm việc nhóm, GV quan sát và can thiệp theo từng nhóm. Có thể sử dụng các thiết bị dạy học, học liệu (nếu có và thấy cần thiết).

- Việc giao nhiệm vụ cho HS có thể do GV hoặc chủ tịch HĐTQ của lớp. Sau khi giao nhiệm vụ xong, chủ tịch HĐTQ về vị trí làm việc như HS bình thường, dưới sự điều hành của nhóm trưởng.
- Lưu ý HS vai trò của nhà ở là bao gồm cả hai mặt đời sống vật chất và tinh thần.

Nội dung 2: Một số kiểu nhà ở.

Đây là một trong những nội dung trọng tâm của bài, giúp HS bắt đầu nhận biết, phân biệt và hiểu được các thuật ngữ cơ bản về kiểu nhà ở.

- Về cách giao nhiệm vụ cho HS, về PPDH, tổ chức hoạt động tương tự như ở nội dung 1.
- Về học liệu, nếu có điều kiện GV nên chuẩn bị trước một số hình ảnh về nhà ở tại địa phương. Gợi ý HS liên hệ thực tiễn với gia đình, địa phương về tên gọi và cấu trúc chung của kiểu nhà.

Nội dung 3: Các khu vực của nhà ở.

Đây cũng là một trong những nội dung trọng tâm của bài, giúp HS bắt đầu biết và hiểu các thuật ngữ cơ bản về nhà ở, chủ yếu là tên gọi các khu vực (còn có thể gọi là khu vực chính) trong nhà ở. Ngoài ra, HS còn được biết một số yêu cầu chủ yếu với mỗi khu vực trong nhà ở.

Về cách giao nhiệm vụ cho HS, về PPDH, tổ chức hoạt động và chuẩn bị học liệu cũng tương tự như ở nội dung 1.

c) Hoạt động luyện tập

Mục tiêu của hoạt động này là HS được củng cố kiến thức có được từ hoạt động trước, hình thành khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Trong hoạt động này, HS làm việc cá nhân và theo nhóm.

- Về PPDH vẫn tương tự như hoạt động trước. Các bài tập trong hoạt động luyện tập có tính “mở” nên GV cần lưu ý khuyến khích, gợi ý để HS phát huy tính sáng tạo.
- Nếu có điều kiện, GV chuẩn bị được hình ảnh một số kiểu bố trí ghép các khu vực để minh họa. Hoặc mô tả một số kiểu bố trí ghép có trong nhà ở thực tế tại địa phương.
- Khi HS báo cáo kết quả, GV có thể tổ chức cho lớp thảo luận, phân tích, bình xét các đề xuất của mỗi HS hoặc mỗi nhóm.

d) Hoạt động vận dụng

Mục tiêu của hoạt động này là tạo điều kiện cho HS vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống gia đình, điều chỉnh, sắp xếp hoặc góp ý với ông bà, bố mẹ về việc bố trí các khu vực chính sao cho hợp lí, vệ sinh và thuận tiện.

Việc giao nhiệm vụ cho HS nếu được tiến hành khéo léo sẽ tạo hứng thú cho HS thực hiện vận dụng kiến thức, hiểu biết học trên lớp để cải thiện môi trường sống của gia đình. GV cần lưu ý đặc điểm, điều kiện của địa phương, của nhà ở của các em để có những gợi ý hợp lí, khả thi.

e) Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Mục tiêu, nội dung, PPDH của hoạt động này tương tự như hoạt động luyện tập trên đây.

- Hướng dẫn HS tự tìm tòi, mở rộng kiến thức qua người thân, cộng đồng và trong thực tiễn.
- GV gợi ý HS hãy thiết kế, quy hoạch cấu trúc nhà ở của HS theo ý tưởng của mình.

GV hướng dẫn HS viết báo cáo kết quả vận dụng và tìm tòi, mở rộng sau đó gửi vào hộp thư của lớp. Trong các giờ học sau, GV xem xét các báo cáo này và có những cách xử lí thích hợp như trao đổi cá nhân, nhóm. Nếu có thể, vào tiết hoặc buổi học sau, GV dành thời gian cho HS báo cáo kết quả đã thực hiện ở nhà (bao gồm cả kết quả của hoạt động vận dụng và tìm tòi, mở rộng).

3. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá

Theo định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS, tăng cường sử dụng lời nhận xét, đánh giá thay vì việc chỉ cho điểm số như trước đây. Mặt khác, vận dụng kĩ thuật Rubric trong đánh giá nhằm vừa chính xác hoá kết quả đánh giá vừa tạo điều kiện cho việc tự đánh giá của HS, GV có thể thực hiện như sau:

- Lập đáp án và biểu điểm tất cả các câu hỏi, bài tập được nêu ra trong bài. Mỗi một hoặc một số câu hỏi, bài tập được lập thành phiếu đánh giá. Sau khi HS thực hiện xong bài tập hoặc trả lời xong câu hỏi, GV có thể chiếu nội dung phiếu lên màn hình (nếu có máy chiếu projector) hoặc phát phiếu cho các nhóm và yêu cầu cả nhóm chấm điểm cho từng thành viên, ghi kết quả của từng thành viên vào sổ nhật kí của nhóm.
- Ngoài các câu hỏi, bài tập đã có trong sách HDH, tùy theo trình độ HS, đặc điểm, điều kiện của địa phương, GV có thể soạn thêm câu hỏi, bài tập và phiếu đánh giá để sử dụng trong dạy học.

PHẦN II. Bài 1. CÁC LOẠI VẢI THƯỜNG DÙNG TRONG MAY MẶC

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức, kĩ năng, thái độ

- Trình bày được tính chất chủ yếu và phân biệt được một số loại vải thường dùng trong may mặc.
- Lựa chọn được loại vải có tính chất phù hợp với nhu cầu của bản thân.
- Vận dụng được những hiểu biết về các loại vải thường dùng trong may mặc để lựa chọn, sử dụng, bảo quản các vật dụng may bằng vải trong thực tiễn.

2. Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

Thông qua bài học này, có thể hình thành và phát triển cho HS những năng lực sau:

- Năng lực tự học;
- Năng lực hợp tác;
- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề;
- Năng lực giao tiếp;
- Năng lực tự đánh giá và đánh giá;
- Năng lực lựa chọn và đánh giá công nghệ: HS có khả năng lựa chọn những loại vải có tính chất phù hợp với nhu cầu sử dụng vải may mặc của bản thân.

II. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH

1. Hướng dẫn chung

a) Nội dung chính của bài học

Bài học này được thực hiện trong 2 tiết với hai nội dung chính:

- Các loại vải thường dùng trong may mặc: chủ yếu giới thiệu tính chất, ưu, nhược điểm của các loại vải may mặc, không đi sâu vào phân tích nguồn gốc và các phương pháp sản xuất vải may mặc.
- Phân biệt các loại vải: Hướng dẫn HS phân biệt các loại vải bằng cách đơn giản là vò vải và đốt sợi vải.

b) Công việc cần chuẩn bị của giáo viên

Để đạt được mục tiêu của bài học, GV cần chuẩn bị:

- Nghiên cứu kĩ bài học này để xác định những kiến thức trọng tâm của bài học và dự kiến những chuỗi hoạt động hỗ trợ, các PPDH tích cực sẽ áp dụng khi tổ chức thực hiện bài học.
- Quan sát, tìm hiểu các loại vải may mặc được người dân địa phương và HS sử dụng nhiều, nhất là các loại vải có nguồn gốc tự nhiên ở địa phương như vải lanh, vải gai, vải sợi bông,...
- Mẫu một số loại vải thường dùng trong may mặc (Mẫu 1: Vải sợi tự nhiên. Tốt nhất dùng vải sợi bông hoặc vải lanh; Mẫu 2: Vải sợi hoá học. Tốt nhất là dùng mẫu lụa nilon; Mẫu 3: Vải sợi pha. Tốt nhất dùng vải pha sợi bông). Mỗi nhóm có đủ ba mẫu vải.
- Đèn cồn + bật lửa hoặc diêm.
- Máy chiếu + màn hình hiển thị + máy vi tính (nếu có).
- Sổ nhật kí để ghi chép những quan sát, nhận xét, đánh giá HS trong quá trình thực hiện bài học.

c) Tiến trình sư phạm

Bài học được thực hiện theo tiến trình:

HS đọc mục tiêu bài học và xác định những nội dung, hoạt động cần thực hiện để đạt được mục tiêu bài học.

Hoạt động khởi động

Hoạt động này được thực hiện trước khi học bài mới nhằm khai thác những kinh nghiệm, hiểu biết của HS về các loại vải thường dùng trong may mặc. Điều này được thực hiện thông qua việc yêu cầu HS vận dụng hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân để trả lời ba câu hỏi liên quan đến các loại vải thường sử dụng trong may mặc. Từ kết quả trả lời các câu hỏi, HS xác định được những kiến thức chưa biết và muốn biết về các loại vải may mặc, từ đó có hứng thú, động lực tìm hiểu kiến thức mới.

Hoạt động hình thành kiến thức

HS tìm hiểu những kiến thức chưa biết về các loại vải thường dùng trong may mặc qua hai nội dung chính của bài học là các loại vải thường dùng trong may mặc và cách phân biệt các loại vải. Kết quả cần đạt được sau khi thực hiện hoạt động này là HS nêu được tên của ba nhóm vải may mặc, căn cứ để phân loại vải, tính chất của ba loại vải; thấy được sự khác nhau về tính chất của ba loại vải và biết được mục đích, cách phân biệt các loại vải thông thường.

PPDH chủ yếu trong hoạt động này là PPDH hợp tác với các kĩ thuật dạy học tích cực như kĩ thuật mảnh ghép, kĩ thuật khăn phủ bàn, kĩ thuật động não... Chú ý hỗ trợ, hướng dẫn HS

trong quá trình các em đọc, quan sát và khai thác các thông tin, các hình ảnh trong tài liệu để tìm ra tính chất và cách phân biệt các loại vải.

Hoạt động luyện tập

HS vận dụng những kiến thức đã lĩnh hội được về tính chất và cách phân biệt các loại vải để làm các bài tập luyện tập (bài tập 1, bài tập 2) và thực hành phân biệt các loại vải. Qua việc tham gia tích cực vào Hoạt động luyện tập, HS sẽ củng cố, kiểm nghiệm và hoàn thiện các kiến thức lí thuyết đã lĩnh hội được, đồng thời hiểu rõ hơn ý nghĩa thực tiễn của các kiến thức đã lĩnh hội được ở hoạt động hình thành kiến thức.

PPDH chủ yếu trong hoạt động này là phương pháp thực hành luyện tập.

Hoạt động vận dụng

HS vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học được ở lớp để thực hiện các nhiệm vụ được thiết kế trong hoạt động vận dụng tại gia đình, cộng đồng. Hoạt động vận dụng đòi hỏi HS thực hiện một cách tự giác, tích cực với sự tham gia hỗ trợ của gia đình. Thực hiện tốt hoạt động này không những giúp HS củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức về tính chất, cách phân biệt các loại vải đã học ở lớp mà còn giúp các em thấy được tính hữu dụng của những kiến thức đã học trong thực tế.

Kết quả hoàn thành các bài tập của HS cần được cha mẹ tham gia đánh giá. HS có thể thực hiện các nội dung trong hoạt động vận dụng theo hình thức làm việc cá nhân hoặc cặp đôi, nhóm tùy điều kiện.

Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Hoạt động này cũng được thực hiện tại gia đình, cộng đồng nhằm tạo điều kiện, cơ hội cho những HS có nhu cầu tìm tòi, mở rộng kiến thức về các loại vải được sử dụng nhiều trong may mặc.

2. Hướng dẫn cụ thể cho từng hoạt động

a) Hoạt động khởi động

Mục tiêu: HS xác định được những kiến thức đã biết, chưa biết và cần phải học để biết về các loại vải thường dùng trong may mặc; mục đích, tác dụng và cách phân biệt các loại vải.

Cách tiến hành

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV tổ chức cho HS trả lời ba câu hỏi được đặt ra trong Hoạt động khởi động:

- + Em hãy kể tên những vật dụng được may bằng vải của gia đình em.
- + Theo em, có những loại vải nào được dùng trong may mặc?
- + Làm thế nào để phân biệt được các loại vải may mặc?

Chú ý: Nhắc HS suy nghĩ, nhớ lại những điều đã quan sát được, biết được để trả lời câu hỏi. Không đọc trước các nội dung của hoạt động hình thành kiến thức.

Trong ba câu hỏi, câu hỏi 1 HS có thể trả lời được khi nhớ lại những kiến thức đã học ở lớp 4, lớp 5 (kỹ thuật khâu, thêu), nhớ lại những vật dụng được may bằng vải của bản thân và gia đình. Đối với câu hỏi 2, HS có thể kể tên được một số loại vải may mặc nhưng không đầy đủ. Đối với câu hỏi 3, nhiều HS có thể không trả lời được vì đây là những kiến thức mới, đa số HS chưa trải nghiệm.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Để phát huy tính tích cực của HS, GV có thể sử dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực theo 1 trong 2 cách sau:

- + Dùng kỹ thuật tia chớp hoặc kỹ thuật động não để HS nhanh chóng đưa ra các câu trả lời. Ghi tóm tắt các ý kiến của HS lên bảng.
- + Hoặc: Dùng kỹ thuật “khăn trải bàn”: Mỗi cá nhân HS vận dụng hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân để trả lời 3 câu hỏi và ghi vào góc của mình (hoặc ghi ra giấy). Sau đó, trình bày kết quả trước nhóm. Thư kí nhóm ghi ý kiến chung của cả nhóm vào “giữa khăn trải bàn” để báo cáo với thầy/cô giáo. Trong quá trình HS hoạt động, GV liên tục di chuyển đến vị trí các nhóm để quan sát, nghe HS trình bày, thảo luận.

Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Đại diện nhóm báo cáo kết quả trả lời 3 câu hỏi của nhóm mình với thầy/cô giáo. GV nên chọn nhóm có kết quả trả lời chưa đầy đủ hoặc có tình huống.

GV nêu tóm tắt ý kiến của các nhóm, trong đó chỉ ra những kiến thức HS đã biết (các vật dụng may bằng vải); những kiến thức HS biết nhưng chưa đầy đủ (các loại vải dùng trong may mặc); những kiến thức HS có thể chưa biết (cách phân biệt các loại vải). Từ đó, chuyển tiếp sang hoạt động hình thành kiến thức.

b) Hoạt động hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS nêu được tính chất, chỉ ra ưu, nhược điểm chủ yếu của các loại vải và nêu được mục đích, tác dụng, cách phân biệt các loại vải.

Cách tiến hành

Trong hoạt động hình thành kiến thức có hai nội dung chính: 1. Một số loại vải thường dùng trong may mặc; 2. Cách phân biệt các loại vải. Khi tổ chức cho HS tìm hiểu từng nội dung, GV lưu ý một số điểm sau:

Đối với nội dung 1: Một số loại vải thường dùng trong may mặc

Đây là nội dung trọng tâm của bài học nhằm giúp HS biết được: dựa vào đâu để phân biệt các loại vải? (nguồn gốc loại sợi dùng để dệt thành vải); tính chất, ưu nhược điểm của từng loại vải; nguyên liệu, phương pháp sản xuất vải và sự đa dạng, phong phú của các loại vải may mặc. Các kiến thức của nội dung 1 còn là cơ sở quan trọng để HS tiếp tục tìm hiểu mục đích, tác dụng, cách phân biệt các loại vải ở nội dung 2 và giúp HS bước đầu đưa ra được sự lựa chọn loại vải may mặc cho phù hợp trong thực tế.

Chuyển giao nhiệm vụ: HS thực hiện những nhiệm vụ sau:

- + Đọc nội dung 1.
- + Quan sát các hình ảnh thuộc nội dung 1 để thu thập thông tin về các nguyên liệu, phương pháp sản xuất vải và sự đa dạng, phong phú của các loại vải may mặc.
- + Liên hệ nội dung vừa đọc với những thông tin thu thập được qua quan sát các hình ảnh để trả lời các câu hỏi và làm bài tập.

Thực hiện nhiệm vụ: Sử dụng “kỹ thuật khăn trải bàn” để tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ trên:

- + Làm việc cá nhân: HS đọc kỹ nội dung 1 trong khung, sau đó quan sát các hình ảnh để trả lời hai câu hỏi và bài tập nối câu. Ghi kết quả làm việc của cá nhân vào góc của mình hoặc ghi ra giấy.
- + Làm việc nhóm: Từng cá nhân trình bày kết quả trả lời câu hỏi và làm bài tập của mình trước nhóm. Các thành viên khác nghe, góp ý, bổ sung. Cuối cùng, thống nhất kết quả làm việc của cả nhóm để báo cáo với thầy/cô giáo.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Nhóm đã hoàn thành các câu trả lời và bài tập giơ thẻ hoặc phát tín hiệu báo với GV để GV đến vị trí của nhóm nghe đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Có thể đặt thêm các câu hỏi phụ cho các HS trong nhóm để biết chắc chắn HS đã hiểu được tính chất của các loại vải. Ví dụ: em hãy nhắc lại tính chất của vải sợi thiên nhiên? Kể tên những sợi

thiên nhiên được dùng để dệt thành vải? Vải sợi tổng hợp có những ưu, nhược điểm gì? Tại sao vải sợi pha được nhiều người chọn sử dụng để may mặc?...

Với những nhóm hoàn thành sớm và trả lời đúng các câu hỏi, GV có thể giao thêm nhiệm vụ: So sánh ưu, nhược điểm của vải sợi thiên nhiên, vải sợi nhân tạo, vải sợi tổng hợp và vải sợi pha hoặc chuyển giao nhiệm vụ tiếp theo cho nhóm: đọc nội dung 2 và làm bài tập sau nội dung 2.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. HS ghi kết quả hoạt động vào vở và tự đánh giá kết quả thực hiện nội dung 1.

Đối với nội dung 2. Phân biệt các loại vải

Chuyển giao nhiệm vụ: HS thực hiện những nhiệm vụ sau:

- + Đọc nội dung 2.
- + Nhớ lại nội dung vừa đọc để trả lời các câu hỏi.

Thực hiện nhiệm vụ:

- + Làm việc cá nhân: HS đọc kĩ nội dung 2 trong khung.
- + Làm việc cặp đôi: hai HS trong nhóm làm thành một cặp để trao đổi với nhau về nội dung vừa đọc, sau đó cùng nhau trả lời câu hỏi.
- + Làm việc nhóm: Đại diện từng cặp đôi trình bày kết quả trả lời câu hỏi trước nhóm. Các thành viên khác nghe, góp ý, bổ sung. Cuối cùng, thống nhất kết quả làm việc của cả nhóm để báo cáo với thầy/cô giáo.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Nhóm đã hoàn thành các câu trả lời ghi thẻ hoặc phát tín hiệu báo với GV để GV đến vị trí của nhóm nghe đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. HS ghi kết quả hoạt động của nhóm vào vở và tự đánh giá kết quả thực hiện nội dung 2.

Làm việc cả lớp để chốt kiến thức chủ yếu của bài học

Sau khi các nhóm đã hoàn thành các nhiệm vụ của hoạt động hình thành kiến thức, GV tổ chức cho một số nhóm báo cáo kết quả hoạt động và chốt lại kiến thức chủ yếu của bài học. Nên chọn nhóm có kết quả hoạt động chưa được hoàn chỉnh (còn thiếu hoặc còn sai sót) báo cáo trước lớp để các bạn, các nhóm khác bổ sung, góp ý. Còn đối với nội dung chốt thì

có thể chọn nhóm hoàn thành các câu hỏi và bài tập tốt nhất thực hiện. Sau đó, GV có thể trình chiếu tóm tắt nội dung của hoạt động hình thành kiến thức.

HS ghi bổ sung kiến thức vào vở.

Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động hình thành kiến thức

- HS đối chiếu kết quả hoạt động của bản thân với kết quả chung của lớp để tự đánh giá kết quả hoạt động hình thành kiến thức của bản thân.
- Đánh giá trong nhóm kết quả hoạt động.
- Ghi ý kiến tự đánh giá và đánh giá bạn vào vở.

c) Hoạt động luyện tập

Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học để hoàn thành các bài tập luyện tập lựa chọn các loại vải may mặc và thực hành phân biệt được các loại vải.

Cách tiến hành

Chuyển giao nhiệm vụ: HS thực hiện các nhiệm vụ:

- + Làm hai bài tập luyện tập.
- + Thử nghiệm phân biệt các loại vải.

Thực hiện nhiệm vụ:

- Làm hai bài tập luyện tập:

Hoạt động cặp đôi: hai HS trong nhóm làm thành một cặp, trao đổi bài cho nhau đọc và thảo luận, góp ý để thống nhất kết quả làm bài tập 1, vận dụng những kiến thức đã lĩnh hội được để ghi vào bảng những loại vải nên chọn và lí do chọn loại vải đó để may một số loại trang phục phổ biến như trang phục đi học, trang phục lao động, trang phục mùa đông, trang phục mùa hè... Sau khi hoàn thành bài tập 1, HS tiếp tục làm bài tập 2. HS ghi kết quả làm việc cặp đôi vào góc của mình hoặc ghi vào giấy.

- Thực hành phân biệt các loại vải:

Nhóm trưởng đến góc học tập lấy cho nhóm mình ba mẫu vải để thực hành, sau đó phân công cho ba bạn rút sợi vải (mỗi mảnh rút một sợi ngang và một sợi dọc), một bạn chuẩn bị dụng cụ để chuẩn bị đốt sợi vải. Chuẩn bị xong, HS tiến hành phân biệt vải theo các bước:

- + Bước 1. Vò vải theo hướng dẫn ở nội dung 2. Ghi vào bảng nhận xét mẫu nào nhàu nhiều nhất, mẫu nào nhàu ít nhất.

+ Bước 2. Đốt sợi vải theo hướng dẫn ở nội dung 2. Khi tro nguội, dùng ngón cái, ngón trỏ bóp tro để xác định tro của sợi vải nào có độ vụn nhiều nhất; tro của sợi vải nào không bóp vụn được. Ghi vào bảng kết quả đốt sợi vải.

+ Bước 3. Tổng hợp kết quả của bước 1 và bước 2 để kết luận mẫu vải 1, mẫu vải 2, mẫu vải 3 là những loại vải nào.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Thực hiện theo hình thức cả lớp

- Qua quan sát các nhóm làm bài tập luyện tập và thực hành, GV chỉ định một nhóm lên trình bày trước lớp kết quả làm hai bài tập luyện tập, sau đó chỉ định một nhóm báo cáo kết quả thực hành phân biệt các loại vải.

HS ghi kết quả luyện tập và thực hành vào vở.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- HS đối chiếu kết quả làm bài tập luyện tập và kết quả thực hành của nhóm với kết quả chung của lớp để tự đánh giá và đánh giá trong nhóm.
- Ghi nhận xét, tự đánh giá và đánh giá trong nhóm vào vở.
- GV nhận xét, đánh giá chung tinh thần thái độ và kết quả học tập của HS. Động viên, khuyến khích, khen ngợi những cá nhân, nhóm có tinh thần thái độ học tập và kết quả thực hiện các hoạt động tốt.

d) Hoạt động vận dụng

Mục tiêu: HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về tính chất của các loại vải và đề xuất được những loại vải nên chọn để may các vật dụng, trang phục cho mọi người trong gia đình.

Cách tiến hành

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Trước khi kết thúc bài học, GV gọi một HS đọc ba bài tập trong hoạt động vận dụng. Hỏi HS trong lớp xem có em nào chưa hiểu rõ nội dung bài tập vận dụng và giải thích (nếu cần).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS về nhà thực hiện, ghi chép đầy đủ kết quả làm bài tập 2, bài tập 3 (theo yêu cầu của sản phẩm cần có).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: HS đưa cho cha, mẹ hoặc người thân đọc, góp ý, viết ý kiến nhận xét, đánh giá vào cuối bài tập. Trong quá trình HS thực hiện hoạt động vận dụng, GV có thể hỗ trợ cho các em khi các em hỏi, thắc mắc hoặc yêu cầu.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: Mỗi HS cần có sản phẩm của hoạt động để đầu giờ học sau chia sẻ, báo cáo kết quả làm bài tập vận dụng trước lớp và tiến hành đánh giá kết quả hoạt động vận dụng.

e) Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Mục tiêu: HS mở rộng kiến thức về các loại vải thường dùng trong may mặc (những loại vải được nhiều người ở địa phương sử dụng; đặc điểm, tính chất của những loại vải đó).

Cách tiến hành: Hoạt động này dành cho những HS có nhu cầu mở rộng kiến thức, không bắt buộc tất cả HS phải thực hiện. HS thực hiện ở gia đình, cộng đồng. Hoạt động này được thực hiện theo 4 bước như các hoạt động trên. Nội dung thực hiện đã ghi trong sách HDH nên HS sẽ theo đó thực hiện. Các em có thể thực hiện theo hình thức cá nhân hoặc nhóm nhưng tốt nhất là thực hiện theo nhóm những em có cùng nhu cầu, sở thích. Khuyến khích, động viên HS thực hiện hoạt động này bằng cách tổ chức cho HS báo cáo kết quả hoạt động trước lớp vào đầu giờ học sau và ghi nhận thành tích hoạt động của các em.

PHẦN II. Bài 4. ĂN UỐNG HỢP LÝ

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức, kĩ năng, thái độ

- Nêu được nhu cầu của cơ thể về các chất dinh dưỡng.
- Trình bày được thể nào là ăn uống hợp lý, vì sao phải ăn uống hợp lý.
- Nêu được cách ăn uống để đảm bảo hợp lý, khoa học và vận dụng được vào cuộc sống.

2. Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

Thông qua các hoạt động học tập trong bài học, HS được củng cố và phát triển một số năng lực sau:

- Năng lực tự học;
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo;
- Năng lực giao tiếp;
- Năng lực hợp tác;
- Năng lực lựa chọn và đánh giá công nghệ;
- Năng lực sử dụng công nghệ cụ thể.

II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH

1. Hướng dẫn chung

a) Nội dung chính của bài học

Bài 4 gồm hai nội dung chính là:

- 1/ Tìm hiểu nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể;
- 2/ Ăn uống thế nào cho hợp lí.

Trong nội dung 2 lại gồm hai nội dung nhỏ là:

- Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí;
- Ăn đúng bữa, đúng cách và hợp vệ sinh.

b) Công việc cần chuẩn bị của giáo viên

- Đọc kĩ bài trong sách HDH.
- Tóm tắt những nội dung chính của bài. Chuẩn bị sẵn các nội dung chốt kiến thức, đáp án các câu hỏi, bài tập có trong bài.
- Chuẩn bị sẵn ba phiếu học tập cho nhóm:
 - o Phiếu nhận xét thể trạng và nguyên nhân dẫn đến thể trạng.
 - o Phiếu nhận xét mức độ cung cấp dinh dưỡng trong ba bữa ăn.
 - o Phiếu nhận xét thời gian bố trí các bữa ăn. (Có thể để thêm một cột nhóm để xuất thời gian bố trí bữa ăn cho phù hợp với giờ giấc và tập quán sinh hoạt của địa phương. Sau đó cả lớp cũng phân tích, góp ý).
- Quan sát trong cuộc sống hằng ngày ở địa phương, liệt kê ra những thói quen về ăn uống không hợp lí, không khoa học, nhất là đối với trẻ em, đồng thời cũng tìm thêm ví dụ về cách ăn uống hợp lí, phù hợp với nếp sống, sinh hoạt ở địa phương mình. Có thể xây dựng thêm những câu hỏi tình huống để HS có thể lựa chọn và vận dụng được. Ví dụ: các bữa ăn với các món ăn của địa phương đủ và không đủ chất dinh dưỡng, những bữa ăn đủ dinh dưỡng mà không cần những thức ăn đắt tiền; những khung giờ ăn vẫn hợp lí, khoa học, phù hợp với giờ giấc sinh hoạt của người dân địa phương... để HS luyện tập và dễ dàng vận dụng.
- Nếu có máy tính, máy chiếu: chuẩn bị sẵn nội dung chốt kiến thức, đáp án các câu hỏi, bài tập... để tổ chức nội dung hoạt động chung cả lớp, tổng kết hoạt động một cách sáng tạo, hấp dẫn và vui vẻ cho HS.

- Chuẩn bị sổ nhật kí dạy học để ghi chép.

c) Một số lưu ý

Sách HDH đã thể hiện cách thức tổ chức các hoạt động học tập học của HS, vì thế GV không phải tự thiết kế mà chỉ tổ chức cho HS học thực hiện các hoạt động học như hướng dẫn. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức dạy học, cần chú ý một số điểm sau:

- Trong mô hình THM, hoạt động tự học của HS được coi trọng, vì vậy GV cần quan tâm và hiểu rõ HS của mình: những HS nào có nhận thức nhanh, có khả năng tập trung tốt rất phù hợp với cách học này. Nhưng bên cạnh đó còn có những HS chậm hiểu hoặc quá hiếu động, khả năng tập trung kém, hoặc hoàn cảnh gia đình có biến động,... ảnh hưởng đến sự tập trung của các em... Những trường hợp này cần GV hiểu và có sự quan tâm, có phương pháp, hình thức hỗ trợ phù hợp để các em có thể đạt được mục tiêu học tập.
- Tùy tình hình cụ thể, GV có thể chia nhóm HS theo những cách khác nhau: có thể chia theo trình độ để các em có cùng nhịp điệu hoạt động, có sự quan tâm, giúp đỡ nhiều hơn đối với những nhóm có khó khăn trong học tập. Hoặc cũng có thể chia nhóm xen kẽ HS khá giỏi với những HS yếu để các em có thể giúp đỡ lẫn nhau. Tuy nhiên, cần có biện pháp thích hợp để tránh trường hợp HS yếu ỉ lại, mặc cảm hoặc bị bỏ rơi, dẫn đến kết quả HS đã yếu lại càng yếu.
- Ăn uống là vấn đề rất thiết thực, gần gũi với tất cả mọi người. Ăn uống ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của mỗi người. Cần xác định mục tiêu sau khi học bài này, HS đều xác định và thực hiện được cách ăn uống sao cho có khoa học, có văn hoá, có thẩm Mĩ và có tình cảm: bản thân biết ăn uống sao cho đủ chất dinh dưỡng để đảm bảo sức khỏe, ăn uống đủ chất dinh dưỡng không nhất thiết là những bữa ăn đắt tiền, biết tận dụng những sản phẩm sẵn có ở địa phương để ăn uống đủ chất, ăn đúng bữa, đúng chỗ, biết quan tâm đến người khác, biết tạo không khí vui vẻ trong bữa ăn. Một điều cũng rất quan trọng, GV cần làm cho HS hiểu và quan tâm là ăn uống phải phù hợp với chế độ vận động thì mới đảm bảo sức khỏe.
- Trong giờ lên lớp, khi thực hiện nội dung học tập bằng việc tự nghiên cứu, tiếp theo có thể là hoạt động cặp đôi hoặc hoạt động nhóm. Giai đoạn này GV cần quan sát xem các nhóm trưởng tổ chức hoạt động này có đảm bảo huy động những đóng góp của tất cả các thành viên hay không. Nếu có hiện tượng chỉ tập trung vào sự làm việc của một vài bạn thì GV cần nhắc nhở.

- Kết thúc mỗi nội dung, khi các nhóm có tín hiệu xong nhiệm vụ, GV đến nghe nhóm báo cáo kết quả. Việc kiểm tra kết quả cần linh hoạt, sáng tạo. Thông tin về kết quả hoạt động của HS không chỉ lúc này GV mới biết mà phải được nắm bắt suốt quá trình quan sát HS làm việc. GV có thể đặt những câu hỏi để HS bộc lộ những vấn đề chính cần nắm bắt hoặc những điểm yếu của HS mà trong quá trình quan sát GV biết được. Cần quan tâm, tạo cơ hội cho những HS có khó khăn. Động viên khuyến khích kịp thời những điểm tốt của từng cá nhân, của nhóm và cho chuyển sang nội dung tiếp theo.
- Sau mỗi hoạt động lớn, có phần tổng kết hoạt động, hoạt động chung cả lớp. Sau phần trình bày kết quả và góp ý của các nhóm, GV có thể chỉ định nhóm trình bày tốt nhất chốt lại kiến thức hoặc chỉ cho HS nội dung chính trình bày trong tài liệu hoặc cho HS ghi những nội dung chính mà mình đã biên soạn khi chuẩn bị.

2. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động học của học sinh

a) Hoạt động khởi động

Trong hoạt động này, HS khởi đầu bài học bằng việc trả lời ba câu hỏi:

- Câu 1: Để HS nhớ lại những kiến thức liên quan về dinh dưỡng đã học trong môn Khoa học lớp 4.
- Câu 2: HS quan sát, nhận xét thể trạng các bạn trong hình. Để trả lời câu hỏi này, HS phải tư duy, tìm mối liên quan giữa thể trạng với chế độ ăn uống. Câu trả lời của HS phải nêu được chế độ ăn uống sẽ ảnh hưởng đến vóc dáng, thể trạng và sức khỏe của mỗi người.
- Câu 3: Đây là vấn đề cần phải giải quyết trong cả bài học mà với những kiến thức đã có, HS chưa thể trả lời được một cách đầy đủ. Vấn đề sẽ được trả lời sau khi HS nghiên cứu, học tập toàn bộ nội dung bài học.

Trước tiên, mỗi cá nhân sẽ phải suy nghĩ trả lời các câu hỏi. Hoạt động này, GV có thể cho HS hoạt động nhóm theo kỹ thuật “Khăn trải bàn”. Mỗi cá nhân ghi câu trả lời của mình vào vị trí cá nhân trong “Khăn trải bàn”. Khi các cá nhân đã hoàn thành, cả nhóm thống nhất ý kiến và cử người trình bày. Chỉ một nhóm trình bày, các nhóm khác chỉ bổ sung ý mà nhóm bạn chưa nêu, không nhắc lại. Yêu cầu này đòi hỏi các nhóm phải chú ý xem bạn mình đã nói gì và nghĩ thêm những ý mới để bổ sung.

GV khái quát lại ý kiến của các nhóm. Động viên, khen ngợi những cá nhân và nhóm thực hiện nhiệm vụ nhanh, kết quả tốt, nhắc nhở những nhóm cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, những ý kiến của các nhóm chưa trả lời được đầy đủ vấn đề đã nêu ra là “Ăn uống như thế nào là

hợp lí”, vì vậy cần nghiên cứu bài học này. GV giới thiệu bài và giao nhiệm vụ của hoạt động tiếp theo “Hoạt động hình thành kiến thức và luyện tập”.

b + c) Hoạt động hình thành kiến thức và luyện tập

Trong bài này, chúng tôi ghép “Hoạt động hình thành kiến thức” với “Hoạt động luyện tập”. Vì cấu trúc nội dung toàn bài có hai nội dung lớn, nội dung lớn thứ hai lại có hai nội dung nhỏ. Vậy nên, để tiện cho HS thực hiện nhiệm vụ luyện tập, sau mỗi nội dung của bài sẽ là những dạng bài tập khác nhau để HS sử dụng kiến thức vừa tiếp nhận, luyện tập, khắc sâu kiến thức vừa học. (Biến những thông tin vừa đọc được thành kiến thức của mình và sử dụng nó để thực hiện các nhiệm vụ, các dạng bài tập khác nhau chứ không đơn thuần là nhắc lại nguyên văn các đoạn thông tin ban đầu).

Theo nội dung bài, hoạt động hình thành kiến thức có hai nội dung chính.

Nội dung 1: Tìm hiểu nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể

Chuyển giao nhiệm vụ: Việc giao nhiệm vụ cho HS có thể do GV hoặc chủ tịch HĐTQ của lớp. Sau khi giao nhiệm vụ xong, chủ tịch HĐTQ về vị trí làm việc như HS bình thường, dưới sự điều hành của nhóm trưởng.

- Trước hết, HS tự học: đọc thông tin, quan sát sơ đồ và những hình ảnh trong sách HDH. Qua đó, biết được nhu cầu của cơ thể là: cần được cung cấp các chất dinh dưỡng từ thức ăn để tạo ra năng lượng và vật chất cần thiết duy trì cuộc sống, lớn lên và hoạt động. Biết được nếu thiếu hoặc thừa dinh dưỡng sẽ có hậu quả gì và thể nào là dinh dưỡng hợp lí.
- Để xử lí những thông tin vừa tiếp nhận được qua hoạt động cá nhân. Sau khi đọc, nhóm sẽ bố trí cặp để các bạn cùng cặp trao đổi, lần lượt hỏi và trả lời câu hỏi, sử dụng những thông tin vừa đọc trả lời những tình huống cụ thể trong 5 câu hỏi để ghi nhớ những kiến thức cần thiết. Trong nội dung này, còn có thể ra được thêm một số câu hỏi để HS khắc sâu hơn những kiến thức để vận dụng trong cuộc sống hằng ngày. Trong khuôn khổ sách HDH, không cho phép dàn trải quá nhiều, vì vậy GV có thể bổ sung thêm một số câu hỏi, phù hợp với điều kiện cụ thể ở địa phương để HS luyện tập thêm.
- Sau hoạt động cặp đôi, nhóm trưởng cho đại diện các cặp trình bày, thảo luận để thống nhất kết quả của nhóm về 5 câu hỏi trên. Tiếp theo cả nhóm cùng quan sát hình, nhận xét thể trạng của các bạn trong hình và nêu nguyên nhân dẫn đến thể trạng như vậy. Với câu này, HS cần nêu được nguyên nhân bạn ở hình A có cơ thể cân đối, khoẻ mạnh

vì ăn uống hợp lí, vừa đủ nhu cầu của cơ thể. Mục đích khi chốt câu này cần kết luận được: “Ăn uống hợp lí là ăn uống để cung cấp đủ các chất dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu của cơ thể (không thừa, không thiếu), để cơ thể phát triển cân đối, khoẻ mạnh, tránh được các loại bệnh do dinh dưỡng”.

Qua những câu hỏi trên đây, câu hỏi cuối mục này yêu cầu HS tổng hợp kiến thức để trả lời “Theo em cần ăn uống như thế nào để cân bằng chất dinh dưỡng cho nhu cầu cơ thể?”. Với những kiến thức đã biết, HS chưa thể trả lời một cách đầy đủ, rõ ràng câu hỏi này. Đây là câu hỏi để gợi mở tiếp cho việc tìm tòi ở nội dung tiếp theo.

Trong quá trình HS làm việc cá nhân, GV quan sát và nhắc nhở nếu có HS không tập trung. Tìm nguyên nhân để hỗ trợ hoặc đặt câu hỏi gợi ý...

Khi HS làm việc theo cặp, GV quan sát để biết mức độ tham gia hoạt động của HS, lắng nghe để nắm bắt mức độ nhận thức của các cặp, tập trung hỗ trợ và có những can thiệp kịp thời khi thấy cần thiết.

Khi HS làm việc theo nhóm, GV quan sát và can thiệp theo từng nhóm. Nhắc các nhóm ghi kết quả chung của nhóm để báo cáo trước lớp. Sử dụng những mẫu bảng đã chuẩn bị sẵn cho giờ học.

Sau khi các nhóm đã hoàn thành các nhiệm vụ của nội dung 1, GV đến nghe HS báo cáo kết quả và sản phẩm học tập. Nếu nhiệm vụ đã được hoàn thành tốt, cho HS chuyển sang nhiệm vụ tiếp theo.

Nội dung 2: Ăn uống thế nào cho hợp lí?

Trong hai nội dung thì nội dung 1 là cơ sở, nội dung 2 là trọng tâm, là những kiến thức mà HS có thể vận dụng nhiều vào cuộc sống hằng ngày. Trong nội dung này, HS sẽ lần lượt tìm hiểu hai nội dung nhỏ:

2.1. Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí

Trong nội dung này, HS sẽ phải sử dụng những kiến thức, hiểu biết đã học từ tiểu học và cả những hiểu biết vừa học ở nội dung 1 để vận dụng, đánh giá mức độ cung cấp chất dinh dưỡng của các bữa ăn. Việc HS đánh giá đúng mức dinh dưỡng trong bữa ăn sẽ giúp các em biết ăn uống thế nào cho cân đối về dinh dưỡng để đáp ứng nhu cầu của cơ thể. Trong mục này, GV có thể cho thêm ví dụ (hoặc thay thế ví dụ trong SGK bằng những bữa ăn với những món ăn thường dùng phù hợp với vùng miền để HS dễ nhận biết và vận dụng trong cuộc sống).

Về phương pháp tổ chức dạy học: Trước hết cũng là làm việc cá nhân: HS quan sát hình các bữa ăn. Với những kiến thức đã biết, đánh giá mức độ các chất dinh dưỡng có trong các món ăn và trong cả bữa ăn. Tiếp theo là hoạt động nhóm: mỗi cá nhân đóng góp ý kiến để trả lời câu hỏi và cùng đánh giá về các bữa ăn. Kết luận về bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và giải thích kết quả của mình.

Về cách giao nhiệm vụ cho HS, về phương pháp tổ chức, quan sát, hỗ trợ HS trong quá trình học tập tương tự như ở nội dung 1.

Sau khi nhóm hoàn thành, GV nghe HS báo cáo, ghi nhận kết quả và cho HS chuyển sang nội dung tiếp theo.

2.2. Ăn đúng bữa, đúng cách và hợp vệ sinh

Về cách giao nhiệm vụ cho HS, phương pháp tổ chức, quan sát, hỗ trợ HS trong quá trình học tập tương tự như các nội dung trên.

Cá nhân đọc thông tin để nắm bắt nội dung bài. Trên cơ sở những thông tin đã được cung cấp, nhóm thảo luận để trả lời 5 câu hỏi trong sách HDH. Để trả lời những câu hỏi này, HS phải hiểu được vì sao phải ăn đúng bữa, ăn hợp lí không chỉ là ăn đủ dinh dưỡng mà còn phải ăn đúng bữa, ăn đảm bảo vệ sinh và phải tạo không khí vui vẻ không bữa ăn.

Sau nội dung này sẽ là phần hoạt động chung cả lớp để thống nhất kết quả và chốt lại những kiến thức trọng tâm:

- Có thể các nhóm không hoàn thành nhiệm vụ cùng một lúc. GV cần chuẩn bị một số phiếu học tập để giao thêm nhiệm vụ cho các nhóm hoàn thành trước thực hiện trong thời gian chờ đợi. Ví dụ: Đề xuất một số bữa ăn hằng ngày mà em cho là dinh dưỡng hợp lí; đề xuất thời gian ăn các bữa theo giờ giấc, tập quán sinh hoạt ở địa phương mà em cho là hợp lí; Kể thêm những việc làm để tạo bầu không khí thân mật trong bữa ăn; Nêu những thói quen không tốt trong ăn uống mà trẻ em hoặc người lớn ở khu vực em sống thường mắc phải; Nêu những việc cần làm để đảm bảo dinh dưỡng hợp lí...
- Cho HS trình bày: có thể chọn nhóm có kết quả chưa hoàn thiện nhất trình bày. Các nhóm bạn chỉ bổ sung những ý còn thiếu mà nhóm trình bày chưa nêu.
- Phần chốt kiến thức: có thể GV chốt bằng nội dung mình đã chuẩn bị. Trong quá trình quan sát, đánh giá hoạt động của HS ở từng nội dung, có thể chọn nhóm có kết quả tốt nhất để chốt kiến thức.

- Nhắc HS ghi bổ sung kết quả hoạt động và những kiến thức trọng tâm vào vở.
- Cho HS tự đánh giá và nhận xét, đánh giá lẫn nhau.
- Nhận xét, khen ngợi những cá nhân, những nhóm tổ chức tốt các hoạt động học, kết quả thảo luận tốt, những nhóm làm thêm nhiệm vụ có nội dung hay... Động viên những cá nhân có nhiều đóng góp trong hoạt động nhóm, những cá nhân có tiến bộ trong học tập. Nhắc nhở những HS chưa thật tập trung học tập cần cố gắng hơn.

d) Hoạt động vận dụng

Kiến thức chỉ có giá trị và có ý nghĩa khi được vận dụng vào cuộc sống. Hoạt động vận dụng là để tạo điều kiện cho HS vận dụng những kiến thức về dinh dưỡng, về cách ăn uống đã học vào cuộc sống hằng ngày.

Tuỳ điều kiện thực tế, GV có thể tổ chức cho HS thực hiện một phần nội dung này tại lớp. Ví dụ: cho HS nhớ lại những bữa ăn, thức ăn đã ăn trong 2 hoặc 3 ngày gần nhất, cho thảo luận với bạn để phân tích tính hợp lí của bữa ăn, nếu chưa hợp lí thì đề xuất điều chỉnh cho hợp lí. Cùng thảo luận để trả lời câu hỏi tình huống trong sách để thấy được việc không hiểu rõ về dinh dưỡng đôi khi sẽ tạo ra những hậu quả không có lợi trong ăn uống.

Một số nội dung GV hướng dẫn cho HS thực hiện ở nhà. Đây là những nội dung kiến thức liên quan đến cuộc sống hằng ngày, HS hoàn toàn có thể vận dụng, theo dõi và báo cáo kết quả, nhận xét đánh giá lẫn nhau để có nhận thức sâu sắc và tạo thành thói quen trong ăn uống. Việc này không chỉ trực tiếp ảnh hưởng đến sức khoẻ mà còn góp phần tạo nếp sống lành mạnh và văn hoá ứng xử trong ăn uống.

GV giao nhiệm vụ và tạo cơ hội cho HS báo cáo kết quả vận dụng của mình và động viên, khuyến khích những HS thực hiện tốt. Việc này có thể thực hiện trước khi bắt đầu buổi học tiếp theo hoặc cho HS trưng bày những sản phẩm của mình ở góc học tập của lớp, dưới dạng tranh vẽ, tranh sưu tầm, kể những mẩu chuyện vui... hoặc viết thành một đoạn văn ngắn kể về kinh nghiệm, sáng kiến, bí quyết... kể về việc em đã làm gì để thay đổi một thói quen không tốt trong ăn uống... để chia sẻ trong hộp thư vui của lớp. Nhiệm vụ này HS có thể làm theo sở thích, không đặt thành nhiệm vụ bắt buộc, gây nặng nề cho HS.

e) Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Mục tiêu của hoạt động này tương tự như hoạt động vận dụng, nhằm tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức vào cuộc sống. Cụ thể trong bài này, hoạt động tìm tòi, mở rộng giúp HS có hiểu biết về mối liên quan giữa vận động với dinh dưỡng. GV nên khuyến khích HS tìm hiểu và thực

hiện nhiệm vụ trong hoạt động mở rộng của bài này như hướng dẫn. Điều này không tốn nhiều thời gian, nhưng sẽ tạo được cho HS nếp sống vận động, lành mạnh trong sinh hoạt, tốt cho sức khoẻ, tạo cơ hội cho HS tham gia những công việc giúp đỡ gia đình và thể dục thể thao. Nên có sự phối hợp với gia đình để động viên và giám sát HS trong quá trình thực hiện. Tạo cơ hội cho HS báo cáo kết quả, có ý kiến của gia đình.

3. Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá

- Tăng cường nhận xét, đánh giá HS trong suốt quá trình học tập để kịp thời động viên, uốn nắn, điều chỉnh trong quá trình diễn ra hoạt động học tập.
- Khi nhận xét, chú ý động viên bằng việc nêu những ưu điểm trước, nhắc nhở những khuyết điểm, nhược điểm một cách nghiêm túc nhưng không làm HS tổn thương, xấu hổ trước bạn bè. Khéo léo động viên để HS phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu mà cố gắng hơn lên.
- Kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét với đánh giá bằng cho điểm. Kết hợp giữa đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng. Tạo cơ hội cho HS đánh giá lẫn nhau.
- Vận dụng kĩ thuật Rubric trong đánh giá nhằm vừa chính xác hoá kết quả đánh giá vừa tạo điều kiện cho việc tự đánh giá của HS, thực hiện như sau:
- Lập đáp án và biểu điểm tất cả các câu hỏi, bài tập được nêu ra trong bài. Câu hỏi, bài tập của một hoặc một số nội dung của bài được lập thành phiếu đánh giá. Sau khi HS thực hiện xong một nội dung hoặc một hoạt động học tập (ví dụ: Hoạt động hình thành kiến thức, hoạt động vận dụng...), khi hoạt động cả lớp để đánh giá kết quả, GV có thể chiếu đáp án, câu trả lời lên màn hình hoặc phát đáp án cho các nhóm để đối chiếu. Yêu cầu cả nhóm chấm điểm cho từng thành viên, ghi kết quả của từng thành viên vào sổ nhật kí của nhóm. Cũng có thể cho các nhóm đánh giá lẫn nhau bằng cách đưa biên bản thảo luận của nhóm này cho nhóm bên cạnh (luân chuyển) để theo dõi, đánh giá chéo giữa các nhóm...
- Ngoài các câu hỏi, bài tập đã có trong sách HDH, tùy theo trình độ HS, đặc điểm, điều kiện của địa phương, GV có thể soạn thêm câu hỏi, bài tập và phiếu đánh giá để sử dụng trong dạy học.

PHẦN III. Bài 1. THU NHẬP CỦA GIA ĐÌNH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức, kĩ năng, thái độ

- Kể tên được các nguồn thu nhập của gia đình;
- Xác định được các nguồn thu nhập của gia đình; đề xuất được các biện pháp tăng thu nhập cho gia đình; tham gia các công việc, hoạt động vừa sức để tăng thu nhập cho gia đình; vận dụng các biện pháp tăng thu nhập gia đình của mình.

2. Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho HS

Thông qua bài học này, có thể hình thành và phát triển cho HS những năng lực sau:

- Năng lực tự học;
- Năng lực hợp tác;
- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề;
- Năng lực giao tiếp.

II. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH

1. Định hướng tổ chức, đánh giá hoạt động học tập của HS gồm các nội dung sau:

Hoạt động học của HS: Nội dung này mô tả những việc HS cần thực hiện, cách thức thực hiện trong nhóm; ý nghĩa của các hoạt động và mong muốn đạt được cho mỗi hoạt động.

Hoạt động của GV khi HS học với tài liệu: Nội dung này đề cập những lưu ý, những điểm GV cần quan tâm, giám sát, điều chỉnh, gợi ý, khích lệ... trong quá trình HS tự học với tài liệu, đảm bảo HS học được và phù hợp về thời gian.

Đánh giá HS khi kết thúc hoạt động: Nội dung này mô tả về cách thức GV đánh giá kết quả làm việc của các nhóm HS, đảm bảo các em đã hiểu trước khi chuyển sang hoạt động khác.

2. Thời lượng: thực hiện trong 3 tiết, có thể chia ra:

* Tiết 1, 2 gồm các hoạt động:

- Hoạt động khởi động;
- Hoạt động hình thành kiến thức.

* Tiết 3 gồm các hoạt động:

- Hoạt động luyện tập;
- Hoạt động vận dụng;
- Hoạt động tìm tòi mở rộng.

1. Hoạt động khởi động

a) Mục đích

Qua hoạt động này, GV nắm bắt mức độ trải nghiệm thực tiễn, kiến thức liên quan của HS về nội dung bài học “Thu nhập của gia đình” để có định hướng về nội dung, phương pháp dạy bài học này.

b) Hoạt động của giáo viên và học sinh

- GV hướng dẫn HĐTQ hoặc Trưởng ban học tập hoặc nhóm trưởng được phân công điều hành (gọi tắt là HĐTQ) chia các nhóm học tập từ 4 đến 5 HS/nhóm (tùy theo số lượng HS trong lớp).
- HS đọc mục tiêu của bài 1, phần III, Sách HDH Công nghệ 6 (viết tắt là TL), suy nghĩ trả lời câu hỏi mục a);
- Đọc kĩ luật chơi trong cho chơi “Ai nhanh hơn”;
- Sau 3 phút HS xếp hàng theo 4 hoặc 5 hàng. Thực hiện trò chơi theo đúng luật chơi.
- GV hướng dẫn HĐTQ thực hiện hoạt động khởi động, yêu cầu HS đọc mục A (TL) và làm theo hướng dẫn: trả lời và ghi ra giấy các câu hỏi trong mục a) về các khoản thu nhập của gia đình bằng tiền và hiện vật.
- Điều hành đại diện của các nhóm nhận xét kết quả của các nhóm khác.
- GV (hoặc HĐTQ) nhận xét kết quả kết quả thảo luận của các nhóm và tuyên dương nhóm có kết quả tốt nhất; GV định hướng nội dung học khi chuyển sang hoạt động hình thành kiến thức nhằm giúp HS xác định được mục tiêu cần đạt, nội dung cần thiết trong bài học mới.

2. Hoạt động hình thành kiến thức

2.1. Ý tưởng sư phạm

- Qua hoạt động tìm hiểu về thu nhập của gia đình, tự HS hiểu được khái niệm về thu nhập của gia đình, thu nhập bằng tiền và bằng hiện vật của gia đình ở thành phố, nông thôn với nhiều sản phẩm khác nhau.
- Thông qua hoạt động tìm hiểu thu nhập của các loại hộ gia đình HS hiểu các khoản thu nhập của các loại hộ gia đình đặc trưng ở nước ta như: hộ gia đình ở thành phố, nông thôn, miền núi thông qua việc trả lời các câu hỏi và làm bài tập.
- Thông qua việc đọc thông tin trong bài học 1, mục 3 HS có hiểu biết về các biện pháp tăng thu nhập của gia đình như: làm thêm nghề phụ, các việc trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần tăng thu nhập gia đình.

2.2. Hoạt động của giáo viên và học sinh

2.2.1. Hoạt động tìm hiểu về thu nhập của gia đình

GV định hướng, trao đổi với HĐTQ điều hành hoạt động hình thành kiến thức qua việc đọc kĩ thông tin để xác định được, kể được các khoản thu nhập bằng tiền và thu nhập bằng hiện vật trong gia đình. Qua hoạt động này giúp các em phát triển năng lực đọc hiểu, năng lực diễn đạt thông qua đọc thông tin và trình bày kết quả thảo luận ở trước lớp.

HS đọc thông tin. Qua câu chuyện em **biết** được khái niệm về thu nhập của gia đình, các khoản thu nhập của gia đình gồm các loại tiền: lương, làm thêm giờ, bán sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt...

a) Thu nhập bằng tiền

- + Thảo luận cặp đôi, xác định tên các thu nhập bằng tiền trong gia đình.
- + Trao đổi nhóm để thống nhất trả lời, điền vào các ô trống các thu nhập bằng tiền.

b) Thu nhập bằng hiện vật

- + Qua đọc thông tin, mỗi HS xác định được thu nhập bằng hiện vật và tự điền vào các ô trống trong hình.
- + Trao đổi nhóm để thống nhất trả lời điền các khoản thu nhập bằng hiện vật vào ô trống và trả lời câu hỏi.

Thông qua trao đổi nhóm hình thành năng lực đọc hiểu, giải quyết vấn đề và đặc biệt là hình thành năng lực hợp tác của các thành viên trong nhóm học tập.

+ Thảo luận cả lớp, HĐTQ mời đại diện của từng nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm.

+ GV quan sát hoạt động nhóm của các nhóm HS, lắng nghe ý kiến tranh luận, phát hiện những vướng mắc, khó khăn của HS trong khi thảo luận về các nội dung như xác định các sản phẩm theo các vùng, miền và phân biệt thu nhập bằng tiền, hiện vật. Những vấn đề HS không tự giải quyết được, GV trực tiếp đến nói để hướng dẫn, giải đáp hoặc trước khi nhận xét, đánh giá hoạt động này cần có những giải đáp những kiến thức HS hiểu chưa đúng (nếu cần thiết).

+ GV định hướng cho HĐTQ yêu cầu HS phân biệt được các thu nhập đặc trưng của các loại gia đình ở các vùng miền khác nhau và làm những công việc khác nhau. Ví dụ:

- ✓ Hạt điều, hạt cà phê - sản phẩm của khu vực Tây Nguyên;
- ✓ Tranh thêu là sản phẩm của những nơi có làng nghề, nghề thêu như Đà Lạt;
- ✓ Các loại hoa quả của các vùng miền trên cả nước: quả xoài miền Nam, quả vải thiều ở Hải Dương, Bắc Giang, quả nhãn ở Hưng Yên...

Hoạt động này rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề thông qua việc suy luận, liên hệ với thực tiễn nơi ở.

+ GV nghe các nhóm báo cáo, căn cứ vào kết quả của các nhóm để đánh giá kết quả học tập của HS; ghi chép nhận xét đối với những HS tích cực, học tốt, tích cực tham gia hoạt động; ghi chép, nhận xét các nhóm để làm căn cứ đánh giá hoạt động của các nhóm. Qua đó thu thập thông tin về năng lực của HS, phát hiện những lỗ hổng kiến thức trong quá trình học tập.

2.2.2. Hoạt động tìm hiểu về thu nhập của các loại hộ gia đình

- GV định hướng cho HĐTQ điều hành hướng dẫn các bạn đọc thông tin cần tìm hiểu về hộ gia đình và xác định được các loại hộ gia đình ở nước ta.
- HS tự đọc thông tin để có hiểu biết khái niệm về các loại hộ đình ở nước ta và thu nhập của các loại hộ gia đình ở nước ta.
- Thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi và làm bài tập điền vào chỗ trống và sắp xếp các câu về thu nhập đúng với các hộ gia đình. Khi thảo luận, HS sẽ hiểu được với các nghề nghiệp khác nhau sẽ có những cách thu nhập trực tiếp khác nhau (bằng tiền hoặc sản phẩm lao động sản xuất).

- Hướng dẫn cho HĐTQ yêu cầu các nhóm phát hiện các thu nhập khác để hoàn thiện hiểu biết nội dung bài học. HS tự liên hệ với thực tế ở gia đình và nơi ở để phát hiện các khoản thu nhập khác của các hộ gia đình.
- Phân công thành viên đại diện nhóm tham gia báo cáo khi thảo luận cả lớp. Ghi kết quả thảo luận vào vở.

Qua hoạt động này giúp HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề qua liên hệ với thực tế cuộc sống, qua tổng hợp các ý kiến trao đổi của các bạn trong nhóm học tập.

Đối với GV:

- Quan sát hoạt động của các nhóm, đánh giá mức độ nhận thức, tiếp thu bài học của HS qua việc phân biệt được các loại hộ gia đình ở nước ta.
- Quan sát, ghi chép khi HS của các nhóm thảo luận và phân biệt được các khoản thu bằng tiền và bằng hiện vật của gia đình, qua đó biết được các loại hộ gia đình nào có các khoản thu nhập bằng tiền hoặc bằng hiện vật.
- Đánh giá mức độ hiểu bài của HS qua việc hiểu và phân biệt được các khoản thu nhập của hộ gia đình, của các loại hộ gia đình đặc trưng ở Việt Nam.

2.2.3. Hoạt động tìm hiểu về các biện pháp tăng thu nhập của gia đình

a) Phát triển kinh tế gia đình bằng cách làm thêm nghề phụ

- GV cần định hướng cho HĐTQ hướng dẫn HS đọc thông tin để tìm hiểu khái niệm tăng thu nhập và việc phát triển kinh tế gia đình thông qua công việc chính của từng thành viên trong gia đình. Để tăng thu nhập đình cho gia đình phải lao động, sản xuất làm thêm các nghề phụ có ở địa phương hoặc làm thêm nghề phụ phù hợp với lứa tuổi được pháp luật quy định và bảo vệ.
- HS đọc thông tin để tìm hiểu khái niệm tăng thu nhập của gia đình; những công việc HS có thể tham gia để góp phần tăng thu nhập cho gia đình. Qua hoạt động này góp phần hình thành năng lực đọc hiểu, hợp tác của HS.

GV đánh giá HS qua việc quan sát hoạt động của các nhóm và các cá nhân khi tìm hiểu tài liệu.

- Thảo luận cặp đôi để làm bài tập tìm hiểu các nghề phụ đặc trưng ở địa phương và các tỉnh, thành phố.

Tùy theo từng môi trường sống khác nhau mà các thành viên tham gia những công việc khác nhau. HS có thể mở rộng hiểu biết của bản thân qua việc tìm hiểu các nghề phụ đặc

trưng của các địa phương thuộc các tỉnh thành phố trong cả nước qua mạng Internet. Qua hoạt động này ngoài việc hình thành kiến thức mới cho HS, còn hình thành năng lực năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

GV đánh giá nhận thức và ghi chép nhận xét về HS qua việc thảo luận phân biệt được các hoạt động lao động, sản xuất để tăng thu nhập cho gia đình.

- Thảo luận nhóm để làm bài tập điền khuyết.

GV quan sát và giúp đỡ cho các nhóm HS khi thảo luận, tìm hiểu về các nghề ở các địa phương, vùng miền khác nhau. Quan sát và gợi ý cho HS điền tất cả hoặc điền một số câu hỏi tùy theo đặc điểm của các vùng miền.

Hoạt động này giúp các em có liên hệ và mở rộng hiểu biết nội dung học tập, giúp HS hình thành năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề đặt ra trong học tập.

Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận (các nhóm khác theo dõi ghi chép để trao đổi).

GV đánh giá HS qua việc biết được các nghề phụ và làm nghề phụ là biện pháp tăng thu nhập gia đình; với HS khá, giỏi có hiểu biết rộng hơn (nhiều địa phương và vùng miền trên cả nước) có hiểu biết sâu về các biện pháp tăng thu nhập của gia đình.

b) Những việc học sinh có thể làm để góp phần tăng thu nhập cho gia đình

GV định hướng cho HĐTQ hướng dẫn các bạn trong lớp quan sát các hình trong TL hoặc hình chiếu trên phong máy chiếu, tìm hiểu nội dung tranh nhằm mục đích gì, là hành động nên hay không nên làm.

HS đọc gợi ý, quan sát tìm hiểu các hình vẽ để xác định được các việc trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần tăng thu nhập cho gia đình.

Thảo luận nhóm, quan sát kĩ hình 19, làm bài tập. Xác định các việc nên và không nên làm để góp phần tăng thu nhập gia đình.

Thống nhất báo cáo kết quả thảo luận trong nhóm. Phân công người đại diện nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp.

GV quan sát hướng dẫn HS trong lúc thảo luận phân biệt được các việc làm trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần tăng thu nhập của gia đình; phát hiện những HS, nhóm học gặp khó khăn cần giúp đỡ.

Đánh giá kết quả nhận thức của HS qua việc quan sát, nghe báo cáo để xác định mức độ hiểu bài của HS, cụ thể:

- Làm đúng các bài tập, trả lời đúng các câu hỏi thảo luận; báo cáo rõ ràng, chính xác;
- Kết quả thảo luận nhóm qua báo cáo và tranh luận giữa các nhóm khi báo cáo gồm: Đọc hình vẽ xác định đúng nội dung các việc nên và không nên làm để góp phần tăng thu nhập cho gia đình.

3. Hoạt động luyện tập

3.1. Ý tưởng sơ phạm

Qua hoạt động này HS vận dụng kiến thức được học liên hệ với thực tế cuộc sống ở gia đình kể ra được những nguồn thu nhập của gia đình mình, đồng thời liên hệ với các việc làm hằng ngày của gia đình để lựa chọn những công việc phù hợp với lứa tuổi nhằm góp phần vào tăng thu nhập của gia đình.

3.2. Hoạt động của giáo viên và học sinh

GV cần định hướng cho HĐTQ hướng dẫn các bạn trong lớp, các nhóm căn cứ điều kiện sống của từng loại hộ gia đình có những gợi ý để các em vận dụng kiến thức được học vào thực tế gia đình mình để tìm hiểu công việc làm phù hợp có thu nhập.

HĐTQ yêu cầu các bạn, các nhóm liên hệ, áp dụng vào gia đình để biết các công việc có thu nhập cho gia đình và lựa chọn những việc phù hợp với bản thân góp phần tăng thu nhập của gia đình.

HS tự liên hệ ở gia đình em và tìm hiểu ở gia đình khác có những việc làm nào để có nguồn thu nhập; điền vào bảng tên các việc làm có thu nhập; nhận xét về cuộc sống của gia đình mình để xác định được mối quan hệ giữa thu nhập với cuộc sống; tự liên hệ những công việc hằng ngày ở gia đình để lựa chọn những việc làm phù hợp góp phần tăng thu nhập cho gia đình.

Các nhóm thảo luận để thống nhất ý kiến, nhận xét về việc làm có thu nhập ở gia đình. Báo cáo trước lớp kết quả thảo luận.

Đối với GV:

- Quan sát, gợi ý cho HS khi có những khó khăn, vướng mắc về kiến thức.
- Đánh giá kết quả học tập, nhận xét về nhận thức của HS ghi chép kết quả hoạt động thông qua việc quan sát, xác nhận ý thức học tập, tham gia thảo luận nhóm và nội dung báo cáo kết quả thảo luận trước lớp, qua việc trả lời đúng các câu hỏi, làm đúng các bài tập theo hướng dẫn trong tài liệu và kết quả liên hệ đúng, sát với thực tế ở gia đình và địa phương.

Sau hoạt động này, GV cho HS, hoặc nhóm HS về nhà đọc trước và thực hiện các yêu cầu của Hoạt động vận dụng và Hoạt động tìm tòi, mở rộng để báo cáo vào tiết học sau.

GV định hướng cho HĐTQ điều hành báo cáo kết quả của Hoạt động vận dụng và Hoạt động tìm tòi, mở rộng của các bạn hoặc các nhóm.

4. Hoạt động vận dụng

4.1. Ý tưởng sơ phạm

Qua hoạt động này để HS xác định được các nguồn thu nhập thực tế và mức độ thu nhập cụ thể của các thành viên trong gia đình để biết được mức sống của gia đình.

4.2. Hoạt động của giáo viên và học sinh

GV hoặc GV định hướng cho HĐTQ hướng dẫn các bạn về cách hỏi, ghi chép thông tin khi tìm hiểu về thu nhập của gia đình và cách tính bình quân thu nhập của gia đình. Có thể tổ chức thành nhóm 2 HS để thực hiện việc tìm hiểu về nội dung này, sẽ thuận lợi, hỗ trợ nhau học tập. Mục đích hoạt động này nhằm giúp HS rèn luyện năng lực tự học, nghiên cứu khoa học, vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

HĐTQ hướng dẫn các bạn liên hệ với thực tế về thu nhập để xác định mức sống của gia đình. Yêu cầu HS nộp bảng kết quả tìm hiểu về thu nhập ở gia đình.

HS về gia đình hỏi bố hoặc mẹ hoặc anh, chị (nếu có) về nguồn thu nhập (bằng tiền, bằng hiện vật quy ra tiền) và mức độ thu nhập của từng thành viên. Lập bảng và điền số liệu vào bảng theo mẫu.

Ghi chép kết quả thực hiện việc công các thu nhập và chia ra cho số người trong gia đình để xác định được thu nhập bình quân trong gia đình.

* GV đánh giá kết quả học tập của HS.

- Đánh giá HS thông qua kết quả ghi chép và tính toán thu nhập bình quân của gia đình.
- Liên hệ được để xác định mức sống cao, thấp hay trung bình.
- Quan tâm hướng dẫn, động viên tạo điều kiện giúp đỡ các HS học tập yếu, kém.
- Đánh giá kết quả qua sản phẩm (báo cáo) tìm hiểu ở gia đình về thu nhập, mức độ thu nhập của các thành viên trong gia đình.

5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng

5.1. Ý tưởng sơ phạm

Qua hoạt động này để HS xác định được những công việc góp phần tăng thu nhập của gia đình phù hợp với lứa tuổi và quy định của pháp luật.

5.2. Hoạt động của giáo viên và học sinh

a) Giáo viên

Định hướng cho HĐTQ hướng dẫn các bạn về cách thức tìm hiểu, thảo luận để phát hiện những việc làm phù hợp và không phù hợp với lứa tuổi và quy định của pháp luật (không vi phạm Luật Lao động và Công ước Quốc tế về quyền trẻ em...), cụ thể:

- Giúp các em có hiểu biết hơn về pháp luật liên quan đến quyền trẻ em thông qua việc tìm hiểu qua thực tế cuộc sống nơi các em ở hoặc thông qua việc tra cứu các luật, công ước quốc tế và những văn bản quy định về quyền trẻ em trên mạng Internet.
- Lấy ví dụ trong thực tế để giúp HS dễ tìm hiểu, liên hệ, phát hiện các công việc có thu nhập đúng và các công việc có thu nhập nhưng không đúng quy định của pháp luật.

b) Học sinh

- HS hoạt động cá nhân hoặc theo nhóm tìm hiểu về việc lựa chọn các công việc trong gia đình hoặc các việc làm ở các gia đình xung quanh và ở ngoài xã hội để góp phần tăng thu nhập trong gia đình nhưng phải phù hợp với lứa tuổi và quy định của pháp luật.
- Tìm hiểu, liên hệ trong đời sống ở nơi em sống để phát hiện những việc làm góp phần tăng thu nhập cho gia đình nhưng không phù hợp với quy định của pháp luật.
- Các nhóm ghi chép, lập báo cáo kết quả tìm hiểu, trao đổi thống nhất về kết quả tìm hiểu các công việc có thu nhập đúng và các công việc không đúng quy định của pháp luật để nộp cho thầy/cô giáo.

* Đánh giá, nhận xét kết quả của hoạt động tìm tòi, mở rộng kiến thức qua báo cáo kết quả tìm hiểu của cá nhân hoặc nhóm HS, mức độ hiểu được các việc làm đúng quy định, những việc không được làm.

MÔ ĐUN III. Bài 1. KHÁI NIỆM, VAI TRÒ CỦA KINH DOANH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức, kĩ năng, thái độ

- Trình bày được khái niệm, vai trò, các lĩnh vực kinh doanh và những yếu tố cần thiết để kinh doanh thành công.
- Nhận biết được các lĩnh vực kinh doanh hộ gia đình.
- Có hứng thú tìm hiểu hoạt động kinh doanh.

2. Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

Thông qua bài học này, có thể hình thành và phát triển cho HS những năng lực sau:

- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề;
- Năng lực tự học;
- Năng lực hợp tác;
- Năng lực giao tiếp;
- Năng lực tự đánh giá và đánh giá.

II. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH

1. Hướng dẫn chung

a. Nội dung chính của bài học

Bài học này được thực hiện trong 4 tiết với các nội dung chính:

- Khái niệm, vai trò của hoạt động kinh doanh: Giới thiệu khái niệm đơn giản về kinh doanh, các lĩnh vực kinh doanh và vai trò của kinh doanh đối với đời sống con người, xã hội, phát triển khoa học kĩ thuật...
- Các yếu tố cần thiết để kinh doanh thành công: giới thiệu ba yếu tố cơ bản giúp cho hoạt động kinh doanh thành công,

b. Công việc cần chuẩn bị của giáo viên

Để đạt được mục tiêu của bài học, GV cần chuẩn bị:

- Nghiên cứu kĩ bài học này để xác định những kiến thức trọng tâm của bài học, trên cơ sở đó dự kiến các phương pháp và các hoạt động sẽ tổ chức dạy học.

- GV cần tìm hiểu thêm về các lĩnh vực kinh doanh mà phổ biến ở địa phương hiện nay và một số doanh nhân thành đạt nhất là ở địa phương.
- Máy chiếu + màn hình hiển thị + máy vi tính (nếu có).
- Sổ nhật kí để ghi chép những quan sát, nhận xét, đánh giá HS trong quá trình thực hiện bài học.

c. Tiến trình sư phạm

Tiến trình bài học như sau:

GV yêu cầu HS đọc mục tiêu bài học và xác định những nội dung, hoạt động cần thực hiện để đạt được mục tiêu bài học.

Hoạt động khởi động

Hoạt động khởi động giúp khai thác những hiểu biết của HS về kinh doanh, những hình thức và lĩnh vực kinh doanh. Hoạt động này được thực hiện thông qua việc đọc thông tin để trả lời ba câu hỏi liên quan đến khái niệm kinh doanh, lợi ích của việc kinh doanh và yếu tố để thực hiện kinh doanh. Từ kết quả trả lời câu hỏi, HS xác định được những kiến thức đã biết và những kiến thức chưa biết về kinh doanh để có mong muốn tìm hiểu kiến thức mới về kinh doanh.

Hoạt động hình thành kiến thức

HS tìm hiểu những kiến thức về kinh doanh thông qua hai nội dung chính của bài đó là *khái niệm, vai trò hoạt động kinh doanh và các yếu tố cần thiết để kinh doanh thành công*. Kết quả của hoạt động này là HS hiểu được khái niệm kinh doanh, phân biệt được các lĩnh vực kinh doanh căn cứ vào hình thức kinh doanh và biết được các yếu tố cơ bản để kinh doanh thành công.

Phương pháp chủ yếu được sử dụng trong hoạt động hình thành kiến thức là hợp tác và thảo luận nhóm. Trong quá trình dạy học GV lưu ý hướng dẫn các em đọc kĩ thông tin trong bài, quan sát kĩ các tranh ảnh trong bài để khai thác tốt các thông tin và liên hệ thực tế đời sống hằng ngày để hiểu được hoạt động kinh doanh, phân biệt được các lĩnh vực kinh doanh, thấy rõ được vai trò của kinh doanh và những yếu tố cần thiết để kinh doanh thành công.

Hoạt động luyện tập

Sau khi đã được học các kiến thức về kinh doanh, HS vận dụng các kiến thức này làm bài tập tình huống để củng cố thêm khái niệm về kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh, vai trò của kinh

doanh và hiểu rõ các yếu tố để kinh doanh thành công đã được hình thành trong hoạt động hình thành kiến thức.

Phương pháp thực hành, luyện tập qua bài tập tình huống.

Hoạt động vận dụng

Hoạt động này đòi hỏi HS tự giác và có sự tham gia tích cực của cha mẹ và cộng đồng để hỗ trợ cho các em. Thông qua hoạt động này giúp các em vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học được vào cuộc sống hằng ngày như phân biệt được các lĩnh vực kinh doanh, biết được lợi ích của kinh doanh đối với xã hội, cộng đồng từ đó thấy rõ được tầm quan trọng của kinh doanh.

Tùy theo điều kiện HS có thể làm bài tập vận dụng cá nhân hoặc theo nhóm. GV nên khuyến khích các em làm bài tập này theo nhóm để tăng cường kỹ năng giao tiếp, hợp tác của HS.

Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Hoạt động này tạo cơ hội cho các em muốn tìm hiểu, mở rộng thêm kiến thức về kinh doanh. Tùy điều kiện, GV gợi ý các em các hoạt động phù hợp với nhu cầu và thực tiễn.

2. Hướng dẫn cụ thể cho từng hoạt động

a) Hoạt động khởi động

Mục tiêu: HS xác định được những kiến thức đã biết, chưa biết và cần phải học để biết về kinh doanh, vai trò hoạt động kinh doanh, các lĩnh vực kinh doanh và yếu tố để kinh doanh thành công.

Cách tiến hành

Trong hoạt động này, HS khởi đầu bài học bằng việc đọc ba tình huống ở phần thông tin và trả lời ba câu hỏi:

- 1) Theo em, những hoạt động trên có phải là kinh doanh không? Vì sao? (HS phải suy nghĩ điểm gì giống nhau trong cả ba tình huống để từ đó cho thấy cả ba hoạt động trên là kinh doanh).
- 2) Những hoạt động trên mang lại lợi ích gì cho các gia đình? (Câu trả lời của HS nêu được các hoạt động trong ba tình huống đều mang lại lợi ích cho gia đình về thu nhập về việc làm).

3) Theo em, có phải gia đình nào cũng có thể tổ chức thực hiện được các hoạt động như vậy không? Vì sao? (Câu trả lời của HS nên được tùy điều kiện mỗi gia đình có thể kinh doanh).

Có thể HS không trả lời đúng như yêu cầu, đó là phần GV cần khai thác để dẫn dắt HS vào hoạt động hình thành kiến thức.

Trong hoạt động này GV có thể sử dụng kỹ thuật “Khăn trải bàn” cho nhóm. Mỗi HS sẽ ghi câu trả lời của mình vào vị trí của mình trong “Khăn trải bàn”. Khi mỗi HS trong nhóm đã hoàn thành, cả nhóm thống nhất ý kiến và cử người trình bày. Đại diện của một nhóm trình bày, các nhóm khác chú ý lắng nghe và bổ sung ý kiến.

Lưu ý: Trong quá trình HS hoạt động, GV liên tục di chuyển đến vị trí các nhóm để quan sát, nghe HS trình bày, thảo luận.

GV khái quát lại ý kiến của các nhóm và chuyển sang hoạt động tiếp theo Hoạt động hình thành kiến thức.

b) Hoạt động hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS nêu được khái niệm kinh doanh, các lĩnh vực kinh doanh, vai trò hoạt động kinh doanh và các yếu tố cần thiết để kinh doanh thành công

Cách tiến hành

Đối với nội dung 1: Khái niệm kinh doanh, vai trò hoạt động kinh doanh

Đây là nội dung trọng tâm của bài học nhằm giúp HS biết được: thế nào là kinh doanh, phân biệt được các lĩnh vực kinh doanh và biết được vai trò của kinh doanh.

HS thực hiện những nhiệm vụ sau:

- + Đọc kỹ nội dung thông tin trong phần a).
- + Quan sát các hình ảnh trong phần b và dựa vào nội dung đọc ở phần a để điền tên lĩnh vực kinh doanh vào chỗ trống.
- + Đọc kỹ thông tin ở cột hoạt động kinh doanh để đánh dấu (×) vào lĩnh vực kinh doanh phù hợp ở các cột bên cạnh.

Trong quá trình thực hiện hoạt động này, trước tiên GV yêu cầu từng cá nhân đọc và thực hiện nhiệm vụ trước, sau đó có thể sử dụng phương pháp thảo luận nhóm hay kỹ thuật “Khăn trải bàn” để từng HS trình bày kết quả làm việc của mình trước nhóm. Các thành viên

khác lắng nghe, bổ sung và nhóm cùng thống nhất ý kiến báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với thầy/cô giáo.

Đối với từng câu hỏi, bài tập: HS cần điền được lĩnh vực kinh doanh vào dấu chấm (phần b) và đánh dấu (×) vào cột phù hợp với lĩnh vực kinh doanh (phần c) và khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng (phần d).

Phần b điền được lĩnh vực kinh doanh vào chỗ trống dưới mỗi hình, cụ thể:

Hình A, hình F: Kinh doanh sản xuất

Hình B, hình E: Kinh doanh thương mại

Hình C, hình D: Kinh doanh dịch vụ

Phần c, đánh dấu (×) vào cột phù hợp với lĩnh vực kinh doanh, cụ thể:

Kinh doanh sản xuất: hoạt động 5, 10, 12

Kinh doanh thương mại: hoạt động 1, 3, 6, 11

Kinh doanh dịch vụ: hoạt động 2, 4, 7, 8, 9

Phần d: khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu trả lời đúng: A, B, C, D, E, F, G, I, J

Câu trả lời sai: H

Với những nhóm hoàn thành sớm và trả lời đúng các câu hỏi, GV có thể giao thêm nhiệm vụ: tìm hiểu thêm các hoạt động kinh doanh ở địa phương và phân loại các hoạt động đó theo lĩnh vực.

HS trong nhóm vừa báo cáo ghi kết quả hoạt động của nhóm vào vở.

Đối với nội dung 2. Các yếu tố cần thiết để kinh doanh thành công

HS đọc thông tin và quan sát kĩ hình vẽ.

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi vào giấy, sau đó từng HS trình bày kết quả làm việc của mình trước nhóm. Các thành viên khác lắng nghe, bổ sung và nhóm cùng thống nhất ý kiến báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với thầy/cô giáo.

Làm việc cả lớp để chốt kiến thức chủ yếu của bài học

Sau khi các nhóm đã hoàn thành các nhiệm vụ học tập của hoạt động hình thành kiến thức, căn cứ vào kết quả của các nhóm, GV lựa chọn đại diện của nhóm có kết quả thảo luận

đúng nhất để báo cáo và các nhóm khác bổ sung thêm. GV tóm tắt nội dung chính và yêu cầu HS ghi vào vở.

Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động hình thành kiến thức

Tự đánh giá: HS căn cứ vào kết quả hoạt động của mình và đối chiếu với kết quả chung của cả lớp để đánh giá kết quả làm việc của mình.

Đánh giá trong nhóm: Các nhóm tự đánh giá kết quả hoạt động của nhóm.

Đánh giá giữa các nhóm: Các nhóm đánh giá kết quả hoạt động của nhóm mình so với các nhóm khác trong lớp.

Ghi ý kiến đánh giá vào trong vở

c) Hoạt động luyện tập

Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức đã học để hoàn thành các bài tập tình huống.

Cách tiến hành

HS đọc kĩ bài tập tình huống.

HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi vào giấy, sau đó từng HS trình bày kết quả làm việc của mình trước nhóm. Các thành viên khác lắng nghe, bổ sung và nhóm cùng thống nhất ý kiến báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với thầy/cô giáo.

Qua quan sát các nhóm làm bài tập luyện tập, GV chỉ định một nhóm lên trình bày trước lớp kết quả trả lời các câu hỏi của bài tập tình huống và đề nghị các nhóm khác bổ sung. GV chốt lại câu trả lời đúng trong bài tập tình huống là A, B, D, E, F, H, I.

HS ghi kết quả luyện tập vào vở.

Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động luyện tập

HS đối chiếu kết quả làm bài tập luyện tập và kết quả thực hành của cá nhân, nhóm với kết quả chung của lớp để tự đánh giá, đánh giá trong nhóm và đánh giá giữa các nhóm.

Ghi nhận xét, tự đánh giá và đánh giá trong nhóm vào vở.

GV nhận xét, đánh giá chung tinh thần thái độ và kết quả học tập của HS. Động viên, khuyến khích, khen ngợi những cá nhân, nhóm có tinh thần thái độ học tập và kết quả thực hiện các hoạt động tốt.

d) Hoạt động vận dụng

Mục tiêu: HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về kinh doanh, các lĩnh vực kinh doanh, vai trò kinh doanh và các yếu tố cần thiết để kinh doanh.

Cách tiến hành

Sau khi kết thúc hoạt động luyện tập, GV yêu cầu HS đọc các câu hỏi trong phần hoạt động vận dụng và hiểu rõ nhiệm vụ mình phải làm trong hoạt động này nếu có HS nào chưa hiểu rõ, GV cần giải thích.

HS về nhà thực hiện nhiệm vụ và ghi chép kết quả thực hiện nhiệm vụ vào vở để chia sẻ với gia đình khi ở nhà và các bạn trong nhóm, trong lớp khi ở trường.

GV lưu ý HS trong quá trình thực hiện hoạt động vận dụng, HS có thể trao đổi thêm với các thành viên trong gia đình và cộng đồng để hoàn thiện nhiệm vụ và GV luôn sẵn sàng hỗ trợ cho các em khi các em hỏi, thắc mắc hoặc yêu cầu.

e) Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Mục tiêu: HS mở rộng kiến thức về kinh doanh.

Cách tiến hành

Hoạt động không bắt buộc tất cả HS phải thực hiện, em nào có nhu cầu, hứng thú tìm hiểu thêm kiến thức về kinh doanh qua sách, báo, tạp chí, Internet và có thể phỏng vấn các doanh nhân. Với hoạt động này, GV nên khuyến khích HS làm việc theo nhóm, chia sẻ kết quả làm việc của nhóm cho các bạn trong lớp và ghi nhận kết quả làm việc của nhóm.

E. VẬN DỤNG DẠY HỌC THEO DỰ ÁN TRONG DẠY HỌC CÔNG NGHỆ 6

MÔ ĐUN I. Bài 5. GÓC HỌC TẬP CỦA EM

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức, kĩ năng, thái độ

- Trình bày được cách sắp xếp, bố trí góc học tập đảm bảo tính khoa học và tính thẩm mỹ.
- Đề xuất được phương án sắp xếp, bố trí đồ đạc nơi học tập của bản thân ở nhà gọn gàng, ngăn nắp, khoa học và thẩm mỹ.

- Yêu quý góc học tập của mình và có ý thức giữ gìn góc học tập sạch đẹp.

2. Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

Ngoài một số năng lực chung như tự học, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ICT, bài học này còn nhằm hình thành và phát triển một số năng lực chuyên biệt cho HS như:

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ kĩ thuật: biết được một số thuật ngữ về dụng cụ học tập và đồ dùng của góc học tập.
- Năng lực hình thành ý tưởng và thiết kế công nghệ: bước đầu đề xuất ý tưởng bố trí, sắp xếp các đồ dùng của góc học tập, dụng cụ học tập và đồ vật trang trí góc học tập một cách hợp lí, thẩm mĩ; thực hiện ý tưởng thiết kế góc học tập “lí tưởng”.
- Năng lực lựa chọn và đánh giá công nghệ: bước đầu nhận xét, đánh giá về sự bố trí, sắp xếp các đồ dùng của góc học tập, dụng cụ học tập và đồ vật trang trí góc học tập một cách hợp lí, thẩm mĩ.

II. QUY TRÌNH DẠY HỌC DỰ ÁN

Theo phân phối chương trình, bài 5 được bố trí dạy trong 2 tiết lí thuyết. Với nội dung và tiến trình bài học trong sách HDH, khi vận dụng dạy học dự án, GV có thể chia ra hai giai đoạn. Giai đoạn một được tiến hành trong tiết thứ nhất: tổ chức dạy học bình thường theo cách dạy của mô hình THM, giai đoạn này thực hiện xong hai hoạt động đầu là hoạt động khởi động và hoạt động hình thành kiến thức. Giai đoạn hai được tiến hành trong tiết thứ hai: thực hiện vận dụng dạy học theo dự án. Khi đó, cấu trúc nội dung và tiến trình của ba hoạt động sau sẽ có sự điều chỉnh cho phù hợp. Quá trình dạy học Bài 5. Góc học tập của em theo dự án có thể được chia ra một số bước như sau:

1. Bước 1: Công việc chuẩn bị

a) Công việc của giáo viên

Do quá trình thực hiện dự án của HS được tiến hành trên lớp, trong khoảng thời gian hạn chế nên GV cần thông báo trước một số việc để HS chuẩn bị ở nhà. Để thông báo cho HS, tất nhiên GV cần chuẩn bị trước một số việc sau:

Thiết kế dự án: bao gồm các việc xác định lĩnh vực thực tiễn ứng dụng nội dung học, người thụ hưởng dự án là ai, ý tưởng và tên dự án là gì.

- Nội dung bài học được ứng dụng vào trong thực tiễn chủ yếu là: chọn vị trí đặt góc học tập đảm bảo hợp lí với điều kiện của gia đình; bố trí, sắp đặt các đồ dùng của góc học tập, dụng cụ học tập, đồ vật trang trí một cách hợp lí và thẩm mỹ.
- Người thụ hưởng dự án chính là HS.
- Ý tưởng dự án là thiết kế một góc học tập mang tính lí tưởng, nghĩa là có thể bao gồm “lí tưởng” từ việc chọn vị trí đặt góc học tập đến sự đầy đủ đồ dùng, dụng cụ và sự sắp xếp, bố trí chúng. Tuy nhiên, dự án cũng nên phù hợp với điều kiện của gia đình để đảm bảo tính khả thi.
- Tên dự án: Thiết kế góc học tập của em.

Xác định nhiệm vụ của HS: để thực hiện được dự án, HS phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tìm hiểu về góc học tập của bản thân; của anh, chị em trong gia đình (nếu bố trí góc học tập riêng); của bạn bè, anh chị em trong khu vực mình ở; trên sách báo, tranh ảnh. Viết báo cáo thống kê các đồ vật và dụng cụ trong góc học tập đó; nhận xét sơ bộ về vị trí, việc bố trí, sắp xếp các đồ vật, dụng cụ học tập trong góc học tập đó.
- Tìm hiểu vai trò, chức năng của góc học tập.
- Tìm hiểu về tên gọi, chức năng của đồ dùng của góc học tập, dụng cụ học tập và đồ vật trang trí góc học tập.
- Tìm hiểu về cách chọn vị trí đặt góc học tập; cách sắp xếp, bố trí đồ vật trong góc học tập đảm bảo tính hợp lí và thẩm mỹ. Sự hợp lí ở đây được hiểu là vừa đảm bảo sự gọn gàng, sạch sẽ, ngăn nắp, khoa học vừa đảm bảo phù hợp với đặc điểm cấu trúc nhà ở của gia đình và điều kiện kinh tế của gia đình.
- Thiết kế một góc học tập hợp lí, thẩm mỹ nhất có thể trong điều kiện của gia đình.

Xây dựng bộ câu hỏi định hướng: xuất phát từ nội dung học và mục tiêu cần đạt được. Bộ câu hỏi định hướng tập trung theo hướng của mục tiêu bài học, đồng thời nó cũng là cơ sở để xây dựng tiêu chí đánh giá dự án. Chẳng hạn:

- Góc học tập là gì?
- Vai trò của góc học tập đối với việc học tập của HS như thế nào?
- Các đồ vật được sử dụng trong góc học tập bao gồm những loại gì?
- Vai trò của các đồ dùng của góc học tập, dụng cụ học tập và đồ vật trang trí góc học tập như thế nào?

- Bố trí, sắp xếp góc học tập như thế nào là hợp lí và thẩm mỹ?

Chuẩn bị các tài liệu hỗ trợ: Tài liệu hỗ trợ cho GV và HS trong quá trình tổ chức thực hiện dự án trong thực tế. Tài liệu hỗ trợ có thể là:

- Các tranh, ảnh về góc học tập.
- Các tranh, ảnh, vật thật về dụng cụ học tập, đồ vật trang trí.
- Vật liệu xốp, giấy, gỗ,... để có thể làm mô hình góc học tập.
- Máy chiếu projector hoặc máy chiếu overhead.
- Giấy khổ lớn...

Giao nhiệm vụ cho HS: Cuối tiết của bài trước, GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị trước ở nhà một số công việc tìm hiểu về góc học tập và trả lời các câu hỏi định hướng nêu trên. Trong đó lưu ý HS với nhiệm vụ thiết kế sẽ thực hiện trên lớp trong tiết học của bài này, HS chỉ cần suy nghĩ trước, phác thảo trước ý tưởng về nó mà thôi.

b) Công việc của học sinh

- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm thực hiện theo kế hoạch về thu thập, xử lí thông tin thu được.
- Thực hiện các nhiệm vụ tìm hiểu về góc học tập và trả lời các câu hỏi định hướng như đã nêu trên. Riêng nhiệm vụ thiết kế góc học tập chưa cần thực hiện trước.
- Viết báo cáo khái quát về những công việc đã chuẩn bị.
- Chuẩn bị một số tư liệu, tài liệu để thực hiện dự án trên lớp.

2. Bước 2: Tổ chức học sinh thực hiện dự án

Như đã nêu trên, bài 5 được thực hiện trong 2 tiết, ở tiết đầu, GV tổ chức dạy học bình thường, thực hiện xong hai hoạt động khởi động và hình thành kiến thức. Nhờ sự chuẩn bị trước của HS, quá trình và kết quả thực hiện hai hoạt động này sẽ thuận lợi hơn và chất lượng hơn. Kết thúc hai hoạt động, HS sẽ biết được các thuật ngữ về góc học tập, đồ dùng của góc học tập (bàn, ghế, đèn, quạt,...), dụng cụ học tập (thước, bút, tẩy,...) và đồ vật trang trí (tranh ảnh, lọ hoa,...); trình bày được cách sắp xếp, bố trí góc học tập đảm bảo hợp lí và thẩm mỹ.

Vào tiết 2, GV tổ chức HS thực hiện dự án.

a) Công việc của giáo viên

* *Giao nhiệm vụ:* mỗi nhóm thực hiện một dự án thiết kế góc học tập ở gia đình. Tên dự án: Thiết kế góc học tập của em. Thời gian thực hiện dự án: 30 phút. Thời gian báo cáo sản phẩm của các nhóm và nhận xét, đánh giá: 15 phút (GV có thể thay đổi thời gian cho phù hợp).

* *Thông báo các tiêu chí đánh giá:* Các tiêu chí đánh giá bản thiết kế góc học tập có thể là:

- Vị trí đặt góc học tập. Cần thể hiện vị trí góc học tập trong bản vẽ phác mặt bằng của ngôi nhà để thể hiện được vị trí hợp lí.
- Số lượng đồ dùng của góc học tập tối thiểu cần phải có. Số đồ dùng phải phù hợp với đặc điểm, điều kiện của gia đình.
- Số lượng dụng cụ học tập tối thiểu.
- Các đồ vật trang trí góc học tập: có thể mua hoặc tự làm...

Thực chất, các tiêu chí đánh giá này đóng vai trò là bản định hướng cho quá trình làm ra sản phẩm dự án.

* *Tổ chức HS thực hiện dự án.* GV theo dõi, tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ HS trong quá trình thực hiện dự án. Việc trao đổi có thể diễn ra trong một nhóm hoặc chung cả lớp nếu như những khó khăn, vướng mắc không chỉ nảy ra ở một nhóm.

* *Tổ chức nghiệm thu dự án*

- GV cho các nhóm trưng bày sản phẩm (nếu như sản phẩm dự án là mô hình, bản vẽ trên giấy) rồi lần lượt thuyết minh hoặc lần lượt trình bày (nếu như sản phẩm dự án được trình bày trên máy tính và được trình chiếu trên màn chiếu).

Sản phẩm của dự án là những gì HS sáng tạo ra hoặc xây dựng nên, nó thể hiện kết quả học tập, thực hành của các em.

Sản phẩm thể hiện năng lực của HS làm ra nó. Sản phẩm trong dự án này là bản thiết kế một góc học tập thoả mãn yêu cầu hợp lí và thẩm mỹ đối với điều kiện gia đình của HS. Bản thiết kế phải có tính khả thi và được đa số các bạn trong lớp yêu thích.

- Với mỗi sản phẩm, GV hướng dẫn HS các nhóm khác nhận xét, đánh giá, tranh luận với nhóm tác giả để đánh giá xếp loại sản phẩm giữa các nhóm với nhau. Cơ sở để nhận xét, đánh giá là các tiêu chí đã nêu ở trên. Ngoài ra, tùy tình hình cụ thể mà lớp có thể xây dựng thêm một số tiêu chí khác để xây dựng và đánh giá dự án.

- Điều quan trọng khi đánh giá dự án là trân trọng các ý tưởng sáng tạo; hoan nghênh các dự án khả thi; khắc sâu kiến thức của bài học về bố trí, sắp đặt góc học tập hợp lý và thẩm mỹ.

b) Công việc của học sinh

* *Làm việc nhóm để xây dựng dự án.* Tổ chức thảo luận, xem xét các tài liệu đã chuẩn bị, giải quyết từng vấn đề theo tiêu chí đã được GV xác định.

* *Hoàn thiện dự án.* Tùy theo điều kiện cụ thể, sản phẩm của dự án là mô hình, bản vẽ hay văn bản trình chiếu mà HS hoàn thiện sản phẩm của mình. Rà soát kĩ sản phẩm theo các tiêu chí đánh giá đã nêu. Cử đại diện nhóm thuyết minh sản phẩm.

* *Báo cáo kết quả.* Một thành viên trong nhóm báo cáo, thuyết minh cho sản phẩm của nhóm. Khi trao đổi nhận xét, đánh giá, thảo luận trong lớp thì các thành viên khác có thể tham gia phát biểu.

3. Bước 3: Kết thúc dự án

Sau khi kết thúc nội dung báo cáo, nhận xét, đánh giá dự án của các nhóm, GV nêu nhận xét chung, có thể cho điểm vào đánh giá quá trình, giao nhiệm vụ về nhà cho HS. Nhiệm vụ về nhà tương tự như đã nêu trong hoạt động vận dụng và tìm tòi, mở rộng ở sách HDH.

III. MỘT VÀI LƯU Ý KHI THỰC HIỆN DẠY HỌC DỰ ÁN

Khi tổ chức dạy học bài 5 “Góc học tập của em” theo dự án, GV cần lưu ý một số điểm sau:

1. Cũng như bất cứ một công việc nào, vận dụng PPDH nào, khâu chuẩn bị rất quan trọng, đôi khi quyết định đến thành bại của công việc. Do vậy, khâu chuẩn bị cần được thực hiện chu đáo, nghiêm túc.
2. HS là người trực tiếp giải quyết vấn đề thông qua hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm, dưới sự tư vấn, định hướng, hỗ trợ của GV. Góc học tập không phải là khái niệm xa lạ với các em nhưng HS ở mỗi vùng miền có thể có quan niệm khác nhau.

HS tập vận dụng hiểu biết, kiến thức của mình vào giải quyết một vấn đề của cuộc sống thực bằng các kĩ năng của người lớn thông qua làm việc theo nhóm. Với HS lớp 6, thường góc học tập do bố mẹ, anh, chị xây dựng cho, nhưng các em cũng hoàn toàn đủ lớn để tự mình xác định được việc bố trí góc học tập sao cho hợp lý, thẩm mỹ, thuận tiện.

Khi thực hiện dự án, HS sẽ là người lựa chọn các nguồn dữ liệu, thu thập dữ liệu từ những nguồn khác nhau rồi thảo luận, cùng nhóm tổng hợp, phân tích để tìm hướng giải quyết và cuối

cùng sau khi giải quyết được vấn đề thì cũng tích lũy được kiến thức của bài học từ quá trình làm việc của chính các em.

HS hoàn thành việc học với các sản phẩm cụ thể (dự án) và có thể trình bày, bảo vệ sản phẩm đó.

HS cũng là người trình bày kiến thức mới mà họ đã tích lũy thông qua dự án.

Cuối cùng, bản thân HS là người đánh giá và được đánh giá dựa trên những gì đã thu thập được dựa theo những tiêu chí đã xây dựng từ trước.

3. Dạy học theo dự án là một kiểu dạy học “lấy HS làm trung tâm”, người GV chủ yếu đóng vai trò tổ chức, tư vấn, giám sát, hỗ trợ, đánh giá và hướng dẫn đánh giá kết quả học tập của HS. Điều quan trọng nhất của người GV là nghiên cứu bài học, điều kiện thực hiện để thiết kế dự án học tập cho HS. Dự án do GV thiết kế phải đảm bảo tính vừa sức, khả thi, hấp dẫn và thông qua thực hiện dự án thì HS đã học được nhiều kiến thức, kỹ năng rồi. Với bài “Góc học tập của em”, dự án thiết kế góc học tập là một dự án hoàn toàn vừa sức với HS, phù hợp với nội dung của bài, hoàn toàn khả thi với mọi vùng miền, điều kiện khác nhau của HS. GV cần căn cứ vào tình hình, đặc điểm của địa phương để đưa ra những tiêu chí đánh giá phù hợp. Bởi như trên đã nói, chính tiêu chí đóng vai trò định hướng cho HS trong quá trình thực hiện dự án.

Như vậy, có thể nói khi dạy học bài 5 theo dự án, GV không còn giữ vai trò truyền thống là thuyết trình, giảng giải,... trong quá trình dạy học mà trở thành người hướng dẫn, người giúp đỡ HS, tạo môi trường thuận lợi nhất cho HS thực hiện dự án. Và cũng có thể nói, dạy học theo dự án tích cực hơn dạy học theo mô hình THM.

4. Theo tinh thần kết hợp đánh giá tổng kết với đánh giá quá trình, khi đánh giá dự án (sản phẩm) của HS, GV không nên chỉ đơn thuần đánh giá sản phẩm của dự án. Đôi khi, kết quả quan trọng hơn đó là đánh giá quá trình hoạt động thực hiện dự án, quá trình HS trong nhóm tranh luận để xuất các ý tưởng về vị trí góc học tập, về bố trí, sắp đặt các đồ dùng, dụng cụ học tập... Đồng thời, thông qua đó GV còn đánh giá mức độ hiểu, khả năng nhận thức và kỹ năng của HS, sự tiến bộ của HS. Có thể sử dụng kết hợp các hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá như sau:

- Kiểm tra vấn đáp: sự vấn đáp được thực hiện trong quá trình GV theo dõi HS thiết kế, thảo luận về góc học tập và trong khi GV nghiệm thu sản phẩm của HS.

- Sổ nhật kí lên lớp: ghi chép những thông tin thu được để làm tư liệu đánh giá, tuy nhiên với bài này thì phương pháp ghi nhật kí không thật sự cần thiết vì thời lượng của bài không lớn.
- Kiểm tra đánh giá thông qua quan sát: thực hiện trong suốt thời gian HS tiến hành thực hiện dự án. Sự quan sát cho phép GV thu được nhiều thông tin bổ ích cho việc đánh giá. Đồng thời, nhờ quan sát mà GV có những can thiệp, hỗ trợ kịp thời khi HS gặp khó khăn, vướng mắc hoặc sai sót trong quá trình thiết kế góc học tập.
Kiểm tra đánh giá qua quan sát hoạt động của các nhóm còn giúp GV đánh giá được hoạt động cộng tác của các thành viên trong nhóm. Đây cũng là một tiêu chí đánh giá được lưu ý trong dạy học hiện nay.
- Kiểm tra đánh giá sản phẩm của HS: bản thiết kế góc học tập với những lời thuyết minh của HS sẽ giúp GV hoàn tất việc đánh giá HS, bao gồm cả đánh giá kết quả học tập lẫn đánh giá kiến thức, kĩ năng thu được qua quá trình thực hiện dự án.

Kết thúc, GV nhận xét đánh giá chung cả lớp về sản phẩm của dự án, về những kiến thức chủ yếu HS cần lĩnh hội, những kĩ năng cơ bản HS cần rèn luyện. GV cũng có thể cho trưng bày sản phẩm của các nhóm để HS trong lớp tham khảo, lấy tư liệu để về nhà bố trí, sắp xếp lại góc học tập của mình.

IV. KẾT LUẬN

Dạy học theo mô hình THM đã là một cách dạy học tích cực, phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS, nhưng trong nội dung môn học, với một số bài phù hợp có thể vận dụng dạy học theo dự án để tăng cường hơn nữa tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS. Với những bài có yêu cầu HS làm ra một sản phẩm nào đó như thiết kế góc học tập lí tưởng chẳng hạn thì vận dụng dạy học theo dự án đảm bảo tính hiệu quả và khả thi.

MÔ ĐUN II. Bài 3. LỰA CHỌN VÀ SƠ CHẾ THỰC PHẨM

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức, kĩ năng, thái độ

- Trình bày được mục đích, tác dụng, cách lựa chọn và sơ chế một số loại thực phẩm thông dụng trước khi chế biến.

- Vận dụng được những hiểu biết về lựa chọn và sơ chế thực phẩm khi tham gia nấu ăn ở gia đình.
- Tích cực tham gia giúp đỡ gia đình nấu ăn.

2. Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

Thông qua bài học này, có thể hình thành và phát triển cho HS những năng lực sau:

- Năng lực tự học;
- Năng lực hợp tác;
- Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề;
- Năng lực giao tiếp;
- Năng lực tự đánh giá và đánh giá;
- Năng lực lựa chọn và đánh giá công nghệ: HS có khả năng lựa chọn thực phẩm và cách sơ chế thực phẩm phù hợp với điều kiện của gia đình.

II. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH

1. Hướng dẫn chung

a) Nội dung chính của bài học

Bài học này được thực hiện trong 2 tiết với 3 nội dung chính:

- Mục đích, ý nghĩa của việc lựa chọn và sơ chế thực phẩm;
- Cách lựa chọn thực phẩm;
- Cách sơ chế thực phẩm.

b) Công việc cần chuẩn bị của giáo viên

Để đạt được mục tiêu của bài học, GV cần chuẩn bị: Nghiên cứu kĩ bài học này để xác định những kiến thức trọng tâm của bài học và dự kiến những chuỗi hoạt động hỗ trợ, các PPDH tích cực sẽ áp dụng khi tổ chức thực hiện bài học. Nếu chọn cách thực hiện bài học này theo dự án, GV cần thực hiện đầy đủ các bước trong giai đoạn chuẩn bị (theo hướng dẫn cụ thể dưới đây):

- Quan sát, tìm hiểu các cách lựa chọn và sơ chế thực phẩm trong thực tế và tài liệu, sách.
- Mẫu một số loại thực phẩm thông thường như rau xanh, củ, quả, thịt lợn, tôm, cá... và dụng cụ sơ chế như dao gọt, kéo cắt thực phẩm, thớt nhựa, rổ đựng...

- Tranh ảnh hoặc video clips giới thiệu một số cách lựa chọn và sơ chế thực phẩm.
- Máy chiếu + màn hình hiển thị + máy vi tính (nếu có).
- Sổ nhật kí để ghi chép những quan sát, nhận xét, đánh giá HS trong quá trình thực hiện bài học.

c) Tiến trình sư phạm

Bài học được thực hiện theo tiến trình: HS đọc mục tiêu bài học và xác định những nội dung, hoạt động cần thực hiện để đạt được mục tiêu bài học.

Hoạt động khởi động

Được thực hiện nhằm khai thác những kinh nghiệm, hiểu biết của HS về lựa chọn và sơ chế thực phẩm thông qua việc yêu cầu HS trả lời ba câu hỏi trong hoạt động khởi động. Từ kết quả trả lời các câu hỏi, HS xác định được những kiến thức chưa biết và muốn biết về lựa chọn và sơ chế thực phẩm trong nấu ăn ở gia đình, từ đó có hứng thú, động lực tìm hiểu kiến thức mới.

Hoạt động hình thành kiến thức

HS tìm hiểu những kiến thức chưa biết về lựa chọn và sơ chế thực phẩm qua ba nội dung chính của bài học. Kết quả cần đạt được sau khi thực hiện hoạt động này là HS nêu được mục đích, ý nghĩa của việc lựa chọn, sơ chế thực phẩm; cách lựa chọn và sơ chế thực phẩm đảm bảo các yêu cầu tươi, ngon và VSATTP.

PPDH chủ yếu trong hoạt động này là phương pháp làm việc với sách HDH, PPDH hợp tác với các kĩ thuật dạy học tích cực như kĩ thuật “mảnh ghép”, kĩ thuật “khăn trải bàn”, kĩ thuật động não... kết hợp với phương pháp trực quan bằng vật thật, tranh ảnh...

Hoạt động luyện tập

HS vận dụng những kiến thức đã lĩnh hội được về lựa chọn và sơ chế thực phẩm để làm các bài tập luyện tập. Qua đó, HS sẽ củng cố, kiểm nghiệm và hoàn thiện các kiến thức lí thuyết đã lĩnh hội được, đồng thời hiểu rõ hơn ý nghĩa thực tiễn của các kiến thức đã học về lựa chọn và sơ chế thực phẩm.

PPDH chủ yếu trong hoạt động này là PPDH hợp tác có sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn, phương pháp luyện tập.

Hoạt động vận dụng

HS vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học được ở lớp để thực hiện các nhiệm vụ được thiết kế trong hoạt động vận dụng tại gia đình, cộng đồng. Thông qua hoạt động này giúp HS củng cố, kiểm nghiệm các kiến thức về lựa chọn và sơ chế thực phẩm đã học ở lớp và hiểu rõ hơn tính hữu dụng của những kiến thức đã học.

HS có thể thực hiện các nội dung trong hoạt động vận dụng theo hình thức làm việc cá nhân hoặc nhóm tùy điều kiện. Kết quả hoàn thành các bài tập của HS cần được cha mẹ tham gia đánh giá.

Hoạt động tìm tòi, mở rộng

Hoạt động này cũng được thực hiện tại gia đình, cộng đồng nhằm tạo điều kiện, cơ hội cho những HS có nhu cầu tìm tòi, mở rộng kiến thức về lựa chọn và sơ chế thực phẩm.

2. Hướng dẫn cụ thể cho từng hoạt động

Đối với bài học này, GV có thể thực hiện theo hai cách:

Cách 1: Tổ chức thực hiện các hoạt động khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập trên lớp, sau đó chuyển giao nhiệm vụ của hoạt động vận dụng và tìm tòi, mở rộng ở gia đình, cộng đồng để HS thực hiện các nội dung, câu hỏi, nhiệm vụ đã trình bày trong sách HDH. Để thực hiện theo cách 1, GV có thể đọc tham khảo ở các bài hướng dẫn đã có trong tài liệu HDGV Công nghệ 6.

Cách 2: Tiết 1 tổ chức thực hiện hoạt động khởi động và hình thành kiến thức ở trên lớp, sau đó hướng dẫn HS thực hiện dự án theo PPDH dự án để HS thực hiện ở gia đình, cộng đồng. Tiết 2, HS báo cáo và đánh giá kết quả sản phẩm dự án.

Sau đây là gợi ý hướng dẫn GV tổ chức thực hiện bài học này theo cách 2.

a) Hoạt động khởi động

Mục tiêu: HS xác định được những kiến thức đã biết, chưa biết và cần phải học để biết về lựa chọn và sơ chế thực phẩm.

Cách tiến hành

Chuyển giao nhiệm vụ: HS nhận nhiệm vụ trả lời 3 câu hỏi được đặt ra trong hoạt động khởi động:

- Kể tên những công việc thường làm trước khi nấu ăn.

- Lựa chọn và sơ chế thực phẩm có tác dụng gì?
- Nêu cách lựa chọn hoặc sơ chế một hoặc hai loại thực phẩm mà em biết.

Khi thực hiện hoạt động khởi động, HS suy nghĩ, nhớ lại những điều đã quan sát được, biết được để trả lời câu hỏi. Không đọc trước các nội dung của hoạt động hình thành kiến thức.

Thực hiện nhiệm vụ

- Phương tiện, đồ dùng dạy học cần có: Giấy khổ lớn để thực hiện Kỹ thuật khăn trải bàn.
- Khi tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ, GV có thể sử dụng kỹ thuật tia chớp, kỹ thuật động não hoặc kỹ thuật “khăn trải bàn” để tích cực hoá hoạt động của HS. Nếu sử dụng kỹ thuật tia chớp, kỹ thuật động não, GV yêu cầu HS trả lời nhanh từng câu hỏi và ghi tóm tắt các ý trả lời của HS lên bảng. Sau đó khái quát các ý trả lời của HS để dẫn dắt sang hoạt động hình thành kiến thức.

Còn nếu sử dụng kỹ thuật “khăn trải bàn”, HS sẽ thực hiện theo trình tự:

+ Mỗi cá nhân HS vận dụng hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân về lựa chọn và sơ chế thực phẩm để viết 3 câu trả lời vào góc “khăn trải bàn” của mình.

+ Trình bày kết quả trả lời câu hỏi trước nhóm. Thư kí nhóm tập hợp ý các ý kiến của nhóm vào giữa “khăn trải bàn” để báo cáo với thầy/cô giáo.

Trong quá trình HS hoạt động, GV liên tục di chuyển đến vị trí các nhóm để quan sát, nghe HS trình bày, thảo luận.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả trả lời ba câu hỏi của nhóm mình với thầy/cô giáo.
- GV nêu tóm tắt ý kiến của các nhóm, trong đó chỉ ra những kiến thức HS đã biết; những kiến thức HS biết nhưng chưa đầy đủ và những kiến thức đa số HS chưa trả lời được hoặc trả lời chưa đúng, từ đó chuyển tiếp sang hoạt động hình thành kiến thức.

b) Hoạt động hình thành kiến thức

Mục tiêu: HS nêu được mục đích, ý nghĩa, cách lựa chọn và sơ chế một số loại thực phẩm thường sử dụng trong nấu ăn ở gia đình.

Phương tiện, thiết bị đồ dùng dạy học cần có

- Mẫu một số loại thực phẩm thông thường như rau xanh, củ, quả, thịt lợn, tôm, cá... và dụng cụ sơ chế như dao gọt, kéo cắt thực phẩm, thớt nhựa, rổ đựng...

- Tranh ảnh hoặc video clips giới thiệu một số cách lựa chọn và sơ chế thực phẩm.
- Máy chiếu + màn hình hiển thị + máy vi tính (nếu có).

Cách tiến hành

Đối với nội dung 1: Mục đích, ý nghĩa của việc lựa chọn và sơ chế thực phẩm

Chuyển giao nhiệm vụ: HS nhận những nhiệm vụ sau:

- + Đọc nội dung 1.
- + Trả lời các câu hỏi sau khi đọc nội dung.

Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện các nhiệm vụ trên theo “Kĩ thuật khăn trải bàn”.

+ HS hoạt động cá nhân: Đọc kĩ nội dung 1. Sau đó, vận dụng kiến thức vừa lĩnh hội được để ghi vào giấy câu trả lời cho từng câu hỏi:

- Tác dụng của việc lựa chọn thực phẩm? Điều gì sẽ xảy ra nếu không tiến hành lựa chọn thực phẩm để nấu ăn?
- Khi sơ chế thực phẩm cần làm những công việc gì? Tác dụng của việc sơ chế thực phẩm? Điều gì sẽ xảy ra nếu không sơ chế thực phẩm?

+ Làm việc nhóm: Từng cá nhân trình bày kết quả trả lời câu hỏi của mình trước nhóm. Các thành viên khác nghe, góp ý, bổ sung. Cuối cùng, thống nhất kết quả làm việc của cả nhóm để báo cáo với thầy/cô giáo.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Nhóm đã hoàn thành các câu trả lời và bài tập giờ thẻ hoặc phát tín hiệu báo với GV để GV đến vị trí của nhóm nghe đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Có thể đặt thêm các câu hỏi phụ cho các HS trong nhóm để biết chắc chắn HS đã hiểu được khái niệm, mục đích, ý nghĩa của việc lựa chọn, sơ chế thực phẩm.

Với những nhóm hoàn thành sớm và trả lời đúng các câu hỏi, GV có thể chuyển giao nhiệm vụ tiếp theo cho nhóm: đọc nội dung 2, 3 và trả lời các câu hỏi ở nội dung 2, 3.

- HS trong nhóm vừa báo cáo ghi kết quả hoạt động của nhóm vào vở.

Đối với nội dung 2 và nội dung 3. Cách lựa chọn thực phẩm và cách sơ chế thực phẩm

GV sử dụng “kĩ thuật mảnh ghép” khi tổ chức thực hiện nội dung 2 và 3:

Chuyển giao nhiệm vụ

HS nhận những nhiệm vụ sau:

+ Đọc nội dung 2, nội dung 3.

+ Trả lời các câu hỏi sau phần nội dung 2 và nội dung 3.

Khi chuyển giao nhiệm vụ, GV có thể phân công nhiệm vụ cho các nhóm chuyên sâu như sau: Nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3 đọc nội dung 2 và trả lời các câu hỏi của nội dung 2; Nhóm 4, 5, 6 đọc nội dung 3 và trả lời các câu hỏi của nội dung 3.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ theo Kỹ thuật mảnh ghép:

Làm việc theo nhóm chuyên sâu:

- Làm việc cá nhân: HS của các nhóm 1, 2, 3 đọc kĩ nội dung 2 và trả lời các câu hỏi của nội dung 2. Viết câu trả lời của mình ra giấy. HS nhóm 3, 4, 5 đọc kĩ nội dung 3 và trả lời các câu hỏi của nội dung 3. Viết câu trả lời của mình ra giấy.

- Làm việc nhóm: Thành viên trong nhóm trình bày kết quả trả lời câu hỏi của mình trước nhóm. Các thành viên khác nghe, góp ý, bổ sung. Thống nhất kết quả làm việc của cả nhóm. Mỗi cá nhân tự ghi các ý kiến bổ sung vào kết quả trả lời của mình.

Làm việc theo nhóm mảnh ghép

- Thành lập nhóm mảnh ghép: Mỗi nhóm mảnh ghép có đủ 6 thành viên của các nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6.

- Thành viên của một trong ba nhóm thuộc nhóm 1, 2, 3 trình bày trước nhóm “mảnh ghép” kết quả trả lời các câu hỏi của nội dung 2. Thành viên của 2 nhóm còn lại lần lượt trình bày ý kiến của nhóm mình và nêu ý kiến bổ sung.

- Thành viên của một trong ba nhóm thuộc nhóm 4, 5, 6 trình bày trước nhóm “mảnh ghép” kết quả trả lời các câu hỏi của nội dung 3. Thành viên của 2 nhóm còn lại lần lượt trình bày ý kiến của nhóm mình và nêu ý kiến bổ sung.

Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

Nhóm đã hoàn thành các câu trả lời giơ thẻ hoặc phát tín hiệu báo với GV để GV đến vị trí của nhóm nghe đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

HS ghi kết quả hoạt động của nhóm vào vở.

Hoạt động chung cả lớp: Đại diện hai nhóm mảnh ghép chốt lại nội dung 2 và nội dung 3. GV bổ sung và giới thiệu một số hình ảnh minh họa cho việc lựa chọn, sơ chế thực phẩm. Có thể gọi một số HS lên bảng thực hiện một số công việc lựa chọn, sơ chế đối với những thực phẩm mẫu.

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- HS đối chiếu kết quả hoạt động của bản thân với kết quả chung của nhóm và cả lớp để tự đánh giá kết quả hoạt động hình thành kiến thức của bản thân.
- Đánh giá trong nhóm kết quả hoạt động.
- Ghi ý kiến tự đánh giá và đánh giá bạn vào vở.

Thời gian còn lại của tiết 1 (khoảng 10-15 phút), GV hướng dẫn HS học theo dự án đối với bài học này.

III. HƯỚNG DẪN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN HỌC THEO DỰ ÁN

1. Ý tưởng

Trong thực tế, có nhiều loại thực phẩm được sử dụng trong nấu ăn ở gia đình. Mỗi địa phương có nhiều loại thực phẩm khác nhau với những đặc điểm, cách lựa chọn và sơ chế khác nhau. Trong thời gian 2 tiết học tại lớp, HS không có điều kiện để tìm hiểu đặc điểm, cách lựa chọn và sơ chế các loại thực phẩm ở địa phương một cách đầy đủ. Do vậy, tổ chức cho HS học những nội dung này theo phương pháp học dự án sẽ giúp HS học sâu, hiểu được ý nghĩa thực tiễn của những kiến thức đã học được qua hoạt động hình thành kiến thức, đồng thời góp phần hình thành khả năng nghiên cứu khoa học và những năng lực cần thiết cho HS.

2. Loại dự án: Dự án học tập nội môn.

3. Thời gian thực hiện: 1 tuần (ngoài giờ học trên lớp. Thực hiện ở gia đình, cộng đồng).

4. Chuẩn bị của giáo viên

- **Đọc tài liệu tham khảo:** Sách hướng dẫn nấu ăn hoặc hướng dẫn lựa chọn, sơ chế thực phẩm trên mạng internet

- **Thiết kế kế hoạch bài học theo dự án, bao gồm:** mục tiêu, chủ đề và các tiểu chủ đề của dự án; bộ câu hỏi khung cho mỗi tiểu chủ đề, các hoạt động và phương pháp thực hiện từng hoạt động, kế hoạch đánh giá. Đối với bài học này, GV có thể thiết kế như sau:

| HĐ | Nội dung | Phương pháp tiến hành |
|----|--|---|
| 1 | Giới thiệu nội dung và kiến thức chủ yếu của bài học | Thực hiện qua hoạt động hình thành kiến thức trên lớp |
| 2 | Gợi mở vấn đề của dự án | Kĩ thuật sơ đồ tư duy, vấn đáp |
| 3 | Hình thành dự án | Hoạt động cả lớp, hoạt động nhóm |
| 4 | Thực hiện dự án | Tự nghiên cứu, tìm hiểu thực tế, hoạt động nhóm |
| 5 | Trình bày sản phẩm của dự án | Thuyết minh, trình bày theo các hình thức khác nhau như sử dụng kĩ thuật trình chiếu slide, poster, tranh ảnh, video clip, trưng bày sản phẩm |
| 6 | Đánh giá kết quả thực hiện dự án | Tự đánh giá; đánh giá đồng đẳng. |

5. Tổ chức cho học sinh thực hiện dự án

Tổ chức cho HS thực hiện dự án vào cuối tiết 1 và kết thúc vào tiết 2 của tuần học kế tiếp. Các bước thực hiện như sau:

Bước 1. Quyết định chủ đề, tiểu chủ đề của dự án

- **Xác định chủ đề, mục tiêu của dự án:** GV gợi ý, tạo điều kiện cho HS đề xuất chủ đề, mục tiêu dự án. Đối với bài học này, có thể xác định:

Chủ đề của dự án: *Lựa chọn và sơ chế thực phẩm ở gia đình và địa phương em.*

Mục tiêu của dự án:

+ Tìm hiểu, xác định, trình bày được các cách lựa chọn, sơ chế một số loại thực phẩm thường được dùng trong nấu ăn ở gia đình và địa phương.

+ Hình thành và phát triển kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng tự học, kĩ năng thuyết trình, kĩ năng phát hiện và giải quyết vấn đề.

+ Ham thích tìm tòi, mở rộng kiến thức thực tế về nấu ăn trong gia đình và địa phương

- **Xác định các tiểu chủ đề:** Sử dụng Kĩ thuật sơ đồ tư duy, kĩ thuật động não để huy động HS xây dựng các tiểu chủ đề và xác định các vấn đề cần nghiên cứu trong mỗi tiểu chủ đề. Dựa vào nội dung GV đã chuẩn bị và các ý kiến đề xuất của HS, GV chốt lại chủ đề, tiểu chủ đề và những vấn đề cần nghiên cứu trong mỗi tiểu chủ đề.

Đối với chủ đề này, có thể xác định các tiểu chủ đề sau:

- + Tiểu chủ đề 1: Lựa chọn và sơ chế các loại rau ăn lá ở gia đình và địa phương em.
- + Tiểu chủ đề 2: Lựa chọn và sơ chế các loại rau ăn củ ở gia đình và địa phương em.
- + Tiểu chủ đề 3: Lựa chọn và sơ chế các loại rau ăn quả ở gia đình và địa phương em.
- + Tiểu chủ đề 4: Lựa chọn và sơ chế thịt gia súc (lợn, bò) ở gia đình và địa phương em.
- + Tiểu chủ đề 5: Lựa chọn và sơ chế thịt gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng) ở gia đình và địa phương em.
- + Tiểu chủ đề 6: Lựa chọn và sơ chế thuỷ sản (cá, tôm, cua..) ở gia đình và địa phương em.

- **Xác định các câu hỏi cần trả lời khi thực hiện dự án:** Khi lập kế hoạch bài học, GV cần thiết kế bộ câu hỏi khung cho từng tiểu chủ đề nhằm giúp cho dự án tập trung vào những hoạt động dạy học trọng tâm, buộc HS phải tư duy sâu hơn về việc lựa chọn và sơ chế thực phẩm. Khi lên lớp, GV có thể dùng kĩ thuật động não và kĩ thuật 5W1H (Là gì? Tại sao? Ai? Khi nào? Ở đâu? Như thế nào?) để HS tự đưa ra các câu hỏi cho từng tiểu chủ đề. Sau đó, dựa vào các ý kiến của HS và bộ câu hỏi khung GV đã chuẩn bị để thống nhất câu hỏi cho từng tiểu chủ đề

Ví dụ: Đối với tiểu chủ đề 1, có thể đưa ra những câu hỏi cần trả lời khi thực hiện dự án như sau:

- Địa phương em có những loại rau ăn lá nào?
- Rau ăn lá thường được gia đình em và các gia đình ở địa phương em chế biến thành những món ăn nào?
- Gia đình em và các gia đình ở địa phương em thường chọn rau ăn lá đạt những yêu cầu nào để nấu ăn? không chọn rau ăn lá như thế nào để nấu ăn?
- Công việc sơ chế rau ăn lá được tiến hành khi nào? Ở gia đình em, ai làm công việc này?
- Khi sơ chế rau ăn lá, ở gia đình em và các gia đình ở địa phương thường làm những công việc gì? Nêu cách thực hiện từng công việc?
- Gia đình em và các gia đình ở địa phương đã làm thế nào để giữ được chất dinh dưỡng của rau ăn lá khi sơ chế?
- Đối chiếu cách lựa chọn, sơ chế rau ăn lá ở gia đình và địa phương em với những kiến thức đã học để đề xuất những việc nên làm và không nên làm khi lựa chọn và sơ chế rau ăn lá.

Đối với các tiểu chủ đề khác cũng có thể trả lời các câu hỏi tương tự.

- **Phân công thực hiện tiểu chủ đề:** GV phân công cho mỗi nhóm thực hiện một tiểu chủ đề (hoặc để HS tự nhận tiểu chủ đề sẽ thực hiện)

Bước 2. Xây dựng kế hoạch: HS lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ

Mục đích: Giúp các thành viên trong nhóm biết được ai sẽ làm nhiệm vụ gì? Thời hạn hoàn thành? Sản phẩm cần có.

Lập bảng kế hoạch thực hiện dự án: Mỗi nhóm sẽ lập một bảng kế hoạch thực hiện dự án như sau:

| Tên thành viên | Nhiệm vụ | Phương tiện thực hiện | Thời hạn hoàn thành và sản phẩm cần có |
|----------------|----------|-----------------------|--|
| | | | |
| | | | |

GV nên phân công và gợi ý cho các nhóm xây dựng sản phẩm dự án theo nhiều cách khác nhau để tạo nên sự đa dạng, hấp dẫn khi các em trình bày sản phẩm dự án. Ví dụ: nhóm 1 trình bày bằng thuyết minh sản phẩm + tranh ảnh minh họa đã thu thập được; Nhóm 2 trình bày bằng các slides trên máy chiếu...

Bước 3. HS thực hiện dự án theo kế hoạch đã xây dựng

Trong bước này, HS sẽ thực hiện nhiệm vụ được phân công theo kế hoạch và thực hiện ở gia đình, cộng đồng trong thời gian 1 tuần. Tùy điều kiện, khả năng, các em sẽ thu thập thông tin, tìm hiểu thực tiễn bằng cách phỏng vấn, quan sát, chụp ảnh, quay video... ở gia đình mình và các gia đình ở địa phương, siêu thị, chợ, đọc sách tham khảo, tìm thông tin trên mạng Internet... Sau khi đã thu thập được các thông tin cần thiết, HS sẽ xây dựng sản phẩm của cá nhân và nhóm. Ngoài sản phẩm là báo cáo, các nhóm nên có các sản phẩm bằng vật thật (rau ăn lá, rau ăn củ, rau ăn quả...) để trình bày trước lớp.

GV lưu ý HS: Trong quá trình thu thập thông tin và xây dựng sản phẩm dự án, các HS trong cùng nhóm cần thường xuyên trao đổi, hợp tác với nhau để kiểm tra tiến độ, hỗ trợ nhau hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm. Những chỗ nào vướng mắc, HS có thể trao đổi trực tiếp với GV hoặc yêu cầu GV hỗ trợ, hướng dẫn thêm.

Bước 4. Báo cáo, thuyết minh sản phẩm dự án

Bước này được thực hiện vào tiết 2 của tuần kế tiếp. HĐTQ tổ chức cho các nhóm lên báo cáo, thuyết minh sản phẩm thực hiện dự án của nhóm mình. Tùy theo số nhóm thực hiện dự án, mỗi nhóm sẽ trình bày kết quả thực hiện dự án của nhóm mình trong thời gian 5-6 phút.

Bước 5. Đánh giá dự án

Các nhóm cùng nhóm bạn và GV đánh giá kết quả thực hiện dự án, rút kinh nghiệm theo những câu hỏi gợi ý sau:

- Dự án vừa thực hiện có đạt được mục đích, mục tiêu học tập không?
- Mọi người có học tập tích cực khi tham gia thực hiện dự án không?
- Các thông tin, dữ liệu thu thập được qua học tập dự án có hữu ích không?
- Sản phẩm của dự án có sử dụng được không?
- Cách thức trình bày sản phẩm, kết quả thực hiện dự án có hấp dẫn, rõ ràng không?
- Sự hợp tác của các thành viên trong nhóm khi thực hiện dự án có tốt không?
- Các em có cảm giác thoải mái khi thực hiện dự án không?

Những nhóm đạt được tất cả các yêu cầu trên cần được GV và các bạn trong lớp ghi nhận và động viên, khen ngợi.

MÔ ĐUN III. Bài 5. EM TẬP LÀM KINH DOANH

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức, kĩ năng, thái độ

Vận dụng kiến thức về kinh doanh đã học để xác định được ý tưởng kinh doanh, xây dựng được một bản kế hoạch kinh doanh theo ý tưởng kinh doanh và tính toán được chi phí, lợi nhuận trong kinh doanh.

Có ý thức vận dụng kiến thức kinh doanh trong cuộc sống.

2. Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

Ngoài một số năng lực chung như tự học, giao tiếp, hợp tác, bài học này còn nhằm hình thành và phát triển một số năng lực chuyên biệt cho HS như:

- Năng lực hình thành ý tưởng kinh doanh: bước đầu đề xuất ý tưởng ý tưởng kinh doanh, đánh giá được ý tưởng kinh doanh tốt và vận dụng để xây dựng ý tưởng trong học tập và công việc, hằng ngày.
- Năng lực lập kế hoạch: biết được các bước lập kế hoạch kinh doanh, lập được kế hoạch kinh doanh và vận dụng để lập kế hoạch hoạt động cho bản thân.

II. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA HỌC SINH

1. Hướng dẫn chung

a) Nội dung chính của bài học

Xây dựng được một bản kế hoạch kinh doanh theo ý tưởng kinh doanh và tính toán được chi phí, lợi nhuận trong kinh doanh.

b) Công việc cần chuẩn bị của giáo viên

- Đọc kĩ các bài trong sách HDH nhất là Bài 2. Tạo lập ý tưởng kinh doanh, Bài 3. Xây dựng kế hoạch kinh doanh, Bài 4. Chi phí và lợi nhuận trong kinh doanh.
- Sưu tầm tìm hiểu thêm các ý tưởng kinh doanh, các kế hoạch kinh doanh, cách thực thi ý tưởng kinh doanh.

c) Công việc cần chuẩn bị của học sinh

- Sách HDH Công nghệ 6.
- Sưu tầm về các ý tưởng kinh doanh, các kế hoạch kinh doanh, cách thực thi ý tưởng kinh doanh.
- Các phương tiện ghi chép thông tin thu thập được khi thực hiện dự án (giấy bút, phương tiện ghi hình - nếu có).

d) Một số lưu ý

Với bài dạy học theo phương pháp dự án, HS được phép nghiên cứu sâu về bài học kinh doanh và có quyền tự chủ nhiều hơn, chịu trách nhiệm nhiều hơn cho việc học của mình, đồng thời thể hiện sự sáng tạo của mình qua các hoạt động để xác định ý tưởng kinh doanh và xây dựng bản kế hoạch kinh doanh. Thông qua việc xây dựng bản kế hoạch kinh doanh, HS thể hiện những kiến thức kinh doanh các em đã học được ở 4 bài trước. Vai trò của GV là hướng dẫn, tư vấn cho các hoạt động hình thành ý tưởng kinh doanh và thiết kế bản kế hoạch kinh doanh. GV

cần luôn quan tâm đến HS để nhận diện các tình huống và điều chỉnh kịp thời để đem lại sự thành công cho dự án học tập của các em.

Trong quá trình hướng dẫn HS học theo phương pháp dự án, GV đặc biệt lưu ý đến việc xác định mục tiêu của nhóm, phân công trách nhiệm của từng cá nhân trong nhóm, có sự kiểm tra và đánh giá công việc giữa các thành viên trong nhóm. Khi có sự phân chia công việc hợp lý giữa các thành viên trong nhóm và có sự giám sát, đánh giá của tập thể nhóm và GV, HS sẽ ý thức hơn về trách nhiệm của mình và sẽ phải cố gắng hoàn thành tốt công việc được giao.

2. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động học của học sinh

Bài này được thực hiện trong 4 tiết, chia thành 7 hoạt động như sau:

| HĐ | Nội dung | Phương pháp tiến hành |
|-----------|--|--|
| 1 | Giới thiệu mục đích, nhiệm vụ bài học | Thực hiện qua tình huống Hoạt động này thực hiện trên lớp |
| 2 | Gợi mở vấn đề của dự án | Sử dụng kỹ thuật dạy học “Sơ đồ tư duy” và vấn đáp Hoạt động này thực hiện trên lớp |
| 3 | Hình thành dự án | Sử dụng kỹ thuật “Động não” và hoạt động cả lớp, hoạt động nhóm Thực hiện hoạt động này trên lớp |
| 4 | Thực hiện dự án | -Các nhóm HS tự nghiên cứu, tìm kiếm và thu thập thông tin, phỏng vấn, quan sát...theo kế hoạch đã xây dựng. Hoạt động này thực hiện ngoài lớp học |
| 5 | Giới thiệu, thuyết trình sản phẩm dự án | - Tổ chức Hoạt động nhóm, hoạt động cả lớp để trình bày kết quả dự án bằng các hình thức khác nhau; bài trình bày powerpoint, hoặc đoạn video clip, poster, tranh ảnh, trưng bày sản phẩm... Hoạt động này thực hiện trên lớp |
| 6 | Đánh giá kết quả thực hiện dự án và tổng kết | Tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng của HS kết hợp với đánh giá của GV. Hoạt động này thực hiện trên lớp |
| 7 | Tổng kết mô đun | GV tóm tắt nội dung chính của mô đun Hoạt động này thực hiện trên lớp |

Lưu ý: Căn cứ vào tình hình thực tế của lớp để tổ chức các hoạt động tùy nhiên GV dành nhiều thời gian cho hoạt động thực hiện dự án và hoạt động giới thiệu, thuyết trình sản phẩm dự án.

3. Tổ chức, đánh giá hoạt động học tập của học sinh theo phương pháp dạy học dự án

Bước 1. Quyết định chủ đề, tiểu chủ đề của dự án

GV có thể sử dụng kĩ thuật “Sơ đồ tư duy” để hướng dẫn HS lựa chọn chủ đề và tiểu chủ đề của dự án.

+ Theo nội dung của bài học, GV có thể gợi ý lấy chủ đề của dự án là: Ẩm thực.

+ Sử dụng từ khoá” Ẩm thực” để xác định các tiểu chủ đề ví dụ: ẩm thực 3 miền: miền Bắc, miền Trung và miền Nam hoặc các tiểu chủ đề như gợi ý dưới đây:

Tiểu chủ đề 1: Nước giải khát.

Tiểu chủ đề 2: Thức ăn nhanh.

Tiểu chủ đề 3: Các loại bánh.

Tiểu chủ đề 4: Món ăn truyền thống.

Tiểu chủ đề 5: Kết hợp các món ăn.

Xác định ý tưởng kinh doanh

Sau khi đã xác định được chủ đề và các tiểu chủ đề, GV có thể sử dụng kĩ thuật “động não” và gợi ý các câu hỏi theo từng chủ đề để HS đưa ra những ý tưởng kinh doanh.

Ví dụ:

Đối với tiểu chủ đề 1, HS cùng GV đưa ra ý tưởng kinh doanh?

+ Các bạn trong trường thường thích uống các loại đồ uống nào? Liệt kê các loại đồ uống, nước giải khát các bạn thích?

+ Nên bán loại đồ uống, nước giải khát nào? Bán 1 hay nhiều loại đồ uống, nước giải khát? Vì sao?

+ Đề xuất ý tưởng kinh doanh đồ uống và nước giải khát của nhóm.

Đối với tiểu chủ đề 2, HS cùng GV thảo luận để đưa ra ý tưởng kinh doanh?

+ Các bạn trong trường thường thích ăn loại thức ăn nhanh nào? Liệt kê các loại thức ăn nhanh các bạn thích?

+ Nên bán loại thức ăn nhanh nào, bán 1 hay nhiều loại thức ăn nhanh? Vì sao?

+ Đề xuất ý tưởng kinh doanh thức ăn nhanh.

Với các chủ đề khác GV làm tương tự

Lập bản kế hoạch kinh doanh

Từ ý tưởng kinh doanh đã thống nhất, từng nhóm xây dựng bản 1 kế hoạch kinh doanh. Khi xây dựng bản kế hoạch kinh doanh GV cần lưu ý HS đọc kĩ Bài số 3, xây dựng kế hoạch kinh doanh.

Ví dụ: đối với tiểu chủ đề 1: Kinh doanh nước giải khát, GV đưa ra các vấn đề chính cần thảo luận:

- Cần chuẩn bị những nguyên liệu gì? Dụng cụ gì?
- Tìm hiểu dự kiến có bao nhiêu bạn HS sẽ tham gia hội trợ, những đồ uống nào các bạn thích nhất?
- Có những hình thức quảng cáo nào để các bạn HS trong trường biết được gian hàng, sản phẩm đồ uống của lớp?
- Dự kiến sẽ bán những loại nước uống nào? Số lượng bao nhiêu? Và giá tiền cho 1 loại nước uống? Và doanh thu là bao nhiêu?
- Dự kiến mua những loại nguyên liệu gì? Số lượng bao nhiêu? Giá cả cho từng loại? Tổng chi phí mua nguyên liệu? Mua ở đâu để đảm bảo VSATTP
- Ai người chuẩn bị nguyên liệu, ai là người chế biến, ai là người bán hàng, ai là người quảng cáo sản phẩm? Thời gian bán hàng?
- Dự kiến lợi nhuận sau khi bán hàng?
- Những rủi ro có thể gặp khi kinh doanh mặt hàng đồ uống trong ngày hội trợ ẩm thực?

Đối với tiểu chủ đề 2, 3, 4, 5 cũng tiến hành tương tự như vậy.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch thực hiện dự án

Đối với bài này, GV nên chia lớp thành 5 nhóm lớn, mỗi nhóm thực hiện một tiểu chủ đề.

Mỗi nhóm HS lập một bảng kế hoạch, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người theo các vấn đề đã xác định. Xây dựng kế hoạch nhằm giúp cho các thành viên trong nhóm biết được ai sẽ làm nhiệm vụ gì, phương pháp tiến hành, phương tiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ và thời hạn hoàn thành. Có thể lập kế hoạch thực hiện dự án theo mẫu sau:

| Tên thành viên | Nhiệm vụ | Phương pháp, phương tiện thực hiện | Thời hạn hoàn thành |
|---------------------------------------|--|------------------------------------|-----------------------|
| Nguyễn Thị Thu Trần Văn Tùng | -Tìm hiểu thị trường: + Có bao nhiêu bạn sẽ tham gia hội trợ. + Các bạn thích những loại đồ uống nào nhất? + Có những lớp nào bán đồ uống/nước giải khát? Loại đồ uống/nước giải khát họ bán. +... | Phỏng vấn, quan sát, ghi chép ... | Trước ngày 20 tháng 3 |
| Nguyễn Hồng Hoa, Hoàng Trung Thành | - Quảng cáo sản phẩm: | - Tờ rơi, áp phích, | Trước ngày 25 tháng 3 |
| ... | | | |

Bước 3. Thực hiện dự án

HS các nhóm thực hiện nhiệm vụ được phân công với sự tư vấn, hướng dẫn của GV. Trong bước này, HS sẽ tìm kiếm, thu thập các thông tin, dữ liệu bằng nhiều cách khác nhau như phỏng vấn, quan sát, điều tra thực tế...và ghi chép lại những điều thu thập được, tính toán các chi phí lợi nhuận.

Sau khi đã thu thập được các dữ liệu, thông tin theo nhiệm vụ được phân công, các thành viên trong nhóm sẽ xây dựng kế hoạch kinh doanh cụ thể và chuẩn bị để trình bày trước lớp. GV nên khuyến khích HS chuẩn bị để trình bày sản phẩm dự án theo nhiều cách khác nhau như trình bày bằng bản ghi chép tổng hợp, bằng poster, video clip hoặc trình chiếu powerpoint... tùy theo khả năng, điều kiện thực hiện dự án của các em. GV lưu ý các em cần thường xuyên trao đổi, hợp tác với nhau để kiểm tra tiến độ, hỗ trợ nhau hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm. GV luôn sẵn sàng hướng dẫn kịp thời những vướng mắc của HS.

Bước 4. Trình bày sản phẩm dự án

Các nhóm HS lần lượt trình bày sản phẩm dự án mà nhóm mình đã thực hiện. Trong đó thể hiện rõ: ý tưởng kinh doanh, các nội dung của bản kế hoạch kinh doanh. Các nhóm khác quan sát, lắng nghe và có thể trao đổi, hỏi ý kiến và bình luận về nội dung bản kế hoạch kinh doanh.

Bước 5. Đánh giá dự án và tổng kết mô đun

Các nhóm HS đánh giá chéo nhau kết quả thực hiện dự án, dựa vào các tiêu chí, ví dụ như sau:

- 1) Kết quả thực hiện dự án
- 2) Tính khả thi của dự án
- 3) Phần trình bày sản phẩm dự án
- 4) Khâu tổ chức thực hiện dự án
- 5) Sự hợp tác giữa các thành viên trong nhóm khi thực hiện dự án.

Một số câu hỏi gợi ý để đánh giá các dự án là:

- Ý tưởng kinh doanh có rõ ràng không? có phù hợp với chủ đề và tiểu chủ đề không?
- Kế hoạch phân công nhiệm vụ có đầy đủ các công việc và có cụ thể cho từng thành viên trong nhóm không?
- Bản kế hoạch kinh doanh có thể hiện đầy đủ nội dung (theo hướng dẫn của Bài 3. Xây dựng kế hoạch kinh doanh)?
- Kế hoạch kinh doanh có thực hiện được trong thực tế khi nhà trường tổ chức hội trợ không?
- Các thành viên của nhóm có thực hiện được các công việc phân công theo đúng kế hoạch không? có vướng mắc gì xảy ra trong quá trình thực hiện không? Nếu có nhóm đã giải quyết như thế nào?
- Các thành viên trong nhóm có tinh thần hợp tác khi thực hiện dự án không?
- Cách thức trình bày sản phẩm, kết quả thực hiện dự án có hấp dẫn, rõ ràng không?
- Các em có cảm giác thoải mái và hứng thú khi thực hiện dự án không?

Sau khi có kết quả đánh giá về các dự án, GV có thể tổ chức cho HS bình chọn ý tưởng kinh doanh thú vị và khả thi nhất.

GV Khuyến khích, động viên, khen ngợi những cá nhân, nhóm tham gia tích cực vào các hoạt động học tập theo dự án.

Tổng kết mô đun

GV tổng kết những nội dung chính trong mô đun dựa kết quả thực hiện dự án của các nhóm HS.

NXBGDVN

Mục lục

| | Trang |
|--|-------|
| Phần thứ nhất. Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới tại Việt Nam | 2 |
| A. Khái quát về mô hình trường học mới trung học cơ sở | 2 |
| I. Quá trình nghiên cứu và thực nghiệm mô hình trường học mới ở Việt Nam | 2 |
| II. Đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới trung học cơ sở | 3 |
| B. Kế hoạch giáo dục lớp 6 trong mô hình trường học mới | 4 |
| I. Khung kế hoạch chung đối với các môn học/Hoạt động giáo dục lớp 6 | 4 |
| II. Yêu cầu chung về kế hoạch bài học | 5 |
| C. Các đặc trưng cơ bản của mô hình trường học mới | 7 |
| I. Tài liệu hướng dẫn học và phương thức dạy học | 7 |
| II. Tổ chức lớp học | 17 |
| D. Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS | 40 |
| I. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo | 40 |
| II. Sự khác nhau giữa môn học/Hoạt động giáo dục và hoạt động trải nghiệm sáng tạo | 41 |
| III. Một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS | 42 |
| E. Đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới THCS | 42 |
| I. Mục đích đánh giá | 42 |
| II. Nguyên tắc đánh giá | 43 |
| III. Nội dung đánh giá | 44 |
| IV. Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì | 44 |
| V. Tổng hợp đánh giá định kì và xét khen thưởng | 47 |
| VI. Hồ sơ đánh giá | 48 |
| VII. Sử dụng kết quả đánh giá | 49 |
| VIII. Tổ chức thực hiện việc đánh giá học sinh | 50 |

| | |
|---|-----|
| Phần thứ hai. Tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá môn Công nghệ lớp 6 theo mô hình trường học mới | 51 |
| A. Vị trí, đặc điểm môn Công nghệ | 51 |
| I. Vị trí | 51 |
| II. Đặc điểm | 52 |
| III. Định hướng phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá | 52 |
| B. CHƯƠNG TRÌNH HỌC MÔN CÔNG NGHỆ | 53 |
| I. Hướng dẫn chung | 53 |
| II. Chương trình chi tiết | 54 |
| C. GIỚI THIỆU CÁC PHẦN VÀ MÔ ĐUN | 61 |
| D. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỌC THEO CHỦ ĐỀ | 134 |
| E. VẬN DỤNG DẠY HỌC THEO DỰ ÁN TRONG DẠY HỌC CÔNG NGHỆ 6 | 171 |

NXBGD VN